|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | |  | |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | |
| **CỤC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN**  Số: /BC-ATBXHN | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* | |

**BÁO CÁO QUỐC GIA**

**Về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân năm 2019**

**LỜI GIỚI THIỆU**

Ung dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình bao gồm sản xuất năng lượng và ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong các ngành kinh tế - xã hội. Ở nước ta, ứng dụng kỹ thuật hạt nhân đã và đang được triển khai rộng khắp và đạt được nhiều thành tựu và kết quả to lớn, đặc biệt là trong chẩn đoán và điều trị bệnh bằng các trang thiết bị và kỹ thuật tiên tiến, ứng dụng công nghệ bức xạ trong các lĩnh vực công nghiệp, chiếu xạ thực phẩm và xử lý bức xạ, soi chiếu an ninh hải quan,...

Bên cạnh những lợi ích to lớn không thể tranh cãi, ứng dụng kỹ thuật hạt nhân cũng tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, an ninh có thể gây ảnh hưởng đến con người và môi trường. Vì vậy, cùng với việc đẩy mạnh ứng dụng năng lượng nguyên tử, chúng ta cần tăng cường công tác quản lý Nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân, an ninh nguồn phóng xạ.

Theo quy định của Luật Năng lượng nguyên tử, Bộ Khoa học và Công nghệ là Cơ quan quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân, trong đó tại Điều 8 đã quy định Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ KH&CN sẽ giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực này. Cục An toàn bức và hạt nhân với vai trò của Cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân, trong những năm qua đã nỗ lực cố gắng trong việc hoàn thiện khuôn khổ luật pháp, tăng cường năng lực của cơ quan quản lý trên các phương diện thanh tra, cấp phép, hỗ trợ kỹ thuật, anh ninh và thanh sát hạt nhân.

Để có thể đánh giá hiện trạng cũng như đề xuất các giải pháp tăng cường và nâng cao hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với các ứng dụng năng lượng nguyên tử trong các ngành kinh tế-xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ đã giao Cục An toàn bức xạ và hạt nhân định kỳ hàng năm xây dựng Báo cáo quốc gia công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân. Trên cơ sở nội dung của Báo cáo, các cơ quan Đảng, Chính phủ, Bộ ngành sẽ có thêm căn cứ để đánh giá tình hình, hoạch định đường lối chính sách có liên quan tới công tác quản lý nhà nước về an toàn, an ninh tại các cơ sở bức xạ và hạt nhân từ Trung ương đến địa phương, góp phần tạo niềm tin và sự ủng hộ của các ngành các cấp và người dân đối với các ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân đã tiến hành xây dựng Báo cáo tình hình triển khai công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân trong năm 2019. Đây là năm thứ tám liên tiếp Cục thực hiện nhiệm vụ này.

**Nguyễn Tuấn Khải**

**Cục trưởng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân**

MỤC LỤC

[I. XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ HƯỚNG DẪN PHÁP QUY VÀ TIÊU CHUẨN AN TOÀN 8](#_Toc63155540)

[1. Thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2019 8](#_Toc63155541)

[2. Sửa đổi Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008 8](#_Toc63155542)

[3. Kết quả công tác xây dựng văn bản khác 8](#_Toc63155543)

[II. CẤP PHÉP 10](#_Toc63155544)

[1. Công tác cấp phép trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử năm 2019 10](#_Toc63155545)

[*1.1. Công tác cấp phép* 10](#_Toc63155546)

[*1.3.* Công tác thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố 12](#_Toc63155547)

[2. Một số khó khăn, thách thức 12](#_Toc63155548)

[III. THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM 14](#_Toc63155549)

[***1.1.*** ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở ứng dụng bức xạ trong công nghiệp*** 14](#_Toc63155550)

[***1.2.*** ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT*** 15](#_Toc63155551)

[***1.3.*** ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở nghiên cứu và đào tạo*** 15](#_Toc63155552)

[***1.4.*** ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở y học hạt nhân*** 15](#_Toc63155553)

[***1.5.*** ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở xạ trị*** 16](#_Toc63155554)

[***1.6.*** ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở X-quang y tế*** 17](#_Toc63155555)

[***1.7.*** ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thăm dò địa vật lý, thăm dò khai thác quặng phóng xạ và các lĩnh vực khác*** 18](#_Toc63155556)

[**2.** **Hoạt động thanh tra của các Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trong cả nước năm 2019** 18](#_Toc63155557)

[**3.** **Đánh giá chung về công tác thanh tra, xử lý vi phạm về an toàn bức xạ và hạt nhân năm 2019** 19](#_Toc63155558)

[**4.** **Kiến nghị - đề xuất qua hoạt động thanh tra** 20](#_Toc63155559)

[IV. TRIỂN KHAI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ 22](#_Toc63155560)

[1. Triển khai Công ước chung về với các tổ chức quốc tế 22](#_Toc63155561)

[2. Triển khai Công ước An toàn hạt nhân 23](#_Toc63155562)

[3. Triển khai thực hiện Công ước bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân 24](#_Toc63155563)

[4. Triển khai thực hiện Công ước quốc tế về Ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân 24](#_Toc63155564)

[5. Triển khai thực hiện Hiệp ước Cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBT) 24](#_Toc63155565)

[6. Hoạt động của Tổ Công tác liên bộ về điều ước quốc tế trong lĩnh vực hạt nhân 25](#_Toc63155566)

[7. Đánh giá chung tình hình thực hiện các điều ước quốc tế trong lĩnh vực hạt nhân 26](#_Toc63155567)

[V. TÌNH HÌNH BẢO ĐẢM AN TOÀN BỨC XẠ TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG BỨC XẠ VÀ ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ 27](#_Toc63155568)

[**1.** **Công tác kiểm soát chiếu xạ cá nhân** 27](#_Toc63155569)

[**2.** **Tình hình bảo đảm an toàn bức xạ của Viện Nghiên cứu hạt nhân** 28](#_Toc63155570)

[**3.** **Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở chiếu xạ công nghiệp** 31](#_Toc63155571)

[**4.** **Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở xạ trị và y học hạt nhân** 34](#_Toc63155572)

[**5.** **Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở chụp ảnh phóng xạ công nghiệp** 36](#_Toc63155573)

[VI. AN TOÀN ĐỐI VỚI LÒ PHẢN ỨNG HẠT NHÂN NGHIÊN CỨU 40](#_Toc63155574)

[**1.** **Giới thiệu chung** 40](#_Toc63155575)

[**2.** **Hoạt động quản lý, bảo đảm an toàn Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt** 40](#_Toc63155576)

[**3.** **Xây dựng văn bản về an toàn bức xạ và hạt nhân đối với Lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu** 41](#_Toc63155577)

[VII. AN NINH NGUỒN PHÓNG XẠ, VẬT LIỆU HẠT NHÂN VÀ CƠ SỞ HẠT NHÂN 43](#_Toc63155578)

[**1. Tình hình quản lý an ninh nguồn phóng xạ** 43](#_Toc63155579)

[**2. Tình hình quản lý an ninh vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân** 43](#_Toc63155580)

[**3. Xây dựng năng lực hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quản lý an ninh nguồn phóng xạ và vật liệu hạt nhân** 44](#_Toc63155581)

[VIII. THANH SÁT HẠT NHÂN 45](#_Toc63155582)

[IX. QUẢN LÝ CHẤT THẢI PHÓNG XẠ, NGUỒN PHÓNG XẠ ĐÃ QUA SỬ DỤNG 47](#_Toc63155583)

[**1.** **Giới thiệu về hệ thống quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng** 47](#_Toc63155584)

[Trong đó, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ gồm: 48](#_Toc63155585)

[**2.2. Hoạt động của kho lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng tại Trung tâm Đánh giá không phá hủy (NDE)** 50](#_Toc63155586)

[***2.2.1. Thống kê số lượng nguồn đã qua sử dụng đang lưu giữ*** 50](#_Toc63155587)

[***2.2.2 Công tác đảm bảo an ninh*** 50](#_Toc63155588)

[***2.2.3. Công tác kiểm xạ khu vực làm việc*** 50](#_Toc63155589)

[**2.3. Hoạt động của kho lưu giữ chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng của Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt** 52](#_Toc63155590)

[***2.3.1. Công tác quản lý chất thải phóng xạ phát sinh trong quá trình vận hành lò phản ứng*** 52](#_Toc63155591)

[***2.3.2. Công tác quản lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng*** 54](#_Toc63155592)

[**2.4. Hoạt động của kho lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng của Liên doanh dầu khí Vietsopetro** 55](#_Toc63155593)

[**2.5. Hoạt động của các cơ sở lưu giữ nguồn phóng xạ khác đã được cấp giấy phép** 56](#_Toc63155594)

[**2.6. Hoạt động xây dựng năng lực hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước về chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng** 56](#_Toc63155595)

[**3. Đánh giá chung và kiến nghị** 57](#_Toc63155596)

[X. ỨNG PHÓ SỰ CỐ BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN 59](#_Toc63155597)

[1. Giới thiệu chung về hệ thống tổ chức quản lý ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân 59](#_Toc63155598)

[*1.1. Hệ thống văn bản quy định việc chuẩn bị và ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, sự cố bức xạ và hạt nhân* 59](#_Toc63155599)

[*1.2. Hệ thống ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn* 59](#_Toc63155600)

[*1.3. Hệ thống chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân* 60](#_Toc63155601)

[2. Tình hình triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia 61](#_Toc63155602)

[3. Tình hình xây dựng và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân của các tỉnh, thành trong cả nước 62](#_Toc63155603)

[4. Hoạt động diễn tập ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân 62](#_Toc63155604)

[5. Hoạt động xây dựng năng lực hỗ trợ kỹ thuật phục vụ công tác ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân 62](#_Toc63155605)

[**XI. QUẢN LÝ PHÓNG XẠ MÔI TRƯỜNG** 64](#_Toc63155606)

[**1. Quy hoạch mạng lưới và hoạt động của các trạm quan trắc phóng xạ môi trường** 64](#_Toc63155607)

[***1.1. Quy hoạch mạng lưới quan trắc và cảnh báo Phóng xạ môi trường quốc gia*** 64](#_Toc63155608)

[***1.2. Hoạt động của các trạm quan trắc chính*** 66](#_Toc63155609)

[*1.2.1. Hoạt động của các trạm quan trắc thuộc Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam* 66](#_Toc63155610)

[*1.2.2. Hoạt động của trạm quan trắc tại Viện Hóa học quân sự - Bộ Quốc phòng* 67](#_Toc63155611)

[*1.2.3. Hoạt động của trạm quan trắc tại Trung tâm HTKT An toàn bức xạ hạt nhân và ứng phó sự cố - Cục ATBXHN* 68](#_Toc63155612)

[**2. Thu thập dữ liệu phóng xạ môi trường** 68](#_Toc63155613)

[XII. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO AN TOÀN BỨC XẠ VÀ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT 71](#_Toc63155614)

[XIII. HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN 74](#_Toc63155615)

[**3. Duy trì và cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Cục ATBXHN** 75](#_Toc63155616)

[**4.** **Hoạt động thông tin khoa học phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân** 75](#_Toc63155617)

[**5. Kết luận và đề xuất** 76](#_Toc63155618)

[- Cơ quan pháp quy cần xây dựng một chiến lược truyền thông dài hạn với việc xác định rõ các mục tiêu, giá trị, nguyên tắc, đối tượng và hoạt động; 76](#_Toc63155619)

[- Xây dựng các quy trình về thông tin để tạo thuận lợi cho việc triển khai và phối hợp triển khai giữa các đơn vị trong Cục; 76](#_Toc63155620)

[- Thông tin trong trường hợp khẩn cấp cần đươc nghiên cứu, chuẩn bị và thực hành; 76](#_Toc63155621)

[- Xem xét việc sử dụng các công cụ truyền thông mới như mạng xã hội./. 76](#_Toc63155622)

[XIV. HỢP TÁC QUỐC TẾ 76](#_Toc63155623)

[XVI. CÁC SỰ CỐ BỨC XẠ NĂM 2019 VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM 81](#_Toc63155624)

[1. Các sự cố bức xạ năm 2019 81](#_Toc63155625)

[*1.1. Sự cố nguồn phóng xạ trong phế liệu tại Vũng Tàu* 81](#_Toc63155626)

[*1.2. Sự việc phát hiện cây bài chứa phóng xạ I-125 tại sân bay quốc tế Nội Bài* 82](#_Toc63155627)

[*1.3. Sự việc phát hiện cây bài chứa phóng xạ I-125 tại sân bay quốc tế Nội Bài* 83](#_Toc63155628)

[*1.4. Sự cố nguồn phóng xạ trong phế liệu nhập khẩu của Công ty Shengli* 84](#_Toc63155629)

[2. Bài học kinh nghiệm 85](#_Toc63155630)

[3. Kế hoạch tăng cường công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố 85](#_Toc63155631)

[PHỤ LỤC 1. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ (2006-2019) 86](#_Toc63155632)

[Dừng thực hiện chủ trương đầu tư dự án điện hạt nhân Ninh Thuận 86](#_Toc63155633)

[PHỤ LỤC 2. HOẠT ĐỘNG CẤP PHÉP CỦA CƠ QUAN PHÁP QUY HẠT NHÂN NĂM 2019 95](#_Toc63155634)

[**PHỤ LỤC 3. THỐNG KÊ HOẠT ĐỘNG CẤP PHÉP CỦA CÁC SỞ KH&CN CÁC TỈNH NĂM 2019** 103](#_Toc63155635)

[PHỤ LỤC 4. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ DO CỤC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN THANH TRA NĂM 2019 106](#_Toc63155636)

[PHỤ LỤC 5. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ TIẾN HÀNH CÔNG VIỆC BỨC XẠ DO SỞ KH&CN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ THANH, KIỂM TRA NĂM 2019 114](#_Toc63155637)

[PHỤ LỤC 6. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN CỦA LÒ PHẢN ỨNG NGHIÊN CỨU NĂM 2019 214](#_Toc63155638)

[PHỤ LỤC 7. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ XẠ TRỊ VÀ Y HỌC HẠT NHÂN 221](#_Toc63155639)

[1. Cơ sở xạ trị sử dụng nguồn phóng xạ 221](#_Toc63155640)

[2. Cơ sở xạ trị sử dụng máy gia tốc 223](#_Toc63155641)

[3. Thống kê số cơ sở sử dụng y học hạt nhân 228](#_Toc63155642)

[PHỤ LỤC 8. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ CHỤP ẢNH PHÓNG XẠ CÔNG NGHIỆP NĂM 2019 232](#_Toc63155643)

[**1.** **Tình hình hoạt động chụp ảnh phóng xạ công nghiệp** 232](#_Toc63155644)

[**2.** **Đánh giá tình hình hoạt động và đảm bảo an toàn bức xạ** 232](#_Toc63155645)

[PHỤ LỤC 9: THỐNG KÊ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ QUẢN LÝ CHẤT THẢI PHÓNG XẠ, NGUỒN PHÓNG XẠ VÀ NHIÊN LIỆU HẠT NHÂN ĐÃ QUA SỬ DỤNG TRONG NĂM 2019 243](#_Toc63155646)

# I. XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ HƯỚNG DẪN PHÁP QUY VÀ TIÊU CHUẨN AN TOÀN

Trong năm 2019, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (ATBXHN) đã đạt nhiều kết quả trong công tác xây dựng pháp luật, đặc biệt là tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn, an ninh và thanh sát hạt nhân. Việc dừng thực hiện dự án điện hạt nhân Ninh Thuận (được thể chế hóa bằng Nghị quyết số 31/2016/QH14 ngày 22/11/2016 của Quốc hội khóa XIV) đã tác động trực tiếp đến định hướng và công tác xây dựng pháp luật. Việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được tập trung ưu tiên cho rà soát, hoàn thiện các văn bản phục vụ cho quản lý nhà nước về an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ, ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân và đặc biệt là dự án lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu.

## 1. Thực hiện Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2019

Năm 2019, Cục ATBXHN đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo, lấy ý kiến, hoàn thiện dự thảo, thẩm định sơ bộ và hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ và trình Bộ trưởng Bộ KH&CN ban hành 03 văn bản sau:

(1) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 104/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố hóa học, sinh học, bức xạ và hạt nhân giai đoạn 2019-2025.

(2) Thông tư của Bộ trưởng Bộ KH&CN số 01/2019/TT-BKHCN ngày 30/5/2019 quy định về bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ. (Thông tư này thay thế Thông tư số 23/2010/TT-BKHCN ngày 29/12/2010, Thông tư số 13/2015/TT-BKHCN ngày 21/7/2015 và Thông tư số 05/2017/TT-BKHCN ngày 25/5/2019).

(3) Thông tư của Bộ trưởng Bộ KH&CN số 22/2019/TT-BKHCN ngày 20/12/2019 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang chụp vú và thiết bị xạ trị áp sát nạp nguồn sau bằng điều khiển từ xa dùng trong y tế.

## 2. Sửa đổi Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008

Tiếp tục thực hiện dự án Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi), Cục ATBXHN đã tổ chức Hội thảo trong khuôn khổ Dự án hợp tác với cộng đồng châu Âu (EC) về các nội dung cần sửa đổi của Luật năng lượng nguyên tử.

## 3. Kết quả công tác xây dựng văn bản khác

a) Nghị định quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử: Bộ KH&CN đã có Tờ trình Chính phủ số 2941/TTr-BKHCN ngày 19/9/2019 về việc ban hành Nghị định kèm theo Hồ sơ Nghị định. Hiện nay Cục ATBXHN đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ để hoàn thiện dự thảo Nghị định.

b) Đề án phòng ngừa và ứng phó sự cố phóng xạ xuyên biên giới (ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ): Bộ KH&CN đã có Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quyết định kèm theo Hồ sơ Đề án. Hiện nay Bộ KH&CN đã hoàn thiện dự thảo Đề án theo ý kiến của các đơn vị chức năng của Văn phòng Chính phủ.

c) Thông tư của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định an toàn đối với lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu: Cục ATBXHN đã hoàn thiện dự thảo Thông tư sau khi tiếp thu ý kiến đóng góp, xây dựng và chuyển hồ sơ đến Vụ Pháp chế để thẩm định./.

# II. CẤP PHÉP

## 1. Công tác cấp phép trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử năm 2019

### *1.1. Công tác cấp phép*

Hoạt động cấp phép về an toàn bức xạ, hạt nhân là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất của cơ quan quản lý nhằm bảo đảm các hoạt động ứng dụng năng lượng nguyên tử trong đời sống kinh tế - xã hội được triển khai an toàn đối với con người, môi trường và hiệu quả trong phát triển kinh tế, an ninh trật tự.

Trong năm 2019 (thông kê tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 30/11/2019), Cục ATBXHN đã tiếp nhận 2627 hồ sơ, văn bản liên quan đến hoạt động cấp phép (Bao gồm: công văn vụ việc, các loại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, chứng chỉ, ứng phó sự cố và hồ sơ bổ sung cho các hồ sơ đề nghị cấp giấy phép) và 133 hồ sơ đề nghị cấp phép trực tuyến.

Cục ATBXHN đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Cục triển khai hệ thống cấp phép trực tuyến xuất khẩu, nhập khẩu nguồn phóng xạ trên Hệ thống CNTT kết nối cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN (dịch vụ công cấp độ 4) tạo điều kiện rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho cơ sở. Đồng thời, Cục ATBXHN bắt đầu triển khai hệ thống dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 và đưa một số dịch vụ công triển khai trên môi trường mạng dựa trên kết quả của Đề án 36A.

Cục ATBXHN đã chủ trì và với hợp với Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam, các chuyên gia độc lập tổ chức thẩm định an toàn lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt với vùng hoạt được lắp đặt bổ sung 2 cốc chiếu mẫu cạnh bẫy neutron để tăng khả năng sản xuất đồng vị phóng xạ phục vụ chẩn đoán và điều trị của các bệnh viện trong cả nước.

Cục ATBXHN tiếp tục hướng dẫn các Cơ sở công tác thu gom nguồn phóng xạ đã qua sử dụng về lưu giữ tập trung tại kho nguồn của Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân và Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt đảm bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ, giảm nguy cơ mất an ninh nguồn phóng xạ;

Trong năm 2019, Cục ATBXHN đã ban hành 658 văn bản, công văn hướng dẫn, trả lời các cơ sở về công tác cấp phép và các địa phương về công tác quản lý nhà nước liên quan đến an toàn bức xạ (bao gồm: 76 công văn vụ việc, đột xuất; 188 công văn khác liên quan đến hồ sơ cấp phép và phục vụ công tác cấp phép; 394 công văn nhắc nhở thời hạn hiệu lực của giấy phép)

Cục ATBXHN đã tổ chức thẩm định, xử lý đúng thời hạn, thẩm quyền 100% hồ sơ theo quy định, không có phản ánh của cơ sở về việc xử lý hồ sơ quá thời hạn. Thực hiện nghiêm túc các quy trình ISO trong việc tiếp nhận, thẩm định, trình ban hành, trả hồ sơ đối với tất các cơ sở đề nghị cấp phép và không để xảy ra các khiếu nại liên quan đến hoạt động cấp phép; Cục ATBXHN cũng đã tăng cường công tác thẩm định hồ sơ, thẩm định trực tiếp tại cơ sở nhằm nâng cao chất lượng thẩm định, qua đó nâng cao ý thức, văn hóa và công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ tại các cơ sở tiến hành công việc bức xạ.

Năm 2019, Cục ATBXHN ban hành 1323 hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, giấy đăng ký, chứng chỉ hành nghề và chứng chỉ nhân viên bức xạ các loại; 144 hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở và 02 kế hoạch ứng phó cấp tỉnh.

**Bảng 1:** **Thống kê số giấy phép, giấy đăng ký, chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ nhân viên bức xạ đã cấp đến hết tháng 11 năm 2019**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số lượng năm 2018** | **Số lượng năm 2019** | **Ghi chú** |
| 1. | Giấy phép do Cục ATBXHN | 978 | 1.037 | Tăng 6% |
| *Giấy phép cấp qua đường hành chính thông thường* | *978* | *935* |  |
| *Giấy phép cấp trực tuyến trên Hệ thống CNTT kết nối cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN (dịch vụ công cấp độ 4)* | *-* | *99* |  |
| *Dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3* | *-* | *3* |  |
| 2. | Giấy phép do Cục ATBXHN xử lý và trình Bộ KH&CN cấp | 19 | 26 | Tăng 36,84% |
| 3. | Giấy đăng ký thực hiện dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT | 65 | 60 | Giảm 7,6% |
| 4. | Chứng chỉ nhân viên bức xạ | 758 | 636 | Giảm 16% |
| 5. | Chứng chỉ hành nghề dịch vụ ứng dụng NLNT | 92 | 90 | Giảm 2,1% |

Thu phí, lệ phí đến hết tháng 11 năm 2019 tăng ~10,2% so với cùng kỳ năm 2018.

***1.2. Tăng cường công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ***

Năm 2019, công tác cấp phép cũng đã được nâng cao chất lượng trong thẩm định hồ sơ cấp phép nhằm tăng cường công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ, cụ thể:

- Năm 2019, Cục ATBXHN đã tăng cường công tác thẩm định hồ sơ, thẩm định trực tiếp tại cơ sở nhằm nâng cao chất lượng thẩm định, qua đó nâng cao ý thức, văn hóa và công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ tại các cơ sở tiến hành công việc bức xạ: Cục ATBXHN đã tổ chức thẩm định trực tiếp tại 66 cơ sở trước khi cấp phép, cấp đăng ký (tăng 66,8% so với cùng kỳ năm 2018);

- Tăng cường công tác rà soát, kiểm soát hoạt động xuất nhập khẩu nguồn phóng xạ, yêu cầu, hướng dẫn thủ tục cấp phép cho các cơ sở có nguồn phóng xạ nhưng chưa thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị cấp phép hoặc hồ sơ của những đơn vị đã cấp phép nhưng để quá hạn, không gia hạn giấy phép. Phòng Cp đã phối hợp tốt với Thanh tra Cục để nhắc nhở, thanh tra, kiểm tra đột xuất nhằm ngăn chặn các hành vi vi phạm và ngăn ngừa xảy ra các sự cố bức xạ, đôn đốc các cơ sở thực hiện công tác cấp phép, công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ;

- Tham gia Tổ khảo sát, đánh giá công tác bảo đảm an toàn bức xạ (ATBX) trong lĩnh vực y học hạt nhân theo chỉ đạo của lãnh đạo Bộ KH&CN và lãnh đạo Cục. Kết quả hoạt động này nhằm khảo sát, đánh giá công tác bảo đảm an toàn bức xạ (ATBX) trong lĩnh vực y học hạt nhân và đã đề xuất các biện pháp chấn chỉnh công tác bảo đảm an toàn bức xạ trong hoạt động y học hạt nhân.

### *1.3.* Công tác thẩm định, phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố

Cục ATBXHN đã tổ chức thẩm định và trình phê duyệt 144 bản kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở. Chủ trì tổ chức họp hội đồng thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh, làm thủ tục trình Lãnh đạo Bộ KH&CN ký quyết định phê duyệt đối với 03 kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **2019** | **Toàn quốc** | **Ghi chú** |
| 1. | Kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh | *03* | 51/63  (~ 81%) | 01 Kế hoạch cấp tỉnh (Kiên Giang) đang trong quá trình thẩm định |
| 2. | Kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở | *144* | 1126/1520  (~ 74%) |  |

## 2. Một số khó khăn, thách thức

Cùng với chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đặt ra các yêu cầu đối với cơ quan quản lý là tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh thì nhiều thách thức mới sẽ đặt ra với công tác cấp phép của cơ quan quản lý khi vừa phải tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, vừa phải bảo đảm an toàn, an ninh cho con người, môi trường và cộng đồng xã hội. Việc giảm các điều kiện tiền kiểm trong hoạt động cấp phép đòi hỏi phải nâng cao chất lượng thẩm định, tăng cường kiểm tra thực tế, tăng cường công tác hậu kiểm sau khi cấp phép cũng như việc tăng cường công tác kiểm tra, báo cáo định kỳ trong công tác này.

Vì vậy, các khó khăn, thách thức đặt ra đối với hoạt động cấp phép hiện tại và thời gian tới như sau:

- Nhân lực phục vụ công tác cấp phép còn mỏng so với khối lượng công việc ngày càng tăng nhiều theo từng năm do nhu cầu phát triển ứng dụng NLNT trong đời sống kinh tế, xã hội, cùng với yêu cầu tạo điều kiện rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho cơ sở.

- Dữ liệu hệ thống cấp phép RAISVN được đưa vào sử dụng từ những năm 2009 (trên cơ sở hệ thống eRAIS của IAEA từ 2005-2008) chưa cập nhật được đầy đủ thông tin về hoạt động cấp phép giai đoạn trước, vẫn còn một số cơ sở nhập khẩu nguồn phóng xạ về Việt Nam từ trước những năm 2009 hoặc một số nguồn phóng xạ nhập khẩu về VN sau năm 2009 nhưng chưa được cấp nhật vào hệ thống và đã không thực hiện thủ tục cấp phép, dẫn đến công tác kiểm tra giám sát yêu cầu thực hiện quy định về cấp phép còn chưa hạn chế.

- Tính tuân thủ hoạt động cấp phép của các đơn vị lực lượng vũ trang tại các địa phương chưa cao, một số công an các địa phương chưa tuân thủ quy định về cấp phép.

- Với số lượng hồ sơ cấp phép lớn và hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin vẫn hoạt động chưa ổn định dẫn đến việc cập nhật số liệu cơ sở tiến hành công việc bức xạ, số lượng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ vào hệ thống RAISVN còn chưa kịp thời.

- Về không gian lưu giữ hồ sơ cấp phép còn thiếu dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý hồ sơ và khai thác dữ liệu./.

# III. THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM

1. **Hoạt động thanh tra của Cục ATBXHN năm 2019**
   1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở ứng dụng bức xạ trong công nghiệp***

Trong năm 2019, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra 36 cơ sở ứng dụng bức xạ trong công nghiệp, chiếm 72% tổng số cơ sở được thanh tra trong năm. Hoạt động thanh tra đối với các cơ sở ứng dụng bức xạ trong công nghiệp của Cục ATBXHN đã tiến hành với trọng tâm là các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ có hoạt độ rất lớn (cơ sở chiếu xạ công nghiệp), các cơ sở sử dụng nguồn bức xạ di động (cơ sở chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, đo độ chặt, độ ẩm), các cơ sở sử dụng nhiều nguồn phóng xạ,cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ nhưng chưa được Cục ATBXHN thanh tra hoặc chưa được thanh tra trong một khoảng thời gian dài,các cơ sởcó biểu hiện vi phạm điều kiện của giấy phép, không tuân thủ các quy định về khai báo và xin cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ.

Qua hoạt động thanh tra cho thấy, đa số các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trong công nghiệp được thanh tra trong năm 2019 đã có ý thức trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về khai báo, cấp phép, theo dõi liều chiếuxạ nghề nghiệp cá nhân cho nhân viên bức xạ. Tuy nhiên, vẫn còn một số thiếu sót như: tổ chức hệ thống quản lý về bảo đảm an toàn bức xạ tại cơ sở chưa hiệu quả; một số các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh chưa có giấy phép hoặc giấy phép đã hết hạn, không báo cáo thực trạng an toàn bức xạ hàng năm. Các thiếu sót, vi phạm của các cơ sở được phát hiện qua công tác thanh tra chưa gây hậu quả đối với con người và môi trường và đã được các đoàn thanh tra nhắc nhở, yêu cầu cơ sở có biện pháp khắc phục. Đối với những trường hợp có hành vi vi phạm mang tính chất nghiêm trọng, kéo dài đã được các đoàn thanh tra lập biên bản xử lý vi phạm hành chính, Cục trưởng Cục ATBXHN ra quyết định xử phạt, yêu cầu khắc phục kịp thời. Cụ thể:

Trong năm 2019, Cục ATBXHN đã phát hiện và xử lý vi phạm hành chính đối với 12 cơ sở ứng dụng bức xạ trong công nghiệp, chiếm 63% tổng số cơ sở bị xử lý trong năm 2019, tổng số tiền phạt là 118 triệu đồng.

Các hành vi vi phạm hành chính điển hình đã bị xử lý bao gồm:

- Không khai báo, đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ đối với nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ theo quy định.

- Vi phạm điều kiện của Giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

- Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thời hạn báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ hằng năm;

Công tác theo dõi sau thanh tra cho thấy việc khắc phục các thiếu sót và chấp hành quyết định xử phạt của các cơ sở hầu hết đều đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời; nhận thức và hiểu biết của các cơ sở về đảm bảo ATBXHN cũng như hiểu biết về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử đã được nâng cao rõ rệt.

* 1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT***

Trong năm 2019, Cục ATXBHN đã tiến hành thanh tra đối với 79 cơ sở, trong đó, thanh tra số lượng lớn các cơ sở thực hiện hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử (chiếm tỉ lệ 30,38% tổng số cơ sở được thanh tra năm 2019), nhằm chấn chỉnh một số tồn tại trong việc cung cấp dịch vụ của các cơ sở này đã được phát hiện qua công tác thanh tra và công tác quản lý. Do đó, năm 2019, Cục ATBXHN không tiến hành thanh tra cơ sở hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT mà định hướng và triển khai hoạt động thanh tra tập trung vào các cơ sở khác có nhiều vấn đề cần khắc phục và tăng cường trong công tác bảo đảm an toàn và an ninh.

* 1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở nghiên cứu và đào tạo***

Trong năm 2019, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra đối với 03 cơ sở nghiên cứu và đào tạo, chiếm 6% tổng số cơ sở được Cục ATBXHN thanh tra (bằng với số lượng cơ sở nghiên cứu và đạo tạo được thanh tra năm 2018). Cả 03 cơ sở này đều sử dụng các nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ trong nghiên cứu khoa học và triển khai một số hoạt động đào tạo.

Mặc dù đã được Cục ATBXHN và Sở KH&CN địa phương nhắc nhở bằng văn bản, tuy nhiên, kết quả thanh tra cho thấy việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn bức xạ của 03 cơ sở này còn hạn chế, để xảy ra một số vi phạm kéo dài. Nguyên nhân cơ bản của các hạn chế này là do: Hệ thống nhân sự quản lý về an toàn bức xạ tại cơ sở còn mang nặng tính hình thức, nhận thức về quản lý ATBX còn chưa cao, người phụ trách an toàn không kịp thời tư vấn cho Lãnh đạo các cơ sở để tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về ATBX.

Cục ATBXHN đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 03 cơ sở nói trên với tổng số tiền xử phạt là 27 triệu đồng.

Các hành vi vi phạm hành chính đã bị xử lý bao gồm:

- Lưu giữ nguồn phóng xạ mà không có giấy phép;

- Không báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ cho Cục ATBXHN và Sở KH&CN địa phương.

Công tác theo dõi sau thanh tra cho thấy việc khắc phục các thiếu sót và chấp hành quyết định xử phạt của các cơ sở hầu hết đều đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

* 1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở y học hạt nhân***

Trong năm 2019, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra ATBX đối với 05 cơ sở có hoạt động y học hạt nhân. Đây là các cơ sở đã được Cục ATBXHN thanh tra từ nhiều năm trước (từ năm 2007 đến 2011).Tất cả các cơ sở này đều là cơ sở lớn, có nhiều loại hình công việc bức xạ, ngoài hoạt động y học hạt nhân các cơ sở còn thiết bị xạ trị và sử dụng thiết bị X-quang y tế. Kết quả thanh tra cho thấy các cơ sở đã có cố gắng thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm ATBX trong hoạt động y học hạt nhân, tuy nhiên vẫn còn nhiều vi phạm tiềm ẩn nguy cơ mất ATBX. Các lỗi vi phạm điển hình trong lĩnh vực y học hạt nhân của các cơ sở được thanh tra là: Sử dụng, lưu giữ chất phóng xạ mà không có giấy phép tiến hành công việc bức xạ hoặc giấy phép tiến hành công việc bức xạ đã hết hạn; chưa có văn bản quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của người phụ trách an toàn; không sử dụng các vật liệu dễ tẩy xạ cho tường, sàn nhà; không trang bị thiết bị đo nhiễm bẩn phóng xạ để theo dõi và đánh giá mức nhiễm bẩn phóng xạ; chưa thực hiện đầy đủ việc đánh giá liều chiếu xạ cá nhân cho nhân viên bức xạ ít nhất một lần trong 03 tháng; chưa lập sổ theo dõi liều chiếu xạ cá nhân cho từng nhân viên bức xạ; chưa kiểm xạ định kỳ khu vực sử dụng nguồn phóng xạ trong y hạt nhân; kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở chưa được phê duyệt. Bên cạnh đó, còn những tồn tại khác trong công tác quản lý chất thải phóng xạ của một số cơ sở như: hồ sơ quản lý chất thải phóng xạ còn chưa đầy đủ; chưa bố trí thùng chuyên dụng chứa rác thải phóng xạ tại phòng chiết, pha chế, phân liều thuốc phóng xạ; chưa có biện pháp hạn chế tiếp cận khu vực bể thải phóng xạ. Có thể thấy các lỗi vi phạm nói trên liên quan đến những nội dung cơ bản mà cơ sở phải tuân thủ để bảo đảm an toàn bức xạ trong hoạt động y học hạt nhân.

Nguyên nhân chính của tình trạng này là do Lãnh đạo một số cơ sở còn chưa quan tâm đến công tác bảo đảm an toàn bức xạ; hệ thống nhân sự quản lý bảo đảm an toàn bức xạ còn yếu và mỏng, người phụ trách an toàn chưa được giao quyền hạn và nhiệm vụ tương xứng để thực hiện nhiệm vụ theo quy định; việc quản lý, đôn đốc các nhân viên hoạt động liên quan đến bức xạ trong việc tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn bức xạ còn lỏng lẻo, thiếu sát sao. Các cơ sở nói trên đều đã lâu không được Cục ATBXHN thanh tra, mặc dù vẫn được các Sở KH&CN thanh tra trong những năm qua nhưng các cuộc thanh tra này không chuyên sâu, chưa có tác dụng mạnh để chấn chỉnh công tác bảo đảm an toàn bức xạ trong các hoạt động y học hạt nhân của các cơ sở.

Các đoàn thanh tra của Cục ATBXHN đã chỉ ra những vi phạm, thiếu sót, nghiêm khắc nhắc nhở, yêu cầu các cơ sở thực hiện các biện pháp khắc phục trong thời hạn xác định.

Cục ATBXHN đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 cơ sở có hoạt động y học hạt nhân về các hành vi: sử dụng, lưu giữ chất phóng xạmà không có giấy phép tiến hành công việc bức xạ. Tổng số tiền xử phạt là 31 triệu đồng.

Công tác theo dõi sau thanh tra cho thấy các cơ sở đã chấp hành đầy đủquyết định xử phạt và thực hiện các biện pháp khắc phục theo yêu cầu; ý thức tuân thủ quy định pháp luật về bảo đảm an toàn bức xạ trong hoạt động y học hạt nhân của các cơ sở sau khi được Cục ATBXHN thanh tra đã có chuyển biến tích cực.

* 1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở xạ trị***

Trong năm 2019, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra đối với 03 cơ sở có hoạt động xạ trị, chiếm 6% tổng số các đơn vị được tiến hành thanh tra trong năm.

Kết quả thanh tra cho thấy các cơ sở đã có cố gắng thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm ATBX (như: 02/03 cơ sở sử dụng thiết bị xạ trị máy gia tốc tuyến tính đều có giấy phép vận hành; người phụ trách an toàn của các đơn vị đã được đào tạo ATBX và được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ…). Tuy nhiên, vẫn còn một số thiếu sót như: một số nhân viên vận hành máy gia tốc xạ trị chưa được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ; chưa khai báo bộ phận phát tia X chụp định vị vị trí khối u trước khi thực hiện xạ trị (đi kèm trên máy gia tốc tuyến tính)để tích hợp trong giấy phép vận hành thiết bị xạ trị; 01 đơn vị có nguồn xạ trị Co-60 đã ngừng hoạt động từ năm 2016 chưa lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu giữ nguồn phóng xạ.

Cục ATBXHN đã xử phạt vi phạm hành chính đối với 01 cơ sở với số tiền xử phạt là 16 triệu đồng với hành vi: sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ mà không có giấy phép tiến hành công việc bức xạ. Cơ sở đã chấp hành nộp phạt theo quy định.

Công tác theo dõi sau thanh tra cho thấy việc khắc phục thiếu sót của các cơ sở hầu hết đã được thực hiện kịp thời, nhận thức và hiểu biết của các cơ sởvề các quy định của pháp luật trong lĩnh vực bảo đảm ATBX đã được nâng cao.

* 1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở X-quang y tế***

Để tăng cường công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ đối với các cơ sở tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn, an ninh cao, những năm gần đây Cục ATBXHN chủ yếu tập trung thanh tra đối với các cơ sở lớn, phức tạp có quản lý, sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ do Cục ATBXHN và Bộ KH&CN cấp giấy phép. Các cơ sở X-quang y tế do tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn thấp hơn và nội dung thanh tra cũng không quá phức tạp nên Cục ATBXHN không tập trung thanh tra đối với các cơ sở này mà đề nghị Sở KH&CN các tỉnh, thành phố chủ động tiến hành thanh tra, kiểm tra. Do đó, loại hình công việc sử dụng thiết bị X-quang y tế được Cục ATBXHN thanh tra trong những năm gần đây chủ yếu được tiến hành tại các bệnh viện lớn và kết hợp với việc thanh tra hoạt động y học hạt nhân, xạ trị.

Trong năm 2019, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra đối với 05 cơ sở có sử dụng thiết bị X-quang y tế, cả 05cơ sở đều có hoạt động y học hạt nhân và xạ trị kèm theo. So với kết quả thanh tra năm 2018 thì số lượng cơ sở có sử dụng thiết bị X-quang y tế được Cục thanh tra năm 2019 chỉ bằng 1/2 số cơ sở được thanh tra năm 2018. Kết quả thanh tra cho thấy, các cơ sở đã duy trì và thực hiện tốt một số quy định về ATBX như: tổ chức đào tạo kiến thức về ATBX, trang bị liều kế cá nhân cho các nhân viên bức xạ, xây dựng và niêm yết nội quy an toàn bức xạ, trang bị đèn, biển cảnh báo phóng xạ tại các phòng đặt thiết bị bức xạ. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế như: chưa khai báo và xin cấp giấy phép đầy đủ cho tất cả các thiết bị, chưa kiểm định thiết bị bức xạ đầy đủ và chưa kiểm xạ khu vực làm việc theo đúng tần suất quy định. Đoàn thanh tra của Cục ATBXHN đã lập biên bản xử lý vi phạm hành chính đối với 01 cơ sở do có hành vi sử dụng thiết bị X-quang không có giấy phép tiến hành công việc bức xạ và kèm theo một số lỗi vi phạm khác liên quan đến hoạt động y học hạt nhân, xạ trị đã nêu ở trên.

Công tác theo dõi sau thanh tra cho thấy việc khắc phục các thiếu sót và chấp hành quyết định xử phạt của các cơ sở hầu hết đều đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời; nhận thức và hiểu biết của các cơ sở về đảm bảo ATBXHN cũng như hiểu biết về các quy định của pháp luật trong lĩnh vực này đã được nâng cao rõ rệt

* 1. ***Thanh tra, xử lý vi phạm các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thăm dò địa vật lý, thăm dò khai thác quặng phóng xạ và các lĩnh vực khác***

Ngoài các loại hình nêu trên, trong năm 2019, Cục ATBXHN đã tiến hành thanh tra về ATBX đối với 02 cơ sở có hoạt động khai thác, chế biến, đóng gói, vận chuyển quặng chứa phóng xạ (cơ sở sa khoáng), xuất khẩu vật liệu hạt nhân nguồn; 01 cơ sở chế biến quặng zirconi oxi clorua có phát sinh chất thải có chứa các nhân phóng xạ tự nhiên và 01 cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ trong lĩnh vực khoan thăm dò dầu khí. Các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ được thanh tra đều đã được Bộ KH&CN, Cục ATBXHN cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và các cơ sở sa khoáng đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác, chế biến quặng phóng xạ.

Trong quá trình tiến hành công việc bức xạ, các cơ sở đã có cố gắng thực hiện các quy định của pháp luật như đề nghịcấp giấy phép, lập và lưu giữ hồ sơ an toàn bức xạ. Bên cạnh đó vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như: Chưa thực hiện kiểm xạ khu vực làm việc của nhân viên bức xạ;cơ sở có trang bị thiết bị ghi đo bức xạ nhưng thiết bị chưa được kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị định kỳ; Chưa thực hiện báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ định kỳ hằng năm gửi Cục ATBXHN; Quyết định bổ nhiệm người phụ trách an toàn chưa nêu rõ trách nhiệm, quyền hạn của người phụ trách an toàn; người phụ trách an toàn chưa được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ; 02 cơ sở sa khoáng mới chỉ có giấy phép xuất khẩu và vận chuyển, chưa triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn bức xạ trong quá trình tuyển, chế biến, đóng gói, lưu giữ quặng chứa phóng xạ, chưa thực hiện kiểm xạ, quan trắc định kỳ môi trường không khí, nước thải, chưa có hệ thống nhân sự quản lý về an toàn bức xạ. Cục ATBXHN đã xử phạt 01 cơ sở do có hành vi không báo cáo Cục ATBXHN về tình hình nhập khẩu nguồn phóng xạ theo điều kiện của Giấy phép tiến hành công việc bức xạ với số tiền phạt là 07 triệu đồng.

Sau khi được thanh tra, các cơ sở đều đã nâng cao nhận thức về an toàn bức xạ, Lãnh đạo các cơ sở đã quan tâm hơn đến công tác bảo đảm an toàn, khắc phục các thiếu sót được chỉ ra bởi Đoàn thanh tra. Qua hoạt động thanh tra đối với các cơ sở này, Đoàn thanh tra đã phát hiện những kẽ hở trong quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền cóbiện pháp khắc phục; kịp thời phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật; đồng thời giúp cơ sở thực hiện đúng quy định của pháp luật.

1. **Hoạt động thanh tra của các Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trong cả nước năm 2019**

Dựa trên kết quả báo cáo công tác quản lý an toàn bức xạ (ATBX) năm 2019 của 63 Sở KH&CN các tỉnh, thành phố cho thấy: Trong năm 2019, trên toàn quốc có 59 Sở KH&CN đã tiến hành thanh tra, kiểm tra về ATBX đối với tổng số 1.259 cơ sở.Trong đó, số cơ sở được thanh tra là 1.033 cơ sở và số cơ sở được kiểm tra là 226 cơ sở. Các Sở KH&CN đã lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt đối với 45 cơ sở (chiếm 3,6% tổng số cơ sở được thanh, kiểm tra).Tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính là 261.750.000 đồng.

Số lượng cơ sở X-quang y tế được các Sở KH&CN thanh tra, kiểm tra vẫn chiếm tỷ lệ chủ yếu. Tuy nhiên, so với kết quả thanh tra, kiểm tra về ATBX của các năm trước thì số lượng các cơ sở quản lý, sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ do Cục ATBXHN cấp phép đã được các Sở tiến hành thanh tra, kiểm tra trong năm có tăng hơn so với năm 2018 (chiếm 16% tổng số cơ sở bức xạ được thanh tra, kiểm tra trong năm, tăng 1% so với năm 2018). Việc thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở do Cục ATBXHN cấp phép được thực hiện tập trung chủ yếu tại một số tỉnh như: Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Long An, Đồng Nai, Thành phố Hà Nội, Thái Nguyên và Bắc Kạn. Trong đó, các Sở KH&CN Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương và Bắc Kạn là các đơn vị đã tiến hành thanh tra đối với các cơ sở do Cục ATBXHN cấp phép chiếm hơn 95% tổng số cơ sở được thanh tra trong năm. Ngoài ra, một số tỉnh như: Hòa Bình, Kon Tum,...cũng đã tiến hành thanh tra đối với các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ do Bộ KH&CN, Cục ATBXHN cấp giấy phép. Mặc dù số lượng cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ được Sở KH&CN thanh tra còn chiếm tỉ lệ nhỏ trongtổng số các cơ sở được thanh tra nhưng cũng đã cho thấy vai trò của cơ quan quản lý tại địa phương ngày càng được chú trọng.

Hoạt động thanh tra về ATBX của các Sở KH&CN năm 2019 trên toàn quốc tiếp tục góp phần quan trọng trong việc chấn chỉnh, nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật về NLNT cho Lãnh đạo, người phụ trách an toàn và các nhân viên làm việc trực tiếp với bức xạ, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp có nguy cơ mất ATBX, an ninh nguồn phóng xạ tại các cơ sở. Ngoài ra, công tác thanh tra, kiểm tra của các Sở KH&CN địa phương còn giúp phát hiện những thiếu sót, bất cập trong cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về ATBX và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý về ATBX trong tình hình hiện tại.

1. **Đánh giá chung về công tác thanh tra, xử lý vi phạm về an toàn bức xạ và hạt nhân năm 2019**

Kết quả thanh tra ATBX năm 2019 cho thấy, hoạt động thanh tra của Cục ATBXHN đã tập trung vào các cơ sở lớn sử dụng, lưu giữ nhiều nguồn phóng xạ, đa dạng loại hình công việc bức xạ, các cơ sở mới được cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ, các cơ sở không tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về ATBX và điều kiện của giấy phép. Trọng tâm thanh, kiểm tra của các Sở KH&CN cũng đã từng bước được chuyển dịch từ việc tập trung vào thanh, kiểm tra các cơ sở X-quang y tế trong những năm trước đây thì trong năm nay nhiều Sở KH&CN đã thực hiện thanh, kiểm tra số lượng lớn các cơ sở quản lý, sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ do Cục ATBXHN cấp phép (chiếm 16% tổng số cơ sở bức xạ được thanh tra, kiểm tra trong năm). Điều này cho thấy các địa phương đã chú trọng và quản lý chặt chẽ hơn đối với các cơ sở ngoài lĩnh vực X-quang y tế, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý về an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ đối với tất cả các loại hình cơ sở tiến hành công việc bức xạ tại địa phương.

Nhìn chung, Cục ATBXHN và các Sở KH&CN địa phương đã toàn thành tốt kế hoạch thanh tra ATBX trong năm 2019. Hoạt động thanh tra ATBX đã được triển khai theo đúng quy trình, thủ tục thanh tra, chất lượng các cuộc thanh tra qua các năm ngày càng nâng cao.Qua hoạt động thanh tra ATBX, các đoàn thanh tra đã kịp thời đưa ra nhiều kiến nghị tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ cho cơ sở, nâng cao ý thức chấp hành các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ từ cấp lãnh đạo, người phụ trách an toàn đến các nhân viên làm việc trực tiếp, liên quan đến nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ tại các cơ sở. Ngoài ra, qua công tác thanh tra, Cục ATBXHN và các Sở KH&CN cũng đã phát hiện các thiếu sót, bất cập trong cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về ATBX để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành quy định cho phù hợp với yêu cầu quản lý về ATBX trong tình hình mới, đặc biệt là các bất cập mang tính thời sự về quản lý đối với các cơ sở sản xuất, chế biến quặng phóng xạ, tiêu chuẩn về nồng độ hoạt độ phóng xạ trong nước thải y tế,...

Hoạt động thanh tra ATBX trong năm 2019 của Cục ATBXHN và các Sở KH&CN cũng đã thể hiện tinh thần thượng tôn pháp luật, kiên quyết ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp có nguy cơ mất ATBX, an ninh nguồn phóng xạ tại các cơ sở, điều này thể hiện qua việc tổng số cơ sở Cục ATBXHN đã xử phạt vi phạm hành chính lên đến 38% số cơ sở được thanh tra (tổng số tiền phạt là 198.000.000 đồng) và tổng số cơ sở bị các Sở KH&CN xử phạt vi phạm hành chính là 3,6% số cơ sở được thanh, kiểm tra (số tiền xử phạt là 261.750.000 đồng). Một số vi phạm điển hình được phát hiện qua công tác thanh tra ATBX năm 2019 gồm:

- Không khai báo nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong vòng 07 ngày kể từ ngày có nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ;

- Sử dụng, lưu giữ nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ không có giấy phép tiến hành công việc bức xạ;

- Vi phạm các điều kiện ghi trong giấy phép tiến hành công việc bức xạ;

- Không trang bị liều kế cá nhân, không tổ chức theo dõi liều xạ cá nhân cho nhân viên bức xạ theo tần suất ít nhất 01 lần/3 tháng;

- Không báo cáo định kỳ thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ cho cơ quan quản lý nhà nước.

1. **Kiến nghị - đề xuất qua hoạt động thanh tra**

Qua hoạt động thanh tra, xử lý vi phạm phát hiện thấy còn một số kẽ hở, khó khăn, vướng mắc và bất cập trong cơ chế quản lý về ATBXHN. Để khắc phục các hạn chế, bất cập đang còn tồn tại trong thực tế, Cục ATBXHN có một số kiến nghị, đề xuất qua hoạt động thanh tra như sau:

- Nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi Nghị định 107/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực NLNT:Tăng định mức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử (mức phạt hiện nay còn khá thấp, các cơ sở sẵn sàng vi phạm vì biết lợi nhuận thu được sẽ có giá trị cao hơn các hình thức xử phạt vi phạm hành chính), bổ sung các hành vi vi phạm hành chính để có công cụ hiệu quả trong việc phòng ngừa, xử lý, răn đe các hành vi vi phạm (hiện có một số hành vi vi phạm chưa được quy định trong Nghị định);

- Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan thanh tra chuyên ngành ở Trung ương với các Sở KH&CN địa phương trong công tác thanh tra, cấp phép, đặc biệt các đơn vị có nguồn phóng xạ.Các Sở KH&CN địa phương cần tăng cường thanh tra, kiểm tra tại các cơ sở tiến hành công việc bức xạ do Cục ATBXHN cấp giấy phép, đặc biệt là các cơ sở đang quản lý nguồn phóng xạ.

- Cần xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu về cơ sở bức xạ, nguồn phóng xạ nhằm phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác tình trạng sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ và hoạt động khai báo, xin cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ của các đơn vị để tạo thuận lợi cho việc lập kế hoạch và triển khai hoạt động thanh tra;

- Các cơ quan có thẩm quyền cần xây dựngvăn bản pháp luật về chính sách phụ cấp ưu đãi đối với cán bộ Sở KH&CN chuyên trách về ATBX tại địa phương để thu hút người có năng lực, chuyên môn về làm việc tại Sở.

- Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật làm căn cứ cho hoạt động thanh tra chuyên ngành an toàn bức xạ và hạt nhân, hiện một số lĩnh vực còn thiếu văn bản hướng dẫn như:bảo đảm an toàn trong hoạt động thăm dò, chế biến quặng chứa phóng xạ; các hướng dẫn an toàn đặc thù cho các loại hình công việc bức xạ (chiếu xạ công nghiệp, chụp ảnh phóng xạ công nghiệp…);xây dựng chính sách lâu dài đối với việc lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, đặc biệt đối với các đơn vị phá sản, gặp khó khăn về tài chính, có nguy cơ mất an ninh nguồn phóng xạ. Bổ sung quy định các cơ sở tiến hành công việc bức xạ về ký quỹ tài chính ngay từ giai đoạn nhập khẩu nguồn phóng xạ, bảo đảm có nguồn tài chính để giải quyết các nguồn phóng xạ khi không còn nhu cầu sử dụng.

- Tăng cường biên chế cho lực lượng thực hiện công tác thanh tra chuyên ngành ATBXHN từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm có đủ nguồn lực để thực hiện chức năng giám sát thực thi pháp luật, bảo đảm an toàn an ninh tại các cơ sở tiến hành công việc bức xạ./.

# IV. TRIỂN KHAI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

## 1. Triển khai Công ước chung về với các tổ chức quốc tế

* *Triển khai thực hiện Công ước an toàn hạt nhân*

- Thực hiện các nghiên cứu và xây dựng Báo cáo quốc gia cho Cuộc họp đánh giá lần thứ 8 (năm 2020) và thực hiện hiệu quả Công ước.

- Thực hiện nghiên cứu Báo cáo quốc gia của một số quốc gia thành viên khác và đặt câu hỏi cho các quốc gia này theo yêu cầu của Công ước.

* Thực hiện nghiên cứu và trả lời câu hỏi của các quốc gia khác đặt cho Việt Nam.*Thực hiện Bản Dàn xếp Hành chính của Hiệp định 123 và thực hiện các hiệp định song phương khác (Nhật Bản, Liên bang Nga)*

- Tiến hành các nghiên cứu liên quan đến các yêu cầu về thanh sát hạt nhân nhằm thực hiện các văn bản này hiệu quả, bảo đảm lợi ích của Việt Nam và tránh đặt thêm gánh nặng cho Việt Nam.

- Lập báo cáo kế toán vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân theo quy định của Hiệp định song phương với Nhật Bản.

* *Triển khai thực hiện Hiệp ước Cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBT)*

- Báo cáo phân tích số liệu quan trắc hạt nhân phóng xạ của các trạm quan trắc CTBTO đặt tại các nước Châu Á trong năm 2019 cho mục tiêu kiểm chứng quốc tế đối với việc tuân thủ Hiệp ước và ứng phó sự cố hạt nhân từ nhà máy điện hạt nhân.

- Nghiên cứu phân tích số liệu quan trắc hạt nhân phóng xạ của các trạm quan trắc CTBTO đặt gần biên giới Việt Nam – Trung Quốc và so sánh với kết quả phân tích tại Trung tâm dữ liệu quốc tế của CTBTO trong năm 2019 cho mục tiêu phát hiện sớm và ứng phó sự cố hạt nhân từ nhà máy điện hạt nhân. (sử dụng phần mềm Openspectra)

- Nghiên cứu phân tích số liệu quan trắc Xenon của các trạm quan trắc CTBTO đặt gần biên giới Việt Nam – Trung Quốc và so sánh với kết quả phân tích tại Trung tâm dữ liệu quốc tế của CTBTO trong năm 2019 cho mục tiêu phát hiện sớm và ứng phó sự cố hạt nhân từ nhà máy điện hạt nhân.

- Phân tích số liệu quan trắc địa chấn của các trạm quan trắc CTBTO đặt gần biên giới Việt Nam - Trung năm 2019

- Ứng dụng phần mềm Webgrape trong bài diễn tập do CTBTO tổ chức.

- Tổng hợp kết quả phân tích số liệu quan trắc hạt nhân phóng xạ và Xenon của các trạm quan trắc CTBTO đặt gần biên giới Việt Nam - Trung Quốc trong năm 2019 cho mục tiêu phát hiện sớm và ứng phó sự cố hạt nhân từ nhà máy điện hạt nhân.

* *Thực hiện Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân*

Tiến hành các nghiên cứu nhằm thực hiện hiệu quả Công ước.

* *Triển khai thực hiện Công ước chống khủng bố*

Tiến hành các nghiên cứu nhằm thực hiện hiệu quả Công ước.

* *Triển khai thực hiện Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân*

Với Phần sửa đổi của Công ước bắt đầu có hiệu lực từ ngày 08/5/2016, việc xây dựng hệ thống bảo vệ thực thể cho cơ sở hạt nhân đã trở thành cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ của Công ước. Hiện tại, Việt Nam có một cơ sở hạt nhân là Viện Nghiên cứu hạt nhân với lò phản ứng nghiên cứu. Vì vậy, việc nghiên cứu các yêu cầu về bảo vệ thực thể đối với lò phản ứng nghiên cứu là cần thiết để thực hiện cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ Công ước này.

* *Triển khai thực hiện Công ước quốc tế về Ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân*

- Thực hiện các nghiên cứu để đề xuất nhằm thực hiện hiệu quả các điều ước quốc tế trong lĩnh vực thanh sát và an ninh hạt nhân mà Việt Nam là thành viên.

## 2. Triển khai Công ước An toàn hạt nhân

Tháng 7/2010, Việt Nam chính thức trở thành quốc gia thành viên của Công ước An toàn hạt nhân. Ngày 10/8/2010, Việt Nam đã gửi báo cáo quốc gia đầu tiên theo quy định của Công ước. Sau khi trở thành thành viên chính thức, Việt Nam đã tham gia đầy đủ các cuộc họp đánh giá định kỳ, trù bị và bất thường theo quy định của Công ước, bao gồm: Cuộc họp bất thường lần 2 và Cuộc họp chuẩn bị cho Hội nghị đánh giá lần 6 (năm 2012); Cuộc họp chuẩn bị cho Hội nghị đánh giá lần thứ 7 (năm 2015) và các Hội nghị đánh giá Công ước lần thứ 5 (năm 2011), thứ 6 (năm 2014) và thứ 7 (năm 2017) . Để chuẩn bị cho Cuộc họp đánh giá Công ước An toàn hạt nhân lần thứ 8 (năm 2020) theo đúng kế hoạch đã được thống nhất, Cục ATBXHN đã tham dự cuộc họp trù bị của Công ước An toàn hạt nhân tại Áo (tháng 10/2018) và gấp rút chuẩn bị xây dựng và nộp Báo cáo quốc gia theo đúng hạn định.

Việc tham gia Cuộc họp chuẩn bị cho Hội nghị đánh giá Công ước An toàn hạt nhân lần thứ 8 thể hiện trách nhiệm của Việt Nam trong việc thực hiện các yêu cầu của Công ước. Việc tham gia các Cuộc họp này giúp Việt Nam có những chuẩn bị kỹ lưỡng và kịp thời cho Hội nghị đánh giá lần thứ 8 tổ chức năm 2020.

Bên cạnh đó Cục ATBXHN cũng tiến hành các nghiên cứu nhằm thực hiện hiệu quả Công ước:

- Nghiên cứu cơ chế hợp tác trao đổi, cung cấp thông tin giữa quốc gia có NMĐHN với quốc gia láng giềng chịu ảnh hưởng của nhà máy điện hạt nhân (NMĐHN) làm cơ sở thực hiện Điều 17 Công ước;

- Nghiên cứu cơ chế thông báo sớm sự cố của quốc gia có NMĐHN tới quốc gia láng giềng chịu ảnh hưởng của NMĐHN làm cơ sở thực hiện Điều 17 Công ước.

## 3. Triển khai thực hiện Công ước bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân

Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân đã được Chủ tịch nước phê duyệt gia nhập và có hiệu lực từ tháng 10/2012.

Trong năm 2019, Cục ATBXHN đã nghiên cứu các yêu cầu về bảo vệ thực thể đối với lò phản ứng nghiên cứu để thực hiện cam kết của Việt Nam trong khuôn khổ Công ước.

## 4. Triển khai thực hiện Công ước quốc tế về Ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân

Tháng 7/2016, Chủ tịch nước đã ký Quyết định gia nhập Công ước này. Để việc thực hiện Công ước có hiệu quả, đáp ứng các nghĩa vụ của Công ước, cần tiếp tục có các nghiên cứu về sự phù hợp của văn bản quy phạm pháp luật trong nước với các quy định của Công ước và trên cơ sở đó đề xuất chỉnh sửa nếu cần thiết.

Năm 2019, Cục ATBXHN đã thực hiện nghiên cứu các quy định trong nước về các hành vi vi phạm hình sự và so sánh với yêu cầu của Công ước để đề xuất sửa đổi, bổ sung và các quy định trong nước về dẫn độ và so sánh với yêu cầu của Công ước để đề xuất sửa đổi, bổ sung

## 5. Triển khai thực hiện Hiệp ước Cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBT)

Việt Nam đã phê chuẩn CTBT từ năm 2006. Để hỗ trợ kỹ thuật cho thực hiện Hiệp ước, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam đã hợp tác với Tổ chức Hiệp ước Cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện(CTBTO) xây dựng Trung tâm Dữ liệu thông tin quốc gia (NDC).

Cục ATBXHN thực hiện Phân tích số liệu hạt nhân phóng xạ từ các trạm quan trắc hạt nhân phóng xạ của CTBTO trong vùng Đông Nam Á trong năm 2019 và so sánh với kết quả xử lý tại Trung tâm dữ liệu quốc tế của CTBTO nhằm nâng cao năng lực của Việt Nam phục vụ công tác kiểm chứng Hiệp ước CTBT.

Bên cạnh đó Cục ATBXHN đã phối hợp với Viện Vật lý địa cầu thực hiện nghiên cứu ứng dụng hệ thống quan trắc quốc tế của CTBTO trong công tác báo tin động đất và cảnh báo sóng thần.

## 6. Hoạt động của Tổ Công tác liên bộ về điều ước quốc tế trong lĩnh vực hạt nhân

Tổ Công tác liên bộ về các điều ước quốc tế trong lĩnh vực hạt nhân đã được Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập từ năm 2009. Trong những năm qua, Tổ Công tác đã hoạt động rất hiệu quả với nhiều điều ước quốc tế được Tổ Công tác đề xuất và được Chủ tịch nước, Chính phủ quyết định gia nhập. Đến nay, Việt Nam đã tham gia hầu hết các điều ước quốc tế trong lĩnh vực hạt nhân.

Tuy nhiên, đến năm 2016 đã có nhiều biến động về thành viên của Tổ Công tác. Để đáp ứng tình hình mới, ngày 31/8/2016, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 2444/QĐ-BKHCN về việc thành lập Tổ công tác liên Bộ về các điều ước quốc tế trong lĩnh vực hạt nhân nhiệm kỳ mới từ tháng 9/2016 do Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ làm Tổ trưởng và giao Cục An toàn bức xạ và hạt nhân là Bộ phận thường trực. Tổ Công tác liên bộ có nhiệm vụ nghiên cứu toàn diện các điều ước quốc tế liên quan đến hạt nhân, đề xuất với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phương án tham gia, phân công trách nhiệm giữa các Bộ, ngành có liên quan khi triển khai thực hiện điều ước. Kinh phí bảo đảm cho hoạt động của Tổ Công tác liên bộ được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học hàng năm Bộ Khoa học và Công nghệ giao cho Cục An toàn bức xạ và hạt nhân quản lý.

Trên cơ sở nghiên cứu và đề xuất của Tổ Công tác, Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình Chính phủ về việc tham gia Công ước quốc tế về Ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân và Chính phủ đã trình Chủ tịch nước về việc này. Ngày 14/7/2016, Chủ tịch nước đã ký Quyết định số 1457/2016/QĐ-CTN về việc Việt Nam gia nhập Công ước quốc tế về Ngăn chặn hành động khủng bố hạt nhân và Công ước đã có hiệu lực đối với Việt nam từ ngày 23/10/2016.

Do kinh phí hạn chế, năm 2019, Tổ Công tác không tổ chức được cuộc họp của các thành viên để đánh giá tình hình thực hiện.

## 7. Đánh giá chung tình hình thực hiện các điều ước quốc tế trong lĩnh vực hạt nhân

Nhìn chung, mặc dù việc ứng dụng năng lượng hạt nhân chưa nhiều, Việt Nam đã tham gia hầu hết các điều ước quốc tế quan trọng trong lĩnh vực này, thể hiện chính sách nhất quán của Nhà nước Việt Nam là chỉ sử dụng năng lượng hạt nhân cho mục đích hoà bình. Với việc tham gia các điều ước quốc tế này, Việt Nam đã tạo được lòng tin và nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng năng lượng hạt nhân vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bảo vệ môi trường, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tuy nhiên, việc tham gia các điều ước quốc tế cũng đồng nghĩa với việc phải thực hiện các yêu cầu và nghĩa vụ mà điều ước quốc tế quy định.

Trong năm qua, việc thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến không phổ biến hạt nhân của ta đã rất tốt, được IAEA, cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện thanh sát quốc tế, đánh giá cao. Ta cũng đã thực hiện được các nghĩa vụ cơ bản mà điều ước quốc tế quy định, ví dụ như nộp Báo cáo quốc gia, tham dự các cuộc họp đánh giá định kỳ và các cuộc họp bất thường./.

# V. TÌNH HÌNH BẢO ĐẢM AN TOÀN BỨC XẠ TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG BỨC XẠ VÀ ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

Theo thống kê về số lượng cơ sở tiến hành công việc bức xạ năm 2019, trên cả nước có khoảng 1568 cơ sở tiến hành công việc bức xạ có sử dụng nguồn phóng xạ và các thiết bị phát bức xạ (trừ cơ sở X-quang dùng trong chẩn đoán y tế), tăng 4,5% so với năm 2019 và được phân bố trong nhiều lĩnh vực khác nhau:

**Hình 5.1. Phân bố số lượng các cơ sở tiến hành công việc bức xạ theo lĩnh vực hoạt động năm 2019**

Thống kê về số lượng nguồn phóng xạ năm 2019, trên cả nước có khoảng 7715 nguồn phóng xạ, trong đó có 6411 nguồn phóng xạ kín đang sử dụng được phân bố trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Trong năm 2019, tình hình bảo đảm an toàn bức xạ của các cơ sở này như sau:

1. **Công tác kiểm soát chiếu xạ cá nhân**

Tính đến ngày 31/12/2019, trên cả nước có 9 cơ sở thực hiện dịch vụ đọc liều chiếu xạ cá nhân:

* Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt;
* Trung tâm hạt nhân TP. Hồ Chí Minh;
* Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân;
* Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ Bình Dương;
* Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học Hoàng Nguyên;
* Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Tiên Tiến.
* Trung tâm Kỹ thuật Thí nghiệm và Ứng dụng Khoa học Công nghệ tỉnh Đồng Tháp.
* Trung tâm ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp.
* Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ tinhr Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Đánh giá kết quả đọc liều cá nhân của một số đơn vị:**

* Trung tâm Ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ Bình Dương: Đọc liều cho 271 cơ sở, số liều kế được đọc là 1653 liều kế. Trong đó, không có giá trị đo liều chiếu vượt giới hạn (20mSv/1 năm).
* Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt: Đọc liều cho 4698 nhân viên bức xạ (bao gồm 125 nhân viên của viện, 2470 nhân viên của các cơ sở y tế và 2013 nhân viên làm trong các cơ sở công nghiệp);
* Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học Hoàng Nguyên: Đọc liều cho 211 cơ sở, số người được đọc là 6403 người. Trong đó, không có giá trị đo liều chiếu vượt giới hạn (20 mSv/1 năm);
* Trung tâm Hạt nhân thành phố HCM: trong năm 2019, Trung tâm thực hiện đọc liều kế cá nhân cho 389 cơ sở và số liều kế được đọc là 2348 chiếc.

1. **Tình hình bảo đảm an toàn bức xạ của Viện Nghiên cứu hạt nhân**

Công tác bảo đảm an toàn bức xạ năm 2019 tại Viện Nghiên cứu hạt nhân (NCHN) được thực hiện nghiêm túc theo hướng dẫn tại các các văn bản quy định hiện hành của nhà nước về bảo đảm an toàn bức xạ, hạt nhân. Một số nội dung chính liên quan đến việc tình hình bảo đảm an toàn bức xạ tại Viện NCHN như sau:

* **Kiểm soát liều khu vực và nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt**

Việc kiểm soát suất liều gamma và suất liều nơtron ở khu vực lò phản ứng (LPƯ) trong thời gian lò hoạt động ở công suất 500 kW đã được thực hiện đều đặn trong các đợt vận hành lò dài ngày. Việc kiểm soát liều bức xạ gamma trong khu vực nhà lò được thực hiện bằng Hệ kiểm soát suất liều bức xạ cố định DORA (tại 12 vị trí) và máy đo liều xách tay (tại 10 vị trí). Kết quả đo suất liều gamma ở các vị trí trong khu vực nhà lò không thay đổi nhiều và ở mức thấp hơn so với năm 2018. Tại các khu vực có nhân viên làm việc, suất liều nằm trong giới hạn cho phép (khoảng từ 0,22 – 6,48 µSv/h). Việc kiểm soát suất liều nơtron được thực hiện tại 6 vị trí trong khu vực nhà lò, bao gồm các kênh ngang số 1 (tại cửa kênh), các kênh ngang số 2, 3 và 4 (tại vị trí có người thường xuyên làm việc), cột nhiệt và một vị trí trên mặt lò. Trong năm 2019, suất liều nơtron trung bình đo được trên các kênh ngang số 2 là 9,62 µSv/h, cao hơn so với trung bình của năm 2018 (2,57 µSv/h) mà nguyên nhân chính là do nhóm khai thác kênh nhiều lần mở kênh để tiến hành thí nghiệm, suất liều neutron trung bình tại vị trí cột nhiệt (1.30 µSv/h) cao hơn so với nam2 2018 (1,21 µSv/h) nhưng không đáng kể; các vị trí mặt lò, suất liều nơtron là 0,71 µSv/h và kênh ngang số 4 là 0,94 µSv/h, các vị trí kenh ngang số 1 và số 3 thấp hơn ngưỡng phát hiện của thiết bị đo.

Việc kiểm soát liều khu vực tại các phòng thí nghiệm ở tòa nhà số 1, nhà số 2, nhà số 2A, nhà số 5A, nhà đặt nguồn Co-60 và Trung tâm Đào tạo đã được thực hiện mỗi tháng một hoặc hai lần tùy thuộc vào đượt chạy lò dài ngày. Suất liều gamma trung bình tại phòng thí nghiệm sản xuất I-ốt viên nang (đo tại vị trí làm việc) ở thời điểm sản xuất vào khoảng 27,87 µSv/h, tuy nhiên thời gian làm việc tổng cộng của một nhân viên trong phòng này cho cả đợt sản xuất không quá 02 giờ nên liều tích lũy khi làm việc trong một ngày nằm trong giới hạn cho phép. Suất liều gamma ở các khu vực còn lại tương tự như những năm trước và đều ở dưới mức giới hạn cho phép (dưới 10 µSv/h).

Việc kiểm soát nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt tại khu vực nhà lò và các phòng thí nghiệm được tiến hành sau khi LPƯ ngừng hoạt động và bắt đầu công việc sản xuất đồng vị phóng xạ. Việc phát hiện nhiễm bẩn phóng xạ và tiến hành công việc tẩy xạ ở những nơi có mức nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt vượt giới hạn cảnh báo (giới hạn này do Viện NCHN thiết lập để kiểm soát và bằng 1/2 mức cho phép) được thực hiện kịp thời. Năm 2019, mức nhiễm bẩn phóng xạ tại các vị trí kiểm soát ở khu vực nhà số 1 nằm trong giới hạn cho phép (8,70 Bq/cm2) và tăng không đáng kể so với năm 2018 (8,50 Bq/cm2).

Việc kiểm soát nồng độ 131I trong không khí ở Phòng Điều khiển LPƯ, một số phòng sản xuất đồng vị phóng xạ và hành lang nhà số 1 được thực hiện sau một ngày sản xuất đồng vị phóng xạ (ngày làm việc đầu tiên sau đợt sản xuất đồng vị phóng xạ). Tại khu vực sản xuất 131I (phòng Đồng vị 2), nồng độ Iốt phóng xạ trong không khí trung bình ở mức 712,16 Bq/m3 (theo ICRP PUBLICATION 78, nồng độ 131I cho phép cực đại là 760 Bq/m3 với điều kiện làm việc thường xuyên 8 giờ/ngày và 5 ngày/tuần). Ở các vị trí kiểm soát còn lại, mức I ốt phóng xạ trong không khí luôn thấp hơn nhiều so với mức giới hạn cho phép.

* **Kiểm soát liều cá nhân**

Việc theo dõi liều chiếu trong cho các nhân viên có nguy cơ bị chiếu trong cao (05 nhân viên thuộc Trung tâm An toàn bức xạ và 09 nhân viên thuộc Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ) bằng phương pháp lấy mẫu nước tiểu và đo trên hệ phổ kế gamma được thực hiện thường xuyên sau mỗi đợt sản xuất đồng vị phóng xạ. Kết quả theo dõi liều chiếu trong (chủ yếu gây ra bởi 131I) cả năm đối với các nhân viên của Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ cho người thấp nhất là 1,49 mSv và người cao nhất là 4,82 mSv (năm 2018, tổng liều chiếu trong cả năm cho người thấp nhất là 0,62 mSv và người cao nhất là 3,54 mSv).

Việc theo dõi liều chiếu ngoài cho cán bộ công nhân viên của Viện được thực hiện với chu kỳ 2 tháng/lần và cho các nhân viên làm việc ở Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ là 1 tháng/lần. Liều cá nhân đối với nhóm sản xuất đồng vị phóng xạ đo được từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2019 nằm trong khoảng 0,50 ÷ 18,19 mSv; những nhân viên còn lại của Viện có liều chiếu ngoài năm 2019 nằm trong khoảng 0,12 ÷ 1,02 mSv.

* **Quan trắc phóng xạ môi trường xung quanh khu vực Lò phản ứng:**

Đối tượng được quan trắc xung quanh LPƯ là son khí, suất liều gamma môi trường, nước bề mặt và sa lắng. Dưới đây là những kết quả quan trắc cụ thể thu được:

**+ Thành phần phóng xạ trong không khí:**

*Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong son khí ở Đà Lạt năm 2019:*

7Be: (0,86 ÷ 3,05) x 10-3 Bq/m3

40K: (0,06 ÷ 0,24) x 10-4 Bq/m3

232Th: (0,73 ÷ 1,49) x 10-6 Bq/m3

238U: (0,03 ÷ 0,09) x 10-5 Bq/m3

134Cs: < 0,07 x 10-6 Bq/m3

137Cs: < 0,07 x 10-6 Bq/m3

*Mật độ rơi lắng các đồng vị phóng xạ ở Đà Lạt năm 2019:*

7Be: 0,97 ÷ 131,50 Bq/m2/tháng

40K: 0,71 ÷ 8,25 Bq/m2/tháng

232Th: 0,04 ÷ 0,35 Bq/m2/tháng

238U: 0,03 ÷ 0,33 Bq/m2/tháng

134Cs: < 0,02 Bq/m2/tháng

137Cs: < 0,02 Bq/m2/tháng

∑β: 1,4 ÷ 34,7 Bq/m2/tháng

Hoạt độ của các đồng vị phóng xạ tự nhiên 7Be, 40K, 232Th, 238U không thay đổi nhiều so với những năm trước. Đồng vị 137Cs (được sinh ra do việc xả thông lệ hoặc sự cố từ LPƯ hạt nhân hoặc sinh ra từ các vụ thử vũ khí hạt nhân) có hoạt độ rất thấp, dải hoạt độ thu được từ 10 ÷ 100 lần thấp hơn ở các thành phố Châu Âu và Nhật Bản.

**+ Suất liều chiếu ngoài gamma môi trường**

Suất liều chiếu ngoài gamma môi trường tại Viện NCHM nằm trong dải từ 1,58 - 1,79 mSv/năm ở Đà Lạt, các giá trị suất liều này gây ra bởi các nguyên tố U, Th, K có trong đất, đá, thực vật, … và 7Be từ tia vũ trụ.

**+ Thành phần phóng xạ trong nước thải sinh hoạt và nước hồ Xuân Hương**

Dải tổng hoạt độ phóng xạ bêta trong nước thải sinh hoạt được thu góp tại của xả hồ lắng của Viện Nghiên cứu hạt nhân năm 2019:

∑β: (123 ÷ 264) mBq/L

Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong nước hồ Xuân Hương năm 2019:

238U: (1,8 ÷ 4,0) mBq/L

226Ra: (2,3 ÷ 6,5) mBq/L

232Th: (2,5 ÷ 11,8) mBq/L

40K: (155 ÷ 372) mBq/L

137Cs: < 0,20 ÷ (0,40) mBq/L

∑β: (163 ÷ 356) mBq/L

Các nguyên tố phóng xạ nhân tạo phát gamma chỉ có 137Cs ở mức rất thấp, hoạt độ không có thay đổi gì so với mức phông trước khi Lò phản ứng hoạt động. Các nguyên tố phóng xạ tự nhiên chủ yếu là 238U, 226Ra, 232Th, 40K, trong đó thông số phóng xạ đáng quan ngại nhất trong nước là 226Ra, tuy nhiên, ở đây vẫn còn thấp xa (khoảng 100 lần) so với nồng độ cho phép của 226Ra trong nước sinh hoạt theo TCVN-4397-87 (0,370 Bq/L). Tổng hoạt độ phóng xạ β trong mẫu nước quan trắc, đều thấp hơn so với giới hạn cho phép của nước tự nhiên nêu trong QCVN 08 - MT:2015/BTNMT (1 Bq/L). So với các năm trước, hoạt độ của các đồng vị phóng xạ trong nước hồ Xuân Hương không có biến động gì đáng kể.

**+ Thành phần phóng xạ trong đất**

Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong đất xung quanh LPƯ năm 2019:

238U: (64,1 ÷ 72,2) Bq/Kg

232Th: (70,2 ÷ 91,7) Bq/kg

40K: (47 ÷ 56) Bq/kg

137Cs: (0,87 ÷ 1,22) Bq/kg

134Cs: < LOD (LOD = 0,08 Bq/kg)

∑β: (462 ÷ 511) Bq/kg

Kết quả về hoạt độ các đồng vị phóng xạ tự nhiên (40K, 232Th, 238U, 226Ra) và nhân tạo (134Cs, 137Cs) trong đất xung quanh LPƯ nằm ở mức phông bình thường và không có biến động gì đáng kể.

1. **Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở chiếu xạ công nghiệp**

Hiện tại Việt Nam có 7 cơ sở chiếu xạ công nghiệp đang hoạt động và 01 cơ sở đang trong quá trình xây dựng, gồm:

* Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú;
* Công ty cổ phần chiếu xạ An Phú - Chi nhánh
* Công ty TNHH Thái Sơn;
* Công ty CP Chế biến Thủy Hải Sản Sơn Sơn;
* Trung tâm chiếu xạ Hà Nội;
* Trung tâm Nghiên cứu và Triển khai Công nghệ Bức xạ;
* Công ty TNHH Nipro Pharma Việt Nam;
* Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thực phẩm Sài Gòn (Đang xây dựng);

**Bảng 5. 1. Công tác đảm bảo an toàn bức xạ của các cơ sở chiếu xạ công nghiệp**

| **STT** | **Tình hình thực hiện hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ** | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thực hiện quy định về Khai báo và Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ | 100% cơ sở thực hiện tốt việc khai báo, đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ |
| 2 | Những thay đổi so với hồ sơ cấp phép | - 100% cơ sở khi có thay đổi thông tin so với hồ sơ cấp phép (như địa chỉ, người phụ trách an toàn....) đều có văn bản khai báo với Cục ATBXHN theo quy định.  - Các đơn vị nạp nguồn bổ sung đều được Cục ATBXHN phê duyệt cấp phép sử dụng bổ sung nguồn phóng xạ vào thiết bị chiếu xạ đã được Bộ KHCN cấp giấy phép vận hành. |
| 3 | Đào tạo và huấn luyện cho nhân viên bức xạ | - 100% người phụ trách và nhân viên vận hành thiết bị chiếu xạ được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ.  - Các nhân viên bức xạ được đào tạo về an toàn bức xạ định kỳ theo quy định. Hồ sơ đào tạo được lưu giữ đầy đủ tại cơ sở. |
| 4 | Kiểm soát liều chiếu xạ cá nhân | - 100% cơ sở đã trang bị liều kế cá nhân và tổ chức đọc liều định kỳ 3 tháng/1 lần cho các nhân viên bức xạ.  - Các nhân viên bức xạ đều được thông báo kết quả đọc liều sau mỗi lần đọc. Trong năm 2019, không có cá nhân nào nhận mức liều lớn hơn giá trị giới hạn liều hàng năm đối với nhân viên bức xạ.  - Các cơ sở đã tổ chức lưu giữ hồ sơ đọc liều của nhân viên bức xạ. Tuy nhiên phần lớn các cơ sở chưa lập sổ theo dõi liều cá nhân cho từng nhân viên theo quy định tại Thông tư 19/2012/TTBKHCN về kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng. |
| 5 | Hồ sơ theo dõi sức khoẻ của nhân viên bức xạ | 100% nhân viên bức xạ được khám sức khỏe định kỳ theo quy định. Chưa có nhân viên nào qua theo dõi sức khỏe phát hiện có dấu hiệu ảnh hưởng do bức xạ gây ra. |
| 6 | Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ | - 100% cơ sở đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tại cơ sở, 85% cơ sở chưa được Cục ATBXHN phê duyệt theo quy định tại Thông tư 25/2014/TT-BKHCN quy định về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân.  - Trong năm 2019 các cơ sở không để xảy ra sự cố nào tại các đơn vị. |
| 7 | Kiểm xạ khu vực làm việc | - 100% các cơ sở thường xuyên thực hiện đo đánh giá an toàn bức xạ tại khu vực sử dụng thiết bị chiếu xạ, các đơn vị đều trang bị thiết bị đo suất liều bức xạ xách tay và thiết bị đo bức xạ lắp cố định để giám sát an toàn trong thời gian vận hành. |
| 8 | Đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ | - 100% các cơ sở đã trang bị hệ thống đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ như: khóa liên động, camera an ninh... kết hợp với kiểm soát hành chính và đội ngũ bảo vệ 24/24 giờ.  - Kiểm đếm nguồn phóng xạ: hầu hết các cơ sở đều thực hiện việc kiểm đếm nguồn phóng xạ định kỳ theo quy định (ngoài trừ Trung tâm chiếu xạ Hà Nội, do đặc trưng của loại thiết bị chiếu xạ này nguồn phóng xạ lưu giữ trong bể khô với hệ thống hầm che chắn nên không thể thực hiện kiểm đếm thông thường như hệ bể lưu giữ bằng nước).  - Trong năm 2019 không cơ sở nào có tình trạng bất ổn về an ninh nguồn. |
| 9 | Biển cảnh báo bức xạ và tín hiệu cảnh báo bức xạ, các thiết bị bảo đảm an toàn | - 100% các cơ sở đã trang bị đầy đủ hệ thống cảnh báo bức xạ (hình ảnh và âm thanh....) và thiết bị đảm bảo an toàn bức xạ (hệ thống dừng khẩn cấp, khóa liên động, thiết bị theo dõi bức xạ.....).  - Các thiết bị ghi đo bức xạ đều được kiểm chuẩn định kỳ hàng năm. |
| 10 | Quy trình vận hành, nhật ký vận hành và hồ sơ thiết bị chiếu xạ, nội quy an toàn bức xạ | - 100% các cơ sở đã xây dựng và áp dụng nội quy an toàn, quy trình vận hành, nhật ký vận hành đến toàn bộ các nhân viên bức xạ.  - Các cơ sở đã tổ chức ghi chép đầy đủ hoạt động vận hành và bảo dưỡng trong hồ sơ lưu.  - Hoạt động bảo dưỡng thiết bị sử dụng nguồn phóng xạ chủ yếu do cơ sở tự thực hiện. Tuy nhiên một số đơn vị thực hiện hoạt động bảo dưỡng chưa tốt dẫn đến tình trạng kẹt nguồn trong quá trình hoạt động. |

1. **Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở xạ trị và y học hạt nhân**

Đến hết năm 2019, Việt Nam có 29 cơ sở xạ trị (trong đó có 42 thiết bị gia tốc và 11 thiết bị sử dụng nguồn) và 50 cơ sở y học hạt nhân còn hoạt động. Danh sách các cơ sở này được liệt kê tại Phụ lục 7.

100% các thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ đã được cấp phép tiến hành công việc bức xạ..

Kết quả đánh giá tình hình hoạt động và đảm bảo an toàn bức xạ (Căn cứ các báo cáo thực trạng của các cơ sở đã nộp năm 2019) được đưa ra trong Bảng 5.2.

**Bảng 5.2. Đánh giá tình hình hoạt động và đảm bảo an toàn bức xạ**

| **STT** | **Tình hình thực hiện hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ** | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Việc chấp hành các quy định về khai báo, xin cấp phép, các điều kiện giấy phép đã được cấp: | 100% cơ sở thực hiện tốt. |
| 2 | Trách nhiệm, quyền hạn, hiệu quả thực thi nhiệm vụ của người phụ trách an toàn bức xạ | 100% cơ sở đã bổ nhiệm người phụ trách an toàn, người phụ trách an toàn được phân quyền và trách nhiệm theo đúng quy định.  Báo cáo của các cơ sở chưa thể hiện hiệu quả thực thi nhiệm vụ của người phụ trách an toàn. |
| 3 | Chứng chỉ nhân viên bức xạ đối với người phụ trách an toàn, nhân viên bức xạ khác | 100% người phụ trách và nhân viên vận hành thiết bị chiếu xạ được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ. |
| 4 | Công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ về an toàn bức xạ cho nhân nhiên bức xạ | 100% nhân viên bức xạ được đào tạo ban đầu và đào tạo lại về an toàn bức xạ. |
| 5 | Thực hiện công tác quản lý, đọc liều chiếu xạ cá nhân cho nhân viên bức xạ | 100% nhân viên bức xạ được trang bị liều kế các nhân và được đọc liều định kỳ 3 tháng/1 lần. |
| 6 | Tổ chức công tác theo dõi, kiểm tra sức khỏe định kỳ cho nhân viên bức xạ | 100% nhân viên bức xạ được tổ chức khám sức khỏe định kỳ. |
| 7 | Thực hiện công tác quản lý hồ sơ kỹ thuật của thiết bị bức xạ, các chứng chỉ tài liệu liên quan đến nguồn phóng xạ | 100% các cơ sở đã lập và lưu giữ các hồ sơ kỹ thuật liên quan đến thiết bị và do bộ phận kỹ thuật quản lý. |
| 8 | Lập sổ theo dõi vận hành thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ | 100% các cơ sở đã lập sổ theo dõi (nhật ký vận hành) thiết bị chiếu xạ. |
| 9 | Thực hiện Quy trình hướng dẫn v ận hành thiết bị an toàn, quy trình tiến hành công việc bức xạ khác liên quan | 100% các cơ sở đã xây dựng quy trình vận hành. |
| 10 | Thực hiện Nội quy an toàn bức xạ | 100% các cơ sở đã xây dựng và áp dụng nội quy an toàn đến toàn bộ các nhân viên bức xạ. |
| 11 | Lập và triển khai thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tại cơ sở, trình Cục ATBXHN phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố, công tác triển khai thực hiện diễn tập kế hoạch ƯPSC…  Thống kê các sự cố bức xạ xảy ra (nếu có mô tả sự cố, biện pháp khắc phục, xử lý sự cố, kết quả xử lý, báo cáo kết quả lên cấp trên) | - 100% cơ sở đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ tuy nhiên tất cả các cơ sở chưa tổ chức diễn tập ứng phó sự cố.    - Trong năm 2019, các cơ sở không để xảy ra sự cố bức xạ nào. |
| 12 | Thực hiện các quy định đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ (chỉ áp dụng đối với các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ) | - 100% cơ sở đã xây dựng quy định về đảm bảo an ninh, có trang bị hệ thống camera theo dõi, bảo vệ 24/24 giờ. |
| 13 | Thực hiện kiểm tra chất lượng thiết bị, kiểm xạ định kỳ khu vực làm việc | 100% cơ sở đã trang bị thiết bị đo suất li ều bức xạ, hàng ngày đều thực hiện kh ảo sát bức xạ tại các khu vực đặt phòng xạ trị. |
| 14 | Công tác trang bị, hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ | 100% cơ sở đã thực hiện hiệu chuẩn thiết bị theo định kỳ. |
| 15 | Quy định các biển cảnh báo bức xạ (thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ, nơi sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ) | 100% cơ sở đã thực hiện khoanh vùng, trang bị biển cảnh bảo bức xạ. |
| 16 | Công tác lưu giữ bảo quản thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng | Các nguồn phóng xạ sau khi không còn nhu cầu sử dụng đều được lưu kho an toàn và được cấp giấy phép lưu giữ nguồn phóng xạ. |
| 17 | Thực hiện các yêu cầu của cơ quan QLNN về ATBX và khuyến cáo của kết luận thanh tra (nếu có) | 100% cơ sở đã thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý và các khuyến cáo của đoàn thanh kiểm tra. |

1. **Tình hình đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở chụp ảnh phóng xạ công nghiệp**

Theo thống kê trong năm 2019 cả nước có 80 cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong lĩnh vực chụp ảnh phóng xạ công nghiệp (NDT). Trong đó, có 24 cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ và 56 cơ sở sử dụng thiết bị phát tia. Các cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong NDT đều đã được Cục ATBXHN cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

Thống kê công tác đảm bảo an toàn bức xạ của các cơ sở này được đưa ra trong Bảng 4 dưới đây.

**Bảng 4. Tình hình thực hiện hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ tại các cơ sở chụp ảnh phóng xạ công nghiệp**

| **STT** | **Tình hình thực hiện hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ** | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thực hiện quy định về Khai báo và Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ | 100% cơ sở thực hiện việc khai báo, đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ, sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ.  Việc thực hiện khai báo khi nạp nguồn phóng xạ trong quá trình sử dụng thiết bị chụp ảnh phóng xạ dùng nguồn phóng xạ của hầu hết các cơ sở tốt. |
| 2 | Những thay đổi so với hồ sơ cấp phép | 100% cơ sở khi có thay đổi thông tin so với hồ sơ cấp phép (như địa chỉ, người phụ trách an toàn....) đều có văn bản khai báo với Cục ATBXHN theo quy định. |
| 3 | Đào tạo và huấn luyện cho nhân viên bức xạ | 100% người phụ trách và nhân viên chụp ảnh phóng xạ công nghiệp được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ. Các nhân viên bức xạ được đào tạo về an toàn bức xạ định kỳ theo quy định. Hồ sơ đào tạo được lưu giữ đầy đủ tại cơ sở. Hiện nay, theo quy định của Thông tư 34/2014/TT- BKH&CN ngày 27/11/2014 Quy định về đào tạo an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ, người phụ trách an toàn và hoạt động dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ, các nhân viên bức xạ mới đang dần chuyển sang học theo quy định này khi chứng nhận đào tạo hết hạn hoặc khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ mới. |
| 4 | Kiểm soát liều chiếu xạ cá nhân | 100% cơ sở đã trang bị liều kế cá nhân và tổ chức đọc liều định kỳ 3 tháng/1 lần cho các nhân viên bức xạ.  Các nhân viên bức xạ đều được thông báo kết quả đọc liều sau mỗi lần đọc.  - Các quy định tại Thông tư 19/2012/TT-BKHCN về kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng. |
| 5 | Hồ sơ theo dõi sức khoẻ của nhân viên bức xạ | 100% nhân viên bức xạ được khám sức khỏe định kỳ theo quy định.  Chưa có nhân viên nào qua theo dõi sức khỏe phát hiện có dấu hiệu ảnh hưởng do bức xạ gây ra. |
| 6 | Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ | 100% cơ sở đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tại cơ sở và lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố gửi Cục ATBXHN phê duyệt theo quy định tại Thông tư 25/2014/TT-BKHCN quy định về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân. |
| 7 | Kiểm xạ khu vực làm việc | 100% các cơ sở thường xuyên thực hiện giám sát và đánh giá an toàn bức xạ tại khu vực tiến hành công việc bức xạ tại hiện trường, tại kho lưu giữ khi không sử dụng; 100% đơn vị trang bị thiết bị đo suất liều bức xạ xách tay và thiết bị đo bức xạ được hiệu chuẩn định kỳ theo quy định. |
| 8 | Đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ | 100% các cơ sở tuân thủ quy định hiện hành về công tác bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ: kiểm kê, kiểm đếm, bảo đảm an ninh khi vận chuyển hoặc khi không sử dụng, ...  Việc triển khai thực hiện quy định lắp đặt thiết bị giám sát nguồn phóng xạ theo quy định của Thông tư 13/2015/TT-BKHCN ngày 21/7/2015 sửa đổi bổ sung cho Thông tư 23/2010/TT-BKHCN còn nhiều tranh cãi và bất cập.  Các cơ sở đều ủng hộ và 06 cơ sở tình nguyện tham gia dự án RadLot về lắp đặt thiết bị giám sát nguồn phóng xạ của Việt Nam do IAEA và Hàn Quốc tài trợ. 06 cơ sở được lựa chọn tham gia lắp đặt thử thiết bị giám sát nguồn phóng xạ do các tổ chức trong nước sản xuất, chế tạo và thử nghiệm. |
| 9 | Biển cảnh báo bức xạ và tín hiệu cảnh báo bức xạ, các thiết bị bảo đảm an toàn | 100% các cơ sở đã trang bị đầy đủ hệ thống cảnh báo bức xạ (biển cảnh báo, còi cảnh báo, đèn cảnh báo) và thiết bị đảm bảo an toàn bức xạ cũng như các trang thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố.  Các thiết bị ghi đo bức xạ đều được kiểm chuẩn định kỳ hàng năm. |
| 10 | Quy trình vận hành, nhật ký vận hành và hồ sơ thiết bị chiếu xạ, nội quy an toàn bức xạ | 100% các cơ sở đã xây dựng và áp dụng nội quy an toàn, quy trình vận hành, nhật ký vận hành đến toàn bộ các nhân viên bức xạ.  Các cơ sở đã tổ chức ghi chép đầy đủ hoạt động vận hành và bảo dưỡng trong hồ sơ lưu.  Hoạt động bảo dưỡng thiết bị sử dụng nguồn phóng xạ chủ yếu do cơ sở tự thực hiện. Tuy nhiên một số đơn vị thực hiện hoạt động bảo dưỡng chưa tốt dẫn đến tình trạng kẹt nguồn trong quá trình hoạt động.  Ngoài ra, do nhận thức về văn hóa an toàn, an ninh còn chưa được nâng cao nên tại một số đơn vị còn xuất hiện việc nhân viên chụp ảnh phóng xạ không tuân thủ các quy trình làm việc, nội quy an toàn dẫn đến các sự cố như bị chiếu xạ vượt quá giới hạn hoặc để mất nguồn phóng xạ. |

## 

# VI. AN TOÀN ĐỐI VỚI LÒ PHẢN ỨNG HẠT NHÂN NGHIÊN CỨU

1. **Giới thiệu chung**

Hiện tại Việt Nam có duy nhất một Lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu (LPƯNC) là Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt (LPƯHNĐL) thuộc Viện Nghiên cứu hạt nhân (NCHN). Lò phản ứng (LPƯ) được xây dựng từ những năm 1960 theo công nghệ TRIGA Mark II do Mỹ thiết kế với công suất ban đầu là 250 kW. LPƯ được đưa vào hoạt động từ năm 1963 tới năm 1968 và dừng hoạt động do chiến tranh ác liệt tại khu vực Tây Nguyên. Năm 1975, toàn bộ nhiên liệu hạt nhân của LPƯ được lấy ra khỏi vùng hoạt và chuyển về Mỹ. Trong những năm 1980, với sự hỗ trợ của Liên Xô cũ, LPƯ đã được thay đổi cấu trúc vùng hoạt, nhiên liệu hạt nhân và nâng công suất lên 500 kW. LPƯ chính thức hoạt động trở lại từ tháng 3/1984 cho tới nay.

Sau gần 60 năm từ khi bắt đầu được xây dựng, LPƯHNĐL đang đối mặt với vấn đề lão hóa các cấu trúc, hệ thống và bộ phận của LPƯ. Bên cạnh đó, do công suất thấp và phạm vi ứng dụng hẹp, LPƯHNĐL không còn đáp ứng đủ nhu cầu ứng dụng đối với LPƯNC trong nước ngày càng tăng. Theo yêu cầu từ phía Việt Nam, năm 2011 Liên bang Nga cam kết giúp Việt Nam xây dựng Trung tâm KH&CN hạt nhân, cấu phần chính là LPƯNC mới công suất 10 MW, có thể được nâng công suất lên 15 MW. Trung tâm KH&CN hạt nhân được xây dựng nhằm mục tiêu tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật bức xạ và hạt nhân phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Dự án Trung tâm KH&CN hạt nhân đã được phê duyệt chủ trương đầu tư (Pre-FS) theo Quyết định số 75/QĐ-TTg ngày 19/11/2018 của Thủ tưởng Chính phủ. LPƯNC mới có công suất lớn hơn nhiều so với LPƯHNĐL, do đó Cục ATBXHN đang tích cực xây dựng, trình Bộ KH&CN ban hành các văn bản quy định về an toàn bức xạ và hạt nhân đối với LPƯNC mới. Trong khi, Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam đang tích cực chuẩn bị cho việc lập hồ sơ trình phê duyệt dự án (FS).

1. **Hoạt động quản lý, bảo đảm an toàn Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt**

Hiện nay LPƯHNĐL hoạt động theo Giấy phép số 06/GP-BKHCN cấp ngày 07/2/2013 có giá trị trong thời hạn 10 năm. Trong những năm gần đây, Cục ATBXHN thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân đối với LPƯHNĐL thông qua hoạt động thanh tra trực tiếp LPƯHNĐL (Cục ATBXHN không thanh tra LPƯHNĐL trong năm 2019) và kiểm tra Báo cáo định kỳ hàng năm tình hình hoạt động của LPƯHNĐL.

Theo Báo cáo của Viện NCHN về tình hình hoạt động của LPƯHNĐL và công tác đảm bảo an toàn bức xạ năm 2019, LPƯHNĐL đã vận hành 18 đợt chạy lò dài ngày (mỗi đợt từ 150 giờ đến 180 giờ) ở công suất 500 kW để phục vụ cho việc chiếu mẫu sản xuất các đồng vị phóng xạ, chiếu xạ kích hoạt mẫu để phân tích các nguyên tố và tiến hành các thí nghiệm nghiên cứu kết hợp khác. Ngoài các đợt vận hành lò dài ngày, thời gian còn lại được dành cho công tác kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc thiết bị thuộc các hệ thống công nghệ hoặc vận hành lò ở công suất thấp, thời gian ngắn phục vụ cho các thí nghiệm nghiên cứu và công tác đào tạo. Tổng thời gian LPƯ hoạt động là 2928 giờ với năng lượng giải phóng khoảng 74 MW\*ngày. Tổng hoạt độ các đồng vị phóng xạ đã được sản xuất khoảng 520 Ci.

Trong năm 2019, LPƯHNĐL đã xảy ra 07 lần dập lò tự động trong khi vận hành, trong đó: 05 lần dập lò do nháy/mất điện lưới và 02 lần dập lò do treo CPU khối xử lý thông số công nghệ (PNO-121R6 của Unit BPM-108R1) dẫn đến thông số công nghệ của các bơm vòng 1&2 trở về không trong khi các bơm và thiết bị tự ghi vẫn hoạt động bình thường. Việc treo CPU khối xử lý thông số công nghệ không thấy xuất hiện trở lại từ tháng 6/2019 tới nay. Viện NCHN đang theo dõi để tìm ra nguyên nhân hiện tượng này. Các sự kiện dẫn đến dập lò ngoài kế hoạch đã được báo cáo cho Cục ATBXHN trong báo cáo kết quả chạy lò sau khi kết thúc đợt chạy lò dài ngày.

Công tác kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng định kỳ thiết bị, hệ thống công nghệ của LPƯHNĐL đã được Viện NCHN thực hiện thường xuyên. Công tác bảo đảm chất lượng và kiểm tra định kỳ các thông số hóa học của nước trong bể lò và trong bể chứa nhiên liệu đã qua sử dụng cũng được thực hiện đầy đủ. Độ pH và độ dẫn điện nước trong bể lò và trong bể chứa nhiên liệu đã qua sử dụng được duy trì trong giới hạn vận hành cho phép. Kết quả đo đạc và theo dõi các đồng vị phóng xạ (135Xe, 41Ar, 28Al và 56Mn) trong nước của bể lò cho thấy không có thay đổi đáng kể chứng tỏ chất lượng nước trong bể lò được bảo đảm và không có bất thường liên quan tới tính toàn vẹn của vỏ bọc nhiên liệu. Qua theo dõi thùng lò bằng thiết bị camera độ phân giải cao, kết quả cho thấy tình trạng ăn mòn của thùng lò và các bộ phận bên trong bể lò chưa đáng kể.

Việc kiểm soát khí thải phóng xạ sinh ra từ hoạt động của LPƯ được thực hiện bằng hệ kiểm soát khí thải AMS-4 đặt sau phin lọc của hệ thống gió V1 (hút khí từ LPƯ sau đó đi qua ống thải khí cao 40 m). Hệ AMS-4 kiểm soát định kỳ hoạt độ khí trơ, I-ốt phóng xạ và son khí trong dòng không khí thải ra từ hệ V1. Trong năm 2019, tổng hoạt độ khí trơ thải ra môi trường đo được trong các đợt vận hành LPƯ là 7,09x1010 Bq, nhỏ hơn so với quy định tại Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN về quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Kết quả đo hoạt độ phóng xạ của I-ốt và son khí qua hệ AMS-4 là rất thấp.

Việc xử lý nước thải phóng xạ sinh ra từ công việc vận hành LPƯ và sản xuất đồng vị phóng xạ được thực hiện thường xuyên. Nước sau khi qua hệ thống xử lý nước thải phóng xạ (đặt ở tầng hầm nhà số 2) được lấy mẫu kiểm tra và chỉ thải ra môi trường khi các thông số hóa lý thấp hơn giới hạn cho phép. Trong năm 2019, đã thu nhận và xử lý khoảng 20 m3 nước thải phóng xạ sinh ra từ công việc vận hành LPƯ và sản xuất đồng vị phóng xạ, cũng đã xử lý 03 m3 nước thải phóng xạ thứ cấp (chủ yếu sinh ra trong quá trình tái sinh các phin nhựa trao đổi i-ôn của Trạm xử lý nước thải phóng xạ, sản phẩm của quá trình keo tụ sử dụng hóa chất) bằng hệ hóa hơi hiện có ở Viện NCHN.

1. **Xây dựng văn bản về an toàn bức xạ và hạt nhân đối với Lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu**

Để chuẩn bị cơ sở pháp lý cho việc triển khai Dự án Trung tâm KH&CN hạt nhân và quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân đối với LPƯNC mới, Cục ATBXHN đã và đang xây dựng một số văn bản quy định về an toàn bức xạ và hạt nhân đối với LPƯNC, bao gồm:

- Quyết định 2403/QĐ-BKHCN ngày 26/8/2016 Ban hành Quy định về an toàn hạt nhân đối với địa điểm xây dựng LPƯNC thuộc Trung tâm KH&CN hạt nhân;

- Dự thảo Thông tư quy định về an toàn hạt nhân đối với LPƯNC (dự kiến ban hành năm 2020);

- Dự thảo Quyết định ban hành Quy định về nội dung Báo cáo phân tích an toàn và các tài liệu có liên quan trong hồ sơ đề nghị phê duyệt địa điểm, phê duyệt dự án đầu tư và cấp giấy phép xây dựng LPƯNC thuộc Trung tâm KH&CN hạt nhân (dự kiến ban hành năm 2020);

- Dự thảo Quyết định hướng dẫn thẩm định an toàn cho phê duyệt dự án đầu tư và cấp phép xây dựng LPƯNC (dự kiến ban hành năm 2021)./.

# VII. AN NINH NGUỒN PHÓNG XẠ, VẬT LIỆU HẠT NHÂN VÀ CƠ SỞ HẠT NHÂN

**1. Tình hình quản lý an ninh nguồn phóng xạ**

- Cục ATBXHN đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị soạn thảo, trình Lãnh đạo Bộ ban hành Thông tư 01/2019/TT-BKHCN ngày 30/5/2019 Quy định về bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ.

- Cục ATBXHN chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan làm việc với Giám đốc Ban An ninh hạt nhân của IAEA về các hỗ trợ và hợp tác của IAEA trong giai đoạn tiếp theo.

- Tham gia xử lý sự cố mất nguồn phóng xạ tại Công ty Giấy Bãi Bằng.

- Chủ trì xử lý các trường hợp phát hiện phóng xạ trong phế liệu sắt, thép và hàng hóa nhập khẩu: phát hiện phóng xạ chứa trong phế liệu sắt, thép của Công ty TNHH thép đặc biệt Shengli và một số sự cố khác.

- Tổ chức Hội nghị “Tăng cường công tác quản lý phế liệu sắt, thép và hàng hóa nhiễm xạ tại Việt Nam” với các cơ sở thu mua phế liệu lớn và các cơ quan liên quan.

- Tổ chức Cuộc họp về “kiểm soát vật liệu phóng xạ, hạt nhân có trong phế liệu sắt, thép và máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng” với các Bộ, ngành liên quan.

- Tổ chức phối hợp với các đơn vị có liên quan (Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật, Viện Khoa học và kỹ thuật hạt nhân) tổ chức đo giám định phóng xạ và lấy mẫu phân tích đối với các vật liệu phóng xạ ngoài kiểm soát pháp quy lẫn trong phế liệu nhập khẩu tại Hải Phòng;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng báo cáo thủ tướng chính phủ về công tác quản lý vật liệu phóng xạ lẫn trong phế liệu nhập khẩu, máy móc và thiết bị công nghiệp đã qua sử dụng; tổ chức các cuộc họp với Bộ Công an, Bộ Tài nguyên và môi trường, Bộ Công thương, Bộ Tài chính về việc xử lý phế liệu nhập khẩu;

- Chủ trì xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đối với năng lực phát hiện trong An ninh hạt nhân.

**2. Tình hình quản lý an ninh vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân**

- Nâng cao và hoàn thiện năng lực kiểm soát vật liệu hạt nhân, phóng xạ qua biên giới, cửa khẩu.

- Năm 2019, Cục ATBXHN đã cùng chuyên gia IAEA và cán bộ TCHQ thực hiện khảo sát tại Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất và Đà Nẵng để tiếp tục lắp đặt cổng phát hiện phóng xạ cho các Sân bay này.

- Hỗ trợ Cục Hải quan thành phố Hà Nội đánh giá hoạt động, độ tin cậy của hệ thống Cổng phát hiện phóng xạ lắp đặt tại Sân bay Quốc tế Nội Bài.

- Là đầu mối cho các hoạt động phối hợp với Tổng cục Hải quan liên quan đến Chương trình Kiểm soát xuất khẩu và Biên giới liên quan (EXBS) và Sáng kiến Megaport của Hoa Kỳ

- Năm 2019, Phòng ANTS theo sự chỉ đạo của Cục trưởng đã tổ chức họp Ban chỉ đạo Phòng chống khủng bố của Bộ Khoa học và Công nghệ theo Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo; Phòng đã chủ trì công tác kiện toàn Ban Chỉ đạo và triển khai các hoạt động kiểm tra, khảo sát an ninh các cơ sở bức xạ, cơ sở trọng điểm ngành KH&CN theo nhiệm vụ.

**3. Xây dựng năng lực hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quản lý an ninh nguồn phóng xạ và vật liệu hạt nhân**

- Hiện tại 02 cán bộ của Phòng ANTS đang tham gia Nhóm làm việc biên soạn tài liệu giảng dạy về nhận diện hàng hóa lưỡng dụng do Tổng cục Hải quan chủ trì.

- Đã hoàn thành giáo trình về nhận diện hàng hóa trong lĩnh vực hạt nhân và tên lửa./.

# VIII. THANH SÁT HẠT NHÂN

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) về việc áp dụng thanh sát theo Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân đã được ký kết ngày 02/10/1989 và có hiệu lực từ ngày 23/02/1990. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã ký Nghị định thư bổ sung (AP) cho cho Hiệp định Thanh sát ngày 10/8/2007. AP đã có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 17/9/2012. Hiệp định thanh sát và AP là cơ sở cho các hoạt động thanh sát hạt nhân của IAEA tại Việt Nam.

Các hoạt động thanh sát theo Hiệp định thanh sát bao gồm việc tiếp nhận báo cáo từ các cơ sở, xây dựng báo cáo quốc gia định kỳ theo yêu cầu của Hiệp định Thanh sát và nộp cho IAEA; đồng thời tiếp nhận chuyên gia IAEA vào Việt Nam thực hiện thanh sát định kỳ tại Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt và các cơ sở ngoài địa điểm (LOF) tại Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt), Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân và Viện Công nghệ Xạ - Hiếm (Hà Nội).

Việc thực hiện AP bao gồm tiếp nhận các khai báo từ các cơ sở chịu khai báo, xây dựng khai báo định kỳ quốc gia theo yêu cầu của AP và gửi cho IAEA; đồng thời tiếp nhận chuyên gia IAEA vào Việt Nam thực hiện tiếp cận bổ sung.

*a) Tình hình thực hiện*

- Thực hiện Hiệp định Thanh sát:

+ Gửi các báo cáo thanh sát đến IAEA kịp thời và chính xác. Đến nay đã có 120 báo cáo AP, 86 báo cáo kế toán vật liệu hạt nhân. Năm 2019, tính đến nay Phòng đã làm 11 báo cáo kế toán vật liệu hạt nhân, tạo điều kiện cho các cơ sở của Việt Nam thực hiện các hoạt động liên quan đến vật liệu hạt nhân.

+ Gửi thông báo cho IAEA về các ngày nghỉ lễ trong năm 2019 theo quy định của Hiệp định Thanh sát và Nghị định thư bổ sung.

+ Đã làm thủ tục phê duyệt cho 13 thanh sát viên do IAEA đề cử.

+ Đã làm thủ tục xin cấp visa một năm nhiều lần cho 02 đợt thanh sát viên IAEA (tổng 08 thanh sát viên).

+ Phối hợp với IAEA tổ chức Hội thảo về nâng cao năng lực của các cán bộ liên quan trong quá trình thực hiện thanh sát tại cơ sở.

- Thực hiện Nghị định thư bổ sung (AP):

+ Xây dựng và gửi khai báo theo quy định của Nghị định thủ bổ sung cho IAEA, sử dụng phần mềm mới PR3 do IAEA cung cấp. Đến nay, tổng cộng đã có 120 khai báo gửi cho IAEA. Tính đến thời điểm hiện tại, 03 khai báo năm 2013 đã gửi đúng thời hạn.

- Thực hiện thanh sát nội địa các cơ sở và địa điểm ngoài cơ sở hạt nhân trong nước từ ngày 18-23 tháng 11 năm 20019.

*b) Đánh giá kết quả*

- Các báo cáo thanh sát đã được nộp cho IAEA đúng thời hạn, với chất lượng tốt.

- Các khai báo theo Nghị định thư bổ sung đã được nộp cho IAEA đúng thời hạn, với chất lượng tốt.

- Quan hệ hợp tác với IAEA trong lĩnh vực thanh sát có hiệu quả.

# IX. QUẢN LÝ CHẤT THẢI PHÓNG XẠ, NGUỒN PHÓNG XẠ ĐÃ QUA SỬ DỤNG

1. **Giới thiệu về hệ thống quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng**

**1.1** **Nguyên tắc quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng**

1. Chất thải phóng xạ phải được quản lý bảo đảm an toàn cho con người và môi trường kể từ khi phát sinh cho đến khi được phép thải bỏ như chất thải không nguy hại hoặc chôn cất hoặc tái chế đối với vật thể nhiễm bẩn phóng xạ là kim loại. Nguồn phóng xạ đã qua sử dụng phải được quản lý bảo đảm an toàn cho con người và môi trường cho đến khi được chuyển trả cho nhà sản xuất, nhà cung cấp nước ngoài hoặc chôn cất.

2. Chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng phải được quản lý chặt chẽ để bảo đảm không gây hại cho con người và môi trường cả ở hiện tại và tương lai, bảo đảm sao cho tổng liều bức xạ đối với nhân viên bức xạ và công chúng không vượt quá giới hạn liều quy định tại Thông tư số 19/2012/TT-BKHCN ngày 08/11/2012 của Bộ KHCN quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng.

3. Nguồn phóng xạ đã qua sử dụng phải được trả lại nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp nước ngoài trong trường nhà sản xuất, nhà cung cấp có chính sách nhận lại nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

**1.2. Hệ thống quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng**

Chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng được quản lý bằng hệ thống văn bản pháp luật như mô tả Hình dưới đây:

## Trong đó, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ gồm:

Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12 ban hành ngày 03/6/2008, hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 3;

Nghị định số: 07/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật năng lượng nguyên tử;

Quyết định số 115/2007/QĐ-TTg ngày 23/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ.

Quyết định số 2376/QĐ-TTg ngày 28/12/2010 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt định hướng quy hoạch địa điểm lưu giữ, chôn cất chất thải phóng xạ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thông tư số 23/2010/TT-BKHCN ngày 29/12/2010 hướng dẫn bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 25/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án “Triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử”;

Thông tư số 19/2012/TT-BKHCN ngày 08/11/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc kiểm soát và đảm bảo an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng;

Thông tư số 23/2012/TT-BKHCN ngày 23/11/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn vận chuyển an toàn vật liệu phóng xạ.

Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN ngày 25/8/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ: Quy định về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng;

Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 10/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn bức xạ và an ninh nguồn phóng xạ;

TCVN 6866-2001 An toàn bức xạ - Giới hạn liều đối với nhân viên bức xạ và công chúng;

Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử;

Thông tư số 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/07/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ “Hướng dẫn về việc khai báo, cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ”, với các điều khoản về việc khai báo, Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung và cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Xử lý, lưu giữ chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng;

Thông tư số 19/2010/TT-BKHCN ngày 28/12/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ “Hướng dẫn thanh tra chuyên ngành về an toàn bức xạ và hạt nhân” với các điều khoản về thanh tra an ninh nguồn phóng xạ trong quá trình thanh tra;

Thông tư số 01/2019/TT-BKHCN ngày 30/5/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ “Quy định bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ” với các điều khoản về các biện pháp an ninh nhằm đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ từ mức an ninh cao nhất (mức A) đến mức an ninh thấp nhất (mức D) trong sử dụng, lưu giữ và vận chuyển nguồn phóng xạ;

Thông tư số 24/2010/TT-BKHCN ngày 29/12/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ với các điều khoản về phân loại và phân nhóm nguồn phóng xạ theo yêu cầu về an ninh;

Thông Tư số 27/2014/TT-BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệngày 10/10/2014 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/2013 của Chính phủ về việc Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, với các điều khoản hướng dẫn về nội dung xử phạt vi phạm hành chính đối với an ninh nguồn phóng xạ;

**2. Hoạt động quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng tại Việt Nam**

**2.1. Hiện trạng quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng**

Trong những năm qua, việc ứng dụng năng lượng nguyên tử vào trong hoạt động công nghiệp, y tế, nghiên cứu, đào tạo và các lĩnh vực khác đã diễn ra mạnh và đem lại thành tựu nhất định. Tuy nhiên, cùng với đó là phát sinh ra các chất thải phóng xạ, hay là nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Hiện nay, việc chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng được lưu giữ tại nhiều địa điểm trên toàn quốc. Việc lưu giữ này khá an toàn, nhưng trên thực tế các cơ sở này không được thiết kế với mục đích quản lý chất thải phóng xạ dài hạn. Đồng thời, việc lưu giữ như vậy là không theo với chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là theo Công ước chung về An toàn quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và An toàn quản lý chất thải phóng xạ mà Việt Nam đã tham gia năm 2013, theo đó quốc gia phải có cơ sở lưu giữ hoặc chôn lấp quốc gia với các yêu cầu quản lý pháp quy nhằm giảm thiểu rủi ro. Vì vậy, việc xác định các biện pháp quản lý chất thải phóng xạ, lựa chọn được công nghệ hợp lý, giảm thiểu tối đa thể tích chất thải phóng xạ sẽ làm giảm đáng kể công tác quản lý, lưu giữ và chôn cất chất thải phóng xạ và nhiên liệu đã qua sử dụng sau này.

- Đối với việc lưu giữ và quản lý các chất thải phóng xạ, có 02 cơ sở là Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt và Viện Công nghệ xạ hiếm.

- Đối với việc lưu giữ và quản lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, một số cơ sở lưu giữ tập trung với số lượng lớn các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng, bao gồm:

+ Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt;

+ Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân;

+ Trung tâm Đánh không phá huỷ (NDE);

+ Viện Công nghệ xạ hiếm;

+ Liên đoàn Vật lý địa chất;

+ Liên doanh dầu khí Vietsopetro.

- Các cơ sở này đã được Cục ATBXHN cấp giấy phép và thường xuyên được thanh tra Cục thực hiện thanh tra định kỳ. Tổng số nguồn phóng xạ được lưu giữ trong cả nước hiện nay khoảng 3262 nguồn.

- Theo quy định tại Thông tư 22/2014/TT-BKHCN, các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng sẽ được đưa về lưu giữ tập trung tại cơ sở lưu giữ lâu dài do Bộ KH&CN chỉ định . Để thực hiện yêu cầu này, Bộ KH&CN đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép nâng cấp kho lưu giữ của Bộ Tư lệnh hóa học làm cơ sở lưu giữ tập trung lâu dài của quốc gia. Tuy nhiên cho đến thời điểm này (2019) việc này vẫn chưa được xem xét và hiện nay Viện NLNTVN đã có dự án xin phép Bộ KH&CN cho chủ trương về việc xây dựng kho lưu giữ lâu dài nguồn phóng xạ kín đã qua sử dụng.

**2.2. Hoạt động của kho lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng tại Trung tâm Đánh giá không phá hủy (NDE)**

***2.2.1. Thống kê số lượng nguồn đã qua sử dụng đang lưu giữ***

Kho lưu giữ nguồn phóng xạ của NDE tại địa điểm 140 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội được xây dựng từ năm 2003 và đưa vào sử dụng tháng 9 năm 2004.

Hiện nay, NDE đang lưu giữ 1043 nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Thống kê số lượng nguồn đã qua sử dụng đang được lưu giữ tại NDE như Bảng 5 dưới đây.

***2.2.2 Công tác đảm bảo an ninh***

* Cơ sở sử dụng camera theo dõi, bảo vệ 24/24 tại khu vực kho nguồn.
* Tuân thủ việc kiểm đếm nguồn phóng xạ theo quy định của Thông tư số Thông tư số 01/2019/TT-BKHCN ngày 30/5/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ “Quy định bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ”, định kỳ 1 tháng kiểm đến 1 lần.
* Cơ sở lập hồ sơ kiểm kê nguồn định kỳ, có biên bản bàn giao, tiếp nhận nguồn phóng xạ.
* Cơ sở lập sổ theo dõi kho trong đó ghi rõ: tên các thiết bị, nguồn phóng xạ được lưu giữ tại kho, thời gian lưu giữ, thời gian mang nguồn đi sử dụng, người xuất, nhận thiết bị, nguồn …

***2.2.3. Công tác kiểm xạ khu vực làm việc***

Công tác kiểm xạ khu vực làm việc được cơ sở thực hiện theo quy định, giá trị suất liều bức xạ lớn nhất đo được ngoài kho là 0,19 µSv/giờ ngày 28/12/2019. Kết quả đo được lập thành hồ sơ để lưu giữ.

**Bảng 9.1. Bảng thống kê số lượng nguồn đã qua sử dụng đang được  
lưu giữ tại NDE**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nguồn** | **Số lượng** | **Tổng Hoạt độ** | **Hiện trạng** | **Giấy phép** | **Chủ sở hữu** |
| 1 | Ir-192 và Se-75 | 532 | 1.121,21 mCi | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Công ty Cổ phần thiết bị và công nghệ hạt nhân NEAD và NDE |
| 2 | Ir-92 | 391 | 0,84 mCi | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Công ty NEADMTV |
| 3 | Ir-92 | 65 | 1.394,76 mCi | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Công ty Đồng vị phóng xạ |
| 4 | Cs-137 | 2 | 20 mCi | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Công ty CP Cơ điện và xây dựng Việt Nam |
| 5 | Am-241:Be | 1 | 40 mCi | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Công ty CP Cơ điện và xây dựng Việt Nam |
| 6 | Cf-252 | 1 | 40 mCi | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Công ty CP Cơ điện và xây dựng Việt Nam |
| 7 | D.U | 2 | 11,80 mCi | Đang được lưu giữ tại kho nguồn của NDE | Đã khai báo với Cục ATBXHN | Công ty NEADMTV |

**2.3. Hoạt động của kho lưu giữ chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng của Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt**

***2.3.1. Công tác quản lý chất thải phóng xạ phát sinh trong quá trình vận hành lò phản ứng***

* 1. **Công tác quản lý chất thải rắn:**

- Tòa nhà số 5 đang lưu giữ tổng số 255 thùng phuy 200 lít chứa các chất thải phóng xạ rắn/lỏng đã điều kiện hóa; 11 thùng phuy 200 lít chứa đất nhiễm xạ Co-60 (trong đó có 01 thùng chứa bao bì, quần áo nhiễm xạ); 306,31 kg mẫu vật Urani (giả); 514,5kg mẫu vật Urani nghèo.

* Quy trình xử lý đối với chất thải rắn:

+ Thu gom: Chất thải rắn được thu gom vào các túi nilong có dán phiếu thông tin về chất thải;

+ Định kì hàng tuần, các đơn vị phát sinh chất thải phóng xạ rắn sẽ chuyển các túi chứa chất thải đến tòa nhà 5 (kho lưu giữ chất thải phóng xạ) để bàn giao cho Phòng CNN & TBX quản lý;

+ Sau 1 năm, chất thải rắn sẽ được phân loại lại và tiến hành điều kiện hóa bằng phương pháp nén ép, thu nhỏ thể tích, đưa vào thùng phi kim loại có thể tích là 200 lít và lưu giữ lâu dài tại tòa nhà 5.

* Viện có lập sổ theo dõi thu nhận chất thải rắn và chưa xả thải ra môi trường lần nào.
  1. **Công tác quản lý chất thải lỏng:**
* Phân loại: Sơ cấp và thứ cấp

+ Sơ cấp: sinh ra từ vận hành lò phản ứng, các phòng thí nghiệm sử dụng đồng vị phóng xạ hở, Trung tâm NC&DC ĐVPX và trạm giặt đồ bảo hộ bị nhiễm bẩn phóng xạ;

+ Loại thứ cấp: sinh ra từ quá trình xử lý chất thải phóng xạ lỏng sơ cấp tại trạm xử lý.

* Địa điểm xử lý chất thải lỏng: Trạm xử lý đặt tại tòa nhà 2
* Quy trình xử lý đối với chất thải phóng xạ lỏng:

+ Thu gom: Chất thải lỏng sơ cấp được thu gom từ các bồn rửa (lavabour). Từ các lavabour chảy về hố thu nằm trong tòa nhà lò, từ hố thu lại bơm về trạm xử lý tại tòa nhà số 2. Trường hợp phòng thí nghiệm không có lavabour thì sẽ được thu gom vào bình nhựa 20 – 40 lít và sẽ được vận chuyển trực tiếp đến trạm xử lý khi gần đầy bình. Riêng chất thải lỏng từ trạm giặt sẽ được thu gom vào 10 thùng chứa Inox (mỗi thùng có thể tích là 500 lít);

+ Sau khi thu gom, chất thải lỏng sẽ được lưu giữ, chờ phân rã sau đó chuyển vào hố thu gom có ký hiệu Zum thể tích 7 m3 dưới nền nhà 2;

+ Nước thải sau khi xử lý sẽ được lưu giữ tại bể có ký hiệu 16-1 với thể tích là 2 m3, bể Zum tại nhà 2 hoặc bể có ký hiệu 10-1 với thể tích là 2 m3. Nước tại bể 16-1 được dùng để cấp nước bổ sung cho vòng 1 của lò phản ứng, nước tại bể Zum được thải vào bể thải công nghiệp của Viện, nước tại bể 10-1 được chảy tự động vào hệ thống thải nước thải sinh hoạt của Viện.

* 1. **Công tác quản lý chất thải khí:**

Không khí bên trong tòa nhà lò được kiểm soát, làm sạch thông qua các đường ống thông khí đưa về hệ kiểm soát khí nhà lò đặt tại Nhà 1, hệ thiết này có chức năng lọc không khí trong tòa nhà lò phản ứng để giữ lại các chất phóng xạ dạng son khí có trong nhà lò và cung cấp không khí sạch cho nhà lò. Không khí từ nhà lò sau khi đi qua phin lọc được dẫn tới ống khói để thải ra môi trường. Hệ thiết bị kiểm soát không khí có lắp đặt bộ phận lấy mẫu khí sau phin lọc để phân tích online hoạt độ phóng xạ trong khí thải. Dữ liệu quan trắc được lưu giữ trên máy tính liên tục. Tại ống khói thoát khí của nhà lò có bố trí các thiết bị quan trắc phóng xạ. Việc quản lý thiết bị kiểm soát không khí nhà lò thuộc Trung tâm An toàn bức xạ, việc quản lý thiết bị quan trắc phóng xạ tại ống khói thuộc Trung tâm Quan trắc phóng xạ môi trường. Viện đã thực hiện phân tích liều bức xạ gây ra từ hoạt động phát thải khí (Trung tâm Quan trắc phóng xạ môi trường thực hiện).

Tại Trung tâm Sản xuất đồng vị phóng xạ có bố trí các hệ thống hút khí riêng, hệ hút khí này có các phin lọc để lọc đồng vị phóng xạ hở I-131 có trong không khí từ hoạt động sản xuất và chia liều I-131.

***2.3.2. Công tác quản lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng***

Viện đã được Cục ATBXHN cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng và lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng) số 722/GP-ATBXHN (Gia hạn lần thứ 3) ngày 25/10/2018 có giá trị đến ngày 31/10/2021 cho phép sử dụng 01 kho lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng gồm 08 hầm bảo đảm các yêu cầu theo quy định về an toàn bức xạ, an ninh đối với nguồn phóng xạ nhóm B

Viện đang quản lý tổng số 974 nguồn phóng xạ, trong đó: sử dụng 116 nguồn phóng xạ; lưu giữ 858 nguồn phóng xạ tại Nhà 5.

Từ tháng 8/2016 đến nay, Viện đã tiếp nhận 79 nguồn phóng xạ (15 nguồn Am-241;11 nguồn Am241/Be; 24 nguồn Cs-137; 02 nguồn C-14; 02 nguồn Ba-133; 03 nguồn Ni-63; 01 nguồn Pm-147; 01 nguồn Co-57; 12 nguồn Ge-68; 01 nguồn Cd-109; 01 nguồn Fe-55; 01 nguồn Ir-192; 01 nguồn Ra-226; 01 nguồn Kr-85; 01 nguồn U-238; 01 nguồn Th-232; 01 nguồn Cf-252). Trong đó 27/79 nguồn phóng xạ được tiếp nhận theo Công văn 505/BKHCN-ATBXHN ngày 24/02/2017 của Bộ KH&CN đối với các nguồn phóng xạ mất an toàn an ninh và 04/79 nguồn phóng xạ được tiếp nhận từ hoạt động ứng phó sự cố của Cục ATBXHN. Trong các nguồn phóng xạ lưu giữ tại nhà 5 có 09 nguồn phóng xạ thuộc mức an ninh B theo Thông tư số 01/2019/TT-BKHCN quy định về bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ.

1. **Công tác đảm bảo an ninh**

+ Viện có bố trí 02 camera quan sát phía ngoài nhà 5 gồm 01 camera quan sát phía trước và phía bên phải, 01 camera quan sát sau và phía bên trái nhà kho, các camera này được vận hành 24/24, dữ liệu hình ảnh của camera được truyền về máy tính đặt tại nhà 13 của khối hành chính, dữ liệu camera được lưu giữ liên tục theo chu kỳ 30 ngày. Trong nhà 5 nơi lưu giữ nguồn phóng xạ có trang bị 08 camera cố định và 01 camera quay (PTZ).

+ Việc kiểm đếm nguồn phóng xạ lưu giữ trong các hầm được Trung tâm An toàn bức xạ thực hiện định kỳ hàng năm, có lập thành báo cáo gửi Lãnh đạo Viện..

+ Việc tiếp nhận/mang các nguồn phóng xạ vào/ra khỏi các kho thuộc nhà 5 được ghi chép vào Sổ ghi chép đặt tại nhà 5.

+ Kho nguồn có 2 cửa lớn và 1 cửa nhỏ. Hai cửa lớn được khóa bằng 02 khóa, cửa nhỏ được được khóa bằng 02 khóa, các chìa khóa được giao cho người chịu trách nhiệm quản lý.

1. **Công tác đảm bảo an toàn bức xạ**

Nhà 5 được đặt trên lưng chừng đồi phía sau Viện, có đường dốc đi lên, nhà được thiết kế dạng nhà khung thép có tường bao quanh bằng tôn, có tường bê tông cao 1,2 mét, có cửa 2 cánh bằng khung bọc thép dày khoảng 10cm có khóa bên ngoài, trên cánh cửa có gắn biển cảnh báo phóng xạ, bên trong cánh cửa bên phải có một cánh cửa nhỏ.

Bên trong nhà 5 có treo Quy trình làm việc với nguồn phóng xạ kín/hở, Nội quy an toàn bức xạ, nội quy an ninh, chưa niêm yết kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ. Các hầm chứa nguồn phóng xạ được thiết kế thành 08 hầm bằng bê tông chìm, có chiều sâu từ 3,7 đến 6,0 mét, có thể tích khoảng 93,0 m3, bên trên mỗi hầm có 03 nắp đậy bằng bê tông dạng chữ T, nặng khoảng 3,5 tấn/nắp có gắn móc treo, phải sử dụng cần cẩu để nhấc các nắp ra. Phía trên sàn nhà 5 có 03 biển cảnh báo phóng xạ di động. Nhà 5 có hệ thống bốc dỡ cầu trục, tải trọng 7 tấn, chiều cao nâng 6m, di chuyển được 3 chiều, có điều khiển cầm tay, có các lỗ khí tự nhiên gần mái nhà.

Công tác kiểm xạ khu vực làm việc được cơ sở thực hiện theo quy định. Kết quả đo được lập thành hồ sơ để lưu giữ.

**2.4. Hoạt động của kho lưu giữ nguồn phóng xạ đã qua sử dụng của Liên doanh dầu khí Vietsopetro**

Các nguồn phóng xạ của Liên doanh dầu khí Vietsopetro được lưu giữ tại kho nguồn có khóa đảm bảo an ninh, có niêm phong, có camera quan sát và bảo vệ.

Việc kiểm đếm được thực hiện hàng tuần. Kiểm kê nguồn được thực hiện một năm một lần. Hàng năm nguồn được bảo dưỡng, đo kiểm tra để đánh giá sự rò rỉ.

Các nguồn phóng xạ được chứa trong các container chuyên dụng và lưu giữ tại kho do Viện dầu khí XAKHALIN\_CHLB Nga thiết kế và lắp đặt tại khuôn viên Xí nghiệp Địa vật lý giếng khoan. Kho được xây trong khuôn viên cách biệt, với tường chắn bê tông xung quanh dày 0,4 m. Hầm lưu giữ nguồn là hệ thống gồm 16 giếng, xếp thành 2 dãy, được chống bằng 2 lớp ống thép và đổ bê tông xung quanh và đáy để chống thấm. Kết cấu bên trong giếng có các gióng sắt hai tầng để chứa nguồn, bên trên là tấm cửa sắt bảo vệ. Trên mỗi giếng có hệ thống baling xích để cẩu nguồn mỗi khi xuất, nhập nguồn.

Nguồn được đặt trong container và đặt trên các kệ của gióng sắt trong giếng chứa nguồn, bên trên có cửa sắt bảo vệ. Xung quanh container nguồn là lớp bê tông cốt sắt che chắn.

Kết cấu giếng bảo đảm khô thoáng, điều kiện nhiệt độ môi trường bình thường.

Khuôn viên kho được bảo vệ bằng hàng rào chắn, cổng có khoá, biển cảnh báo xung quanh và camera quan sát. Chỉ có nhân viên bức xạ có nhiệm vụ mới được vào khuôn viên kho dưới sự giám sát của thủ kho. Các kho tạm thời trên công trình có khóa, niêm phong, biển cảnh báo và cách xa khu vực đông người qua lại.

**2.5. Hoạt động của các cơ sở lưu giữ nguồn phóng xạ khác đã được cấp giấy phép**

Ngoài Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt, Liên doanh dầu khí Vietsopetro, Viện KHKTHN, Trung tâm NDE, còn có một số cơ sở khác cũng có kho lưu giữ tập trung các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

**Liên đoàn vật lý địa chất:**

- Số lượng nguồn đang lưu giữ: 686 nguồn phóng xạ.

- Công tác đảm bảo an toàn bức xạ:

+ Kiểm xạ: suất liều đo được tại ngoài kho là 0,135 µSv/giờ, ngày 30/10/2019

+ Kiểm soát liều chiếu xạ cá nhân: Có trang bị đầy đủ liều kế cá nhân và đọc kết quả liều cá nhân định kỳ

- Công tác đảm bảo an ninh:

+ Có trang bị camera theo dõi, bảo vệ 24/24 tại khu vực kho nguồn;

+ Kiểm đếm nguồn phóng xạ định kỳ hàng năm. Lần cuối kiểm đếm vào tháng 11/2019. Lập hồ sơ kiểm đếm định kỳ theo quy định của pháp luật.

**2.6. Hoạt động xây dựng năng lực hỗ trợ kỹ thuật phục vụ quản lý nhà nước về chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ, nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng**

Từ ngày 11 - 15/6/2018, Cục ATBXHN phối hợp với IAEA và Viện KHKTHN tổ chức điều kiện hóa các nguồn phóng xạ kín đã qua sử dụng. Sau khi thống nhất giữa danh sách các nguồn được điều kiện hóa do chuyên gia IAEA cung cấp, danh sách nguồn do Cục ATBXHN giám sát và danh sách quản lý của Viện KHKTHN, số lượng nguồn phóng xạ được điều kiện hóa là: 129/441 (129 là số nguồn phóng xạ trên giấy phép, 441 là số nguồn thực tế được tháo dỡ). Các nguồn phóng xạ này được đưa vào 04 capsule (số sêri từ VIE 001 – VIE 004) và được lưu giữ trong 03 kiện đảm bảo an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ.

Từ ngày 10 - 14/9/2018, Cục ATBXHN phối hợp với IAEA và Viện NCHN tổ chức điều kiện hóa các nguồn phóng xạ kín đã qua sử dụng. Trên cơ sở danh sách các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng do Viện NCHN cung cấp, chuyên gia IAEA đã tiến hành tháo dỡ 472 nguồn phóng xạ (278 là số nguồn phóng xạ theo danh sách của Viện NCHN, 472 là số nguồn thực tế được tháo dỡ). Các nguồn phóng xạ này được đưa vào 06 capsule (số sêri từ DL 001 đến DL 006) đặt trong 03 kiện để điều kiện hóa (kiện 1 chứa capsule DL 001 và DL 004; kiện 2 chứa capsule DL 002 và DL 005; kiện 3 chứa capsule DL 003 và DL 006) và một số container lẻ (chứa nguồn Kr-85, các nguồn Am-241 dùng cho máy báo khói, Ra-226.

**3. Đánh giá chung và kiến nghị**

Nhìn chung, lượng chất thải phóng xạ hiện có ở Việt Nam còn ít, chủ yếu sinh ra từ các ứng dụng đồng vị phóng xạ, từ các nghiên cứu chế biến quặng urani và một phần nhỏ từ hoạt động của lò phản ứng nghiên cứu. Các nguồn phóng xạ kín đã hết hạn hoặc không còn sử dụng phần lớn được lưu giữ tại các cơ sở lưu giữ tập trung và các cơ sở sử dụng nguồn khác. Theo số liệu thống kê của Cục ATBXHN, hiện tại Việt Nam có 3262 nguồn phóng xạ không còn sử dụng đang được lưu giữ ngay tại các cơ sở bức xạ rải rác trên khắp cả nước. Việc không có một cơ sở lưu giữ chất thải phóng xạ quốc gia đã buộc các cơ sở có chất thải phóng xạ phải lưu giữ chất thải này trong các điều kiện bảo đảm an toàn và an ninh còn hạn chế. Nhiều bài học trên thế giới đã cho thấy nếu chất thải phóng xạ không được quản lý một cách an toàn và an ninh thì hậu quả xảy ra có thể sẽ rất nghiêm trọng cả về môi trường và kinh tế.

Vì vậy, việc xây dựng một cơ sở quản lý chất thải phóng xạ quốc gia với thiết kế và kết cấu đặc biệt cho việc chôn cất hoặc lưu giữ lâu dài chất thải loại này sẽ giải quyết được các vấn đề trên. Đồng thời, cũng sẽ giúp Việt Nam thực hiện theo chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là “Công ước chung về an toàn trong quản lý nhiên liệu đã qua sử dụng và an toàn trong quản lý chất thải phóng xạ” mà Việt Nam đã tham gia năm 2013. Các cơ sở loại này từ lâu đã được vận hành an toàn tại nhiều nước trên thế giới.

Về cơ bản, chính sách quản lý chất thải phóng xạ của các quốc gia đều tuân thủ các nguyên lý quản lý chất thải phóng xạ của IAEA. Tuy nhiên, tùy theo quan điểm, tùy theo điều kiện chính trị, kinh tế và điều kiện tự nhiên mà mỗi nước tuân thủ các nguyên lý của IAEA ở mức độ cao thấp khác nhau (Ví dụ nguyên lý 7: về kiểm soát sự phát thải; nguyên lý 8: về sự phụ thuộc lẫn nhau giữa cơ sở phát thải và cơ sở quản lý thải). Đối với 2 nguyên lý này thì Nga và các nước Đông Âu (Hungari, Bungari, Slovakia...) thường ít quan tâm tới việc giảm tối đa lượng chất thải sinh ra, chất thải thường không được xử lý triệt để, vẫn có thể tích lớn và thường lưu giữ tại các kho chứa lớn ngay tại các cơ sở hạt nhân. Việc chôn cất cuối cùng đối với chất thải này là vấn đề hiện nay nhiều nước Đông Âu đang gặp khó khăn do chi phí cho chôn cất rất lớn và khó đạt các tiêu chuẩn về môi trường theo tiêu chuẩn EU. Chính vì vậy, ngay từ khi chưa có nhiều chất thải phóng xạ, áp lực của việc xử lý, chôn cất chất thải còn thấp, chúng ta không nên chủ quan mà cần phải tính đến việc quản lý chất thải ngay từ đầu.

Tuy nhiên, việc xây dựng một cơ sở lưu giữ như vậy sẽ rất tốn kém và việc quản lý cơ sở này có thể phải kéo dài đến hàng trăm năm. Do vậy, nếu chỉ có nguồn kinh phí riêng, mang tính chất tư nhân thì không thể thực hiện được.

Thực tế trên thế giới cho thấy, hầu hết các nước đều đã có cơ sở lưu giữ trung tâm, do một cơ quan được nhà nước bảo trợ quản lý.

Vì vậy, đối với Việt Nam, xin kiến nghị như sau:

* Cơ sở phát sinh chất thải sẽ xử lý, đóng gói và tạm thời lưu giữ tại cơ sở và sau đó chuyển đến cơ sở lưu giữ, chôn cất quốc gia.
* Cơ quan/Công ty quản lý chất thải phóng xạ quốc gia chịu trách nhiệm tìm lựa chọn địa điểm cũng như các giai đoạn tiếp theo cho cơ sở lưu giữ, chôn cất này. Hiện nay theo chủ trương của Bộ KH&CN, Viện NLNTVN đang soạn thảo đề án xây dựng kho lưu giữ lâu dài nguồn phóng xạ kín quốc gia.
* Tiếp tục thực hiện điều kiện hóa với các nguồn phóng xạ có nguy cơ mất an ninh cao hện đang được lưu giữ tại Viện NCHN và Viện KHKTHN để bảo an toàn và an ninh cũng như để giảm tải công suất về kho lưu giữ nguồn cho 02 đơn vị này./.

# X. ỨNG PHÓ SỰ CỐ BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN

## 1. Giới thiệu chung về hệ thống tổ chức quản lý ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân

### *1.1. Hệ thống văn bản quy định việc chuẩn bị và ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, sự cố bức xạ và hạt nhân*

* Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12;
* Nghị định số 71/2002/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp trong trường hợp có thảm hoạ, dịch bệnh nguy hiểm.
* Quyết định số 1041/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể lĩnh vực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2020;
* Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/3/2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
* Quyết định số 884/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia;
* Quyết định 104/QĐ-TTg ngày 22/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố hóa học, sinh học, bức xạ và hạt nhân giai đoạn 2019 – 2025
* Thông tư 19/2012/TT-BKHCN ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về việc kiểm soát và bảo đảm an toàn trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng;
* Thông tư số 25/2014/TT-BKHCN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định việc chuẩn bị ứng phó và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân;
* Thông tư số 01/2019/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ.

### *1.2. Hệ thống* *ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn*

Ngày 21/3/2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 30/2017/NĐ-CP Quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Nghị định quy định hệ thống tổ chức ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn bao gồm cấp quốc gia, cấp bộ, ngành và cấp địa phương. Sự cố NMĐHN ngoài biên giới tương ứng với tình huống “sự cố rò rỉ phóng xạ, bức xạ hạt nhân, tán phát hóa chất độc và môi trường”, thuộc phạm vi quy định của Nghị định. Nghị định đặt ra một số nguyên tắc tổ chức hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn như: Thông tin về sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn phải được thông báo nhanh chóng, kịp thời cho chính quyền địa phương nơi xảy ra sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và cơ quan chủ trì; chủ động, sẵn sàng nhân lực, phương tiện, thiết bị cho hoạt động ứng phó theo từng khu vực và tính chất vụ việc; từng bước nâng cao năng lực dân sự trong hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; thực hiện phương châm 4 tại chỗ để sẵn sàng ứng phó kịp thời, hiệu quả; chỉ huy thống nhất, phối hợp chặt chẽ các lực lượng được huy động tham gia ứng phó, tìm kiếm cứu nạn trong suốt quá trình tổ chức thực hiện công tác ứng phó, tìm kiếm cứu nạn.

Ngày 22/01/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 104/QĐ-TTg về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố hóa học, sinh học, bức xạ và hạt nhân giai đoạn 2019 – 2025. Mục tiêu của Quyết định 104 là tăng cường công tác phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố CBRN (trong đó bao gồm sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân), ngăn chặn, giảm thiểu hậu quả cho con người và môi trường, góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc gia, thúc đẩy việc triển khai thực hiện các cam kết quốc tế về an toàn, an ninh và không phổ biến vũ khí CBRN. Quyết định 104 cũng đặt ra nhiều mục tiêu cụ thể cần phải đạt được trong từng giai đoạn 2019-2020 và 2021-2025 trong đó nổi bất là việc đánh giá nguy cơ sự cố CBRN trên phạm vi cả nước, rà soát và đề xuất xây dựng các văn bản pháp quy, kiện toàn tổ chức, xây dựng cơ chế phối hợp, tăng cường tuyên truyền, đào tạo và diễn tập, tăng cường trang thiết bị phục vụ phòng ngừa, phát hiện và ứng phó nguy cơ, sự cố CBRN. Một số nội dung có liên quan tại Quyết định 104 sẽ được lựa chọn, đưa vào Đề án để ưu tiên tổ chức triển khai sớm.

### *1.3. Hệ thống chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân*

Theo quy định tại Điều 83 Luật NLNT, hệ thống tổ chức, quản lý ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân hiện nay được chia thành 3 cấp là cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp cơ sở. Tương ứng với mỗi cấp, tổ chức có liên quan phải xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể: Tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở. Cơ quan cấp giấy phép có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở; Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh; Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc lập kế hoạch và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố cấp tỉnh; Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Bộ Công thương, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở bức xạ, cơ sở hạt nhân và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố cấp quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Ngày 16/6/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 884/QĐ-TTg về việc Ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia (Quyết định 884). Quyết định 884 quy định Bộ, ngành phải chuẩn bị sẵn sàng năng lực để tham gia ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia (sự cố xảy ra ở nhóm 5 quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Năng lượng nguyên tử hoặc trong trường hợp sự cố xảy ra ở nhóm 4 quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật này nhưng vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh) với 3 nhóm tình huống và 11 tình huống nhỏ, trong đó bao gồm sự cố từ nhà máy điện hạt nhân và các cơ sở hạt nhân của quốc gia khác ảnh hưởng tới Việt Nam. Quyết định 884 đã nêu rõ hệ thống tổ chức ứng phó sự cố cấp quốc gia và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia ứng phó sự cố bao gồm trách nhiệm phải chuẩn bị sẵn sàng năng lực để tham gia ứng phó sự cố (đào tạo, tập huấn, diễn tập, đầu tư trang thiết bị, phương tiện, xây dựng quy trình tác nghiệp,....).

Bên cạnh quy định trong Luật NLNT, công tác chuẩn bị ứng phó cũng như nội dung Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp cơ sở, cấp tỉnh được quy định chi tiết trong Thông tư 25/2014/TT-BKHCN. Về cơ bản, hệ thống tổ chức ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp tỉnh bao gồm Ban chỉ huy ứng phó sự cố (lãnh đạo UBND tỉnh và lãnh đạo Sở, ngành liên quan), tổ chức tham gia ứng phó chính tại địa phương (Sở, ngành liên quan), tổ chức hỗ trợ kỹ thuật (bệnh viện, bộ đội phòng hóa, cơ sở tiến hành công việc bức xạ) và các tổ chức hỗ trợ khác.

## 2. Tình hình triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia

Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn (ƯPSCTT&TKCN) và Bộ KH&CN đã có buổi làm việc đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia thời gian qua, đặc biệt là các khó khăn, vướng mắc khi thực hiện. Hai bên đang từng bước phối hợp xây dựng lộ trình, kế hoạch, phương án cụ thể triển khai Quyết định 884/QĐ-TTg. Dự kiến năm 2020, Ủy ban Quốc gia ƯPSCTT&TKCN phối hợp các Bộ: Quốc phòng, KH&CN, Công thương, Y tế và các tỉnh, thành phố khảo sát đánh giá thực trạng hiện nay về phương tiện lực lượng, văn bản, năng lực kỹ thuật của Bộ, ngành và địa phương. Qua đó đánh giá khả năng đáp ứng ứng phó theo quy định tại Quyết định 884/QĐ-TTg và làm căn cứ đề xuất Chính phủ xây dựng chương trình hành động.

Nhằm nâng cao năng lực ứng phó sự cố hạt nhân nói chung và đáp ứng yêu cầu đặt ra trong Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia nói riêng, hiện nay Bộ Quốc phòng đang triển khai Đề án “Nghiên cứu kỹ thuật, an toàn hạt nhân đảm bảo sẵn sàng chiến đấu cho Quân đội giai đoạn 2017 -2020 định hướng tới 2025” (ký hiệu KC.AT). Mục tiêu cơ bản của Đề án là bảo đảm tính chủ động, sẵn sàng chiến đấu của Quân đội khi xảy ra chiến tranh có sử dụng vũ khí hạt nhân, vũ khí bẩn và kiểm soát vật liệu hạt nhân đảm bảo an ninh, an toàn hạt nhân, phát triển các trang bị, khí tài đảm bảo kịp thời ứng phó khắc phục các sự cố phóng xạ, hạt nhân tại các cơ sở hạt nhân trong nước cũng như các cơ sở hạt nhân nằm gần biên giới Việt Nam; làm chủ một số công nghệ đặc thù trong nghiên cứu, chế tạo trang thiết bị, vật tư, hóa chất trong lĩnh vực trinh sát, ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, trên cơ sở đó xây dựng nghệ thuật chỉ huy, tác chiến phù hợp; xây dựng mạng lưới quan trắc, cảnh báo phóng xạ tại một số vị trí trọng yếu trong mạng lưới quan trắc phóng xạ Quốc gia.

## 3. Tình hình xây dựng và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân của các tỉnh, thành trong cả nước

Tính đến 12/2019, 52 trên tổng số 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Bộ KH&CN phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp tỉnh. Các địa phương còn lại đang xây dựng Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp tỉnh. Trong năm 2020, Việt Nam có thể hoàn thiện được công tác phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân của tất cả 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## 4. Hoạt động diễn tập ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân

Luật NLNT quy định việc tổ chức diễn tập ứng phó sự cố định kỳ trong kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở, cấp tỉnh và cấp quốc gia. Kế hoạch ứng phó sự cố các cấp được ban hành đã quy định cụ thể nội dung liên quan. Hiện nay số địa phương tổ chức diễn tập lần đầu và định kỳ với quy mô khác nhau không ngừng tăng. Năm 2019, các địa phương đã triển khai hoạt động diễn tập ứng phó sự cố bức xạ cấp tỉnh bao gồm: Đà Nẵng, Lâm Đồng, Kon Tum, Đắk Nông, Cần Thơ, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đồng Nai, Quảng Ninh và Hà Nội.

Về cơ bản các cuộc diễn tập đã tổ chức thành công và tạo được sự quan tâm đối với các Sở ban ngành trong địa phương cũng như công chúng. Việc diễn tập bước đầu đã nâng cao nhận thức về chuẩn bị và ứng phó sự cố của các tổ chức, cá nhân tham gia, kiểm tra và đánh giá cơ chế phối hợp đã được xây dựng trong kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp tỉnh.

## 5. Hoạt động xây dựng năng lực hỗ trợ kỹ thuật phục vụ công tác ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân

Hiện nay Bộ KH&CN là đầu mối quốc gia thực hiện Công ước Thông báo sớm và Công ước trợ giúp trong sự cố bức xạ, hạt nhân. Theo chức năng của cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, Cục ATBXHN tiếp tục tham gia tích cực vào các nhóm chuyên đề ứng phó sự cố trong các dự án hợp tác vùng của IAEA, EC, Mạng lưới an toàn hạt nhân châu Á về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân, phòng ngừa, phát hiện và ứng phó nguy cơ sự cố CBRN.

Các cơ quan chuyên môn về năng lượng nguyên tử của Bộ Khoa học và Công nghệ đã tích cực trao đổi hợp tác với Cơ quan pháp quy hạt nhân Trung Quốc triển khai thực hiện các thỏa thuận đã ký kết trong Bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực an toàn hạt nhân giữa hai quốc gia. Trong năm 2019, cuộc họp giữa hai bên đã được tổ chức tại Hà Nội nhằm mục đích trao đổi, thảo luận để nâng cao năng lực về kỹ thuật và công tác quản lý về an toàn bức xạ hạt nhân nói chung, chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân nói riêng. Dự kiến trong năm 2020, hai bên sẽ tổ chức một Cuộc họp tương tự để tiếp tục trao đổi thông tin và nâng cao năng lực bảo đảm an toàn hạt nhân, an toàn bức xạ, chuẩn bị ứng phó sự cố, quan trắc phóng xạ môi trường v.v.

Cục ATBXHN tiếp tục phối hợp với các Sở KH&CN tổ chức các khóa đào tạo về ứng phó sự cố, phối hợp với các tổ chức hỗ trợ nước ngoài tổ chức các khóa tập huấn, diễn tập về ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân.

Công tác đầu tư, mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố cũng được chú trọng. Bộ trưởng Bộ KH&CN đã phê duyệt dự án tăng cường năng lực kỹ thuật hỗ trợ quản lý các nguồn phóng xạ nằm ngoài kiểm soát pháp quy và kịp thời ứng phó sự cố mất an toàn, mất an ninh nguồn phóng xạ. Các đề tài, nhiệm vụ về ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân vẫn tiếp tục được đề xuất nhằm nghiên cứu cơ sở khoa học để hoàn thiện hệ thống pháp lý và nâng cao năng lực kỹ thuật trong công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố./.

**XI. QUẢN LÝ PHÓNG XẠ MÔI TRƯỜNG**

**1. Quy hoạch mạng lưới và hoạt động của các trạm quan trắc phóng xạ môi trường**

***1.1. Quy hoạch mạng lưới quan trắc và cảnh báo Phóng xạ môi trường quốc gia***

Ngày 31/08/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định số 1636/QĐ-TTg phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia đến năm 2020” với mục tiêu bảo đảm kịp thời phát hiện diễn biến bất thường về bức xạ trên lãnh thổ Việt Nam và hỗ trợ việc chủ động ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân; cung cấp cơ sở dữ liệu về phóng xạ môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước về năng lượng nguyên tử và an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân. Mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ quốc gia bao gồm:

- 01 Trung tâm điều hành quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường đặt tại Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm điều hành): thực hiện việc kết nối thu thập dữ liệu trực tuyến từ các trạm, các điểm quan trắc trong mạng lưới; xử lý kết quả quan trắc, xây dựng cơ sở dữ liệu phóng xạ môi trường quốc gia; hỗ trợ kỹ thuật cho việc phân tích, đánh giá diễn biến và điều hành ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

- 04 Trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường cấp vùng (Trạm vùng). (thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Đà Lạt): thu nhận dữ liệu quan trắc trực tuyến từ các trạm quan trắc địa phương; quan trắc, thu thập, xử lý và phân tích các chỉ tiêu phóng xạ trong mẫu môi trường; phân tích và tổng hợp số liệu quan trắc; trực tiếp tham gia đánh giá hiện trường trong kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân cấp tỉnh và cấp cơ sở.

- 17 Trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường cấp tỉnh (Trạm địa phương): làm nhiệm vụ quan trắc liên tục tại các điểm và các cơ sở hạt nhân trên địa bàn, kết nối trực tuyến với các trạm vùng. Trạm địa phương được xây dựng tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi không có trạm vùng và có khả năng chịu ảnh hưởng của các sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

- Hệ thống quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường thuộc Bộ Quốc phòng (Hệ thống trinh sát phóng xạ quân đội): thực hiện quan trắc và cảnh báo phóng xạ theo quy định của Bộ Quốc phòng. Trạm trinh sát phóng xạ thực hiện vai trò chỉ đạo kỹ thuật hệ thống trinh sát, cảnh báo phóng xạ trong quân đội, phục vụ công tác phòng chống vũ khí hạt nhân và ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

Theo Quy hoạch cần phải thực hiện các nhiệm vụ như: Lập dự án đầu tư trung tâm điều hành và trạm vùng miền Bắc, miền Trung, Tây Nguyên và Nam Trung bộ, miền Nam; Lập dự án đầu tư và xây dựng trạm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường cấp tỉnh (trạm địa phương); Xây dựng các văn bản pháp luật vê cơ cấu tổ chức hoạt động của mạng lưới, các trạm địa phương thuộc trạm vùng, tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật về quan trắc phóng xạ môi trường, định mức kinh tế kỹ thuật và chỉ tiêu quan trắc, quy chế phối hợp mạng lưới quan trắc phóng xạ môi trường với hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia, chế độ chính sách đối với nhân viên trạm quan trắc ở vùng sâu vùng xa, biên giới, hải đảo. Tuy nhiên do chưa có kinh phí, cùng với những thay đổi về Chương trình Điện hạt nhân quốc gia, nên đến nay Mạng lưới QTCBPXMTQG vẫn chưa được xây dựng theo Quy hoạch 2010.

Trong thời gian qua, để triển khai thực hiện Dự án này, Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) đã giao Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam ký Bản ghi nhớ hợp tác với Tập đoàn Gamma của Hungary vào ngày 25/9/2017 về việc phối hợp thực hiện dự án xây dựng Mạng lưới QTCBPXMTQG. Ngày 18/01/2018, Bộ KH&CN đã gửi công văn số 171/BKHCN-VNLNT tới UBND các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai và Nam Định về việc xác nhận tham gia giai đoạn 1 của dự án. Hiện tại, Bộ KH&CN đã nhận được tất cả các công văn xác nhận tham gia Dự án của các tỉnh nói trên. Ngày 13/4/2018, Bộ KH&CN đã gửi đề xuất dự án xây dựng Mạng lưới QTCBPXMTQG tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, qua công văn số 1007/BKHCNVNLNT, xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Song song với đó, Thông tư số 16/2013/TT-BKHCN ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia” có đưa ra các quy định kỹ thuật về hạ tầng cơ sở, trang thiết bị và nhân lực của Trung tâm điều hành, các Trạm vùng, các Trạm địa phương.

Tuy vậy, đầu tư xây dựng Mạng lưới QTCBPXMTQG với quy mô như trên đòi hỏi một nguồn vốn tương đối lớn, không thực sự phù hợp với tình hình hiện nay của Chương trình Điện hạt nhân quốc gia. Do đó, Dự án hiện đã được điều chỉnh để triển khai thành 02 giai đoạn, theo mức độ ưu tiên như sau:

**Giai đoạn I (dự kiến từ năm 2018-2020):**

Tập trung xây dựng Trung tâm điều hành quan trắc quốc gia, Trạm vùng miền Bắc (Hà Nội)), Trạm vùng miền Trung (thành phố Đà Nẵng) và Trạm vùng miền Nam Trung bộ và Tây Nguyên (Đà Lạt) cùng các Trạm địa phương tại các tỉnh gần biển giới, có khả năng bị ảnh hưởng sớm nhất từ hoạt động của các nhà máy điện hạt nhân của các nước láng giềng (Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Nam Định)

Hiện tại, Trung tâm điều hành Quốc gia và 03 Trạm vùng nói trên đều đã có quỹ đất dành riêng cho việc xây dựng và sau khi hoàn thành sẽ hoạt động dưới sự quản lý trực tiếp cũng như từ nguồn kinh phí của Bộ KH&CN. Đối với 04 trạm địa phương được xác định tập trung triển khai trong Giai đoạn 1, hiện đều đã được các tỉnh phê duyệt, xác nhận về mặt chủ trương và phân quỹ đất dành cho việc xây trạm; công tác xây dựng dự kiến sẽ được đầu tư từ nguồn kinh phí ODA của dự án và sau khi hoàn thiện, sẽ hoạt động bằng kinh phí của Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh dưới sự quản lý về chuyên môn của Bộ KH&CN.

Sau khi triển khai xong Giai đoạn I, hệ thống Quan trắc phóng xạ và ứng phó sự cố sẽ hoạt động như một hệ thống hoàn chỉnh với số lượng các trạm kể trên. Các Trạm còn lại sẽ được bổ sung trong Giai đoạn II của Dự án.

**Giai đoạn II (dự kiến từ năm 2021-2025):**

Xây dựng Trạm vùng miền Nam đặt tại thành phố Hồ Chí Minh và 13 trạm địa phương còn lại bao gồm Hải Phòng, Sơn La, Cao Bằng, Thái Nguyên, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Ninh Thuận, Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu, Cần Thơ, Kiên Giang và Đồng Nai.

Kinh phí đề nghị bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và kinh phí đầu tư, phát triển theo Quyết định số 1636/QĐ-TTg ngày 31/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Hiện nay, mặc dù các trạm chưa được triển khai xây dựng một cách đồng bộ nhưng đang được hoàn thiện dần với 12 thiết bị quan trắc trực tuyến lắp đặt tại 11 trạm quan trắc (thuộc các tỉnh thành Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Lạng Sơn, Lào Cai, Cao Bằng, Đà Nẵng, Nghệ An và Sơn La) trong đó có 06 hệ ghi phổ gamma tại Móng Cái, Lạng Sơn, Nghệ An, Cao Bằng, Đà Nẵng và trên đảo Bạch Long Vĩ ; 04 hệ thu thập mẫu sol khí tại Móng Cái, Bãi Cháy, Hải Phòng và Lào Cai; cùng 02 hệ thu thập mẫu rơi lắng khô – ướt tự động tại Móng Cái, Lạng Sơn và 10 khay hứng rơi lắng tự chế tạo theo mẫu của Liên Xô để thu góp mẫu tổng rơi lắng tại 10 trạm (đảo Cô Tô, Hải Phòng, Bạch Long Vĩ, Sơn La, Cao Bằng, Thái Nguyên, Nam Định, Nghệ An, Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng.

***1.2. Hoạt động của các trạm quan trắc chính***

*1.2.1. Hoạt động của các trạm quan trắc thuộc Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam*

Từ năm 1997 đến nay, Viện NLNTVN đã và đang duy trì vận hành 2 trạm quan trắc phóng xạ môi trường thuộc Mạng lưới QTTNMTQG tại Hà Nội và Đà Lạt để cung cấp số liệu quan trắc (theo quý) cho Bộ TN&MT. Các thiết bị của 2 trạm quan trắc trên được Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) đầu tư từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học thông qua các dự án tăng cường trang thiết bị và vận hành bằng kinh phí quan trắc môi trường thường xuyên do Bộ TN&MT cấp thông qua các nhiệm vụ hàng năm. Hoạt động của 2 trạm quan trắc đã giúp Bộ KH&CN nắm được các thông tin về phóng xạ môi trường, đặc biệt khi xảy ra sự cố hạt nhân Fukushima. Các thông số quan trắc là các nhân phóng xạ tự nhiên và nhân tạo trong các đối tượng môi trường khí, nước, rơi lắng, thực vật với tần suất từ 4-6 lần trong một năm. Hạn chế chính của các trạm quan trắc phóng xạ môi trường trong Mạng lưới QTTNMTQG là các thông số quan trắc chỉ là các thông số cơ bản nhất, số lượng các điểm quan trắc ít và không có các quan trắc trực tuyến. Do vậy các trạm quan trắc này không có khả năng phát hiện nhanh các diễn biến bất thường về bức xạ trên lãnh thổ Việt Nam hỗ trợ công tác ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân.

Hiện tại Viện NLNTVN đã lắp đặt thêm một số thiết bị đo suất liều bức xạ gamma trực tuyến với tổng cộng 12 vị trí như được nêu phía trên nhằm nâng cao khả năng phát hiện sớm các diễn biến bất thường về phóng xạ trên lãnh thổ Việt Nam, đặc biệt là trong mối quan ngại hiện nay về sự cố hạt nhân từ các nhà máy điện hạt nhân của Trung Quốc gần biên giới. Các dữ liệu quan trắc về suất liều bức xạ gamma từ các điểm quan trắc này được truyền trực tuyến và liên tục về Viện Khoa học và kỹ thuật hạt nhân. Tuy nhiên, trong việc thu thập và đánh giá dữ liệu gặp nhiều khó khăn và thách thức do các hệ thống trang thiết bị đặt tại các trạm này được lắp đặt từ các nguồn và công nghệ khác nhau (SARA của Đức và NAH2, NAH3 của Fuji Electric) nên dữ liệu còn chưa đồng bộ và cần được hiệu chỉnh khi tổng hợp đánh giá, thêm vào đó cần xử lý để tách phần đóng góp của phóng xạ tự nhiên, nhất là từ khí phóng xạ radon với hiệu ứng ngày-đêm được ghi nhận khá rõ nét trong kết quả. Hiện Viện vẫn đang tích cực tích lũy kinh nghiệm xử lý dữ liệu cũng như tham khảo các kinh nghiệm quốc tế để khắc phục các vấn đề nói trên.

*1.2.2. Hoạt động của trạm quan trắc tại Viện Hóa học quân sự - Bộ Quốc phòng*

Trạm Quan trắc - cảnh báo môi trường độc - xạ Miền Bắc thuộc Viện Hóa học- Môi trường quân sự (Bộ tư lệnh Hoá học-Bộ Quốc phòng) được thành lập ngày 28 tháng 11 năm 1994 và là thành viên của Hệ thống quan trắc môi trường quốc gia có chức năng thực hiện quan trắc, cảnh báo, phân tích, các tác nhân hóa học, phóng xạ phục vụ nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu; tư vấn về kỹ thuật quan trắc, cảnh báo phóng xạ, hóa học cho các trạm quan trắc của các Quân khu; thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong hệ thống quan trắc, cảnh báo hóa học, phóng xạ quốc gia; tham gia đào tạo cán bộ kỹ thuật chuyên ngành về quan trắc môi trường, xử lý môi trường độc xạ.

Nhiệm vụ của Trạm bao gồm:

- Quan trắc, cảnh báo phát hiện các biến động ô nhiễm môi trường hoá độc, xạ, kịp thời nắm bắt tình trạng ô nhiễm và thông báo cho cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong mạng lưới quan trắc, cảnh báo ô nhiễm hóa học, phóng xạ quốc gia theo kế hoạch của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tham gia phân tích xác định các tác nhân hoá học, phóng xạ trong các tình huống; khắc phục các sự cố độc xạ và đánh giá tác động môi trường quân sự theo nhiệm vụ của Binh chủng và Bộ Quốc phòng.

- Nghiên cứu, chế tạo các phương tiện đo phục vụ cho nhiệm vụ quan trắc. Tư vấn, trợ giúp kỹ thuật cho các Trạm quan trắc, cảnh báo phóng xạ, hoá học các quân khu.

- Phối hợp với các cơ sở nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước nâng cao trình độ chuyên ngành.

Tính đến hết năm 2017, Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường Hóa học - Phóng xạ I (Trạm Quan trắc - cảnh báo môi trường độc - xạ Miền Bắc) đã thực hiện quan trắc phóng xạ môi trường ở nhiều địa phương trải dài trên cả nước bao gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, Thái Nguyên, thành phố Đà Nẵng, khu vực cảng Hải Phòng, tại xã Vĩnh Hải - huyện Ninh Hải và xã Phước Dinh - huyện Thuận Nam (tỉnh Ninh Thuận), căn cứ quân sự Cam Ranh (Khánh Hòa), Vùng 5 Hải quân (Phú Quốc, Kiên Giang). Số liệu quan trắc phân tích hàng năm là cơ sở dữ liệu đánh giá chất lượng môi trường phóng xạ tại các khu vực quan trắc.

Ngày 12 tháng 1 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 90/2016/QĐ-TTg về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc  
tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030”, theo đó Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường Hóa học - Phóng xạ I/ Trung tâm Công nghệ xử lý Môi trường/Bộ Tư lệnh Hóa học đảm nhiệm quan trắc cảnh báo phóng xạ môi trường khu vực các tỉnh phía bắc. Để thực hiện nhiệm vụ quan trắc phóng xạ môi trường theo đúng khu vực đã được phân công và phù hợp với mạng lưới quan trắc phóng xạ - hóa học hiện có trong quân đội, từ năm 2018, Trạm Quan trắc và Phân tích môi trường Hóa học - Phóng xạ I đã đề xuất quan trắc tại các khu vực sau: Thành phố Hà Nội, Thành phố Việt Trì (Quân khu II), Thành phố Thái Nguyên (Quân khu I), Thành phố Hải Phòng (Quân khu III), khu vực cửa khẩu Móng Cái và Thành phố Hạ Long (Quảng Ninh) và khu vực cửa khẩu Tân Thanh (Lạng Sơn). Trong năm 2019, Trạm đã đề nghị thành lập thêm các điểm quan trắc tại Trường Sa và một số đảo tiền tiêu nhưng hiện vẫn chờ được phê duyệt.

*1.2.3. Hoạt động của trạm quan trắc tại Trung tâm HTKT An toàn bức xạ hạt nhân và ứng phó sự cố - Cục ATBXHN*

Trạm quan trắc tại Trung tâm HTKT ATBXHN và ƯPSC, Cục ATBXHN (Trung tâm HTKT) là hệ thống cho phép đo liên tục chỉ tiêu suất liều gamma môi trường, kèm theo các thông số trực tiếp về nhiệt độ, áp suất, lượng mưa trong môi trường tại vị trí đo để đánh giá ảnh hưởng tương quan từ các yếu tố này cũng như phân tách, nhận định các dấu hiệu cảnh báo trong trường hợp có sự cố hay thay đổi bất thường trong phóng xạ môi trường tại điểm đo. Hệ thống quan trắc này đã được đưa vào vận hành sử dụng tại địa điểm 56 Linh Lang, Ba Đình, Hà Nội từ những năm 2006 và đã đóng góp quan trọng trong việc thu thập và xử lý thông tin phóng xạ môi trường tại Hà Nội liên quan đến sự cố Fukushima năm 2011.

Từ giữa năm 2014, hệ thống hoạt động không ổn định vì một số phụ kiện bị hỏng và đã tạm dừng hoạt động do Trung tâm thay đổi địa điểm làm việc. Sau khi Trung tâm chuyển đến địa điểm mới ở 76 Nguyễn Trường Tộ, hệ thống đã được kiểm tra, sửa chữa và thay thế một số linh kiện đã bị hỏng do hao mòn trong quá trình sử dụng. Hiện hệ thống đã được gia cố với các phương tiện bảo vệ, che chắn phù hợp để lắp đặt ngoài trời phía trên tòa nhà nhằm đảm bảo quá trình hoạt động an toàn và hiệu quả. Hệ thống đã đi vào vận hành lại từ năm 2018, tiếp tục cung cấp số liệu thường xuyên phục vụ giám sát hiện trạng phóng xạ môi trường cũng như cảnh báo sớm trong trường hợp xảy ra sự cố phóng xạ, hạt nhân bất thường.

**2. Thu thập dữ liệu phóng xạ môi trường**

Bên cạnh việc thiết lập, duy trì và hoàn thiện lại Quy hoạch mạng lưới quan trắc phóng xạ môi trường phù hợp với hoàn cảnh và nhiệm vụ mới, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phông nền phóng xạ môi trường trên các tỉnh thành, đặc biệt là những địa phương có khả năng chịu ảnh hưởng sớm từ các sự cố xuyên biên giới cũng là một nhiệm vụ vô cùng cấp thiết. Dữ liệu này sẽ là căn cứ quan trọng để so sánh, đối chiếu nhằm đánh giá ảnh hưởng, tác động khi xảy ra sự cố trong và ngoài biên giới, đặc biệt là trong trường hợp có sự cố hạt nhân gây phát thải phóng xạ từ các nhà máy điện Trung Quốc.

Hiện nay, nhiệm vụ này đã đi vào triển khai, với Dự án “Điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu phóng xạ môi trường trong khu vực có khả năng chịu ảnh hưởng sớm bởi sự cố hạt nhân ngoài biên giới phía Bắc nhằm phục vụ công tác ứng phó sự cố” lấy kinh phí từ nguồn sự nghiệp bảo vệ môi trường. Dự án đã được thực hiện cho giai đoạn 1 trong 03 năm từ 2017-2019, với các chỉ tiêu ban đầu tập trung vào suất liều gamma trong không khí, hoạt độ của 08 nhân phóng xạ phát gamma trong mẫu đất và mẫu nước biển tại 03 địa phương gần biên giới phía Bắc là: Quảng Ninh, Hải Phòng và Lạng Sơn và đang xin phê duyệt để tiếp tục mở rộng triển khai cả về quy mô và các chỉ tiêu cần quan tâm cho giai đoạn 2 dự kiến từ 2020-2022.

Trong 03 năm thực hiện, Dự án đã tiến hành đo suất liều gamma trong không khí trên 6200 điểm đo (với 600 điểm đo trên địa bàn thành phố Hải Phòng, 2400 điểm đo trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và 3200 điểm đo trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn), đồng thời thu thập và phân tích tổng cộng 625 mẫu đất (trong đó có 80 mẫu đất Hải Phòng, 320 mẫu đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, và 425 mẫu đất Lạng Sơn) cùng với 04 mẫu nước ven biển tỉnh Quảng Ninh và Hải Phòng. Từ đó xây dựng nên bộ dữ liệu khá lớn về phóng xạ môi trường và đưa lên bản đồ số với phân bố không gian chi tiết về suất liều và hoạt độ từng nhân phóng xạ đã phân tích cho toàn bộ khu vực khảo sát, nhằm phục vụ cho công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố sau này.

Ngoài ra, Cục ATBXHN đã gửi Công văn tới 18 tỉnh, thành phố phía Bắc có khả năng chịu ảnh hưởng từ sự cố hạt nhân ngoài biên giới để thu thập dữ liệu phông phóng xạ nền dựa trên những hoạt động quan trắc mà tỉnh đã thực hiện. Kết quả đã thu được dữ liệu sơ bộ từ 06 địa phương bao gồm Hải Phòng, Phú Thọ, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hải Dương, Lạng Sơn.

Bên cạnh đó, từ năm 2006 trở lại đây, Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật An toàn bức xạ hạt nhân và ứng phó sự cố thuộc Cục ATBXHN cũng đã phối hợp với các Sở KH&CN cũng như các cơ sở bức xạ tại địa phương tiến hành đo đạc, khảo sát phóng xạ môi trường tại nhiều tỉnh, thành như Sơn La, Lạng Sơn, Khánh Hòa, Tây Ninh, Yên Bái, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Quảng Nam, Bình Định v.v... Trong các năm gần đây, từ 2017 -2019, Trung tâm đã thực hiện công việc quan trắc phóng xạ môi trường định kỳ hàng năm tại các tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu để theo dõi các diễn biến bất thường cũng như xây dựng và hoàn thiện dữ liệu phóng xạ môi trường cho từng địa phương, tiến tới xây dựng bản đồ phóng xạ môi trường theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/06/2011 trong đó đặt ra mục tiêu hoàn thành bộ bản đồ môi trường phóng xạ tự nhiên tỷ lệ 1:200.000 cho toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Các dữ liệu về phóng xạ môi trường nói trên hiện nay đã được thu thập và tổng hợp dần từng bước, tuy nhiên chưa được toàn diện và đồng bộ. Do đó, cần có kế hoạch, lộ trình cũng như chỉ đạo từ Bộ xuống các địa phương, cơ quan nghiên cứu chuyên ngành để thu nhận dữ liệu trên diện rộng, hướng tới mục tiêu xây dựng nên bộ cơ sở dữ liệu một cách hệ thống và đồng bộ, phục vụ công tác quản lý phóng xạ môi trường xuyên suốt và lâu dài./.

# 

# XII. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO AN TOÀN BỨC XẠ VÀ ĐÀO TẠO CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT

**1. Giới thiệu chung về hoạt động đào tạo an toàn bức xạ và đào tạo  
chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Luật NLNT**

Người lao động trong tất cả các lĩnh vực liên quan đến bức xạ ion hóa cần được đào tạo về an toàn bức xạ theo nội dung và thời lượng phù hợp. Chỉ những người đạt điểm sát hạch sau mỗi khóa đào tạo này mới được cấp chứng nhận về an toàn bức xạ và đủ điều kiện lao động trước pháp luật trong lĩnh vực cụ thể và sau 3 năm phải được đào tạo lại.

Để cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ và chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT, cá nhân ngoài chứng nhận đào tạo ATBX theo quy định tại Thông tư 34/2014/TT-BKHCN, cần phải có chứng nhận đào tạo chuyên môn nghiệp vụ liên quan.

Ngoài ra, theo Khoản 1 Điều 70 Luật Năng lượng nguyên tử, những người thực hiện công việc dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử phải qua khoá đào tạo dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử tại cơ sở đào tạo. Theo quy định tại Khoản 3 – Điều 70 Luật NLNT thì Bộ KH&CN phải quy định về cơ sở đào tạo dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT, trong đó có đào tạo chuyên môn và an toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ và cho cá nhân tiến hành hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT.

**2. Hoạt động đào tạo chuyên môn nghiệp vụ**

Hiện tại chưa có văn bản hướng dẫn dưới luật đối với nội dung đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.

Việc đào tạo sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ trong công nghiệp, ứng dụng y tế thường được tìm kiếm đầu mối từ các công ty, đơn vị sự nghiệp liên quan hoặc của nhà cung cấp có đủ năng lực.

Hiện nay mới có một vài đơn vị thực hiện dịch vụ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ đối với một vài loại hình như: dịch vụ đào tạo về đọc liều chiếu xạ cá nhân, dịch vụ đào tạo kiểm tra chất lượng thiết bị X quang chẩn đoán y tế, dịch vụ đào tạo về ghi đo bức xạ, dịch vụ đào tạo về vận hành thiết bị chiếu xạ....Khi Nghị định quy định điều kiện tiến hành công việc bức xạ và điều kiện hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử được ban hành sẽ khắc phục được những tồn tại trên.

Riêng về lĩnh vực sử dụng nguồn bức xạ trong kiểm tra không phá hủy (NDT) yêu cầu có giảng viên được cấp chứng chỉ đặc thù (chứng chỉ NDT cấp 3) nên loại hình này hiện nay có một số đơn vị làm dịch vụ tổ chức đào tạo.

**3. Hoạt động đào tạo ATBX**

Thông tư 34/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 11 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về “đào tạo an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ,  
người phụ trách an toàn và dịch vụ đào tạo an toàn bức xạ”. Mục tiêu của việc tổ chức đào tạo theo Thông tư 34 là nhằm để nâng cao nhận thức, trách nhiệm và chất lượng hoạt động bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ đối với nhân viên bức xạ của cơ sở, người phụ trách an toàn, người quản lý của cơ sở và nhằm xây dựng văn hóa an toàn an ninh của cá cơ sở có các hoạt động tiến hành công việc bức xạ như: sử dụng nguồn phóng xạ theo từng loại hình tiến hành công việc bức xạ ví dụ như X quang trong y tế, sử dụng trong công nghiệp, trong nghiên cứu, đào tạo, lưu giữ nguồn phóng xạ … Các tổ chức, cá nhân tiến hành công việc bức xạ trên phạm vi toàn quốc khi tổ chức đào tạo cho nhân viên bức xạ của đơn vị mình phải chấp hành nghiêm các quy định về đào tạo an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn, cụ thể:

- Đào tạo Nhân viên bức xạ phải qua đào tạo an toàn bức xạ tương ứng với loại hình công việc bức xạ đang tiến hành;

- Đối với người phụ trách an toàn của cơ sở, ngoài việc phải tham gia khóa đào tạo ATBX đối với loại hình công việc bức xạ đang thực hiện, như đã nêu tại điểm 1. Đồng thời, phải tham dự khóa đào tạo bổ sung dành riêng cho người phụ trách an toàn bức xạ. Người phụ trách an toàn phải được cơ sở dịch vụ đào tạo cấp giấy chứng nhận đối với 2 khóa đào tạo nêu trên và phải được bổ nhiệm bằng văn bản của cơ sở đang công tác.

- Định kỳ 3 năm 1 lần, cơ sở phải cử nhân viên bức xạ, người phụ trách an toàn bức xạ tham dự khóa đào tạo để cập nhật lại các kiến thức về an toàn bức xạ, những quy định văn bản quy phạm pháp luật mới có liên quan nhằm bảo đảm an toàn an ninh và nâng cao chất lượng cho các hoạt động ứng dụng năng lượng nguyên tử

- Các cơ sở phải có kế hoạch để người quản lý/ chủ sơ sở tiến hành công việc bức xạ tham dự khóa đào tạo an toàn bức xạ để có trách nhiệm trong công tác quản lý của cơ sở, tăng cường công tác bảo đảm an toàn, an ninh và xây dựng văn hóa an toàn, an ninh tại cơ sở. Đây cũng là một trong những căn cứ quan trọng để thẩm định, xem xét đánh giá đối với các hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ, chứng chỉ nhân viên bức xạ. Hiện tại có 14 cơ sở đã được Cục cấp giấy đăng ký hoạt động dịch vụ đào tạo ATBX. Nhìn chung các cơ sở đã chấp hành tốt các quy định tại Thông tư 34/2014/TT-ATBXHN tổ chức đào tạo và cấp chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ cho các cơ sở, cá nhân theo loại hình tiến hành công việc bức xạ, các hoạt động đào tạo ATBX dần dần đi vào nề nếp. Năm 2019, Cục ATBXHN đã tổ chức đoàn kiểm tra, giám sát các hoạt động đào tạo ATBX của hầu hết các tổ chức dịch vụ. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, giám sát, đoàn đã trực tiếp nhắc nhở các cơ sở đào tạo về các tồn tại; các cơ sở đào tạo đã hứa chấn chỉnh và hoàn thiện các tồn tại ngay. Đoàn cũng đã có báo báo lên Cục trưởng Cục ATBXHN về kết quả kiểm tra giám sát.

**4. Hoạt động đào tạo nhân lực của Cơ quan pháp quy hạt nhân**

Sau khi Quốc hội thông qua nghị quyết dừng chủ trương đầu tư Dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận, Cục ATBXHN tiếp tục phối hợp với IAEA và các đối tác quốc tế khác như EC, Nhật Bản, Liên bang Nga, Hoa Kỳ,...tổ chức một số khoá đào tạo cho cán bộ của Cục ATBXHN, Viện NLNT Việt Nam, Cục Năng lượng nguyên tử và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ở trong nước và nước ngoài. Kinh phí thực hiện các khóa đào tạo trong nước do phía đối tác tài trợ, phía Việt Nam chi kinh phí tổ chức lớp học; với các khóa đào tạo tại nước ngoài, phía đối tác chịu toàn bộ kinh phí. Thông qua các khóa đào tạo này, cán bộ trong lĩnh vực Năng lượng nguyên tử đã nâng cao trình độ và kỹ năng, từng bước đáp ứng các yêu cầu chuyên môn theo từng vị trí việc làm.

# XIII. HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN

Trong năm 2019, Cục ATBXHN đã triển khai nhiều hoạt động thông tin, tuyên truyền về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân; an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, cơ sở hạt nhân và thanh sát hạt nhân nhằm thông tin kịp thời cho các cấp Lãnh đạo, các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan tổ chức có liên quan cũng như nâng cao hiểu biết, nhận thức của đông đảo quần chúng nhân dân, góp phần phục vụ công tác quản lý nhà nước về ATBXHN cũng như đảm bảo sự công khai minh bạch của cơ quan pháp quy hạt nhân quốc gia.

1. **Thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật**

Trong thời gian qua, Cục đã chú trọng công tác thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật cho các tổ chức, cá nhân, các cơ sở bức xạ để đưa các quy định của pháp luật về ATBXHN đi vào đời sống xã hội; giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho mọi người nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về ATBXHN. Các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử được cập nhật đầy đủ trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và của CụcATBXHN. Các văn bản mới được phổ biến tới các đối tượng chịu sự tác động chính là các cơ sở bức xạ qua các hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn, khóa đào tạo, các cuộc thanh kiểm tra,....

1. **Xuất bản các ấn phẩm của cơ quan pháp quy hạt nhân**

Cục đã xây dựng **Báo cáo công tác quản lý nhà nước về ATBXHN** năm 2018. Đây là tài liệu mà cơ quan pháp quy hạt nhân phải báo cáo hàng năm lên Lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các thành viên Chính phủ, Hội đồng ATHNQG, Hội đồng phát triển ứng dụng NLNT quốc gia, các Bộ, ngành và các đối tượng có liên quan. Báo cáo đã đánh giá tình hình chung về công tác xây dựng VBQPPL, cấp phép, thanh tra, an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh và thanh sát hạt nhân, ứng phó sự cố, thông tin và đào tạo, hợp tác quốc tế,... cũng như cung cấp các thống kê hoạt động cấp phép, danh sách các đơn vị thanh tra, quản lý liều chiếu xạ của nhân viên bức xạ trong cả nước, tình hình hoạt động và bảo đảm an toàn của lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt, của các cơ sở bức xạ trong lĩnh vực công nghiệp, y tế, hỗ trợ ứng dụng NLNT,... Bản điện tử Báo cáo được đưa lên Cổng thông tin điện tử của Cục.

**Tập san Thông tin pháp quy hạt nhân** được xây dựng và xuất bản một năm 2 số nhằm cung cấp thông tin cho bạn đọc về các hoạt động trong quản lý nhà nước về ATBXHN ở cấp Trung ương và địa phương và các bài viết chuyên sâu của các chuyên gia lĩnh vực pháp quy hạt nhân. Năm 2019 đã xuất bản điện tử (đưa lên Cổng thông tin điện tử của Cục) số 16 (tháng 6) với 6 bài viết, số 17 (tháng 12) với 7 bài viết.

**3. Duy trì và cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Cục ATBXHN**

Trong năm 2019, Cục tiếp tục duy trì Cổng thông tin điện tử của Cục với việc đăng tải đầy đủ các thông tin phục vụ công tác quản lý như các thủ tục hành chính, hướng dẫn cấp phép, VBQPPL,... và thường xuyên cung cấp tin tức về hoạt động của Cục, tin tức trong và ngoài nước trong lĩnh vực NLNT, các tài liệu về an toàn, an ninh và thanh sát hạt nhân, các bài viết nghiên cứu chuyên sâu, ý kiến trao đổi của các nhà quản lý, nhà khoa học. Trang tiếng Anh cũng được duy trì.

Các thông tin được đăng tải đầy đủ và kịp thời, góp phần tăng cường thông tin, tuyên truyền và phổ biến kiến thức về ATBXHN cũng như đảm bảo tính công khai, minh bạch của cơ quan pháp quy hạt nhân. Trong năm 2019 đã có 120 tin bài, 90 ảnh được đăng trên Cổng thông tin điện tử của Cục. Tính đến tháng 12/2019 đã có hơn 5 triệu lượt truy cập Cổng.

Năm 2019, Cục cung cấp cho Cổng thông tin điện tử của Bộ 28 tin (vượt chỉ tiêu so với yêu cầu, mỗi đơn vị cung cấp trung bình 2 tin/tháng). Các câu hỏi của bạn đọc liên quan đến lĩnh vực quản lý do Ban biên tập Cổng TTĐT Bộ gửi lại hoặc câu hỏi trong mục Hỏi-Đáp trên Cổng TTĐT Cục được trả lời đầy đủ.

1. **Hoạt động thông tin khoa học phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân**

Trong năm vừa qua, Cục tiếp tục duy trì những hoạt động thông tin khoa học phục vụ công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ hạt nhân:

- Thu thập, tổ chức bảo quản và phân loại vốn tài liệu khoa học theo loại hình và nội dung tài liệu.

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của thư viện, từng bước xây dựng thư viện hiện đại, đáp ứng được nhu cầu tin của cán bộ trong cơ quan

- Xây dựng, từng bước phân loại và quản lý và vận hành các CSDL về sách, tạp chí, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến an toàn bức xạ và hạt nhân.

- Phát triển nguồn lực thông tin và các dịch vụ thông tin theo hướng hiện đại hóa, trong đó chú trọng vào các nguồn thông tin điện tử và các nguồn thông tin số hóa.

Hiện nay, Thư viện Cục đã có được một số lượng tài liệu bao gồm:

+ Tổng số sách, tài liệu: gần 2.000 đầu sách (bao gồm các tài liệu chuyên ngành, các tiêu chuẩn, hướng dẫn trong và ngoài nước)

+ Tài liệu văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân

+ Tài liệu dạng tệp dữ liệu từ các hội thảo, các khóa đào tạo trong lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân.

Trong thời gian tới, Thư viện Cục An toàn bức xạ và hạt nhân sẽ tiếp tục xây dựng, đẩy mạnh phát triển thư viện số, hiện đại phù hợp với tình hình phát triển không ngừng của công nghệ thư viện, phục vụ tốt hơn nhu cầu của người dùng bằng việc liên kết và phát triển nguồn tài liệu số với các đơn vị có số lượng tạp chí chuyên ngành lớn như Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc Gia nhằm cung cấp cho cán bộ nhiều loại hình tài liệu (truyền thống, tài liệu văn bản điện tử, âm thanh, hình ảnh,...). Tổ chức bảo quản, phân loại vốn tài liệu khoa học một cách hệ thống. Đưa thông tin đến với người dùng thông qua nhiều kênh khác nhau, người dùng có thể khai thác trực tiếp hoặc gián tiếp nguồn thông tin của thư viện thông qua Internet. Đồng thời cũng sẽ tổ chức các loại hình dịch vụ cung ứng thông tin đa dạng như: dịch vụ cung cấp thông tin qua mạng, dịch vụ cung cấp tài liệu tham khảo hoặc theo chuyên đề.

**5. Kết luận và đề xuất**

Tuy còn khó khăn về cơ sở hạ tầng thông tin cũng như hạn chế về nguồn nhân lực, trong những năm qua, hoạt động thông tin pháp quy hạt nhân đã có những bước phát triển, các hoạt động triển khai tăng dần về số lượng và chất lượng, góp phần phục vụ công tác quản lý nhà nước về ATBXHN.

Trong thời gian tới, trước những yêu cầu và thách thức mới nhằm tăng cường hiểu biết của công chúng về bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh nguồn phòng xạ thì cần tăng cường hơn nữa các hoạt động thông tin tuyên truyền, cho các đối tượng khác nhau, từ đó góp phần nâng cao nhận thức về ATBXHN, nâng cao văn hóa an toàn, tạo niềm tin của công chúng đối với cơ quan pháp quy. Một số đề xuất cụ thể như sau:

* Cơ quan pháp quy cần xây dựng một chiến lược truyền thông dài hạn với việc xác định rõ các mục tiêu, giá trị, nguyên tắc, đối tượng và hoạt động;
* Xây dựng các quy trình về thông tin để tạo thuận lợi cho việc triển khai và phối hợp triển khai giữa các đơn vị trong Cục;
* Thông tin trong trường hợp khẩn cấp cần đươc nghiên cứu, chuẩn bị và thực hành;
* Xem xét việc sử dụng các công cụ truyền thông mới như mạng xã hội./.

# XIV. HỢP TÁC QUỐC TẾ

**1. Tổng quan về các hoạt động hợp tác quốc tế về an toàn, an ninh và không phổ biến hạt nhân**

Trong năm 2019, Cục ATBXHN tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế (HTQT) song phương và đa phương, tập trung chủ yếu vào việc nâng cao năng lực cán bộ và góp phần củng cố công tác đảm bảo an toàn, an ninh và không phổ biến hạt nhân. Có thể nói, hoạt động đối ngoại của Cục đã chú trọng hơn đến chất lượng và hiệu quả hợp tác, đóng góp thiết thực cho các hoạt động quản lý nhà nước của Cục. Năm 2019, Cục đã đạt được những kết quả tiêu biểu như sau:

- Chủ trì tổ chức xây dựng, xin ý kiến các Bộ ngành và ký kết thành công Thỏa thuận dàn xếp về hợp tác ba bên giữa Việt Nam, IAEA và Lào/Campuchia, vào ngày 17/9/2019 tại Viên, Áo (đại diện phía Việt Nam do Thứ trưởng Phạm Công Tạc, Trưởng đoàn công tác tham dự Khóa họp Đại hội đồng 63 ký kết).

- Tổ chức thành công Hội nghị Tổng kết và Hội nghị Truyền thông về Dự án EC VN3.01/13 từ ngày 03-04/4/2019 tại Hà Nội nhằm tổng kết, thông báo về các hoạt động mà Ủy ban châu Âu (EC) đã hỗ trợ cho hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn và an ninh hạt nhân thông qua Dự án VN3.01/13. Đây là Hội nghị có quy mô và ý nghĩa đặc biệt quan trọng với sự tham dự của Ngài Đại sứ, Trưởng Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam; đại diện Ủy ban châu Âu; các chuyên gia phía EC; Bộ trưởng Chu Ngọc Anh cùng đại diện các cơ quan Bộ ngành có liên quan và các cơ quan báo chí, truyền thông trong nước, v.v.

- Tiếp tục điều phối tổ chức triển khai có hiệu quả: dự án hợp tác kỹ thuật TC Project VIE9019 hợp tác với IAEA về “Tăng cường hạ tầng an toàn bức xạ và hạt nhân”, và dự án đảm bảo an ninh cho các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ hoạt độ cao hợp tác với Văn phòng An ninh nguồn phóng xạ ORS/Bộ Năng lượng Hoa Kỳ.

**2. Hợp tác đa phương**

- Tiếp tục tăng cường hợp tác với IAEA trong lĩnh vực an ninh hạt nhân: bao gồm triển khai dự án lắp đặt cổng phát hiện phóng xạ RPM tại sân bay Tân Sơn Nhất, đề xuất hợp tác trong bảo đảm an ninh sự kiện lớn MPE cho năm 2020 khi Việt Nam làm chủ tịch ASEAN, bước đầu hợp tác trong tìm hiểu và xây dựng kế hoạch hỗ trợ Việt Nam trong lĩnh vực giám định hạt nhân. Mới đây, IAEA đã đề xuất và Cục đã đồng ý đề nghị của IAEA về việc triển khai một dự án khu vực về xây dựng năng lực quốc gia ứng phó sự cố an ninh hạt nhân (cùng Indonesia, Thái Lan và Malaysia) trong đó IAEA có thể hỗ trợ Việt Nam chuyên gia kỹ thuật, thiết bị phục vụ ứng phó sự cố, thực hành diễn tập ứng phó sự cố, v.v.

- Thực hiện vai trò của Điều phối viên quốc gia trong hợp tác kỹ thuật với IAEA (NLO): làm thủ tục đón 15 đoàn chuyên gia vào Việt Nam và cử khoảng 200 đoàn ra cho các cơ quan, Bộ ngành cử cán bộ đi đào tạo, trong đó hơn 100 lượt cán bộ Cục ATBXHN và hơn 100 lượt cán bộ của các đơn vị y tế, nông nghiệp, công nghiệp trong cả nước.

- Tăng cường vai trò và sự tham gia của Việt Nam trong Mạng lưới các cơ quan pháp quy hạt nhân của ASEAN (ASEANTOM), bao gồm: Hỗ trợ Ban thư ký ASEANTOM và Đầu mối quốc gia (POC) trong việc triển khai, thúc đẩy việc ký kết thành công bản Thỏa thuận dàn xếp giữa ASEAN và IAEA về hợp tác trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và ứng dụng hạt nhân, an toàn, an ninh và thanh sát hạt nhân. Bản thỏa thuận là cơ sở cho việc xây dựng các dự án hợp tác kỹ thuật chung giữa IAEA và cơ quan pháp quy các nước ASEAN trong tương lai. Cục đã tích cực tham gia các hoạt động của các dự án thuộc Mạng lưới ASEANTOM bao gồm Dự án EC-ASEANTOM về “Nâng cao năng lực chuẩn bị và ứng phó khẩn cấp tại khu vực Đông Nam Á” với dự án thành phần số 1 “ Hỗ trợ kỹ thuật để đưa ra quyết định” và dự án thành phần số 2 “Thiết lập Mạng lưới quan trắc cảnh báo sớm phóng xạ khu vực ASEAN”; Dự án ASEANTOM/EDTS về triển khai diễn tập về chuẩn bị và ứng phó sự cố và an ninh hạt nhân,v.v.

- Thực hiện vai trò Điều phối viên quốc gia triển khai Sáng kiến thành lập trung tâm hợp tác tiên tiến giảm thiểu nguy cơ hóa học, sinh học, phóng xạ và hạt nhân (Sáng kiến CBRN) tại Việt Nam; chủ trì và phối hợp với các Bộ ngành có liên quan từng bước triển khai thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố hoá học, sinh học, bức xạ và hạt nhân (CBRN) giai đoạn 2019–2025 theo Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 22/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục triển khai hoạt động đào tạo nâng cao năng lực kỹ thuật của Cục và các cơ quan có liên quan trong nhiều lĩnh vực kỹ thuật chuyên môn khác nhau: về quản lý pháp quy và bảo đảm an toàn hạt nhân hợp tác với ENSTTI/ITER, về giám sát và xử lý số liệu Trung tâm Dữ liệu quốc tế IDC/ và các Trung tâm dữ liệu quốc gia NDC trong hợp tác giữa Cục và Tổ chức cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBTO), v.v.

**3. Hợp tác song phương**

- Tiếp tục triển khai và mở rộng hoạt động hợp tác song phương với các cơ quan có liên quan thuộc Bộ Năng lượng Hoa Kỳ: hợp tác với Văn phòng Chương trình An ninh hạt nhân quốc tế INS trong bảo đảm an ninh và bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân, khảo sát để hỗ trợ nâng cấp hệ thống bảo vệ thực thể tại tòa nhà lò và kho lưu giữ nguồn của Viện Nghiên cứu hạt nhân; và hỗ trợ xây dựng Trung tâm đào tạo về an ninh hạt nhân cho Việt Nam (đặt tại Trung tâm Hỗ trợ kỹ thuật an toàn bức xạ và ứng phó sự cố của Cục ATBXHN). Hiện các hoạt động đang trong giai đoạn triển khai thiết kế, đàm phán về hỗ trợ trước khi ký kết thỏa thuận hỗ trợ giữa các bên liên quan; hợp tác với Chương trình Cam kết và Thanh sát hạt nhân quốc tế INSEP về nâng cao năng lực quốc gia trong kế toán vật liệu hạt nhân, kiểm tra không phá hủy phục vụ thanh sát và thực hiện thanh sát hạt nhân; bước đầu đặt quan hệ hợp tác với Văn phòng phát hiện và ngăn chặn buôn bán trái phép vật liệu hạt nhân NSDD về công tác giám định hạt nhân tại Việt Nam.

- Triển khai hoạt động hợp tác có hiệu quả với Cơ quan giám sát môi trường, công nghiệp và hạt nhân Liên bang Nga (Rostechnadzor) trong hỗ trợ rà soát, góp ý và hoàn thiện dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phục vụ lò phản ứng nghiên cứu mới của Việt Nam (với kết quả là bản ý kiến góp ý hơn 160 trang của cơ quan hỗ trợ kỹ thuật của Rostechnadzor – Công ty VO Safety), đồng thời hai bên đã ký biên bản làm việc đề ra các hoạt động hợp tác sẽ triển khai trong năm 2020 tiếp tục hoạt động hỗ trợ Cục trong xây dựng văn bản và tăng cường năng lực kỹ thuật trong thẩm định an toàn hạt nhân.

- Cục có bước triển khai hoạt động hợp tác cụ thể với Cơ quan Quản lý an toàn hạt nhân quốc gia Trung Quốc (NNSA): sau khi ký kết MOU giữa Cục ATBXHN và NNSA vào tháng 11/2017 sau chuyến thăm đầu tiên của Đoàn đại biểu Việt Nam tới Bắc Kinh làm việc với Thứ trưởng Bộ Sinh thái và môi trường vào tháng 7/2018: đoàn cán bộ kỹ thuật của NNSA đã lần đầu tiên làm việc với Cục và các cơ quan năng lượng nguyên tử của Việt Nam để trao đổi các thông tin rất cần thiết như về Công nghệ lò HPR-1000 trong các nhà máy điện hạt nhân ở Trung Quốc, về mạng lưới quan trắc phóng xạ môi trường và về công tác ứng phó sự cố. Đây là khởi đầu cho việc triển khai kênh trao đổi thông tin thông qua các cuộc họp và hội thảo kỹ thuật mà hai bên dự kiến năm 2020 sẽ tiếp tục thực hiện.

- Bước đầu xây dựng và mở ra quan hệ hợp tác song phương với Cơ quan môi trường quốc gia NEA/Singapore: Đây là chuyến thăm và làm việc chính thức đầu tiên của NEA, Cơ quan pháp quy hạt nhân Singapore tới Việt Nam, hứa hẹn sẽ mở ra mối quan hệ hợp tác song phương mới cho hai quốc gia trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử trong tương lai.

Thông qua các kênh hợp tác đa phương, song phương, Cục đã chủ trì tổ chức thành công 16 Hội nghị/Hội thảo/Khóa đào tạo quốc tế và đón tiếp 12 đoàn chuyên gia của các đối tác IAEA, EC, ANSN, Hoa Kỳ, Nhật Bản...(số lượng tương đương năm 2018 mặc dù kinh phí cắt giảm 15%); Tư vấn và tổ chức, làm thủ tục cho hơn 170 đoàn ra tương đương hơn 270 lượt cán bộ trong và ngoài Cục (số lượng cán bộ bên ngoài là 70 lượt, chiếm 25%, tổng số lượt năm 2017-2018 là hơn 200 lượt) đi học tập, nghiên cứu, tham dự Hội nghị, Hội thảo, Cuộc họp kỹ thuật, v.v tại nước ngoài nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm thực tiễn và tăng cường hợp tác quốc tế./.

# XVI. CÁC SỰ CỐ BỨC XẠ NĂM 2019 VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

## Các sự cố bức xạ năm 2019

### *1.1. Sự cố nguồn phóng xạ trong phế liệu tại Vũng Tàu*

Ngày 14/12/2018, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (KH&CN) nhận được tin báo qua điện thoại của Công ty TNHH thép Vina Kyoei (Công ty) về việc phát hiện suất liều bức xạ trong phế liệu của Công ty. Ngay sau khi tiếp nhận thông tin, Sở KH&CN đã thông báo cho Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (ATBXHN), Công an tỉnh thông tin trên để phối hợp xử lý. Sở KH&CN phối hợp với Công an tỉnh làm việc với Công ty về việc phát hiện suất liều bức xạ trong phế liệu. Qua buổi làm việc, Sở KH&CN đã phối hợp, hướng dẫn Công ty thực hiện việc đo đánh giá an toàn và lưu giữ tạm thời vật thể phóng xạ bảo đảm an toàn và an ninh tại Công ty.

Ngày 24/12/2018, Cục ATBHXN nhận được Công văn số 903/SKHCN–QLCN của Sở Khoa học và Công Nghệ (KH&CN) tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc báo cáo phát hiện và lưu giữ tạm thời và đề nghị Cục ATBXHN hướng dẫn, chỉ đạo biện pháp xử lý vật thể phát ra bức xạ trong phế liệu sắt thép của nhà máy thép Vina Kyoei phát hiện vào ngày 14/12/2018.

Tại buổi làm việc, đại diện Công ty ông Nguyễn Quốc Thái – Phụ trách an toàn bức xạ – đã báo cáo tóm tắt sự việc phát hiện tín hiệu bức xạ trong xe chở phế liệu vào ngày 13/12/2018 bằng cổng phát hiện bức xạ của Công ty. Công ty đã tổ chức tìm kiếm được vật thể kim loại phát ra bức xạ nhưng không xác định được nguồn gốc do các lô phế liệu của Công ty tại kho Cảng Thị Vải được thu gom từ nguồn nhập khẩu và trong nước.

Sau khi nghe Công ty báo cáo sự việc, tổ công tác tiến hành kiểm tra thực tế tại khu vực lưu giữ tạm thời vật thể phát ra bức xạ. Kết quả kiểm tra như sau:

* Vật thể phóng xạ đang được lưu giữ trong container có khóa đảm bảo an ninh, hình dạng không rõ ràng, đã bị biến dạng với các giá trị suất liều đo xung quanh tương tự như trong biên bản làm việc ngày 24/12/2018.
* Kết quả nhận diện đồng vị phóng xạ: đồng vị phóng xạ Radium – 226 (Ra–226).
* Kết quả đo kiểm tra nhiễm bẩn phóng xạ: không phát hiện nhiễm bẩn phóng xạ trong các mẫu kiểm tra nhiễm bẩn.

Sau khi nghe Công ty báo cáo sự việc, tổ công tác tiến hành kiểm tra thực tế tại khu vực lưu giữ tạm thời vật thể phát ra bức xạ. Vật thể đang được lưu giữ trong container có khóa cẩn thận để bên ngoài kho, hình dạng không xác định, đuôi nguồn gắn trong thiết bị, không có dấu hiệu cảnh báo phóng xạ trên vật thể. Kiểm tra suất liều bức xạ ở khoảng cách 01 m có giá trị 0,23 µSv/h và sát bề mặt có giá trị 17,56 µSv/h.



**Hình ảnh vật thể chứa nguồn phóng xạ**

Sau khi trao đổi, các bên tham gia cuộc họp thống nhất các nội dung như sau:

- Đề nghị Cục ATBXHN làm việc với Viện Nghiên cứu hạt nhân để lưu giữ vật thể phát ra bức xạ được phát hiện trong phế liệu của Công ty TNHH Thép Vina Kyoei.

- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei hỗ trợ thanh toán các chi phí liên quan việc vận chuyển vật thể phát ra bức xạ đến nơi lưu giữ và đề nghị Cục ATBXHN giới thiệu đơn vị có chức năng vận chuyển vật thể phát ra bức xạ để ký hợp đồng vận chuyển với Công ty; đồng thời, thông báo thời gian, phương tiện vận chuyển để Công ty sắp xếp, bố trí người hỗ trợ đưa thiết bị lên xe vận chuyển.

- Tổ công tác kiến nghị Công ty lưu giữ tạm thời vật thể phát ra bức xạ trên để bảo đảm an toàn trong thời gian chờ vận chuyển.

- Thời gian thực hiện vận chuyển thiết bị vật thể phát ra bức xạ đến nơi lưu giữ an toàn là ngày 09/01/2019.

### *1.2. Sự việc phát hiện cây bài chứa phóng xạ I-125 tại sân bay quốc tế Nội Bài*

Ngày 28/01/2019, theo thông báo và yêu cầu hỗ trợ nghiệp vụ, cán bộ của Cục ATBXHN đã phối hợp với Đội thủ tục Hải quan hành lý nhập khẩu sân bay quốc tế Nội Bài – Chi cục Hải quan CKSBQT Nội Bài kiểm tra và xác định 01 hộp gỗ màu đỏ có chứa một số vật thể bên trong bị nhiễm xạ (mức suất liều đo được từ 20 – 40 µSv/h, phông môi trường là 0,1 µSv/h). Vật thể này sau đó được lưu giữ tạm thời tại phòng lưu tang vật của Đội thủ tục Hải quan hành lý nhập khẩu sân bay quốc tế Nội Bài – Chi cục Hải quan CKSBQT Nội Bài. Chủ sở hữu vật thể nêu trên tường trình mang giúp bạn từ Hàn Quốc về Hà Nội, sau đó sẽ có người liên hệ để nhận. Cơ quan Hải quan đã lập biên bản tạm giữ vật thể, biên bản làm việc với chủ sở hữu vật thể.

A picture containing wall, indoor, toilet, object

Description automatically generatedA picture containing indoor, wall, object

Description automatically generated

**Vật thể thu giữ tại Nội Bài ngày 28/02/2019**

Ngày 30/01/2019, Cục Hải quan thành phố Hà Nội có công văn số 285/HQHN-CBL gửi các đơn vị có liên quan (Cục Hải quan thành phố Hà Nội, Cơ quan An ninh điều tra, Công An TP Hà Nội, Sở KHCN thành phố Hà Nội) về việc phối hợp xử lý vụ việc vận chuyển hàng hóa có chứa phóng xạ qua sân bay quốc tế Nội Bài.

Thực hiện trách nhiệm của Cơ quan thường trực chỉ huy UPSC bức xạ hạt nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội, ngày 15/02/2019 Sở KHCN Hà Nội đã tổ chức cuộc họp giữa các bên có liên quan về việc phối hợp xử lý vụ việc nêu trên. Cuộc họp kết luận phía Hải quan bàn giao hồ sơ cho cơ quan Cơ quan An ninh điều tra, Công An TP Hà Nội để xem xét truy tố nếu phát hiện dấu hiệu hình sự.

Vật thể chứa phóng xạ được bàn giao và lưu giữ tạm thời tại Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân trong thời gian chờ ý kiến của phía Công An thành phố Hà Nội.

### *1.3. Sự việc phát hiện cây bài chứa phóng xạ I-125 tại sân bay quốc tế Nội Bài*

Ngày 02/03/2019, theo thông báo và yêu cầu hỗ trợ nghiệp vụ, cán bộ của Cục ATBXHN và cán bộ của Phòng An ninh Kinh tế, Công An TP Hà Nội đã phối hợp với Đội thủ tục Hải quan hành lý nhập khẩu sân bay quốc tế Nội Bài – Chi cục Hải quan CKSBQT Nội Bài kiểm tra và xác định 01 hộp màu trắng có chứa một bộ bài bị nhiễm xạ (mức suất liều cao nhất đo được là 105 µSv/h, phông môi trường là 0,13 µSv/h).



**Tang vật thu giữ tại Nội Bài ngày 03/02/2019**

Các bên liên quan đã lập biên biển chứng nhận, biên bản tạm giữ tang vật, phía Công An TP Hà Nội đã lấy lời khai của chủ sở hữu tang vật. Do vật thể tạm giữ có tín hiệu bức xạ cao nên đã được cán bộ của Cục ATBXHN áp tải và bàn giao lưu giữ tạm thời tại Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân trong thời gian chờ ý kiến của phía Công An thành phố Hà Nội.

### *1.4. Sự cố nguồn phóng xạ trong phế liệu nhập khẩu của Công ty Shengli*

Tháng 3/2019 Cục ATBXHN nhận được thông tin báo cáo phát hiện nhiễm bẩn phóng xạ tại một số công-te-nơ chứa phế liệu kim loại của công ty TNHH Thép đặc biệt Shengli Việt Nam nhập khẩu vào Việt Nam qua cảng Hải phòng từ phía Bộ Năng lượng Hoa kỳ.

Ngày 03/04/2019 và 17/04/2019, Đoàn cán bộ của Cục ATBXHN phối hợp với chủ hàng – công ty TNHH Thép đặc biệt Shengli Việt Nam, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng và Cảng vụ Cảng VIP Green Port Hải Phòng. Kết quả đo phát hiện 11/95 container thuộc lô hàng nhập khẩu theo 02 vận đơn của công ty TNHH Thép đặc biệt Shengli Việt Nam có kết quả suất liều bức xạ chiếu ngoài cao hơn phông môi trường, trong đó 04 container theo thông tin cảnh báo từ phía Hoa kỳ, cơ quan hải quan đã yêu cầu hãng tàu không dỡ hàng và vận chuyển ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

Ngày 05/06/2019, Đoàn công tác của Cục ATBXHN và Cục HQ Thành phố Hải Phòng có buổi làm việc về phương án đánh giá và xử lý các container của công ty TNHH Thép đặc biệt Shengli Việt Nam tại cảng Hải Phòng. Cuộc họp kết luận cần mở 07/95 container nêu trên để lấy mẫy đánh giá nhiễm bẩn phóng xạ và nồng độ hoạt độ theo quy định.

Từ ngày 19/06 – 21/06/2019, Đơn vị giám định (Viện Khoa học và kỹ thuật hạt nhân - Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam) đã phối hợp với các đơn vị có liên quan bao gồm: Cục ATBXHN, Cục HQHP, chủ hàng và Cảng vụ tiến hành lấy mẫu đánh giá chi tiết 07 containner của công ty TNHH Thép đặc biệt Shengli Việt Nam.

Ngày 19/07/2019, Viện KHKTHN có kết luận về mức nhiểm bẩn phóng xạ bề mặt và nồng độ hoạt độ của các mẫu phân tích, theo đó các mẫu lấy từ 07 container này có mức độ nhiễm xạ cao hơn mức được phép sử dụng làm nguyên liệu tái chế.

Ngày 22/08/2019, đoàn công tác của Viện KHKTHN tiếp tục xuống làm việc tại Cảng Hải Phòng để thực hiện đo giám định bổ sung đối với phần phế liệu còn lại trong 07 container của công ty Shengli tại Cảng Hải phòng. Đoàn công tác kết luận phần phế liệu còn lại trong 07 container ở mức bảo đảm an toàn bức xạ đối với kim loại được phép tái chế.

Tháng 9/2019, các cơ quan chức năng liên quan kết luận công ty TNHH Thép đặc biệt Shengli Việt Nam có thể giải phóng 07 container tại cảng Hải phòng sau khi có phương án và phối hợp với Viện KHKTHN xử lý phần phế liệu bị nhiễm xạ đã tách ra khỏi container.

## Bài học kinh nghiệm

Các sự cố xảy ra trong những năm gần đây đã cho thấy sự cần thiết trong việc tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát an toàn bức xạ đối hàng hóa nhập khẩu và phế liệu từ các nguồn trong và ngoài nước. Cùng với việc hoàn thiện các quy định pháp lý về biện pháp phát hiện phóng xạ tại cửa khẩu, tại các cơ sở nhập khẩu, tiêu thụ sắt thép phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, cần nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cơ sở có liên quan về công tác bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh hạt nhân tại cửa khẩu đối với các loại hàng hóa nhập khẩu nói chung và sắt thép phế liệu nói riêng có nguồn gốc từ trong nước hoặc ngoài nước.

Công tác xử lý sự cố, điển hình như sự cố sắt thép phế liệu nhập khẩu nhiễm xạ của công ty Shengli, cho thấy những bất cập, sơ hở trong quy định pháp lý về năng lực tổ chức giám định phế liệu được chỉ định, quy trình giám định phóng xạ cũng như quy trình phối hợp xử lý của các cơ quan chức năng.

## Kế hoạch tăng cường công tác chuẩn bị và ứng phó sự cố

Trong năm 2020, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ thực hiện công tác xem xét và đề xuất bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp lý liên quan đến công tác kiểm tra, kiểm soát phóng xạ đối hàng hóa nhập khẩu và phế liệu từ nguồn trong và ngoài nước.

Liên quan đến quy trình xử lý hàng hóa nhiễm xạ hoặc hàng hóa được xác định là chất thải phóng xạ, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân sẽ xây dựng quy trình xử lý, báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ để ban hành thực hiện. Đồng thời thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chủ đề “Tăng cường công tác quản lý phế liệu sắt, thép và hàng hóa nhiễm xạ tại Việt Nam” đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan./.

**XVII. CÁC PHỤ LỤC**

## PHỤ LỤC 1. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ (2006-2019)

| **TT** | **Văn bản** | **Số hiệu** | **Ngày thông qua/ ban hành** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **LUẬT** | | |
| 1 | Luật Năng lượng nguyên tử | 18/2008-QH 12 | 03/6/2008 |
| **II** | **NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI** | | |
| 1 | Chủ trương đầu tư dự án điện hạt nhân Ninh Thuận | 41/2009/QH12 | 25/11/2009 |
| 2 | Dừng thực hiện chủ trương đầu tư dự án điện hạt nhân Ninh Thuận | 31/2016/QH14 | 22/11/2016 |
| **III** | **NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ** | | |
|  | Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử | 111/2009/NĐ-CP | 11/12/2009 |
|  | Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử | 07/2010/NĐ-CP | 25/01/2010 |
|  | Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Năng lượng nguyên tử về Nhà máy điện hạt nhân | 70/2010/NĐ-CP | 22/6/2010 |
|  | Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử  *(Thay thế Nghị định số 111/2009/NĐ-CP ngày 11/12/2009)* | 107/2013/NĐ-CP | 20/9/2013 |
|  | Quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ người đi đào tạo trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử | 124/2013/NĐ-CP | 14/10/2013 |
|  | Quy định về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành khoa học và công nghệ | 213/2013/NĐ-CP | 20/12/2013 |
|  | Quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử | 41/2019/NĐ-CP | 15/5/2019 |
| **IV** | **QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | | |
|  | Phê duyệt "Chiến lược ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hoà bình đến năm 2020" | 01/2006/QĐ-TTg | 03/1/2006 |
|  | Ban hành Quy chế bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ | 115/2007/QĐ-TTg | 23/7/2007 |
|  | Ban hành [Quy chế phát hiện, xử lý nguồn phóng xạ nằm ngoài sự kiểm soát](http://www.varansac.gov.vn/default.asp?actType=2&TypeGrp=1&ID_News=1398&menuid=105110&menuup=105000&menulink=100000) | 146/2007/QĐ-TTg | 04/9/2007 |
|  | Thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội đồng An toàn hạt nhân quốc gia | 446/QĐ-TTg | 07/4/2010 |
|  | Thành lập Ban chỉ đạo nhà nước dự án điện hạt nhân Ninh Thuận | 580/QĐ-TTg | 04/5/2010 |
|  | Phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển, ứng dụng bức xạ trong nông nghiệp đến năm 2020. | 775/QĐ-TTg | 02/6/2010 |
|  | Ban hành Quy chế Hoạt động kiểm soát hạt nhân | 45/2010/QĐ-TTg | 14/06/2010 |
|  | Phê duyệt Định hướng quy hoạch phát triển điện hạt nhân ở Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 | 906/QĐ-TTg | 17/6/2010 |
|  | Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hoà bình đến năm 2020 | 957/QĐ-TTg | 24/6/2010 |
|  | Phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử” | 1558/QĐ-TTg | 18/8/2010 |
|  | Thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia về đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử | 940/QĐ-TTg | 17/6/2011 |
|  | Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ quốc gia đến năm 2020 | 1636/QĐ-TTg | 31/8/2010 |
|  | Phê duyệt Định hướng quy hoạch địa điểm lưu giữ, chôn cất chất thải phóng xạ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 | 2376/QĐ-TTg | 28/12/2010 |
|  | Phê duyệt Quy hoạch chi tiết ứng dụng bức xạ trong công nghiệp và các ngành kinh tế - kỹ thuật khác đến năm 2020 | 127/QĐ-TTg, | 20/1/2011 |
|  | Ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo Nhà nước dự án điện hạt nhân Ninh Thuận | 93/QĐ-TTg | 17/01/2011 |
|  | Phê duyệt Đề án “Triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử” | 450/QĐ-TTg | 25/3/2011 |
|  | Ban hành Danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử | 27/2011/QĐ-TTg | 10/5/2011 |
|  | Phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển, ứng dụng bức xạ trong khí tượng, thủy văn, địa chất, khoáng sản và bảo vệ môi trường đến năm 2020 | 899/QĐ-TTg, | 10/6/2011 |
|  | Phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển, ứng dụng bức xạ trong y tế đến năm 2020 | 1958/QĐ-TTg, | 04/11/2011 |
|  | Phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực nghiên cứu - triển khai và hỗ trợ kỹ thuật phục vụ phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử và bảo đảm an toàn, an ninh” | 265/QĐ-TTg | 05/3/2012 |
|  | Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định 580/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo nhà nước Dự án điện hạt nhân Ninh Thuận | 684/QĐ-TTg | 07/6/2012 |
|  | Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo Nhà nước dự án Điện hạt nhân Ninh thuận ban hành theo Quyết định số 93/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ | 717/QĐ-TTg | 14/6/2012 |
|  | [Phê duyệt Đề án thông tin, tuyên truyền về phát triển điện hạt nhân ở Việt Nam đến năm 2020](http://www.varans.vn/vanbanphapluat/5_Quyetdinhthutuong/QD370_ThongtinTuyentruyen.pdf) | 370/QĐ-TTg | 28/02/2013 |
|  | Thành lập, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử quốc gia | 706/QĐ-TTg | 08/5/2013 |
|  | Phê duyệt Quy hoạch phát triển chuẩn đo lường quốc gia đến năm 2020 | 1361/QĐ-TTg | 08/8/2013 |
|  | Ban hành cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ di dân tái định cư dự án nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận | 1504/QĐ-TTg | 28/8/2013 |
|  | Quy định nghĩa vụ tài chính của tổ chức có nhà máy điện hạt nhân, phương thức quản lý nguồn tài chính bảo đảm chấm dứt hoạt động và tháo dỡ nhà máy điện hạt nhân | 09/2014/QĐ-TTg | 23/01/2014 |
|  | Chế độ ưu đãi nghề nghiệp đối với người làm việc trong các đơn vị thuộc lĩnh vực năng lượng nguyên tử của Bộ Khoa học và Công nghệ | 45/2014/QĐ-TTg | 15/8/2014 |
|  | Phê duyệt kế hoạch tổng thể phát triển cơ sở hạ tầng điện hạt nhân giai đoạn đến năm 2020 | 2241/QĐ-TTg | 11/12/2014 |
|  | Phê duyệt Dự án di dân, tái định cư của các nhà máy điện hạt nhân tại Ninh thuận | 794/QĐ-TTg | 08/6/2015 |
|  | Phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản lý nhà nước, nghiên cứu, triển khai và hỗ trợ kỹ thuật đến năm 2020 phục vụ phát triển điện hạt nhân | 1756/QĐ-TTg | 15/10/2015 |
|  | Ban hành Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp quốc gia | 884/QĐ-TTg | 16/6/2017 |
|  | Phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng ngừa, phát hiện và chuẩn bị ứng phó nguy cơ, sự cố hóa học, sinh học, bức xạ và hạt nhân giai đoạn 2019-2025 | 104/QĐ-TTg | 22/01/2019 |
| **V** | **THÔNG TƯ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | | |
|  | Hướng dẫn thực hiện chế độ thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc bức xạ, hạt nhân | 31/2007/TT-BKHCN | 31/12/2007 |
|  | Hướng dẫn đánh giá sơ bộ về an toàn hạt nhân đối với địa điểm nhà máy điện hạt nhân trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư | 13/2009/TT-BKHCN | 20/5/2009 |
|  | Hướng dẫn việc khai báo, cấp phép và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ | 08/2010/TT-BKHCN | 22/7/2010 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - miễn trừ khai báo, cấp giấy phép | 15/2010/TT-BKHCN | 14/9/2010 |
|  | Hướng dẫn thanh tra chuyên ngành an toàn bức xạ và hạt nhân | 19/2010/TT-BKHCN | 28/12/2010 |
|  | Hướng dẫn bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ | 23/2010/TT-BKHCN | 29/12/2010 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bức xạ - phân nhóm và phân loại nguồn phóng xạ | 24/2010/TT-BKHCN | 29/12/2010 |
|  | Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 111/2009/NĐ-CP ngày 11/12/ 2009 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử | 26/2010/TT-BKHCN | 29/12/2010 |
|  | Hướng dẫn đo lường bức xạ, hạt nhân và xây dựng, quản lý mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường | [27/2010/TT-BKHCN](http://www.most.gov.vn/Desktop.aspx/Van-ban-KHCN/Bo-KHCN/D8E3222A10714A7888E1D8C4472CD850/) | 30/12/2010 |
|  | Hướng dẫn thực hiện kiểm soát vật liệu hạt nhân, vật liệu hạt nhân nguồn | [02/2011/TT-BKHCN](http://www.most.gov.vn/Desktop.aspx/Van-ban-KHCN/Bo-KHCN/EA21AB59385841A5A7C01FD9E5775990/) | 16/3/2011 |
|  | Quy định yêu cầu về an toàn hạt nhân đối với địa điểm nhà máy điện hạt nhân | 28/2011/TT-BKHCN | 28/11/2011 |
|  | Quy định yêu cầu về bảo đảm an ninh vật liệu hạt nhân và cơ sở hạt nhân | 38/2011/TT-BKHCN | 30/12/2011 |
|  | Quy định về kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng | 19/2012/TT-BKHCN | 08/11/2012 |
|  | Hướng dẫn vận chuyển an toàn vật liệu phóng xạ | 23/2012/TT-BKHCN | 23/11/2012 |
|  | [Hướng dẫn lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân cấp cơ sở và cấp tỉnh](http://www.varans.vn/vanbanphapluat/6_thongtu/TT24BKHCN2012.doc) | 24/2012/TT- BKHCN | 04/12/2012 |
|  | Quy định danh mục và yêu cầu kiểm soát vật liệu và thiết bị trong chu trình nhiên liệu hạt nhân | 25/2012/TT-BKHCN | 12/12/2012 |
|  | Hướng dẫn về nội dung, quy trình, thủ tục thẩm định báo cáo phân tích an toàn ở giai đoạn phê duyệt địa điểm nhà máy điện hạt nhân | 29/2012/TT-BKHCN | 19/12/2012 |
|  | Quy định yêu cầu về an toàn hạt nhân đối với thiết kế nhà máy điện hạt nhân | 30/2012/TT-BKHCN | 28/12/2012 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường quốc gia | 16/2013/TT-BKHCN | 30/7/2013 |
|  | Hướng dẫn thực hiện quy định về khai báo của Nghị định thư bổ sung của Hiệp định giữa nước CHXHCN Việt Nam và Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế về việc áp dụng thanh sát theo Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân | 17/2013/TT-BKHCN | 30/7/2013 |
|  | Quy định quy trình, thủ tục kiểm tra, thanh tra an toàn hạt nhân trong quá trình khảo sát, đánh giá địa điểm nhà máy điện hạt nhân | 20/2013/TT-BKHCN | 06/9/2013 |
|  | Quy định việc áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về an toàn hạt nhân trong lựa chọn địa điểm, thiết kế, xây dựng, vận hành và tháo gỡ tổ máy điện hạt nhân | 21/2013/TT-BKHCN | 12/9/2013 |
|  | Quy định nội dung Báo cáo phân tích an toàn trong hồ sơ phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà máy điện hạt nhân | 08/2014/TT-BKHCN | 26/5/2014 |
|  | *(Thông tư liên tịch với Bộ Y tế)* Quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế | 13/2014/TT-BKHCN-BYT | 09/6/2014 |
|  | Hướng dẫn quản lý chất thải, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng | 22/2014/TT-BKHCN | 25/8/2014 |
|  | [Quy định việc chuẩn bị ứng phó và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân](http://varans.vn/van-ban/150/25/2014/TT-BKHCN.html)  *(Thay thể Thông tư 24/2012/TT-BKHCN ngày 04/12/2012)* | 25/2014/TT-BKHCN | [08/10/2014](http://varans.vn/van-ban/150/25/2014/TT-BKHCN.html) |
|  | Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20/9/ 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử  *(Thay thế Thông tư số 26/2010/TT-BKHCN ngày 29/12/2010)* | 27/2014/TT-BKHCN | 10/10/2014 |
|  | Quy định về đào tạo an toàn bức xạ đối với nhân viên bức xạ, người phụ trách an toàn và hoạt động dịch vụ an toàn bức xạ | 34/2014/TT-BKHCN | 22/11/2014 |
|  | Quy định về phân tích an toàn đối với nhà máy điện hạt nhân | 12/2015/TT-BKHCN | 08/7/2015 |
|  | Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2010/TT-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ | 13/2015/TT-BKHCN | 21/7/2015 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp X quang tổng hợp dùng trong y tế | 28/2015/TT-BKHCN | 30/12/2015 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị chụp cắt lớp vi tính dùng trong y tế | 02/2016/TT-BKHCN | 25/3/2016 |
|  | Quy định về thẩm định báo cáo đánh giá an toàn bức xạ trong hoạt động thăm dò, khai thác quặng phóng xạ | 04/2016/TT-BKHCN | 04/4/2016 |
|  | Quy định về việc cấp Giấy đăng ký và cấp Chứng chỉ hành nghề đối với một số hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử | 06/2016/TT-BKHCN | 22/4/2016 |
|  | Quy định về nội dung báo cáo phân tích an toàn trong hồ sơ cấp phép xây dựng nhà máy điện hạt nhân | 10/2016/TT-BKHCN | 13/6/2016 |
|  | Quy định ngưng hiệu lực một phần Thông tư số 13/2015/TT-BKHCN ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2010/TT-BKHCN ngày 29 tháng 12 năm 2010 hướng dẫn bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ | 05/2017/TT-BKHCN | 25/5/2017 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với máy gia tốc tuyến tính dùng trong xạ trị | 15/2017/TT-BKHCN | 05/12/2017 |
|  | Sửa đổi Thông tư liên tịch 13/ 2014/TTLT-BKHCN-BYT quy định về bảo đảm an toàn bức xạ trong y tế | 13/2018/TT-BKHCN | 05/9/2018 |
|  | Ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang dùng trong y tế | 14/2018/TT-BKHCN | 15/11/2018 |
|  | Quy định về bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ  *(Thay thế Thông tư số 23/2010/TT-BKHCN ngày 29/12/2010, Thông tư số 13/2015/TT-BKHCN ngày 21/7/2015 và Thông tư số 05/2017/TT-BKHCN ngày 25/5/2019)* | 01/2019/TT-BKHCN | 30/5/2019 |
|  | Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với thiết bị X-quang chụp vú và thiết bị xạ trị áp sát nạp nguồn sau bằng điều khiển từ xa dùng trong y tế | 22/2019/TT-BKHCN | 20/12/2019 |
| **IV** | **THÔNG TƯ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG** | | |
| 1 | Quy định nội dung, quy trình thẩm định và phê duyệt thiết kế công trình nhà máy điện hạt nhân | 23/2013/TT-BCT | 18/10/2013 |
| 2 | Quy định danh mục, quản lý, sử dụng hồ sơ tài liệu liên quan đến nhà máy điện hạt nhân | 24/2013/TT-BCT | 21/10/2013 |
| **V** | **THÔNG TƯ CỦA BỘ TÀI CHÍNH** | | |
| 1 | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử | 76/2010/TT-BTC | 17/5/2010 |
| 2 | *(Thông tư liên tịch với Bộ KH&CN)* Hướng dẫn cơ chế phối hợp và xử lý trong việc kiểm tra, phát hiện chất phóng xạ tại các cửa khẩu | 112/2015/TTLT-BTC-BKHCN | 29/7/2015 |
| 3 | Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử  *(Thay thế Thông tư số 76/2010/TT-BTC ngày 17/5/2010)* | 287/2016/TT-BTC | 15/11/2016 |

## PHỤ LỤC 2. HOẠT ĐỘNG CẤP PHÉP CỦA CƠ QUAN PHÁP QUY HẠT NHÂN NĂM 2019

1. **Tình trạng cấp phép và thống kê giấy phép đã cấp năm 2019**

Theo thống kê, hiện tại Việt Nam có khoảng 1588 cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: công nghiệp, y tế (ngoại trừ các cơ sở X quang y tế), nông nghiệp, nghiên cứu, đào tạo, …

Theo phân cấp về hoạt động cấp phép trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (ATBXHN) cấp phép hoặc tổ chức thẩm định trình Bộ Khoa học và Công nghệ cấp phép đối với tất cả các lĩnh vực ngoại trừ các thiết bị X quang chẩn đoán trong y tế, cụ thể

- Số giấy phép đã cấp trong năm 2019: 1037 giấy phép (Trong đó có 99 giấy phép được cấp trên Hệ thống CNTT kết nối cơ chế một cửa quốc gia, một cửa ASEAN và và 03 giấy phép trên hệ thống Dịch vụ công trực tuyến);

- Thẩm định và trình Bộ KHCN cấp trong năm 2019: 31 giấy phép

- Số giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT cấp trong năm 2019: 60 giấy đăng ký;

- Số chứng chỉ nhân viên bức xạ cấp trong năm 2019: 636 chứng chỉ nhân viên bức xạ;

- Số chứng chỉ hành nghề dịch vụ cấp trong năm 2019: 90 chứng chỉ.

1. **Thống kê số giấy phép đã cấp năm 2019 theo lĩnh vực**

a) Kết quả thống kê giấy phép đã cấp trong năm 2019 theo các lĩnh vực do Bộ KHCN: 31 giấy phép.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tổ chức/cá nhân** | **Loại hình** | **Số Giấy phép** | **Ngày cấp** |
|  | Công ty cổ phần y học Rạng Đông -Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh | Sử dụng 01 máy gia tốc trong sản xuất dược chất phóng xạ | 12/GP-BKHCN | 06/03/2019 |
|  | Trung tâm công nghệ sinh học TP. Hồ Chí Minh | Sử dụng 01 máy gia tốc trong chiếu xạ công nghiệp | 22/GP-BKHCN | 08/05/2019 |
|  | Bệnh viện Ung bướu Nghệ An | Vận hành 02 máy gia tốc điều trị ung thư | 14/GP-BKHCN | 27/03/2019 |
|  | Bệnh viện K | Vận hành 02 máy gia tốc điều trị ung thư | 17/GP-BKHCN | 11/04/2019 |
|  | Bệnh viện Đà Nẵng | Gia hạn GP 09/GP-BKHCN - vận hành 01 máy gia tốc trong sản xuất đồng vị phóng xạ | 21/GP-BKHCN | 08/05/2019 |
|  | Cục Hải quan tỉnh Bình Dương | vận hành 01 máy gia tốc trong soi chiếu | 25/GP-BKHCN | 21/05/2019 |
|  | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất | Gia hạn GP 10/G-BKHCN - Vận hành thiết bị chiếu xạ | 26 BKHCN (21/5 | 21/05/2019 |
|  | Cục Hải quan TP. Hải Phòng | Sử dụng 02 máy gia tốc trong soi container | 27/GP-BKHCN | 21/05/2019 |
|  | Công ty TNHH Hanwha Aero Engines | Vận hành 01 máy gia tốc trong chiếu xạ, khử trùng | 65/GP-BKHCN | 28/11/2019 |
|  | Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Central Park | Sử dụng 01 máy gia tốc | 23/GP-BKHCN | 14/05/2019 |
|  | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội | Gia hạn GP 15/GP- BKHCN - Sử dụng 01 máy gia tốc trong xạ trị | 36/GP-BKHCN | 01/07/2019 |
|  | Cục Hải quan TP. Hà Nội | Sử dụng 01 máy gia tốc trong soi an ninh | 41/GP-BKHCN | 31/07/2019 |
|  | Công ty cổ phần khoáng sản Biotan | Vận chuyển 13 chuyến hàng vật liệu hạt nhân nguồn | 30/GP-BKHCN | 12/06/2019 |
|  | Chi nhánh Công ty TNHH Bolloré Logistics Việt Nam | Quá cảnh 01 kiện hàng qua lãnh thổ Việt Nam | 34/GP-BKHCN | 24/06/2019 |
|  | Chi nhánh Công ty TNHH Bolloré Logistics Việt Nam | Quá cảnh 01 kiện hàng qua lãnh thổ Việt Nam | 32/GP-BKHCN | 24/06/2019 |
|  | Bệnh viện K | Vận hành 01 máy gia tốc trong điều trị ung thư | 33/GP-BKHCN | 24/06/2019 |
|  | Bệnh viện K | Sử dụng 01 nguồn trong xạ trị từ xa | 33/GP-BKHCN | 24/06/2019 |
|  | Công ty TNHH Thái Sơn | Gia hạn GP 22/GP-BKHCN - Sử dụng 01 thiết bị chiếu xạ sử dụng nguồn px | 45/GP-BKHCN | 03/09/2019 |
|  | Bệnh viện ung bướu TP. Cần Thơ | Gia hạn GP 24 - vận hành thiết bị xạ trị suất liều cao | 48/GP-BKHCN | 26/09/2019 |
|  | Bệnh viện Chợ Rẫy | Gia hạn GP 25BKHCN - Vận hành thiết bị chiếu xạ khử trung máu sử dụng nguồn px | 49/GP-BKHCN | 26/09/2019 |
|  | Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn | Sử dụng 01 máy gia tốc | 47/GP-BKHCN | 26/09/2019 |
|  | Viện Di truyền Nông nghiệp | Sử dụng 01 thiết bị chiếu xạ chứa nguồn phóng xạ | 51/GP-BKHCN | 02/10/2019 |
|  | Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội | Gia hạn GP 34/GP-BKHCN - Sử dụng thiết bị chiếu xạ công nghiệp và GP 540/GP- BKHCN - sử dụng thiết bị chiếu xạ sử dụng nguồn phóng xạ | 68/GP-BKHCN | 05/12/2019 |
|  | Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang | Vận hành 01 máy gia tốc trong xạ trị từ xa | 69/GP-BKHCN | 20/12/2019 |
|  | Chi nhánh Công ty cổ phần bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec - Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Times City | Gia hạn GP 38/GP-BKHCN - Vận hành 01 máy gia tốc trong xạ trị | 76/GP-BKHCN | 31/12/2019 |
|  | Chi nhánh Công ty TNHH Bolloré Logistics Việt Nam | Vận chuyển quá cảnh lãnh thổ VN | 75/GP-BKHCN | 31/12/2019 |
|  | Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng | Gia hạn GP 05/GP-BKHCN - Vận hành 01 máy gia tốc tuyến tính trong xạ trị từ xa | 08/GP-BKHCN | 26/02/2019 |
|  | Bệnh viện tai mũi họng trung ương | Sử dụng 01 máy gia tốc | 13/GP-BKHCN | 27/03/2019 |
|  | Bệnh viện K | Vận hành 01 máy gia tốc trọng xạ trị | 44/GP-BKHCN | 16/08/2019 |
|  | Bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình | Sử dụng 01 máy gia tốc | 11/GP-BKHCN | 01/03/2019 |
|  | Bệnh viện Chợ Rẫy | Gia hạn GP 03/GP-BKHCN - Sử dụng 01 máy gia tốc trong sản xuất chất phóng xạ | 09/GP-BKHCN | 28/02/2019 |

b) Kết quả thống kê giấy phép đã cấp trong năm 2019 theo các lĩnh vực do Cục ATBXHN cấp như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Lĩnh vực** | **Công việc bức xạ liên quan** | Số lượng giấy phép |
| 1 | Công nghiệp | Hệ đo trong công nghiệp (Đo mức, phân tích, đo độ dày, hệ điều khiển...) | 436 |
| Thăm dò địa vật lý | 27 |
| Chụp ảnh phóng xạ công nghiệp | 81 |
| Soi kiểm tra trong công nghiệp | 145 |
| Chiếu xạ công nghiệp | 3 |
| 2 | Nghiên cứu và đào tạo | Tại các viện nghiên cứu, trường đại học, các đơn vị thuộc cơ quan quản lý nhà nước.. | 19 |
| 3 | Y tế | Cơ sở Y học hạt nhân, xạ trị | 45 |
| 5 | Kinh doanh | Phân tích tuổi vàng, kinh doanh nguồn (xuất nhập khẩu)... | 65 |
| 6 | Lĩnh vực khác | Soi chiếu kiểm tra an ninh, hàng hóa… | 216 |
|  | **Tổng cộng:** |  | **1037** |

1. **Thống kê số giấy phép đã cấp trong năm 2019 theo địa phương**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | **Địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)** | **Số giấy phép tiến hành công việc bức xạ** | ***STT*** | **Địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)** | **Số giấy phép tiến hành công việc bức xạ** |
| *1* | [An Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/An_Giang) | **5** | *33* | [Kiên Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ki%C3%AAn_Giang) | **4** |
| *2* | [Bà Rịa - Vũng Tàu](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A0_R%E1%BB%8Ba_-_V%C5%A9ng_T%C3%A0u) | **84** | *34* | [Kon Tum](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kon_Tum) | **1** |
| *3* | [Bạc Liêu](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A1c_Li%C3%AAu) | **2** | *35* | [Lai Châu](http://vi.wikipedia.org/wiki/Lai_Ch%C3%A2u) | **2** |
| *4* | [Bắc Kạn](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_K%E1%BA%A1n) | **2** | *36* | [Lào Cai](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A0o_Cai) | **4** |
| *5* | [Bắc Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Giang) | **8** | *37* | [Lạng Sơn](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BA%A1ng_S%C6%A1n) | **2** |
| *6* | [Bắc Ninh](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Ninh) | **82** | *38* | [Lâm Đồng](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A2m_%C4%90%E1%BB%93ng) | **17** |
| *7* | [Bến Tre](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%BFn_Tre) | **4** | *39* | [Long An](http://vi.wikipedia.org/wiki/Long_An) | **11** |
| *8* | [Bình Dương](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_D%C6%B0%C6%A1ng) | **72** | *40* | [Nam Định](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nam_%C4%90%E1%BB%8Bnh) | **5** |
| *9* | [Bình Định](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_%C4%90%E1%BB%8Bnh) | **5** | *41* | [Nghệ An](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%E1%BB%87_An) | **10** |
| *10* | [Bình Phước](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_Ph%C6%B0%E1%BB%9Bc) | **11** | *42* | [Ninh Bình](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ninh_B%C3%ACnh) | **5** |
| *11* | [Bình Thuận](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%ACnh_Thu%E1%BA%ADn) | **0** | *43* | [Ninh Thuận](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ninh_Thu%E1%BA%ADn) | **1** |
| *12* | [Cà Mau](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A0_Mau) | **1** | *44* | [Phú Thọ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%BA_Th%E1%BB%8D) | **8** |
| *13* | [Cao Bằng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Cao_B%E1%BA%B1ng) | **0** | *45* | [Phú Yên](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%BA_Y%C3%AAn) | **1** |
| *14* | [Cần Thơ](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BA%A7n_Th%C6%A1) | **7** | *46* | [Quảng Bình](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_B%C3%ACnh) | **2** |
| *15* | [Đà Nẵng](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%A0_N%E1%BA%B5ng) | **27** | *47* | [Quảng Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Nam) | **1** |
| *16* | [Đắk Lắk](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%AFk_L%E1%BA%AFk) | **1** | *48* | [Quảng Ngãi](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Ng%C3%A3i) | **5** |
| *17* | [Đắk Nông](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%AFk_N%C3%B4ng) | **0** | *49* | [Quảng Ninh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Ninh) | **12** |
| *18* | [Đồng Nai](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_Nai) | **33** | *50* | [Quảng Trị](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Tr%E1%BB%8B) | **1** |
| *19* | [Đồng Tháp](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_Th%C3%A1p) | **3** | *51* | [Sóc Trăng](http://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%B3c_Tr%C4%83ng) | **0** |
| *20* | [Điện Biên](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90i%E1%BB%87n_Bi%C3%AAn) | **0** | *52* | [Sơn La](http://vi.wikipedia.org/wiki/S%C6%A1n_La) | **4** |
| *21* | [Gia Lai](http://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_Lai) | **4** | *53* | [Tây Ninh](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2y_Ninh) | **2** |
| *22* | [Hà Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_Giang) | **1** | *54* | [Thái Bình](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_B%C3%ACnh) | **2** |
| *23* | [Hà Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_Nam) | **10** | *55* | [Thái Nguyên](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_Nguy%C3%AAn) | **25** |
| *24* | [Hà Nội](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i) | **244** | *56* | [Thanh Hóa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thanh_H%C3%B3a) | **10** |
| *25* | [Hà Tĩnh](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_T%C4%A9nh) | **7** | *57* | [Thừa Thiên - Huế](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%ABa_Thi%C3%AAn_-_Hu%E1%BA%BF) | **8** |
| *26* | [Hải Dương](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_D%C6%B0%C6%A1ng) | **10** | *58* | [Tiền Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%81n_Giang) | **4** |
| *27* | [Hải Phòng](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_Ph%C3%B2ng) | **21** | *59* | [Trà Vinh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%A0_Vinh) | **1** |
| *28* | [Hòa Bình](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%B2a_B%C3%ACnh) | **4** | *60* | [Tuyên Quang](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tuy%C3%AAn_Quang) | **1** |
| *29* | [Hậu Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%ADu_Giang) | **0** | *61* | [Vĩnh Long](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%A9nh_Long) | **1** |
| *30* | [Hưng Yên](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C6%B0ng_Y%C3%AAn) | **20** | *62* | [Vĩnh Phúc](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%A9nh_Ph%C3%BAc) | **29** |
| *31* | [TP. Hồ Chí Minh](http://vi.wikipedia.org/wiki/TP_H%E1%BB%93_Ch%C3%AD_Minh) | **16** | *63* | [Yên Bái](http://vi.wikipedia.org/wiki/Y%C3%AAn_B%C3%A1i) | **0** |
| *32* | [Khánh Hòa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%C3%A1nh_H%C3%B2a) | **9** |  |  |  |
| ***Tổng số giấy phép*** | | ***1037*** | | | |

1. **Thống kê số Chứng chỉ nhân viên bức xạ, chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử đã cấp năm 2019**

Trong năm 2019, Cục ATBXHN đã thẩm định và cấp tổng cộng **726** chứng chỉ các loại, trong đó:

* Tổng số chứng chỉ nhân viên bức xạ là: **636** chứng chỉ;
* Tổng số chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng NLNT là: **90** chứng chỉ.

**PHỤ LỤC 3. THỐNG KÊ HOẠT ĐỘNG CẤP PHÉP CỦA CÁC SỞ KH&CN CÁC TỈNH NĂM 2019**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sở** | **Tổng số cơ sở sử dụng thiết bị X quang trong y tế** | **Tổng số thiết  bị X quang của các cơ sở** | **Số lượng  Giấy phép đã cấp năm 2019** | **Số lượng thiết bị  X quang đã cấp năm 2019** | **Số lượng thiết  bị X quang đã cấp phép còn hiệu lực** | **Ghi chú** |
| 1 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang | 52 | 120 | 29 | 64 | 120 |  |
| 2 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh  Bà Rịa - Vũng Tàu | 120 | 120 | 23 | 34 | 120 |  |
| 3 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bạc Liêu | 19 | 54 | 9 | 20 | 41 |  |
| 4 | Sở Khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang | 53 | 97 | 53 | 30 | 97 |  |
| 5 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Kạn | 13 | 24 | 0 | 0 | 24 |  |
| 6 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Ninh | 57 | 123 | 30 | 62 | 123 |  |
| 7 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bến Tre | 42 | 79 | 15 | 19 | 79 |  |
| 8 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định | 54 | 130 | 110 | 114 | 130 |  |
| 9 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Dương | 101 | 210 | 59 | 77 | 210 |  |
| 10 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Phước | 63 | 72 | 25 | 26 | 70 |  |
| 11 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Thuận | 41 | 98 | 22 | 28 | 98 |  |
| 12 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau | 12 | 26 | 12 | 26 | 26 |  |
| 13 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cần Thơ | 51 | 175 | 24 | 36 | 150 |  |
| 14 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cao Bằng | 26 | 33 | 9 | 15 | 33 |  |
| 15 | Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng | 65 | 174 | 36 | 44 | 173 |  |
| 16 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk | 59 | 137 | 37 | 90 | 137 |  |
| 17 | Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đắk Nông | 32 | 44 | 7 | 8 | 44 |  |
| 18 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên | 23 | 60 | 4 | 5 | 58 |  |
| 19 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai | 268 | 415 | 71 | 107 | 415 |  |
| 20 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp | 44 | 113 | 27 | 52 | 98 |  |
| 21 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai | 58 | 92 | 27 | 29 | 92 |  |
| 22 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Giang | 29 | 46 | 10 | 11 | 46 |  |
| 23 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hậu Giang | 21 | 47 | 6 | 6 | 47 |  |
| 24 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hải Dương | 45 | 58 | 50 | 58 | 58 |  |
| 25 | Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng | 86 | 238 | 92 | 92 | 226 |  |
| 26 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Nam | 32 | 53 | 13 | 17 | 46 |  |
| 27 | Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hà Nội | 406 | 1217 | 148 | 325 | 992 |  |
| 28 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh | 40 | 69 | 40 | 69 | 78 |  |
| 29 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên | 56 | 101 | 25 | 33 | 101 |  |
| 30 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hòa Bình | 34 | 53 | 16 | 17 | 45 |  |
| 31 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa | 53 | 129 | 25 | 33 | 118 |  |
| 32 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kiên Giang | 62 | 129 | 26 | 43 | 104 |  |
| 33 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Kon Tum | 28 | 31 | 10 | 12 | 28 |  |
| 34 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu | 7 | 17 | 3 | 11 | 17 |  |
| 35 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng | 59 | 97 | 21 | 26 | 80 |  |
| 36 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lạng Sơn | 35 | 76 | 9 | 12 | 76 |  |
| 37 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai | 36 | 57 | 17 | 17 | 57 |  |
| 38 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Long An | 63 | 120 | 20 | 30 | 106 |  |
| 39 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định | 56 | 90 | 29 | 33 | 85 |  |
| 40 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nghệ An | 95 | 216 | 31 | 58 | 216 |  |
| 41 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Ninh Bình | 46 | 80 | 17 | 29 | 80 |  |
| 42 | Sở Khoa học và Công nghệ tinh Ninh Thuận | 20 | 49 | 13 | 18 | 42 |  |
| 43 | Sở Khoa học và Công nghệ tinh Phú Yên | 25 | 52 | 16 | 16 | 48 |  |
| 44 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Bình | 39 | 66 | 44 | 66 | 66 |  |
| 45 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Nam | 50 | 108 | 21 | 30 | 115 |  |
| 46 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi | 39 | 61 | 14 | 18 | 61 |  |
| 47 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ninh | 58 | 197 | 39 | 81 | 197 |  |
| 48 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị | 36 | 67 | 14 | 18 | 67 |  |
| 49 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng | 31 | 63 | 8 | 12 | 41 |  |
| 50 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh | 49 | 79 | 11 | 18 | 79 |  |
| 51 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Bình | 40 | 89 | 19 | 58 | 89 |  |
| 52 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên | 55 | 141 | 68 | 68 | 141 |  |
| 53 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thanh Hóa | 128 | 243 | 66 | 78 | 230 |  |
| 54 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang | 69 | 122 | 69 | 122 | 97 |  |
| 55 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Trà Vinh | 38 | 66 | 9 | 19 | 66 |  |
| 56 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tuyên Quang | 15 | 45 | 24 | 32 | 45 |  |
| 57 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long | 35 | 91 | 15 | 19 | 91 |  |
| 58 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Phúc | 57 | 94 | 20 | 28 | 87 |  |
| 59 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế | 51 | 151 | 35 | 40 | 132 |  |
| 60 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Yên Bái | 27 | 43 | 22 | 22 | 43 |  |
| 61 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh TP. Hồ Chí Minh | 853 | 2068 | 291 | 445 | 2016 |  |
| 62 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La | 43 | 59 | 9 | 11 | 59 |  |
| 63 | Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Thọ | 57 | 119 | 39 | 62 | 119 |  |
|  | **Tổng** | **4357** | **9393** | **2103** | **3099** | **8875** |  |
|  | | | | | | |  | |

## PHỤ LỤC 4. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ DO CỤC AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN THANH TRA NĂM 2019

| **TT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** | **Lĩnh vực hoạt động** | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Công nghiệp* | *Y tế* | *Dịch vụ hỗ trợ UDNLNT* | *Nghiên cứu, Đào tạo* | *XNK, Sa khoáng* | *Hải quan, Địa vật lý, Vàng và lĩnh vực khác* |
| 1 | Công ty TNHH Hoàng Vũ (\*1) | Lô 1- CN3 Cụm công nghiệp tập trung, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội | x |  |  |  |  |  |
| 2 | Công ty Cổ phần Giấy và Bao bì Việt Thắng | Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội | x |  |  |  |  |  |
| 3 | Công ty Cổ phần Tiến bộ Quốc tế (\*2) | Số 69 Tuệ Tĩnh, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội |  |  | x |  |  |  |
| 4 | Bệnh viện Hữu nghị  Việt Đức | Số 40 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội |  | x |  |  |  |  |
| 5 | Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Hà Nội | Km 15+500, đường 427, xã Vân Tảo, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội | x |  |  |  |  |  |
| 6 | Công ty TNHH Y tế Viễn Đông Việt Nam | Số 6 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh |  | x |  |  |  |  |
| 7 | Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Quốc tế Phúc Thành | Số 47 đường D5, khu dân cư Nam Long, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh |  |  |  |  |  | x |
| 8 | Công ty Cổ phần Chế biến thủy hải sản Sơn Sơn (\*3) | E4/52, khu phố 5, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh | x |  |  |  |  |  |
| 9 | Tổng công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin - TNHH Một thành viên | Số 159 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh | x |  |  |  |  |  |
| 10 | Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt | Số 289 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh | x |  |  |  |  |  |
| 11 | Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP - Công ty Tư vấn xây dựng | Số 205A Nguyễn Xí, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh | x |  |  |  |  |  |
| 12 | Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trung Tín Á Châu (\*2),( \*4) | Số 18A đường 19, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh | x |  |  |  |  |  |
| 13 | Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn | Số 187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh | x |  |  |  |  |  |
| 14 | Trường đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh (\*5) | Số 140 Lê Trọng Tấn, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh |  |  |  | x |  |  |
| 15 | Viện Nghiên cứu dầu và cây có dầu (\*5) | Số 171-175 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh |  |  |  | x |  |  |
| 16 | Chi nhánh Công ty TNHH Giấy Tân Vĩnh Thành | Ô A9.2, lô A9, đường D2, khu công nghiệp Đất Cuốc - khu B, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | x |  |  |  |  |  |
| 17 | Công ty TNHH Khai thác Chế biến khoáng sản  Núi Pháo | Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên | x |  |  |  |  |  |
| 18 | Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên (\*5) | Số 479 Lương Ngọc Quyến, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  | x |  |  |  |  |
| 19 | Công ty Cổ phần Giấy  An Hòa | Xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang | x |  |  |  |  |  |
| 20 | Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn | Khu kinh tế Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá | x |  |  |  |  |  |
| 21 | Công ty Cổ phần Giấy Mục Sơn | Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá | x |  |  |  |  |  |
| 22 | Bệnh viện Ung bướu Nghệ An | Số 60 Tôn Thất Tùng, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An |  | x |  |  |  |  |
| 23 | Công ty Cổ phần Nam Liên(\*1) | Lô B4, khu công nghiệp Mỹ Trung, xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định | x |  |  |  |  |  |
| 24 | Công ty TNHH Xi măng Quảng Lợi | Tổ 23, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình | x |  |  |  |  |  |
| 25 | Công ty TNHH Một thành viên Đạm Ninh Bình | Lô Đ7, khu công nghiệp Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình | x |  |  |  |  |  |
| 26 | Chi cục Giám định xây dựng(\*6) | Số 18, đường Tràng An, phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình | x |  |  |  |  |  |
| 27 | Công ty Cổ phần Thép  Việt Đức | Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc | x |  |  |  |  |  |
| 28 | Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng (\*5) | Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc | x |  |  |  |  |  |
| 29 | Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Ngọc | Khu D, khu công nghiệp Phố Nối A, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | x |  |  |  |  |  |
| 30 | Công ty TNHH PIC Việt Nam | Đường B1, khu B, khu công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên | x |  |  |  |  |  |
| 31 | Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan | Số 422 Nguyễn Thái Học, Phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |  |  |  | x |  |
| 32 | Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Trung Việt | Số 35 đường Tú Mỡ, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |  |  |  | x |  |
| 33 | Công ty TNHH MTV Masan Brewery PY | Khu công nghiệp Hoà Hiệp, huyện Đông Hoà, tỉnh Phú Yên | x |  |  |  |  |  |
| 34 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên(\*5) | Số 15 Nguyễn Hữu Thọ, Phường 9, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |  | x |  |  |  |  |
| 35 | Công ty TNHH Thái Sơn | Lô 2.10B, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ | x |  |  |  |  |  |
| 36 | Công ty Nhiệt điện Cần Thơ - Chi nhánh Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV | Số 01 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ | x |  |  |  |  |  |
| 37 | Công ty Cổ phần Chiếu xạ An Phú - Chi nhánh 1 | Lô C1 & C2 khu công nghiệp Bình Minh, ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnhVĩnh Long | x |  |  |  |  |  |
| 38 | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Vĩnh Long | Ấp Tân Vĩnh Thuận, xã Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long | x |  |  |  |  |  |
| 39 | Công ty TNHH Một thành viên Concord Textile Corporation Vietnam (\*7) | Khu công nghiệp Nhơn Trạch II, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai | x |  |  |  |  |  |
| 40 | Công ty TNHH Giấy Hưng Thịnh(\*1) | Số 5, đường 15, khu đô thị Trung tâm hành chính, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương | x |  |  |  |  |  |
| 41 | Công ty TNHH Một thành viên Tôn Hoa Sen | Số 9 đại lộ Thống Nhất, khu công nghiệp Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương | x |  |  |  |  |  |
| 42 | Công ty Cổ phần MDF Việt Nam (\*1) | Xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương | x |  |  |  |  |  |
| 43 | Công ty Cổ phần Thép Nam Kim (\*6) | Lô A1, đường Đ2, khu công nghiệp Đồng An 2, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương | x |  |  |  |  |  |
| 44 | Công ty Cổ phần Hóa chất hiếm Việt Nam - VREC | Khu công nghiệp Cái Mép, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |  |  |  | x |  |
| 45 | Công ty TNHH APAVE Châu Á - Thái Bình Dương | Trụ sở chính: Tầng 9, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội;  Chi nhánh tại Vũng Tàu: Số 42K, đường 30 Tháng 4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | x |  |  |  |  |  |
| 46 | Công ty TNHH Dịch vụ thử không phá huỷ QIS | Số 02 lô L, đồi 2 Bình Giã, Phường 10, thành Phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | x |  |  |  |  |  |
| 47 | Công ty TNHH Dịch vụ dầu khí Halliburton  Việt Nam(\*2) | Số 65A đường 30 Tháng 4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | x |  |  |  |  |  |
| 48 | Trường Đại học Đà Lạt(\*5) | Số 1 đường Phủ Đổng Thiên Vương, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |  |  | x |  |  |
| 49 | Công ty Cổ phần Kiểm định kỹ thuật Việt Nam (\*2) | Số 60A Cầu Bè, phường Vĩnh Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà | x |  |  |  |  |  |
| 50 | Trung tâm Kiểm nghiệm tỉnh Khánh Hòa (\*1) | Số 06 Quang Trung, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |  |  |  |  |  | x |

*1. Năm 2019, Cục ATBXHN đã xử lý vi phạm hành chính đối với 19 cơ sở, tổng số tiền phạt là 198 triệu đồng.*

*2. Các cơ sở bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi:*

*(\*1) - Không báo cáo định kỳ hằng năm về thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ của cơ sở tiến hành công việc bức xạ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*

*(\*2)- Vi phạm một trong các điều kiện quy định trong giấy phép.*

*(\*3) - Bố trí người không có chứng chỉ nhân viên bức xạ vận hành máy gia tốc.*

*(\*4) - Không tổ chức đào tạo kiến thức về an toàn bức xạ, hạt nhân cho nhân viên bức xạ.*

*(\*5)- Không có giấy phép tiến hành công việc bức xạ.*

*(\*6) - Không khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày có chất phóng xạ, thiết bị bức xạ.*

*(\*7) - Không lưu giữ nhật ký vận hành, sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ.*

## PHỤ LỤC 5. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ TIẾN HÀNH CÔNG VIỆC BỨC XẠ DO SỞ KH&CN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ THANH, KIỂM TRA NĂM 2019

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | | **Tên cơ sở** | | **Địa chỉ** | **Ghi chú/xử phạt** |
| **1** | **An Giang** | | | | |
|  |  | Phòng khám Trí Tuệ | | Tổ 21, ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang |  |
|  |  | Phòng khám Đa khoa BS. Phạm  Hữu Hạnh | | Số 98 Trần Phú, khóm Long Thị B, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang |  |
|  |  | Phòng chụp X-quang Lại Công Bình | | Số 3679 Bạch Đằng, ấp An Hưng,  thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang |  |
|  |  | Phòng khám ngoài giờ BS. Võ Văn  Đấu | | Số 70 Nguyễn Trãi, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang | 3.000.000 đ |
|  |  | Phòng khám X-quang BS. Nguyễn Việt Quang | | Số 202/8, ấp Phú Hữu, thị trấn  Phú Hoà, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang |  |
|  |  | Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Bình Dân Long Xuyên | | Số 39 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang |  |
|  |  | Công ty Cổ phần Bệnh viện  Đa khoa Nhân Dân | | Số 207/3A Trần Quang Diệu, phường Mỹ Xuyên, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang |  |
|  |  | Phòng khám Nha khoa Happy Smile | | Số 12B Lê Lợi, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang cử nhân Nguyễn Trọng Hiếu | | Số 116, ấp Mỹ Lương, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế thành phố Long Xuyên | | Số 2/7 Châu Văn Liêm, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Duy Tân | | Số 3769 Bạch Đằng, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế huyện Thoại Sơn | | Số 917 Tôn Đức Thắng, Vĩnh Mỹ, huyện Châu Đốc, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa Tâm Đức | | Đường Nguyễn Tri Phương, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Hộ kinh doanh Y khoa Diệp Quang | | Số 19, đường Nguyễn Chí Thanh, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Trung tâm Y tế thành phố Châu Đốc | | Huyện Phú Tân, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Phòng khám Đa khoa BS. Hà Văn Tâm | | Phường Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang | \* |
|  |  | Phòng chụp X-quang BS. Trương Công Dũng | | Số 32 Trần Quốc Toản, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang | \* |
| **2** | **Bà Rịa - Vũng Tàu** | | | | |
|  |  | | Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ | KCN Phú Mỹ I, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Nhà máy luyện phôi thép - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina | Đường số 9, KCN Phú Mỹ I, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Công ty TNHH Haosheng Vina | KCN Mỹ Xuân A2, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Công ty TNHH Một thành viên Thép miền Nam | KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần China Steel & Nippon Steel Việt Nam | KCN Mỹ Xuân A2, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Công ty TNHH Posco SS-Vina | N1, KCN Phú Mỹ 2, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật C.A.N.D.T | Đường số 7, KCN Đông Xuyên, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Công ty TNHH thép Tung Ho  Việt Nam | KCN Phú Mỹ II, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Nhà máy Đạm Phú Mỹ | KCN Phú Mỹ I, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn | KCN Mỹ Xuân A, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Công ty TNHH Sông Xanh | Lầu 2, tòa nhà 416A Lê Hồng Phong, phường Thắng Tam, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Công ty TNHH Trung Tín Á Châu | Số 25, đường D12, phường Phước Long B, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh;  Văn phòng đại diện: xã Tóc Tiên, thị xã Tóc Tiên, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Tổng Công ty Ba Son - Công ty TNHH Một thành viên | Số 2 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;  Địa chỉ nhà máy: KCN Phú Mỹ 2, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Công ty TNHH Posco - Việt Nam | Lô số 1, KCN Phú Mỹ 2, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Công ty TNHH Dịch vụ Schlumberger Việt Nam | Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Số 16 Lê Lợi, Phường 1, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Cảng Hàng không Côn Sơn, huyện Côn Đảo - CN Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP | Khu dân cư số I, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế Quân dân y huyện Côn Đảo | Số 01 Lê Hồng Phong, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và sửa chữa công trình dầu khí - Chi nhánh Giải pháp công nghệ kiểm tra không phá hủy | Số 53A Kim Đồng, phường Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
| **3** | **Bắc Giang** | | | | |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh | Đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | | Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Giang | Đường Lê Lợi, xã Dĩnh Kế, phường Hoàng Văn Thụ, TP. Bắc  Giang, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Hiệp Hòa | Số 91 Tuệ Tĩnh, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Yên Dũng | Thị trấn Neo, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Lục Nam | Thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Lục Ngạn | Thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | | Bệnh viện Ung bướu tỉnh Bắc  Giang | Đường Thân Nhân Trung, xã Tân Mỹ, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hà Nội - Bắc Giang | Phường Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Bắc Thăng  Long | Thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Y Cao  Hà Nội | Phố Minh Khai, Nghĩa Hồ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Bác sỹ  Đăng Khoa | Thị trấn Neo, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Bảo Minh | Số 4C, đường Minh Khai, phường Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Thân Chí Tín | Thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Tân Yên | Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Tân Dân | Thôn Phố Tân An, xã Tân An, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang |  |
| **4** | **Bắc Kạn** | | | | |
|  |  | | Doanh nghiệp Tư nhân Tâm Hưng | Tổ 3, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn |  |
|  |  | | Doanh nghiệp Tư nhân Vàng bạc Tín Na Rì | Thị trấn Yến Lạc, huyện Nà Rì, tỉnh Bắc Kạn |  |
|  |  | | Doanh nghiệp Tư nhân Vàng bạc Vượng Thắm | Khu 2, xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn |  |
|  |  | | Doanh nghiệp Tư nhân Dũng Dung Ngân Sơn | Xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn |  |
|  |  | | Doanh nghiệp Tư nhân Ánh Cao | Khu chợ II, xã Bằng Vân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn |  |
|  |  | | Cửa hàng Vàng bạc Quốc Hùng | Tổ 3, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn |  |
|  |  | | Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Minh Hoa | Số 137, đường Trường Chinh, phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Pác Nặm | Xã Bộc Bố, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn | **\*** |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Ba Bể | Tiểu khu 2, thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn | \* |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Chợ Đồn | Thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn | \* |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Ngân Sơn | Xã Vân Tùng, Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn | \* |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Na Rì | Thôn Pàn Chầu, thị trấn Yến Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn | \* |
| **5** | **Bạc Liêu** | | | | |
|  |  | | Hộ kinh doanh Đặng Quang Thiên | Số 482 Võ Thị Sáu, phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu |  |
|  |  | | Hộ kinh doanh Hồ Trung Tín | Số 20/1 Võ Thị Sáu, phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu |  |
|  |  | | Hộ kinh doanh phòng khám - Nhà thuốc Anh Kiệt | Số 127,đường Võ Thị Sáu,khóm 2, phường 8, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Hòa Bình | Ấp Thị Trấn B, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Lợi | Ấp Xẻo Chích, thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Đông Hải | Ấp 4, thị trấn Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu |  |
|  |  | | Hộ kinh doanh Phòng khám Đa khoa Khải Hoàng | Số 413, khóm 01, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Hồng Dân | Số 01 Trần Hưng Đạo, thị trấn Ngạn Dừa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Phước Long | Ấp Long Thành, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu |  |
|  |  | | Bệnh xá Công an tỉnh Bạc Liêu | Số 72 Lê Duẩn, phường 01, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu |  |
|  |  | | Bệnh viện Quân dân y tỉnh Bạc Liêu | Số 393, đường 23/8, phường 8, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bạc Liêu | Số 06 Nguyễn Huệ, phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế TP. Bạc Liêu | Đường số 09, khu dân cư Thiên Long, khóm 3, phường 5, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu |  |
| **6** | **Bắc Ninh** | | | | |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Hoàn Mỹ | Số 469, đường Nguyễn Trãi, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Lương Tài | Thị trấn Thứa, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Gia Bình | Thị Trấn Gia Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa tư nhân  Bắc Hà | Đường Nguyễn Trãi, phường Võ Cường, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa tư nhân Trí Đức | Thôn Chợ Sơn, xã Việt Đoàn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa KCN Quế Võ | Thái Bảo, phường Nam Sơn, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh |  |
|  |  | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bắc Ninh | Đường Nguyễn Quyền, phường Võ Cường, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa tư nhân  Bắc Hà | Cầu Tiến Bào, Phù Khê, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh |  |
| **7** | **Bến Tre** | | | | |
|  |  | | Phòng X-quang Châu Văn Khoắn | Số 137, quốc lộ 60, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre |  |
|  |  | | Trung tâm Nha khoa kỹ thuật Sài Gòn - 2 | Số 168ª2, khu phố 3, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre |  |
|  |  | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Bến Tre | Ấp 2, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre |  |
| **8** | **Bình Định** | | | | |
|  | 1. 1 | | Phòng khám Đa khoa Thành Long | Số 287-291 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Phòng khám Hoành Cường | Số 235 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Tâm Đức | Số 125 Lê Hồng Phong, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Công ty TNHH Bệnh viện Thu Phúc | Số 418 Nguyễn Thái Học, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Bệnh viện Chỉnh hình và PHCN Quy Nhơn | Số 580 Nguyễn Thái Học, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa | Khu vực 2, phường Gềnh Ráng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa 38 Lê Lợi | Số 38 - 40 Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình | Số 355 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn | Số 27 Lý Thái Tổ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Hương Sơn | Số 129 Nguyễn Thái Học, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định Phần mở rộng - Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Bình Định | Số 39A Phạm Ngọc Thạch, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Bệnh viện Tâm thần Bình Định | Tổ 2, khu vực 5, phường Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi Chức năng | Khu vực 5, phường Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định | Số 106 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Xây dựng 47 | Số 08 Biên Cương, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn | Số 114 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Bệnh viện Quân y 13 | Số 540 An Dương Vương, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Bệnh xá Công an tỉnh | Số 142 Cần Vương, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Tuy Phước | Thị trấn Tuy Phước, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Diêu Trì | Số 309 Trần Phú, Diêu Trì, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế thị xã An Nhơn | An Ngãi, Nhơn Hưng, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Thành Danh | An Ngãi, Nhơn Hưng, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Giang San | An Ngãi, Nhơn Hưng, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Phòng chụp X-Quang Đặng Hồng Cảnh | Số 105 Trần Phú, phường Bình Định, thị xã An Nhơn, tỉnh  Bình Định |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Thạnh | Thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa khu vực  Phú Phong | Số 48 Nguyễn Huệ, thị trấn  Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Phòng khám Medic Phú Phong | Số 80 Nguyễn Huệ, thị trấn  Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Phù Cát | Số 12, đường 3/2, thị trấn  Ngô Mây, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Phù Mỹ | Thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện An Lão | Thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân | Ân Tường 2, Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Vân Canh | Thị trấn Vân Canh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Phạm Ngọc Thạch | Số 11 Phạm Ngọc Thạch, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa khu vực  Bồng Sơn | Số 202 Quang Trung, thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Phòng khám Chẩn đoán Bành Quang Hiệp | Số 203 Quang Trung, Thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Hoài Nhơn | Thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
|  |  | | Phòng khám BS. Tô Ngọc Bình - Nguyễn Anh Dũng | Số 11A Bùi Thị Xuân, thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
| **9** | **Bình Dương** | | | | |
|  | 1 | | Công ty TNHH Tribeco Bình Dương | Số 8, đường số 11, KCN Vsip, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 2 | | Công ty TNHH Yokohama Tyre Việt Nam | Số 17, đường số 10, KCN Vsip, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 3 | | Công ty Cổ phần Mondelez Kinh Đô Việt Nam | Số 26, đường số 8, KCN Vsip, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 4 | | Công ty TNHH Huhtamaki | Số 26, đường số 8, KCN Vsip, Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 5 | | Công ty TNHH Accredo Asia | Số 28 Vsip II-A, đường số 32, KCN Vsip II-A, Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 6 | | Công ty TNHH Panasonic Eco Solution Việt Nam | Số 01 Vsip II-A, đường số 12, KCN Vsip II-A, Vĩnh Tân, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 7 | | Công ty TNHH TPR Việt Nam | Số 26 Vsip II-A, đường số 02, KCN Vsip II-A, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 8 | | Công ty TNHH Sansho Việt Nam | Số 6 Vsip II, đường số 6, KCN Vsip II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 9 | | Công ty Cổ phần S.I Casting Việt Nam | Lô F9-F8-2 (khu B), đường D2, KCN Gạch Bắp, An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 10 | | Công ty TNHH Cheng Loong Bình Dương Papeo | Khu 4, KCN Quốc tế, An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 11 | | Chi nhánh Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bình Tây- Nhà Máy Bia Sài Gòn Bình Dương | Lô B2/47-51, KCN Tân Đông Hiệp B, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 12 | | Công ty TNHH MTV Công nghiệp Masan | Lô 06, KCN Tân Đông Hiệp A, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 13 | | Công ty TNHH Công nghiệp Bao bì Ngai Mee | Số 9, đường số 6, KCN Sóng Thần I, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 14 | | Công ty TNHH Bel Việt Nam | Lô CN1, KCN Sóng Thần III, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 15 | | Công ty Cổ phần Thép Tuệ Minh | Lô A, đường D2, KCN KSB, Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 16 | | Công ty TNHH MTV Bao bì Giấy Bình Minh. | Lô A9.1, lô A9, đường D2, KCN KSB, xã Đất Cuốc (khu B), huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 17 | | Công ty TNHH Gỗ You Hao | Lô 1F5-1F6, đường CN6, KCN Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 18 | | Công ty TNHH MTV TNI- Chi nhánh Tân Uyên | Lô G3, G4, G8, G9, G2, G7, đường N3, N4, KCN Nam Tân Uyên, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 19 | | Công ty TNHH Giấy Tân Định | Khu phố 3, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 20 | | Công ty TNHH Sản xuất Thuận An | Khu phố 3, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 21 | | Công ty Cổ phần Maruichi Sun Steel | Đường DT 743, khu phố Đông Trác, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 22 | | Trung tâm Y tế dự phòng. | Đường Yersin, phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 23 | | Trung tâm Quan trắc kỹ thuật môi trường | Số 26, đường Huỳnh Văn Nghệ, phường Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 24 | | Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Bảy Nhung | Số 36 Phan Đình Phùng, Lái Thiêu, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 25 | | Công ty TNHH TMDV Tân Hiệp Phát | Số 219, đại lộ Bình Dương, phường Vĩnh Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 26 | | Công ty TNHH Thép Kim Tường Hưng | Số 139/1B, đường 744, ấp Bến Giảng, xã Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 27 | | Trường Đại học Thủ Dầu Một | Số 6, đường Trần Văn Ơn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương |  |
|  | 28 | | Công ty TNHH Giấy Nam Tiến | Thửa đất số 686, tờ bản đố số 47, khu phố Bình Chánh Đông, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương | 10.000.000đ |
| **10** | **Bình Phước** | | | | |
|  | 1 | | Hộ kinh doanh Phòng chuẩn đoán hình ảnh (ngoài giờ) Trần Minh Thiệu | Số 210, quốc lộ 14, phường  Tân Đồng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 2 | | Phòng khám Đa khoa Tâm Đức | Số 746 Phú Riềng Đỏ, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 3 | | Phòng Chuẩn đoán hình ảnh ngoài giờ Y sỹ Đỗ Duy Lâm | Thôn Phú Thịnh, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 4 | | Phòng chụp X-Quang Lê Công Khải | Thôn Phú Thành, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 5 | | Hộ kinh doanh Lê Duy Dũng | Số 995, quốc lộ 14, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 6 | | Phòng Chẩn đoán hình ảnh BS. Lê Thị Huế | Số 370, quốc lộ 14, phường Tân Đồng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 7 | | Công ty TNHH MTV phòng khám Đa khoa Hoàng Dung | Số 199, quốc lộ 14, thị trấn  Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 8 | | Hộ kinh doanh Nguyễn Công Sỹ | Khu Đức Lập, thị trấn Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 9 | | Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Chánh | Khu phố Bình Giang II, phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 10 | | Hộ kinh doanh Phạm Đức Thành | Số 54 Trần Hưng Đạo, tổ 4, khu phố 4, phường Long Thủy, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 11 | | Công ty TNHH MTV Phòng khám Đa khoa Thảo Tiên | Quốc lộ 14, khu phố Xuân Bình, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 12 | | Phòng khám chuyên khoa CĐHA BS. Lê Phước Đa | Quốc lộ 14, tổ 1, khu phố 1, phường Tân Đồng, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 13 | | Phòng khám Đa khoa Minh Tâm | Phường Sơn Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 14 | | Công ty Cổ phần TM-DV Giấy Thuận An | Lô A, đường D4, KCN Minh Hưng 3, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 15 | | Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Dongwha | Lô G, KCN Minh Hưng III, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 16 | | Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 - Nhà máy Xi măng Bình Phước | Ấp Thanh Bình, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 17 | | Phòng khám Đa khoa Hồng Lý | Khu phố 1, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 18 | | Nha khoa Tấn Tài | Số 54 Trần Hưng Đạo, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 19 | | Phòng khám bệnh chụp X-quang Trung Anh | Khu phố Xa Cam II, phường  Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 20 | | Phòng X - quang Cái Kim Bình | Tổ 3, ấp 2, xã Lộc Thái, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 21 | | Phòng X - quang Nguyễn Hữu Long | Số 152 Hàm Nghi, An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 22 | | Hải Quan tỉnh | Quốc lộ 14, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 23 | | Hộ kinh doanh Phòng khám Đa khoa (BS. Lưu Văn Mậu) | Số 391 - 393, quốc lộ 14, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước |  |
|  | 24 | | Phòng X-quang BS. Trần Quốc Hùng | Ấp 4, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước |  |
| **11** | **Bình Thuận** | | | | |
|  | 1 | | Công ty TNHH Bệnh viện An Phước | Số 235 Trần Phú, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận |  |
| 1. 2 | 2 | | Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Tâm Phúc | Số 82A Ngô Sĩ Liên, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận |  |
|  | 3 | | Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng | Lô 2A, khu dân cư Hùng Vương, đường Võ Văn Kiệt, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận |  |
|  | 4 | | Hộ kinh doanh Quãng Văn Hàng | Thôn Vĩnh Hanh, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận |  |
|  | 5 | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Thiên Phú | Số 20 Hai Bà Trưng, phường Phước Hội, huyện La Gi, tỉnh Bình Thuận |  |
|  | 6 | | Hộ kinh doanh Phòng khám nha khoa Sài Gòn Kim Cương | Số 184-186, đường Thủ Khoa Huân, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận | 3.000.000đ |
|  | 7 | | Hộ kinh doanh Nha khoa Hồng Ngọc | Số 467, đường Trần Hưng Đạo, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận | 3.000.000đ |
| **12** | **Cao Bằng** | | | | |
|  | 1 | | Cơ sở X-quang Trần Như Báo | Số 011, phố Hồng Việt, phường Hợp Giang, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng |  |
|  | 2 | | Công ty Cổ phần Y tế Phòng khám Đa khoa chất lượng cao Hà Nội - Cao Bằng | Tổ 22, phường Sông Bằng, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng |  |
|  | 3 | | Chi nhánh Công ty Cổ phần hữu nghị quốc tế - Phòng khám Đa khoa Hữu nghị 103 Cao Bằng | Số 03, tổ 4, phường Sông Bằng, TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng |  |
|  | 4 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Hạ Lang | Thị trấn Thanh Nhật, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng | 6.000.000đ |
|  | 5 | | Bênh viện Đa khoa huyện Hòa An | Thị trấn Nước Hai, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng |  |
|  | 6 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Quảng | Thị trấn Xuân Hòa, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng |  |
|  | 7 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Nguyên Bình | Thị trấn Nguyên Bình, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng |  |
|  | 8 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Lâm | Thị trấn Pác Miều, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng |  |
|  | 9 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Lạc | Thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng |  |
| **13** | **Cà Mau** | | | | |
|  | 1 | | Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Sinh | Số 01, khóm 01, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau |  |
|  | 2 | | Nha khoa Phương Nam | Khóm 10, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau |  |
|  | 3 | | Nha khoa Đất Mũi | Số 25 Nguyễn Hữu Lễ, Phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau |  |
|  | 4 | | Nha khoa Sài Gòn | Số 80 Nguyễn Trãi, Phường 2, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau |  |
|  | 5 | | Công ty TNHH Y khoa 19 | Số 15, quốc lộ 1A, ấp Bà Điều,  xã Lý Văn Lâm, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau |  |
|  | 6 | | Bệnh viện huyện Cái Nước | Khóm 2, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau |  |
|  | 7 | | Nha khoa Sài Gòn Việt Mỹ | Số 16A Trần Hưng Đạo, Phường 5, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau |  |
|  | 8 | | Nha khoa Bạch Phấn | Số 209 Nguyễn Trãi, Phường 4, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau |  |
|  | 9 | | Công ty TNHH MTV phòng khám Gia Đình | Số 1, khóm 1, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau |  |
|  | 10 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Thới Bình | Thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau |  |
|  | 11 | | Bệnh viện huyện U Minh | Số 26A, khóm 3, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau |  |
|  | 12 | | Nha khoa Thẫm mỹ số 1 Sài Gòn | Số 143 Nguyễn Tất Thành, Phường 8, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau |  |
|  | 13 | | Phòng Răng Nguyễn Văn Lắm | Số 170 Ngô Quyền, Phường 9, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau |  |
|  | 14 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Đầm Dơi | Số 80, đường Trương Phùng Xuân, khóm 5, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau |  |
|  | 15 | | Nha khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn Năm Căn | Số 223, đường Hùng Vương, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau |  |
|  | 16 | | Phòng khám Nha khoa Nguyễn Hữu Hùng | Khu vực 1, khóm 2, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau |  |
| **14** | **Thành phố Cần Thơ** | | | | |
|  |  | | Hộ kinh doanh Bùi Thị Mười | Số 453A, ấp Nhơn Lộc 2, thị trấn Phong Điền, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | | Hộ kinh doanh Mai Trọng Thích | Số 01 Nguyễn Thị Minh Khai, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | | Nha khoa Miền Nam | Số 111A, đường 30/4, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | 2.000.000đ |
|  |  | | Phòng Chẩn đoán hình ảnh Tâm An | Cạnh số 400 Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | 6.000.000đ |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Thới Lai | Ấp Thới Phong A, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | | Bệnh viện Tâm thần thành phố Cần Thơ | Khu vực Bình Hòa A, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế quận Bình Thủy | Đường số 44, khu dân cư Ngân Thuận, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | | Công ty TNHH Nha khoa Miền Tây | Số 142, đường 30/4, phường An Phú, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | 6.000.000đ |
|  |  | | Phòng khám Tâm Phúc | Số 306B4 Nguyễn Văn Linh, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | | Nha khoa Lâm Gia | Số 46 Hùng Vương, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ | 3.000.000đ |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa quận Thốt Nốt | Quốc lộ 91, khu vực Phụng Thạnh 1, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ | Số 04 Châu Văn Liêm, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |  |
|  |  | | Trung tâm Bảo vệ Sức khoẻ Lao động và Môi trường thành phố Cần Thơ | Số 154 Nguyễn An Ninh, phường Tân An, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |  |
| **15** | **Thành phố Đà Nẵng** | | | | |
|  | 1 | | Chi nhánh Công ty TNHH  Coca-Cola Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng | Quốc lộ 1A, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 2 | | Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng | Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng. |  |
|  | 3 | | Viện Năng suất chất lượng Deming | Số 28 An Xuân, phường An Khê, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 4 | | Công ty TNHH Y khoa Khải Trình | Tổ 36, KDC Trung Nghĩa, phường Hoà Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 5 | | Phòng khám Y khoa Phan Quốc Văn | Số 135 Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 6 | | Phân viện Khoa học An toàn vệ sinh lao động và Bảo vệ môi trường Miền Trung | Số 178 Triệu Nữ Vương, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 7 | | Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Phúc Khang Đà Nẵng | Số 1081 Ngô Quyền, phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 8 | | Công ty Cổ phần Phòng khám Đa khoa Phước An | Số 104 Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 9 | | Nhà máy Giấy và bao bì Tân Long | Số 213 Hùng Vương, quận Hải Châu , TP. Đà Nẵng |  |
|  | 10 | | Công ty TNHH Y khoa Thành Tâm | Lô 25, đường Lê Văn Hiến, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 11 | | Công ty Cổ phần Bệnh viện Thiện Nhân Đà Nẵng | Số 276 - 278 Đống Đa, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 12 | | Trung tâm Y khoa - Đại học Đà Nẵng | Số 91A Nguyễn Thị Minh Khai, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 13 | | Trung tâm Y tế quận Hải Châu | Số 38 Cao Thắng, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 14 | | Trung tâm Nghiên cứu và triển khai công nghệ bức xạ - cơ sở  Đà Nẵng | Đường Hoàng Văn Thái, thôn Đại La, xã Hoà Sơn, huyện Hoà Vang, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 15 | | Bệnh viện Y học Cổ truyền Đà Nẵng | Số 09 Trần Thủ Độ, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng |  |
|  | 16 | | Phòng khám Thú y Trường Sơn | Số 152/1 Lý Tự Trọng, TP. Đà Nẵng |  |
| **16** | **Đắk Lắk - Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2019** | | | | |
| **17** | **Đắk Nông** | | | | |
|  | 1 | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Nông | Phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 2 | | Trung tâm Chẩn đoán Y khoa  Đắk Nông | Số 82, đường Bà Triệu, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 3 | | Trung tâm Chẩn đoán Y khoa chất lượng cao 44 Lý Thường Kiệt | Số 44 Lý Thường Kiệt, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 4 | | Bệnh xá Công an tỉnh Đắk Nông | Tổ 2, phường Nghĩa Phú, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 5 | | Phòng khám Đa khoa 68 Hùng Vương | Tổ dân phố 4 Hùng Vương, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 6 | | Phòng khám Phúc An | Khối 1, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R' Lấp, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 7 | | Phòng khám BS. Đặng Thành | Tổ dân phố 1, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R' Lấp, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 8 | | Phòng khám Thiên Phước | Khối 1, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R' Lấp, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 9 | | Phòng khám Toàn Đức | Tổ dân phố 9, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R' Lấp, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 10 | | Công ty Nhôm Đắk Nông-TKV | Xã Nhân Cơ, huyện Đắk R’Lấp, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 11 | | Công ty Cổ phần Kỹ nghệ gỗ  MDF BISON | Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 12 | | Phòng khám ngoài giờ BS. Cường | Số 144 Nguyễn Tất Thành, thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 13 | | Phòng khám BS. Nguyên | Thôn Kẻ Đọng, xã Đức Minh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 14 | | Phòng khám BS. Hoàng | Thôn Đức Vinh, xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông |  |
|  | 15 | | Phòng khám Đa khoa An Tâm | Số 61 Nguyễn Văn Linh, thị trấn Eatling, huyện Cư Jút, tỉnh  Đắk Nông |  |
|  | 16 | | Phòng khám Đa khoa An Bình | Thôn 6, xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông |  |
| **18** | **Điện Biên** | | | | |
|  | 1 | | Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé | Tổ dân cư số 1, Trung tâm Y tế huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên |  |
|  | 2 | | Phòng khám Đa khoa 103 | Số nhà 15, tổ 9, phường Nam Thanh, TP. Điện Biên, tỉnh  Điện Biên |  |
| **19** | **Đồng Nai** | | | | |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa khu vực  Định Quán | Ấp Hiệp Quyết, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Việt Hương | Số 128, quốc lộ 20, khu phố 114, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Tân Phú | Thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Xuân Lộc | Ấp Suối Cát, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Sài Gòn Tâm Trí | Khu 6, ấp Việt Kiều, xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Chi nhánh 2 - Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Ái Nghĩa  Long Khánh - Phòng khám Đa khoa Ái Nghĩa Xuân Lộc | Khu phố 8, quốc lộ 1A, thị trấn Gia Ray, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Cẩm Mỹ | Ấp Suối Cả, xã Long Giao, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa cao su  Đồng Nai | Ấp Dưỡng Đường, xã Suối Tre, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế thị xã Long Khánh | Số 03, đường Cách mạng tháng Tám, phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa  khoa Sài Gòn - Long Khánh | Số 57, đường Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố 5, phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa khu vực  Long Khánh | Số 911, đường 21/4, ấp Suối Tre,  xã Suối Tre, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Thống Nhất | Xã Bàu Hàm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Phòng khám Chuyên khoa Mai Văn Sơn | Số 209/1, ấp Dốc Mơ 1, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Thủy Trung - Phòng khám Đa khoa Hoàng Tiến  Dũng | Số 131, quốc lộ 1A, xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Trảng Bom | Khu phố 5, thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Chi nhánh Công ty TNHH MTV  Huỳnh Phụng - Phòng khám Đa khoa Hoàng Dũng | Số 6/1/2, ấp Bàu Cá, xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Chi nhánh Công ty TNHH MTV  Huỳnh Phụng - Phòng khám Đa khoa Trung Thanh | Số 254/5, ấp Dốc Mơ 3, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Y Đức Trị An | Số 2392, ấp Thanh Hóa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa An Phúc Sài Gòn | Số 2368, ấp Thanh Hóa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Cửu | Khu phố 3, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Chuẩn đoán y khoa Đại Phước - Phòng khám Đa khoa 115 Đại Phước | D295A, đường Lý Thái Tổ, ấp Phước Lý, xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Phúc Trạch | Ấp 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Duy Khang - Chi nhánh Long  Thành | Số A1-9, A1-10, khu Chợ Mới Long Thành, thị trấn Long Thành,  Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Nhơn Trạch | Đường Nguyễn Hữu Cảnh, ấp Xóm Hố, xã Phú Hội, huyện Nhơn  Trạch, tỉnh Đồng Nai | 9.000.000đ |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Long Thành | Số 45, đường Tôn Đức Thắng, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Xuân Triệu | Số A15, đường Lý Thái Tổ, khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa khu vực Long Thành | Khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Lê Thành | Số 76/7, khu Phước Thuận, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Dịch vụ Y tế Tam Phước | Số 592, ấp Long Đức 1, xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Sài Gòn Tam Phước | Số 15, ấp 3, xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH MTV Phòng khám Đa khoa Thành Tâm | Tổ 14, khu 3, ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Liên Chi | Số 26, tổ 5, khu phố 6, đường Bùi  Văn Hòa, phường Hòa Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa  khoa Quốc tế Mỹ Đức | Đường Bùi Văn Hòa, tổ 20, khu phố 3, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH MTV Thiền Tâm | Số 80, ấp Tân Cang, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Quốc tế Long Bình | Số 85 Bùi Văn Hoà, phường Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Bệnh viện Phổi Đồng Nai | Ấp Tân Mai 2, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH MTV Bệnh viện Đại học Y dược Shing Mark | Quốc lộ 51, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai | Số 02, đường Đồng Khởi, phường Tam Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai | Số 02, đường Đồng Khởi, phường Tam Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Phòng khám Đa khoa Y Sài Gòn | Số 02/8, khu phố 6, phường Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tam Đức | Số 528/15, xa lộ Hà Nội, phu phố 4, phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Bệnh viện Chuyên khoa Răng hàm mặt Việt Anh Đức - Chi nhánh Công ty Cổ phần Việt Anh Đức | Số 3/10, 3/11, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai | Số 1048A, đường Phạm Văn Thuận, khu phố 2, phường Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Dân Y | Số 1/C2, khu phố 1, phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Dịch vụ Y tế - Bệnh viện Mẹ Âu Cơ | Số 47/19A, đường Điểu Xiển, khu phố 5B, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế Chấn thương chỉnh hình Sài Gòn - Biên Hòa | F99, đường Võ Thị Sáu, phường  Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Xây dựng - Y tế Tâm An | E43 - E44, đường D9, KDC đường  Võ Thị Sáu, khu phố 7, phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế thành phố Biên Hòa | Số 98/487, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Dịch vụ Y tế và Thương mại Đại Thiện | Số 93, đường Đồng Khởi, phường Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Cơ sở Việt Cường Trung | Số 99/1, đường Phạm Văn Thuận, khu phố 4, phường Tam Hiệp, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai | Khu phố 9, phường Tân Biên, TP.  Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất Đồng Nai | Số 234, quốc lộ 1, phường Tân Biên, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tín Đức | Ấp 3, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Lê Thiện Nhân | Số 20, đường Đồng Khởi, ấp 1, xã  Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Bệnh viên Tâm thần Trung Ương 2 | Khu phố 7, phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Nha khoa Sài Gòn Biên Hòa | Số 8-8B, đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố 6, phường Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Nhi Sài Gòn - Chi nhánh tại Đồng Nai | Số 185, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Mai, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Đông Sài Gòn VSLĐ | Số 1A, tỉnh lộ 16, xã Hóa An, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Hoàng Anh Đức | Trung đoàn 22, Quân Đoàn 4, quốc lộ 1A, khu phố 1, phường Long Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Sinh Hậu | Số 27 A/13, khu phố 5, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch | KCN Ông Kèo, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Chemtrovina | KCN Nhơn Trạch 2 - Lộc Khang, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam - Chi nhánh nhà máy 3 tại Đồng Nai | KCN Bàu Xéo, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty Hữu hạn Cơ khí động lực Toàn Cầu | Lô 7, KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Olympus Việt Nam | Đường số 7, KCN Long Thành, xã  Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Trung Đông | Cụm Công nghiệp Tam Phước 1, xã Tam Phước, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Vilam Engineering VN - Kho chứa nguồn phóng xạ tại Đồng Nai | Số 6/7, quốc lộ 51, ấp 2, xã Long  An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Tư vấn kỹ thuật GTC | Phòng 1901, tòa nhà Sai Gon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh;  Kho nguồn: xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Seong Ji Sài Gòn | Số 2, đường 3 A, KCN Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa | KCN Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Nhựa Reliable Việt Nam | Lô 112, KCN Amata, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Bayer Việt Nam | Lô 118/4, KCN Amata, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH MTV Suối Sao | Khu Suối Cao, ấp Lộ Đức, xã Hố  Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai |  |
|  |  | | Công ty TNHH Fumakilla Việt Nam | Số 7, đường 15, KCN Biên Hòa II, phường An, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
| **20** | **Đồng Tháp** | | | | |
|  | 1 | | Phòng khám MEDIC 9-11 | Số 9-11, đường 30/4, phường 1, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 2 | | Bệnh viện Đa khoa Phương Châu Sa Đéc | Số 153 Nguyễn Sinh Sắc, phường 2, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 3 | | Phòng X-Quang cử nhân Mai Văn Thiệt | Số 211, đường 30/4, phường 1, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 4 | | Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh BS. Hà Minh Qúy | Số 107A, ấp Tân Lộc A, xã Tân Dương, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 5 | | Phòng X-quang Phan Thanh Vân | Số 07 Nguyễn Huệ, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 6 | | Phòng X-quang Cử nhân Võ Văn Quang | Số 182, đường Phạm Hữu Lầu, phường 4, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 7 | | Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh BS Nguyễn Văn Tào | Xã An Phong, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 8 | | Phòng X-quang BS Võ Anh Tuấn | Số 33, đường Hùng Vương, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 9 | | Phòng chụp X-quang Khỏe Ánh | Đường Nguyễn Văn Cừ, khóm 4, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 10 | | Phòng X-quang Trung Hiếu | Số 579B Võ Văn Kiệt, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 11 | | Cơ sở Huỳnh Châu | Số 202 Nguyễn Sinh Sắc, Hòa Khánh, phường 2, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp |  |
|  | 12 | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Tháp | Số 394 Lê Đại Hành, phường  Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh  Đồng Tháp | \* |
|  | 13 | | Trung tâm Y tế thành phố Cao Lãnh | Số 68, phường 4, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | \* |
|  | 14 | | Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Tháp | Ấp 4, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | \* |
|  | 15 | | Bệnh viện Tâm thần tỉnh Đồng Tháp | Tổ 3, ấp 4, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp | \* |
|  | 16 | | Bệnh viện Đa khoa khu vực  Tháp Mười | Đường Hùng Vương, khu 2, thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp | \* |
|  | 17 | | Trung tâm Y tế huyện Tháp Mười | Khóm II thị trấn Mỹ An, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp | \* |
|  | 18 | | Trung tâm Y tế huyện Thanh Bình | Thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp | \* |
|  | 19 | | Trung tâm Y tế huyện Tam Nông | Số 01 Đốc Binh Kiều, khu 4, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp | \* |
|  | 20 | | Trung tâm Y tế thị xã Hồng Ngự | Đường Lý Thường Kiệt, phường An Thạnh, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp | \* |
|  | 21 | | Trung tâm Y tế huyện Hồng Ngự | Ấp Thượng, xã Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp | \* |
|  | 22 | | Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng | Ấp 3, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp | \* |
|  | 23 | | Trung tâm Y tế thành phố Sa Đéc | Đường Trần Thị Nhượng, khóm 3, Phường 1, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp | \* |
|  | 24 | | Trung tâm Y tế huyện Châu Thành | Khóm Phú Bình, thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp | \* |
|  | 25 | | Trung tâm Y tế huyện Lai Vung | Quốc lộ 80, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp | \* |
|  | 26 | | Trung tâm Y tế huyện Lấp Vò | Số 852B, ấp Bình Hiệp A, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp | \* |
| **21** | **Gia Lai** | | | | |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Mang Yang | Đường Tuệ Tĩnh, thị trấn Kon Dỡng, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Đăk Đoa | Đường Wừu, thị trấn Đăk Đoa, huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Thiện Đức | Số 42 Nguyễn Huệ, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa BS. Trần Công Lực | Số 95 Lê Hồng Phong, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | | Phòng khám Tư nhân Tâm Đức | Số 428 Quang Trung, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | | Phòng khám Nguyễn Đức Hạnh | Đường Tôn Thất Tùng, thị trấn Chư Prông, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | | Phòng khám BS. Tú | Số 72A Lê Lợi, thị trấn Kbang, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | | Phòng khám Dương Tấn Đông | Số 51 Quang Trung, thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | | Phòng Chẩn đoán Y khoa 15 Lê Lợi | Số 15 Lê Lợi, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | | Phòng khám Như Hoa | Lô 74-75 Tôn Thất Tùng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Bình Dân | Lô 72-73 Tôn Thất Tùng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | | Bệnh xá Công an tỉnh | Số 80 Nguyễn Văn Trỗi, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Gia Khánh | Số 481A Phạm Văn Đồng, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai |  |
|  |  | | Phòng chụp X-quang - Xét nghiệm Y khoa | Tổ dân phố 2, thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai |  |
| **22** | **Hà Giang** | | | | |
| 1. 3 |  | | Bệnh viện Khu vực Bắc Quang | Thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Trí Đức | Thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | | Phòng khám Đặng Phúc Diệp | Thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | | Phòng khám Y cao Hà Nội | Thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | | Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh | Thôn Vạt, xã Việt Lâm, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Vị Xuyên | Thị trấn Vị Xuyên, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Quản Bạ | Thị trấn Tam Sơn, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Mê | Thị trấn Yên Phú, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Quang Bình | Thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Giang | Tổ 10, phường Minh Khai, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | | Phòng khám Nha khoa Thành Giang | Tổ 15, phường Minh Khai, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi | Tổ 03, phường Minh Khai, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | | Bệnh viện Y dược Cổ truyền | Tổ 16, phường Quang Trung, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Đức Minh | Tổ 16, phường Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | | Ban chăm Sóc sức khỏe cán bộ | Tổ 10, phường Minh Khai, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang |  |
|  |  | | Công ty TNHH Bảo Ngọc -  Đức Anh | Tổ 8, phường Trần Phú, tỉnh  Hà Giang |  |
| **23** | **Hà Nam - Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2019** | | | | |
| **24** | **Thành phố Hà Nội** | | | | |
|  |  | | Công ty TNHH Giải pháp E2E | Số 11-13-15 Trần Xuân Soạn, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty TNHH Y cao Cầu Giấy | Số 8, ngõ 260, đường Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển công nghệ cao y dược Minh Tâm | Phòng 21C, tập thể Quân y Viện 108, số 1 Trần Thánh Tông, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Hộ kinh doanh Nha khoa Thúy Đức | Số 64 phố Vọng, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Y tế Thanh Chân | Số 6 Nguyễn Thị Thập, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Hộ kinh doanh Phòng khám Nha khoa IMED | Tầng 3, tòa nhà 125 Hoàng Ngân, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa 162 | Số 162, đường Lĩnh Nam, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Tây Đô - Chi nhánh Công ty Cổ phần Y dược Hưng Thành | Số 93, phố Nhổn, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội | 6.000.000đ |
|  |  | | Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Y tế THE MEDCARE - Chi nhánh Mộ Lao | LK6D-1 khu nhà ở liền kề C17 khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty TNHH Y dược Thiện Đức | Tổ 1, thôn Miếu Thờ, xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Chẩn đoán y khoa Meditec | Số 52, phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | 6.000.000đ |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Sông Hồng | Số 38, đường Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế quận Hoàn Kiếm | Số 47 Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | 6.000.000đ |
|  |  | | Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Hà Nội | P306, nhà B1, khu tập thể Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội | 6.000.000đ |
|  |  | | Công ty TNHH Phát triển dịch vụ y tế Hoàng Anh | Số 400, đường Hồ Tùng Mậu, tổ 11, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Dược thiết bị y tế Biphartek | Tầng 7, tòa nhà Sannam, số 78, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty TNHH Dịch vụ y tế An Đạt | Số 15, ngách 144/2, phố Quan Nhân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội | 4.000.000đ |
|  |  | | Công ty Cổ phần dịch vụ - Bệnh viện Đa khoa quốc tế Thiên Đức | Số 207 Phùng Hưng, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP. Hà Nội | 6.000.000đ |
|  |  | | Công ty TNHH Một thành viên 16A | Lô 150, khu giãn dân Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh | Số 108 Hoàng Như Tiếp, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa tư nhân 3A | Số 1 Nguyễn Chánh, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện 09 | KM3, đường 70 Tân Triều, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty TNHH Dịch vụ y tế An Thịnh | Số 58 Trần Bình, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty TNHH Nga Hải | Số 32, phố Phù Đổng Thiên Vương, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Viện Dinh dưỡng | Số 48 Tăng Bạt Hổ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Y cao Hà Nội | Thôn Thanh Ấm, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Y dược Vietlife | Số 97-99 Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Thanh Oai | Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Y tế khám chữa bệnh Việt Nam | Kiốt số 9, nhà B10, tập thể Kim Liên, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Tâm Thần Hà Nội | Ngõ 467, đường Nguyễn Văn Linh, phường Sài Đồng, quận Long Biên, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Ba Vì | Thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Hộ kinh doanh Dịch vụ dùng chung thiết bị nha khoa | Số 37 Bích Câu, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Trung tâm Thực hành khám chữa bệnh Trường Cao đẳng y tế Hà Đông | Số 39 Nguyễn Viết Xuân, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Trung Tín | Số 108 Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa AMDIC | Số 111, đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ thương mại Từ Tâm | Số 5 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | 1.000.000đ |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Thu Cúc - Chi nhánh Công ty Cổ phần Y khoa và Thẩm mỹ Thu Cúc | Số 286 Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện 198 - Bộ Công an | Số 09 Trần Bình, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Đức Giang | Số 54, phố Trường Lâm, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Đại học Y Hà Nội | Số 1 Tôn Thất Tùng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Đông Anh | Tổ 1, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Bắc Thăng Long | Tổ 18, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Tai mũi họng Trung ương | Số 78, đường Giải Phóng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty TNHH Y tế Hồng Ngọc | B050, tầng hầm B1, tòa nhà Keangnam, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Bạch Mai | Số 78, đường Giải Phóng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Thăng Long | Số 127, đường Tựu Liệt, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội | Số 42A Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Gia đình Hà Nội | Số 298I Kim Mã, quận Ba Đình, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Bệnh viện Giao thông vận tải | Ngõ 84, phố Chùa Láng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Phương Đông - Chi nhánh Công ty TNHH Tổ hợp y tế Phương Đông | Số 9, phố Viên, Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Phát triển dịch vụ khám chữa bệnh Hanoi Health Capital | Lô NV-C7, khu Trung Hòa - Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Chi nhánh Công ty TNHH MTV Chăm sóc sức khỏe Bờ Biển Tây tại Hà Nội | Khu A, tầng 2, tòa nhà Syrena, số 51 Xuân Diệu, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Thanh Trì | Số 1 Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Hộ kinh doanh Răng Hà Nội 1 | Số 410 Xã Đàn, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh xá Cục Hậu Cần - Tổng cục II | Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Viện Y học Phòng không - Không quân | Số 225 Trường Chinh, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Viện Y học phóng xạ và u bướu Quân đội | Số 18 Định Công Thượng, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Viện Y học cổ truyền Quân đội | Số 442 Kim Giang, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Học viện Cảnh sát nhân dân | Tổ dân phố 2, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Quân y 103 | Số 261 Phùng Hưng, quận Hà Đông, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Quân y 105 | Số 01 Chùa Thông, xã Sơn Lộc, huyện Sơn Tây, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Quân y 354 | Số 120 Đốc Ngữ, quận Ba Đình, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Bỏng Quốc gia Lê Hữu Trác | Số 263, đường Phùng Hưng, quận Hà Đông, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện K | Số 30 Cầu Bươu, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Hữu Nghị | Số 1 Trần Khánh Dư, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Thanh Nhàn | Số 42 Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Nhiệt đới Trung Ương | Số 78 Giải Phóng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Phổi Hà Nội | Số 44 Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Hòe Nhai | Số 17 và 34 Hòe Nhai, quận Ba Đình, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Thể thao Việt Nam | Đường Đỗ Xuân Hợp, Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Hồng Phát thuộc Công ty TNHH Bệnh viện Hồng Phát | Số 219 Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Y học Rạng Đông | Số 83B Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Bệnh viện Đông Đô | Số 5, phố Đào Duy Anh, phường Kim Liên, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Sun Medical Việt Nam | Tầng 1, tòa nhà Times Tower, số 35 Lê Văn Lương, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Phát triển y khoa Hà Nội | Số nhà 17BT2 Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Số 07 Quang Vinh | Số 7, thôn Thanh Ấm, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Tư nhân | Số 173 Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn | Thôn Nam Sơn, xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, TP.  Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây | Xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Địa chất Việt Bắc - TKV | Số 30B Đoàn Thị Điểm, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Doanh nghiệp Tư nhân Phúc Thành | Số 276, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện | Số 434-436, đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Liên đoàn Vật lý địa chất | Số 01, ngõ 95, đường Chiến Thắng, phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty TNHH Quốc Trinh | Số 27 Hà Trung, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty TNHH Kinh doanh vàng bạc Kim Ngân | Số 56 Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty TNHH Vàng bạc đá quý Phú Quý | Số 30 Trần Nhân Tông, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Chi nhánh Công ty TNHH MTV Vàng bạc đá quý Sài Gòn - SJC miền Bắc | Số 50 Giang Văn Minh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm thí nghiệm xây dựng Sông Đà | Khu B, nhà G10, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Giấy Vạn Điểm | Thị trấn Phú Minh, huyện Phú Xuyên, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội | Số 41A, đường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam | Nhà G, Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam, tổ dân phố số 8, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Viện Vật liệu xây dựng | Số 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty TNHH Kim Linh | Số 70 Nguyễn Hữu Huân, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội (Sử dụng NPX tại 67 Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội) |  |
|  |  | | Công ty TNHH Hải Khương | Số 60 Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty TNHH nước giải khát CoCa-Cola Việt Nam | Km 17, quốc lộ 1A, xã Duyên Thái, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Trung tâm Nghiên cứu và chuyển giao Công nghệ | Tòa nhà Khu ươm tạo công nghệ, số 18, Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Trung tâm Phân tích và chứng nhận chất lượng sản phẩm nông nghiệp Hà Nội | Tổ 44, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội/ 143 Hồ Đắc Di, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Trường Đại học Mỏ Địa chất | Xã Đông Ngạc, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và công nghệ THT | Số 4, ngõ 1/13, phường Tạ  Quang Bửu, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Trung tâm Quan trắc Môi trường | Số 556 Nguyễn Văn Cừ, quận Long Biên, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Học viện Nông nghiệp Việt Nam | Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Doanh nghiệp Tư nhân Thành Đạt | Số 56 Quang Trung, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Trung tâm Môi trường và Khoáng sản - Chi nhánh Công ty Cổ phần đầu tư CM | Liền kề 423, khu đất dịch vụ Yên Lộ, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Miza | Cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội |  |
|  |  | | Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật miền Bắc - SEETECH | Thôn Nội Am. Xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội |  |
| **25** | **Hà Tĩnh** | | | | |
|  | 1 | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh | Số 75, đường Hải Thượng Lãn Ông, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 2 | | Bệnh viện Đa khoa thành phố  Hà Tĩnh | Đường Hải Thượng Lãn Ông  kéo dài, phường Thạch Quý, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 3 | | Bệnh viện Y học Cổ truyền | Xóm Đoài Thịnh, xã Thạch Trung, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 4 | | Bệnh viện Phục hồi chức năng  Hà Tĩnh | Số 223, đường Nguyễn Công Trứ, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 5 | | Phòng khám Đa khoa Bác Toản | Số 55, đường Hải Thượng Lãn Ông, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 6 | | Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn -  Hà Tĩnh | Số 100, đường Lê Hồng Phong, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 7 | | Bệnh viện Đa khoa Thạch Hà | Thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 8 | | Bệnh viện huyện Lộc Hà | Xã Thạch Châu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 9 | | Bệnh viện Đa khoa thị xã Hồng Lĩnh | Phường Đức Thuận, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 10 | | Bệnh viện Đa khoa Nghi Xuân | Khối 6, thị trấn Nghi Xuân, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 11 | | Bệnh viện Đa khoa Đức Thọ | Xã Đức Long, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 12 | | Bệnh viện Đa khoa Hương Sơn | Khối 5, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 13 | | Bệnh viện Đa khoa Hương Khê | Khối phố 10, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 14 | | Phòng khám Đa khoa Nhân Đức | Khối 11, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 15 | | Bệnh viện Đa khoa Kỳ Anh | Tổ dân phố Hưng Hòa, phường Sông Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
|  | 16 | | Phòng khám Đa khoa Thọ Vinh | Tổ dân phố Hưng Hòa, phường Sông Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh | \* |
| **26** | **Hải Dương** | | | | |
|  |  | | Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Hải Dương | Số 112 Trần Hưng Đạo, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Kim Thành | Thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương |  |
|  |  | | Bệnh viện Nhiệt đới tỉnh  Hải Dương | Số 241 Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương |  |
|  |  | | Bệnh viện Phụ sản tỉnh Hải Dương | Số 225 Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương |  |
|  |  | | Công ty TNHH Khám chữa bệnh Vĩnh Linh | Xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương |  |
|  |  | | Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Minh Tâm | Đường Hoàng Ngân, phường Cẩm Thượng, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa An Bình | Thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương |  |
| **27** | **Thành phố Hải Phòng** | | | | |
|  | 1 | | Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão | Số 99 Nguyễn Văn Trỗi, huyện An Lão, TP. Hải Phòng |  |
|  | 2 | | Bệnh viện Đa khoa quận Hải An | Số 190, đường Cát Bi, huyện Hải An, TP. Hải Phòng |  |
|  | 3 | | Bệnh viện Đa khoa quận Ngô Quyền | Số 21 Lê Lợi, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |  |
|  | 4 | | Phòng khám Đa khoa 324 Trần Nguyên Hãn | Số 324 Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng |  |
|  | 5 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Bảo | Số 154 Tiểu khu Tân Hoà, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng |  |
|  | 6 | | Bệnh viện Đa khoa huyện  Tiên Lãng | Khu 8, thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP. Hải Phòng |  |
|  | 7 | | Viện Y học biển | Đường Hồ Sen, Cầu Rào 2, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng |  |
|  | 8 | | Bệnh viện Đa khoa huyện  Thuỷ Nguyên | Xã Thuỷ Đường, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng |  |
|  | 9 | | Phòng khám Đa khoa 118  Trần Tất Văn | Số 138A Trần Tất Văn, quận Kiến An, TP. Hải Phòng |  |
|  | 10 | | Phòng khám Đa khoa Hòa Bình | Số 8, đường Hòa Bình, quận Kiến An, TP. Hải Phòng |  |
|  | 11 | | Trung tâm Y tế huyện Kiến Thụy | Thị trấn Núi Đối, huyện Kiến Thụy, TP. Hải Phòng |  |
|  | 12 | | Phòng khám Đa khoa Tân Dương | Xã Tân Dương, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng |  |
|  | 13 | | Phòng khám Đa khoa Khu 3 thị trấn Tiên Lãng | Khu 3 Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng, TP. Hải Phòng |  |
|  | 14 | | Công ty Cổ phần Khám chữa bệnh Nam Cường - Phòng khám Đa khoa Nam Cường | Số 139 phố 3/2, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng |  |
|  | 15 | | Phòng khám Đa khoa 268 Đà Nẵng | Số 268 Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |  |
|  | 16 | | Công ty TNHH Thương mại  Hòa Nga - Phòng khám Đa khoa Hiện Đại | Số 464 Lạch Tray, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |  |
|  | 17 | | Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa - Phòng khám Đa khoa Thái Sơn | Số 59 Lâm Tường, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng |  |
|  | 18 | | Công ty TNHH Khám chữa bệnh Số 8 Lán Bè | Số 8A Lán Bè, phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng |  |
|  | 19 | | Phòng khám Đa khoa 999 Ngô Gia Tự | Số 999 Ngô Gia Tự, huyện Hải An, TP. Hải Phòng |  |
|  | 20 | | Phòng khám Đa khoa Trung Hà | Xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng |  |
|  | 21 | | Phòng khám Đa khoa Đức Trung | Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng |  |
|  | 22 | | Bệnh viện Giao thông vận tải Hải Phòng | Số 40, quốc lộ 5, Hùng Vương, huyện Hồng Bàng, TP. Hải Phòng |  |
|  | 23 | | Công ty Cổ phần Y tế Bình Dân | Đường 353, quận Đồ sơn, TP. Hải Phòng |  |
|  | 24 | | Viện Y học Hải Quân | KM1 Phạm Văn Đồng, quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng |  |
|  | 25 | | Công ty TNHH Khám chữa bệnh Vạn Phúc | Thôn Trại, xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng |  |
|  | 26 | | Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp | Số 1, đường Nhà Thương, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng |  |
|  | 27 | | Trung tâm Y tế huyện An Dương | Tổ 3, thị trấn An Dương, huyện An Dương, TP. Hải Phòng |  |
|  | 28 | | Công ty TNHH MTV Trung tâm Y tế cảng Hải Phòng | Số 23, đường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |  |
|  | 29 | | Phòng khám Đa khoa Chữ thập đỏ | Quán Toan, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng |  |
|  | 30 | | Trung tâm Y tế quận Dương Kinh | Đường Mạc Đăng Doanh, quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng |  |
|  | 31 | | Bệnh viện Công an thành phố | Đằng Giang, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |  |
|  | 32 | | Bệnh viện Đa khoa quận Lê Chân | Số 169 Tô Hiệu, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng |  |
|  | 33 | | Trung tâm Răng hàm mặt nha khoa Nụ Cười | Số 379 Ngô Gia Tự, thị trấn Cát Bi, huyện Hải An, TP. Hải Phòng |  |
|  | 34 | | Phòng khám Nhi quốc tế The Medcare | Số 2, lô 22A Lê Hồng Phong, tầng 3 và 4 tòa nhà DK, Đông Khê, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |  |
|  | 35 | | Phòng khám Đa khoa 81 Đà Nẵng | Số 81 Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |  |
|  | 36 | | Công ty Cổ phần Bệnh viện quốc tế GREEN | Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng |  |
|  | 37 | | Công ty Cổ phần Y tế Liên Am | Xã Liên Am, huyện Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng |  |
|  | 38 | | Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm soát chất lượng SQC | Huyện Hồng Bàng, TP. Hải Phòng |  |
|  | 39 | | Công ty Cổ phần Luyện thép cao cấp Việt Nhật | KCN Nam Cầu Kiền, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng |  |
|  | 40 | | Cục Hải quan Hải Phòng | Đường Lê Hồng Phong, huyện Ngô Quyền, TP. Hải Phòng |  |
|  | 41 | | Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật PHATECO | Thiên Lôi, quận Lê Chân,  TP. Hải Phòng |  |
|  | 42 | | Cảng hàng không Cát Bi - Chi nhánh Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam | Đường Lê Hồng Phòng, quận Hải An, TP. Hải Phòng |  |
|  | 43 | | Công ty TNHH Takahata Precision | Lô đất số N10-N11-N12, KCN Nomura, huyện An Dương, TP. Hải Phòng | \* |
|  | 44 | | Công TNHH Y-Tec Việt Nam | Số 2, đường số 9, VSIP Hải Phòng, huyện Thủy Nguyên,  khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, TP. Hải Phòng | \* |
|  | 45 | | Công ty TNHH Dầu nhờn Idemitsu Việt Nam | Lô đất CN5.2E, KCN Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng | \* |
|  | 46 | | Công ty TNHH Dongji Techwin Vina | NX E1, E2, khu CN7, KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, Hả TP. Hải Phòng | \* |
|  | 47 | | Công an thành phố | Số 01 Lê Đại Hành, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng | \* |
|  | 48 | | Công ty TNHH SinChi Việt Nam | Lô L1.6, KCN Đồ Sơn, quận Đồ Sơn, TP. Hải Phòng | \* |
|  | 49 | | Công ty TNHH Bluecom Vina | Lô C4-5, KCN Tràng Duệ, huyện An Dương, TP. Hải Phòng | \* |
|  | 50 | | Công ty Cổ phần Cáp điện và hệ thống Ls-Vina | Phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng | \* |
|  | 51 | | Trường Đại học Hàng hải  Việt Nam | Số 484 Lạch Tray, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng | \* |
|  | 52 | | Bệnh viện Đa khoa Cát Bà | Số 123 Hà Sen, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, TP. Hải Phòng | \* |
|  | 53 | | Bệnh viện Phụ sản | Số 19 Trần Quang Khải, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng | \* |
|  | 54 | | Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Hồng Đức | Số 136 Hoàng Quốc Việt, quận Kiến An, TP. Hải Phòng | \* |
|  | 55 | | Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt (Ngân) | Số 48 Hai bà Trưng, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng | \* |
|  | 56 | | Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện Tâm Phúc - Trung tâm Dịch vụ Y tế Hải Phòng | Tầng 15, tòa nhà Bạch Đằng, 268 Trần Nguyên Hãn, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng | \* |
|  | 57 | | Công ty Cổ phần Nha khoa Nano dental | Số 233 Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng | \* |
|  | 58 | | Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa quốc tế Vinmec - Bệnh viện Đa khoa quốc tế Vinmec Hải Phòng | Tổ 31, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng | \* |
|  | 59 | | Công ty Cổ phần Bệnh viện Hồng Phúc | Số 5 Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng | \* |
| **28** | **Hậu Giang** | | | | |
|  | 1 | | Trung tâm Y tế thị xã Ngã Bảy | Số 228, đường 30/4, khu vực 5, phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang |  |
|  | 2 | | Trung tâm Y tế huyện Phụng Hiệp | Ấp Mỹ Lợi, thị trấn Cây Dương, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang |  |
|  | 3 | | Bệnh viện Lao và bệnh Phổi tỉnh Hậu Giang | Số 14, khu vực 1, phường III, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang |  |
|  | 4 | | Bệnh viện Đại học Võ Trường Toản | Quốc lộ 1 A, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang |  |
|  | 5 | | Trung tâm Y tế huyện Châu Thành A | Ấp 1A, xã Tân Hòa, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang |  |
|  | 6 | | Trung tâm Y tế huyện Vị Thủy | Số 6 Nguyễn Huệ, ấp 4, thị trấn Nàng Mau, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang |  |
|  | 7 | | Bệnh viện Chuyên khoa Tâm thần và Da liễu tỉnh Hậu Giang | Số 7A Nguyễn Công Trứ, khu vực 1, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang |  |
|  | 8 | | Hộ kinh doanh Phòng khám chẩn đoán hình ảnh (Bs Hùng) | Số 15 Trần Hưng Đạo, khu vực Bình Thạnh B, phường Bình Thạnh, thị xã Long Mỹ, tỉnh  Hậu Giang | 14.000.000đ |
|  | 9 | | Phòng khám Đa khoa BS. CK1 Nguyễn Thị Oanh | Số 108, quốc lộ 1A, thị trấn Cái Tắc, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang | 14.000.000đ |
| **29** | **Hòa Bình** | | | | |
|  | 1 | | Phòng khám Đa khoa Bảo Quân | Tổ Cầu Mát, xã Thống Nhất, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 2 | | Phòng khám Đa khoa Bảo Nam | Nhà số 2, ngõ 462, đường Cù Chính Lan, phường Đồng Tiến, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 3 | | Phòng khám Đa khoa Tư nhân Hoàng Long | Số 482, đường Cù Chính Lan, phường Đồng Tiến, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 4 | | Phòng khám Đa khoa Tư nhân Hòa Bình | Số nhà 514, tổ 17, phường Đồng Tiến, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 5 | | Phòng khám Đa khoa Hải Dương | Số 474, tổ 17, phường Đồng Tiến, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 6 | | Phòng khám Đa khoa Hà Nội - Hòa Bình | Tổ 5, phường Tân Thịnh, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 7 | | Phòng khám Đa khoa SEPENTRUNG Tây Bắc | Số 384-386, đường Trần Hưng Đạo, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 8 | | Phòng khám Đa khoa Thái Bình | Tổ 18, phường Thái Bình, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 9 | | Bệnh xá - BCH Quân sự tỉnh Hòa Bình | Tổ 12, phường Chăm Mát, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 10 | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hòa Bình | Phường Đồng Tiến, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 11 | | Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Hòa Bình | Đường Trần Hưng Đạo, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 12 | | Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Hòa Bình | Phường Đồng Tiến, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 13 | | Bệnh viện Đa khoa TP. Hòa Bình | Phường Tân Hòa, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 14 | | Công ty TNHH Sankoh Việt Nam | Phường Hữu Nghị, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 15 | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hòa Bình | Tổ 14, phường Thịnh Lang, TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 16 | | Trung tâm Y tế huyện Đà Bắc | Thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 17 | | Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn | Xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 18 | | Trung tâm Y tế huyện Cao Phong | Thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 19 | | Trung tâm Y tế huyện Kim Bôi | Xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 20 | | Trung tâm Y tế huyện Lạc Sơn | Phố Lốc, xã Liên Vũ, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 21 | | Phòng khám Mỹ Đức | Thị trấn Vụ Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 22 | | Trung tâm Y tế huyện Lạc Thủy | Thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 23 | | Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh Tuân Khương | Thôn Quyết Tiến, xã Thanh Nông, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 24 | | Phòng khám nội tổng hợp Bình An | Thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 25 | | Trung tâm Y tế huyện Tân Lạc | Xã Mãn Đức, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 26 | | Phòng khám Đa khoa Tâm Đức | Thị trấn Mường Khến, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 27 | | Trung tâm Y tế huyện Yên Thủy | Khu 8, thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 28 | | Trung tâm Y tế huyện Mai Châu | Tiểu khu 4, thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 29 | | Phòng khám Đa khoa Chúc Dần | Tiểu khu 2, thị trấn Mai Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 30 | | Xưởng X264 - Cục Quân khí | Thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 31 | | Công ty TNHH HNT Vina | KCN Lương Sơn, Km 36, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh  Hòa Bình | \* |
|  | 32 | | Công ty TNHH Doosung Tech Vietnam | KCN Lương Sơn, Km 36, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 33 | | Công ty TNHH CNPLUS VINA | KCN Lương Sơn, Km 36, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 34 | | Trung tâm Y tế huyện Lương Sơn | Tiểu khu 12, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 35 | | Kho lưu giữ nguồn phóng xạ, mẫu chất phóng xạ đã qua sử dụng của Liên đoàn Vật lý Địa chất | Xóm Thị Tân, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 36 | | Phóng khám Đa khoa tư nhân Yên Thủy - Công ty TNHH Y dược Yên Thủy | Khu 11, thị trấn Hàng Trạm, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình | \* |
|  | 37 | | Bệnh xá - Công an tỉnh Hòa Bình | Số 50, phố La Văn Cầu, phường Tân Hòa, TP. Hòa Bình, tỉnh  Hòa Bình | \* |
|  | 38 | | Công ty Cổ phần Xi măng  Lương Sơn | Thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình | \* |
| **30** | **Thành phố Hồ Chí Minh** | | | | |
|  | 1 | | Công ty TNHH Bệnh viện Thẩm mỹ Kangnam | Số 84A Bà Huyện Thanh Quan, Phường 09, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 2 | | Công ty TNHH Bệnh viện Phòng khám Đa khoa Thiên An | Số 69 Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 3 | | Phòng X - Quang 210 Nguyễn Thiện Thuật | Số 210 Nguyễn Thiện Thuật, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 4 | | Bệnh viện Quận 6 | Số 2D, đường Chợ Lớn, Phường 11, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 5 | | Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn | Số 125 Lê Lợi, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh | 6.000.000đ |
|  | 6 | | Bệnh viện Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh | Số 72/3 Trần Quốc Toản, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh | 6.000.000đ |
|  | 7 | | Bệnh viện Nhi đồng Thành phố | Số 15, đường Trần Chí, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 8 | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Sài Gòn | Số 3A35, đường Trần Văn Giàu, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 9 | | Viện Vật lý y sinh học | Số 109A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 10 | | Bệnh viện Quận 7 | Số 101 Nguyễn Thị Thập, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ  Chí Minh | 6.000.000đ |
|  | 11 | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Thiện Minh | Số 06 Hoàng Diệu, Phường 9, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 12 | | Công ty TNHH Y tế Năm Bốn Tám | Số 540 - 542 - 544 - 546 - 548 - 550 Nguyễn Chí Thanh, Phường 7, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 13 | | Công ty TNHH Bệnh viện Răng Hàm Mặt Quốc tế Sài Gòn | Số 101 Sương Nguyệt Ánh, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 14 | | Công ty TNHH Bệnh viện Á Âu | Số 32D Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ  Chí Minh |  |
|  | 15 | | Công ty TNHH Bệnh viện Phẫu thuật thẩm mỹ Hàn Quốc | Số 44-46-48-50, đường Tôn Thất Tùng, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 16 | | Bệnh viện 30-4 | Số 9 Sư Vạn Hạnh, Phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 17 | | Chi nhánh Công ty Cổ phần Chợ Rẫy - M&C | Số 03 Tăng Bạt Hổ, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 18 | | Công ty Cổ phần Y khoa quốc tế An Hảo | Số 107C Ngô Quyền, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 19 | | Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch | Số 461 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 20 | | Bệnh viện Quận 11 | Số 72, đường số 5, cư xá Bình Thới, Phường 8, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 21 | | Công ty TNHH MTV Phòng khám Đa khoa An Phúc | Số 502-504 Nguyễn Chí Thanh, Phường 07, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh | 6.000.000đ |
|  | 22 | | Phòng khám Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh “Hoàn - Hảo” | Số 268, đường Hòa Hảo, Phường 4, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 23 | | Công ty TNHH MTV Thiên Hậu | Số 147 Bình Long, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh | 6.000.000đ |
|  | 24 | | Chi nhánh Công ty Cổ phần Bệnh viện EMCAS | Số 291 (Cổng số 3-Hẻm 285) Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 25 | | Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa tư nhân An Sinh | Số 10 Trần Huy Liệu, Phường 12, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 26 | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Hoàng Long | Số 634 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 27 | | Công ty TNHH City Clinic Việt Nam | Số 107 Tân Hải, Phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 28 | | Công ty TNHH MTV Viện Gút | Số 13A Hồng Hà, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 29 | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa IMC | Số 95A Nguyễn Duy Dương, Phường 9, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh |  |
|  | 30 | | Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Nụ cười duyên | Số 15-17 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |  |
| **31** | **Hưng Yên** | | | | |
|  | 1 | | Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên | Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 2 | | Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Hòa bình | Xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 3 | | Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển công nghệ bia rượu nước giải khát Hà Nội | Đường 206, KCN Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 4 | | Bệnh viện Đa khoa Phố Nối | Phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 5 | | Phòng khám Nha khoa Tâm Thiện Mỹ | Đội 9, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 6 | | Phòng khám Đa khoa Việt Mỹ | Phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 7 | | Phòng khám Đa khoa Việt Mỹ 1 | Số 2, đường Nguyễn Thiện Thuật, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 8 | | Phòng khám Đa khoa ĐNT | Số 122-124 Phố Nối, phường Bần Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 9 | | Phòng khám Đa khoa Tâm Phúc | Chợ Đường Cái, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 10 | | Phòng khám Đa khoa Việt Nhật | Thị Trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 11 | | Phòng khám Đa khoa Việt Mỹ | Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 12 | | Phòng khám Đa khoa Việt Pháp II | Xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 13 | | Phòng khám Đa khoa Phan Việt | Xã Tân Lập, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 14 | | Trung tâm Y tế Phù Cừ | Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 15 | | Phòng khám Đa khoa ECOCLINIC | Số 495, thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 16 | | Trung tâm Y tế huyện Khoái Châu | Thị trấn Khoái Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 17 | | Phòng khám Đa khoa Tâm Thiện Phúc | Phố Bùi Thị Cúc, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 18 | | Phòng khám Đa khoa Tâm Đức | Thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 19 | | Bệnh viện Y dược cổ truyền | Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên | 6.000.000đ |
|  | 20 | | Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh | Đường Phạm Bạch Hổ, phường Lam Sơn, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 21 | | Trung tâm Y tế thành phố  Hưng Yên | Đường Trưng Nhị, phường Lê Lợi, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên | 6.000.000đ |
|  | 22 | | Trung tâm X-quang nha khoa  Phố Hiến | Số 341 Lê Văn Lương, phường  An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 23 | | Phòng khám Đa khoa Minh Tâm | Thị trấn Trần Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên |  |
|  | 24 | | Phòng khám Đa khoa Thiện Đức | Thôn Đoàn Đào, xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên |  |
| **32** | **Khánh Hòa** | | | | |
|  |  | | Trung tâm Y tế thành phố Cam Ranh | Tổ dân phố Lộc Thịnh, phường Cam Lộc, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | | Phòng khám Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh Diên Khánh | Số 175 Lạc Long Quân, thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | | Bệnh viện Y học Cổ truyền và Phục hồi chức năng | Số 07 Phạm Văn Đồng, Hòn Chồng, phường Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | | Trung tâm Giám định y khoa Khánh Hòa | Số 04 Lý Tự Trọng, phường Lộc Thọ, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Trí Khang | Số 15A Thái Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | | Hộ kinh doanh Chẩn đoán hình ảnh - BS. Vũ | Số 72L Yersin, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | | Hộ kinh doanh Nguyễn Ngọc Thái | Số 550, đường 2/4, phường Vĩnh Phước, TP. Nha Trang, tỉnh  Khánh Hòa |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa MEDIC Nha Trang - Công ty TNHH Dịch vụ Y tế Vũ Thịnh | Số 23, đường 2/4, phường Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh  Khánh Hòa |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần OSMILE | Số 90 Huỳnh Thúc Kháng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | | Viện Hải dương học Nha Trang | Số 01 Cầu Đá, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa | Số 19 Yersin, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. |  |
|  |  | | Trung tâm Chất lượng nông lâm thủy sản vùng 3 | Số 779 Lê Hồng Phong, phường Phước Long, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. |  |
|  |  | | Cục Hải quan tỉnh Khánh Hòa | Số 40A Trần Phú, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh | Cảng Hàng không quốc tế Cam Ranh, phường Cam Nghĩa, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kiểm tra Kỹ thuật Anpha | Công trường chụp ảnh phóng xạ tại công ty TNHH nhà máy tàu biển Hyunhdai Vinashin Khánh Hòa |  |
| **33** | **Kiên Giang** | | | | |
|  | 1 | | Bệnh viện Đa khoa huyện An Biên | Thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 2 | | Trung tâm Y tế huyện Giồng Riềng | Khu phố 8, thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 3 | | Trung tâm Y tế huyện Châu Thành | Số 769, khu phố Minh An, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 4 | | Bệnh viện Đa khoa huyện An Minh | Khu vực II, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 5 | | Trung tâm Y tế huyện Kiên Lương | Số 01, đường Trần Hưng Đạo, khu phố Kiên Tân, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 6 | | Trung tâm Y tế huyện Hòn Đất | Khu phố Chòm Sao, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 7 | | Công ty TNHH MTV Phòng khám Đa khoa Bình Dương | Thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 8 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Gò Quao | Thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 9 | | Bệnh viện Đa khoa Hà Tiên | Thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 10 | | Phòng khám Nội tổng hợp BS. Đào Xuân Cường | Số 86, đường Ngô Quyền, phường Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 11 | | Phòng khám Đa khoa Mỹ Hạnh | Số 236, quốc lộ 80, khu phố Lò Bom, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 12 | | Công ty TNHH Bệnh viện An Hòa | Lô L10, căn 20, 21, 22 đường Phan Thị Ràng, tổ 12, khu phố 4, phường An Hòa, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 13 | | Bệnh viện Đa khoa Bình An | Số 80 - 82 Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 14 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Quốc | Số 128, đường 30/4, khu phố 1, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 15 | | Bệnh viện Đa khoa Quốc tế VINMEC Phú Quốc | Khu Bãi Dài, xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 16 | | Phòng khám Vạn Phúc | Số 469 Ngô Quyền, khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 17 | | Phòng khám Đa khoa Sài Gòn - Phú Quốc | Số 299A Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 18 | | Phòng khám Đa khoa Nhân hậu Phú Cường | Khu đô thị Phú Cường, phường An Hòa, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 19 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Vĩnh Thuận | Thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 20 | | Phòng khám Bs. Hà Văn Nhân | Thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 21 | | Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng | Huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 22 | | Phòng khám BS. Huỳnh Văn Bảnh | Số 229, khu phố 3, thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 23 | | Phòng khám Đa khoa Vạn Phước Sóc Xoài | Số 645, khu phố Thị Tứ, thị trấn Sóc Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 24 | | Phòng Chẩn đoán hình ảnh BS. Lê Phạm Quốc Anh | Không rõ địa chỉ |  |
|  | 25 | | Phòng khám Đa khoa Đông An | Số 119, khu phố Đông An, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 26 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Tân Hiệp | Thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 27 | | Phòng khám Tâm Khang | Tổ 82, quốc lộ 63, khu phố Vĩnh Phước, thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 28 | | Phòng khám Đa khoa S.O.S Phú Quốc | Số 269, đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, thị trấn Dương Đông Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 29 | | Đội điều trị 78 - Hải quân vùng | Huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang |  |
|  | 30 | | Bệnh viện Y dược Cổ truyền | Số 64 Đống Đa, phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang |  |
| **34** | **Kon Tum** | | | | |
|  | 1 | | Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng, TP. Kon Tum | Số 473 Nguyễn Huệ, phường Thống Nhất, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum (cơ sở 1)  Xã Chư Hreng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum (cơ sở 2) |  |
|  | 2 | | Trung tâm Y tế huyện Kon Plong | Thôn Măng Đen, xã Đăk Long, huyện Kon Plong, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 3 | | Trung tâm Quy hoạch và kiểm định chất lượng Công trình Xây dựng thuộc Sở Xây dựng | Số 345 Bà triệu, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 4 | | Chi Cục Hải quan Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y | Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 5 | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum | Số 76 Hai Bà Trưng, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum (cơ sở 2) |  |
|  | 6 | | Trung tâm Y tế huyện Đăk Glei | Thôn Đăk Dung, thị trấn Đăk Glei, huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 7 | | Trung tâm Y tế huyện Sa Thầy | Thôn 2, thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 8 | | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Ngọc Hồi | Tổ 6, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 9 | | Công ty Cổ phần dịch vụ - Trang thiết bị Y tế Hải Hưng | Số 38 Trần Khánh Dư, phường Duy Tân, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 10 | | Phòng khám Chuyên khoa Chấn thương Chỉnh hình - BS. Trần Thanh Hiền | Số 391, đường Bà Triệu, phường Quyết Thắng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 11 | | Phòng khám Nội tổng hợp BS. Nguyễn Quảng Trí | Số 802-804 Hùng Vương, thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 12 | | Phòng khám BS. Thanh | Số 185 Lê Hồng Phong, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 13 | | Công ty Cổ phần Tân Mai Tây Nguyên | Làng Đăk Rao Lớn, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum |  |
|  | 14 | | Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh Phước An | Số 256 Bà Triệu, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum |  |
| **35** | **Lai Châu - Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2019** | | | | |
| **36** | **Lâm Đồng** | | | | |
|  |  | | Phòng khám Quân Dân Y | Số 01 Chi Lăng, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng X-quang 31 Hải Thượng | Số 31 Hải Thượng, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng chụp X-quang BS. Bùi Thanh Lâm | C60 Phạm Ngọc Thạch, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng chụp X-quang BS. Hoàng Đăng Sơn | Số 679 Trần Phú, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng chụp X-quang BS. Nguyễn Hoàng Anh | Số 89A Phan Bội Châu, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng chụp X-quang BS. Lê Thành Quang | Số 1240 Hùng Vương, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng mạch BS. Phan Văn Thành | Số 17/22 Phú Thạnh, Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng chụp X-quang Lê Văn Tam | Số 81 Yên Bình, Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Cát Tiên | Phù Mỹ, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng khám bệnh BS. Chung Vân | Số 09, thôn Cát Lâm, xã Phước Cát, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Đạ Tẻh | Tổ dân phố 3A Phạm Ngọc Thạch, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng X-quang Minh Phúc | Tổ dân phố 3 A, thị trấn Đạ Tẻh, huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Đạ Huoai | Tổ dân phố 5, thị trấn Madagui, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng X-quang Nguyễn Văn Quang | Tổ dân phố 7, thị trấn Madagui, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Bảo Lâm | Khu II, xã Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa II Lâm Đồng | Số 02 Đinh Tiên Hoàng, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế thành phố Bảo Lộc | Số 10 Hải Thượng Lãn Ông, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Bệnh viện Y học Cổ truyền Bảo Lộc | Số 38 Phạm Ngọc Thạch, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Bình An | Số 09 Đinh Tiên Hoàng, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng khám Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh Đông Gia | Số 10 Phan Bội Châu, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Di Linh | Số 20 Phạm Ngọc Thạch, thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Đức Trọng | Số 44, quốc lộ 20 Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Đơn Dương | Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng khám Thiên Ân | Số 4B Phạm Ngọc Thạch, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Lạc Dương | Thôn B Nơh’B, xã Lát, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Bệnh viện Y học Cổ truyền Phạm Ngọc Thạch | Số 21 Quang Trung, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng | Số 04 Phạm Ngọc Thạch, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Bệnh viện Phục hồi chức năng Lâm Đồng | Số 35 Hùng Vương, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng chụp X-quang Thịnh Phát | Số 29 Hải Thượng, phường 5, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng chụp X-quang BS. Võ Thành Ngữ | Số 30 Hải Thượng, phường 6, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh BS. Phùng Xuân Đông | Số 277 Bùi Thị Xuân, Phường 8, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng khám bệnh BS. Nguyễn Minh Thu | Số 10 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng chụp X-quang BS. Nguyễn Đăng Quang | Số 12, đường 28/3, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng chụp X-quang BS. Vũ Thành Chiến | Số 60 Phạm Ngũ Lão, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng khám Cường Thịnh | Khu quy hoạch phường 3, phường B'lao, huyện Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng mạch BS. Nguyễn Đình Kiên | Số 157 Trần Hưng Đạo, xã Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng mạch BS. Tô Vĩnh Long | Số 398, quốc lộ 20, Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng chụp X-quang BS. Bạch Văn Phương | số 463 Hùng Vương, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh Lan Thiệp | Số 423 Hùng Vương, khu phố Yên Bình, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng |  |
|  |  | | Phòng khám BS. Phạm Thị Thanh | Số 22, khu phố Yên Bình, thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng |  |
| **37** | **Lạng Sơn - Không tiến hành thanh tra, kiểm tra ATBX năm 2019** | | | | |
| **38** | **Lào Cai** | | | | |
|  |  | | Phòng khám An Cường | Số 079 Thanh Niên, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Tâm Phúc | Số nhà 495, đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Kinh Bắc | Số 123, đường Hàm Nghi, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Số 10  Thanh Phú | Số 10 Thanh Phú, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Phòng khám Tư nhân Trí Đức | Số nhà 06, đường Cao Bá Quát, tổ 10, phường Cốc Lếu, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Hưng Thịnh | Số nhà 163, đường Tuệ Tĩnh, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Sa Pa | Tổ 01, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Phòng khám Nội tổng hợp Bình Minh | Số nhà 336, đường CMT 8, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng | Số nhà 299, đường CMT 8, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng tỉnh Lào Cai | Đường Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Văn Bàn | Thị trấn Khánh Yên, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Phòng khám Y khoa Hồng Hà | Thôn Vàng 1, xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim Việt Trung | KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh | Số 001, đường Võ Nguyên Giáp, phường Bình Minh, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Hà | Thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Si Ma Cai | Xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Bát Xát | Thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Yên | Khu 7, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Mường Khương | Thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Hồng Phúc | Sô nhà 374, đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần DAP số 2 | Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Bệnh viện Nội tiết tỉnh | Phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh | Số 023 Hoàng Quốc Việt, phường Bắc Lệnh, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Công ty Hóa chất Đức Giang | KCN Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lào Cai | Phường Bình Minh, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa 169 Tuệ Tĩnh | Số nhà 169, đường Tuệ Tĩnh, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh | Tổ 20, phường Bắc Cường, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa thành phố  Lào Cai | Số 393, đường Điện Biên, phường Duyên Hải, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Phòng khám Bs. Dũng | Số nhà 199b, đường CMT 8, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh | Đường Chiềng On, phường Bình Minh, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Bệnh xá Công an tỉnh | Đường Quang Minh, phường Kim Lân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Tây Bắc | Số nhà 541, đường Hoàng Quốc Việt, phường Pom Hán, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Phòng khám Y khoa 103 Hà Nội  Địa chỉ | Số nhà 308, đường CMT 8, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Phòng khám Tâm Đức - Công ty TNHH Y Tâm Đức | Phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Phòng khám Nội tổng hợp  Bạch Mai | Số nhà 222, đường Thạch Sơn, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Phòng khám Nội tổng hợp Sa Pa | Số nhà 534, đường Điện Biên Phủ, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Công ty TNHH Vàng bạc đá quý Quang Trung | Số 56, đường Cốc Lếu, phường Cốc Lếu, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lào Cai | Tầng 5, khối 9, phường Nam Cường, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Phòng khám An Cường | Số 079 Thanh Niên, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Tâm Phúc | Số nhà 495, đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Kinh Bắc | Số 123, đường Hàm Nghi, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Số 10 Thanh Phú | Số 10 Thanh Phú, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Phòng khám Tư nhân Trí Đức | Số nhà 06, đường Cao Bá Quát, tổ 10, phường Cốc Lếu, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Hưng Thịnh | Số nhà 163, đường Tuệ Tĩnh, phường Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Sa Pa | Tổ 01, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Phòng khám Nội tổng hợp  Bình Minh | Số nhà 336, đường CMT 8, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện  Bảo Thắng | Số nhà 299, đường CMT 8, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Phòng khám Y khoa Hồng Hà | Thôn Vàng 1, xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh | Số 001, đường Võ Nguyên Giáp, phường Bình Minh, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh | Số 023 Hoàng Quốc Việt, phường Bắc Lệnh, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh | Tổ 20, phường Bắc Cường, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Phòng khám Bs. Dũng | Số nhà 199b, đường CMT 8, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai | \* |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh | Đường Chiềng On, phường Bình Minh, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai | \* |
| **39** | **Long An** | | | | |
|  | 1 | | Chi nhánh Tổng công ty Liksin - xí nghiệp bao bì Liksin | Lô 20-22, đường số 1, KCN Tân Đức, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An |  |
|  | 2 | | Công ty Cổ phần Tập đoàn thép Nguyễn Minh | Lô D1-9-22, KCN Vĩnh Lộc 2, đường VL2, Voi Lá, Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An | \* |
|  | 3 | | Công ty Cổ phần Sản xuất TM Dịch vụ Phú Thọ | Số 10, ấp 2, Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An | \* |
|  | 4 | | Chi nhánh Công ty TNHH Minh Đức - Minh Tâm | Số 141, quốc lộ 1A, ấp 1, Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An | \* |
|  | 5 | | Công ty Cổ phần Kim khí Sài Gòn | Km 1930, ấp Voi Lá, Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An | \* |
|  | 6 | | Công ty TNHH Chiếu xạ Toàn Phát | Lô A24-1, đường Ngang 1, KCN Phú An Thạnh, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An | \* |
|  | 7 | | Chi nhánh tại Long An - Công ty Cổ phần Smart Think | MD7, KCN Đức Hòa, ấp 5, Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An | \* |
|  | 8 | | Công ty TNHH Sản xuất thương mại Kim Hồng Lợi | Cụm CN Hải Sơn, ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An | \* |
|  | 9 | | Công ty Cổ phần Foodtech | Ấp 1, xã Nhựt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An | \* |
|  | 10 | | Chi cụ Hải quan cửa khẩu Quốc tế Bình Hiệp | Xã Bình Hiệp, thị xã Kiến tường, tỉnh Long An | \* |
| **40** | **Nam Định** | | | | |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Ý Yên | Thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Minh Tâm | Thôn Trình Xuyên, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Vụ Bản | Xã Cộng Hòa, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Hoành Sơn | Xóm 14, xã Hoành Sơn, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | | Doanh nghiệp Tư nhân Vàng bạc Quang Thắng | Khu 5, thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | | Doanh nghiệp Tư nhân kinh doanh Vàng bạc Đức Hiền | Số 96, khu 3, thị trấn Cồn, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định | 6.000.000đ |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa 248 | Số 248, khu 3, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Đình Cự | Số 214B, khu 3, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Xuân Trường | Xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | | Bệnh viện Tâm thần tỉnh Nam Định | Đệ Tứ, phường Lộc Hạ, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | | Phòng Khám Đa khoa Đức Lương | Xóm 5, xã Nghĩa Tân, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế TP. Nam Định | Số 1, đường Thái Bình, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | | Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh | Số 360B Trường Chinh, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | | Công ty TNHH TM Thịnh Vượng | Số 194-196 Trần Hưng Đạo, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | | Bệnh viện Phụ sản tỉnh Nam Định | Số 168 Trần Đăng Ninh, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa tu viện Đa Minh Phú Nhai | Xóm Nam, xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định |  |
| **41** | **Nghệ An** | | | | |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Kỳ Sơn | Xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Tương Dương | Xã Thạch Giám, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Nam | Xã Bồng Khê, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Thanh Chương | Khu 5, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Quế Phong | Khu 8, thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Quỳ Châu | Khu 4, thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Quỳ Hợp | Khối Tân Hợp, huyện Quỳ Hợp, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa khu vực Tây Bắc Nghệ An | Xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Nghĩa Đàn | Khối Tân Đức, thị trấn Nghĩa Đàn, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Trung Tâm Y tế huyện Tân Kỳ | Khu 10, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Diễn Châu | Xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Quỳnh Lưu | Xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Công ty TNHH khám và chữa bệnh Minh Ngọc | Xã Công Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Yên Thành | Xã Tăng Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Nghi Lộc | Xã Nghi Thạch, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Bệnh viện Phổi Nghệ An | Xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Hưng Nguyên | Khu 13, thị trấn Hưng Nguyên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế thị xã Cửa Lò | Khu 3, phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Phòng khám bệnh Đa khoa tư nhân Cường Phát thuộc DNTT Dung Hồng | Xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Đô Lương | Xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Bệnh viện Y học Cổ truyền  Nghệ An | Số 01, đường Tuệ Tĩnh, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Bệnh viện Chấn thương chỉnh hình Nghệ An | Số 138 Nguyễn Phong Sắc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Bệnh viện Giao thông vận tải Vinh | Số 31, đường Lệ Ninh, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An |  |
|  |  | | Bệnh viện Tâm thần Nghệ An | Đường Hồ Tông Thốc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An |  |
| **42** | **Ninh Bình** | | | | |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình | Đường Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình |  |
|  |  | | Bệnh viện Công an tỉnh Ninh Bình | Số 64, đường Phúc Thành, phố Phúc Nam, phường Phúc Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình |  |
|  |  | | Bệnh viện Phổi Ninh Bình | Phố Phúc Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình |  |
|  |  | | Bệnh viện Sản nhi tỉnh Ninh Bình | Đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Phúc Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình |  |
|  |  | | Bệnh viện Mắt tỉnh Ninh Bình | Số 314 Hải Thượng Lãn Ông, phường Phúc Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Vũ Duyên - Hà Nội | Số 74, đường Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Ninh Bình - Hà Nội | Số 40, đường Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Dịch vụ Thuốc và trang thiết bị y tế Hoa Lư | Số nhà 44, đường Tuệ Tĩnh, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám bệnh Đa khoa Hợp Lực | Số nhà 115B, đường Hải Thượng Lãn ông, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình | 1.500.000đ |
|  |  | | Doanh nghiệp Tư nhân Dịch vụ Y tế Toàn Minh | Đường Lê Thái Tổ, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Gia Viễn | Phố Tiến Yết, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. |  |
|  |  | | Công ty TNHH XD & DV Tâm Việt - Phòng khám Đa khoa Gia Viễn - Ninh Bình | Đường Hồng Dân, thị trấn Me, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. |  |
|  |  | | Bệnh viện Phục hồi chức năng Ninh Bình | Tổ 3, phường Tân Bình, TP. Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Hoa Lư | Thị trấn Thiên Tôn, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Yên Khánh | Khu phố 5, thị trấn Yên Ninh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Tư nhân Thành Tâm | Phố 6, thị trấn Ninh, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình |  |
|  |  | | Công ty TNHH Hoàng Tuấn medicare (Phòng khám Thiện Đức) | Xóm 3, xã Ân Hoà, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Việt Đức | Tổ 2, phố Trì Chính, thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình |  |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Bảo Minh | Thôn 10, xã Gia Lâm, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Tuấn Bình | Phố Tân Nhất, thị trấn Nho Quan, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình |  |
| **43** | **Ninh Thuận** | | | | |
|  | 1 | | Công ty TNHH MTV 16/4 | Số 18, đường 16/4, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | 2 | | Công ty TNHH Dịch vụ Phòng khám Đa khoa Thái Hòa NT | Số 93 - 95, đường Ngô Gia Tự, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | 3 | | Trung tâm Y tế TP. Phan Rang -Tháp Chàm thuộc Sở Y tế Ninh Thuận | Số 364, đường Ngô Gia Tự, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | 4 | | Phòng khám Đa khoa Quốc tế thuộc Hộ kinh doanh Phòng khám Đa khoa Quốc Tế | Số 678, đường Thống Nhất, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | 5 | | Phòng khám Đa khoa Trà Sanh thuộc Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Trà Sanh | Số 43, đường Trần Phú, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận |  |
|  | 6 | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Thuận thuộc Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận | Đường Nguyễn Văn Cừ, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận |  |
| **44** | **Phú Thọ** | | | | |
|  | 1 | | Phòng khám Đa khoa Âu Cơ | Số nhà 38 Minh Lang, phường Tiên Cát, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 2 | | Phòng khám Đa khoa Dung Châu | Số 452, đường Nguyễn Tất Thành, phường Nông Trang, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 3 | | Trung tâm Y tế huyện Đoan Hùng | Thị trấn Đoan Hùng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 4 | | Bệnh viện Đa khoa Hùng Vương | Phượng Hùng 1, xã Chí Đám, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 5 | | Phòng khám Đa khoa Đồng Phúc | Số nhà 47, phố Đồng Tâm, thị trấn Đồng Phúc, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 6 | | Phòng khám Đa khoa Hồng Ngọc | Thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 7 | | Trung tâm Y tế huyện Yên Lập | Thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 8 | | Phòng khám Đa khoa Tâm Đức - Tam Nông | Khu 11, xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 9 | | Trung tâm Y tế huyện Tam Nông | Khu 14, xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 10 | | Bệnh viện Công an tỉnh Phú Thọ | Phường Tiên Cát, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 11 | | Phòng khám Đa khoa Y cao Tâm Đức - Hạ Hoà | Khu 10, thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 12 | | Phòng khám Nội y Việt 103 | Khu 2, thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 13 | | Trung tâm Y tế huyện Hạ Hòa | Thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 14 | | Phòng khám Đa khoa 103 | Khu 9, thị trấn Sông Thao, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 15 | | Phòng khám Đa khoa Thanh Hải | Số 570, phố Tân Tiến, phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 16 | | Phòng khám Đa khoa Việt Hà | Số 562, đường Châu Phong, phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 17 | | Phòng khám Đa khoa Châu Phong 2 | Đường Châu Phong, phường Dữu Lâu, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 18 | | Phòng khám Đa khoa KCN Thuỵ Vân | Lô số 8, KCN Thụy Vân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 19 | | Phòng khám Đa khoa Việt Đức | Khu đô thị và nhà ở Tân Dân, phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | 9.000.000đ |
|  | 20 | | Phòng khám Đa khoa Y Đức 103 | Khu 12A, thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 21 | | Phòng khám Thăng Long 103 | Khu 11, thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ |  |
|  | 22 | | Ban bảo vệ Chăm sóc sức khỏe tỉnh | Phố Thành Công, phường Tiên Cát, TP. Việt trì, tỉnh Phú Thọ | \* |
|  | 23 | | Bệnh viện Lao và bệnh Phổi tỉnh | Khu 5, xã Thanh Vinh, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ | \* |
|  | 24 | | Bệnh viện Tâm thần tỉnh | Phố Hoà Bình, phường Âu Cơ, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ | \* |
|  | 25 | | Phòng khám Đa khoa Hữu Nghị | Thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ | \* |
|  | 26 | | Phòng khám Đa khoa Thân Bôn | Thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ | \* |
|  | 27 | | Phòng khám Đa khoa Bình Minh | Xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ | \* |
|  | 28 | | Phòng khám Chuyên khoa nội, sản phụ khoa Hải Hà | Xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ | \* |
|  | 29 | | Phòng khám Chuyên khoa nội Tâm Phúc | Xã Hương Cần, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ | \* |
|  | 30 | | Phòng khám Đa khoa Y cao  Thiện Đức | Khu 11, thị trấn Sông Thao, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ | \* |
|  | 31 | | Phòng khám Nha khoa Minh Quân | Xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ | \* |
|  | 32 | | Phòng khám Đa khoa Phong Châu | Xã Cổ Tiết, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ | \* |
| **45** | **Phú Yên** | | | | |
|  |  | | Trung tâm Y tế Đồng Xuân | Thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên | \* |
|  |  | | Phòng khám Bs. Nguyễn Đức Tố | TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên | \* |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Đông Hòa | Xã Hòa Hiệp Trung, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên | \* |
|  |  | | Bệnh xá Bộ chỉ huy Quân đội tỉnh Phú Yên | Số 255, đường Trường Chinh, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên | \* |
|  |  | | Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Phú Yên | Số 368, đường Trần Hưng Đạo, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên | \* |
|  |  | | Trung tâm Y tế TP. Tuy Hòa | Phường Phú lâm, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên | \* |
|  |  | | Trung tâm Y tế Sông Hinh | Thị xã Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên | \* |
|  |  | | Công ty TNHH Nha khoa Thiên Chương | Số 55 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên | \* |
|  |  | | Trung tâm Chẩn đoán Đa khoa Đức Tín | Số 9, đường Mậu Thân, Phường 5, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên | \* |
|  |  | | Trường cao đẳng Công thương miền Trung | TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên | \* |
|  |  | | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Yên | TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên | \* |
|  |  | | Cảng hàng không Tuy Hòa | Huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên | \* |
| **46** | **Quảng Bình** | | | | |
|  |  | | Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS tỉnh Quảng Bình | Đường Trần Quang Khải, tổ dân phố 14, phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình | \* |
|  |  | | Công ty TNHH Khám chữa bệnh Hương Bình | Tiểu khu 5, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Thiện Nhân | Thôn Dinh Mười, xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh  Quảng Bình | \* |
|  |  | | Phòng chụp X-quang Kỹ thuật số Văn Thạch | Số 24 Lý Thường Kiệt, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình | \* |
|  |  | | Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân - Nhà máy Xi măng Vạn Ninh | Thôn Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình | \* |
|  |  | | Chi nhánh Công ty TNHH Bệnh viện Hữu nghị Quảng Bình | Số 202 Quang Trung, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình | \* |
|  |  | | Công ty TNHH Khám chữa bệnh Đa khoa An Bình | Số 11 Hùng Vương, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Trí Tâm | Số 98 Hữu Nghị, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình | \* |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh | Thôn Dinh Mười, xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình | \* |
|  |  | | Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội tỉnh Quảng Bình | Số 124 Hữu Nghị, phường  Nam Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình | \* |
|  |  | | Công ty TNHH phòng khám Đa khoa Hải Trang | Tổ dân phố 10, phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình | \* |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Phương Bình | Số 45A Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình | \* |
|  |  | | Trường Trung cấp Y tế Quảng Bình | Tiểu khu 14, phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Việt Mỹ | Số 104 Hữu Nghị, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa An Đức | Số 125 Hữu Nghị, phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Hữu Nghị | Số 78 Hữu Nghị, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình | \* |
|  |  | | Công ty TNHH Phòng khám Đa khoa Tâm Phúc 2 | Số 09A Hùng Vương, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình | \* |
|  |  | | Phòng khám Bảo Hoàng | Quốc lộ 1A, thôn Tân Phú, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình | \* |
| **47** | **Quảng Nam** | | | | |
|  | 1 | | Phòng khám Đa khoa An Hiền thuộc Công ty Y tế An Hiền | Số 68 Nguyễn Du, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 2 | | Bệnh viện Đa khoa Thái Bình Dương Tam Kỳ | Lô A50 Trương Chí Cương, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 3 | | Phòng khám Đa Khoa Hồng Phúc | Số 60-64 Nguyễn Du, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 4 | | Bệnh viện Đa khoa Minh Thiện | Số 101 Phan Bội Châu, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 5 | | Bệnh viện Đa khoa Hội An | Số 04 Trần Hưng Đạo, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 6 | | Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Thăng Hoa | Quốc lộ 1A, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 7 | | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Quảng Nam | Số 24 Lê Hữu Trác, phường Vĩnh Điện, TP. Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 8 | | Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam | Thị trấn Núi Thành, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 9 | | Trung tâm Y tế huyện Nông Sơn | Xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 10 | | Trung tâm Y tế huyện Quế Sơn | Thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 11 | | Trung tâm Y tế huyện Duy Xuyên | Thị trấn Nam Phước, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 12 | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam | Số 01 Nguyễn Du, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 13 | | Bệnh viện Nhi Quảng Nam | Số 46 Lý Thường Kiệt, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 14 | | Trung tâm Y tế thành phố Tam Kỳ | Số 114 Tôn Đức Thắng, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 15 | | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Miền núi phía Bắc Quảng Nam | Khu 5, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 16 | | Công ty TNHH Y khoa Thái Toàn Mỹ | Thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 17 | | Trung tâm Y tế huyện Tây Giang | Xã A Tiêng, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 18 | | Trung tâm Y tế huyện Nam Giang | Thị trấn Thành Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam |  |
|  | 19 | | Trung tâm Y tế huyện Đông Giang | Thị trấn P’Rao, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam |  |
| **48** | **Quảng Ngãi** | | | |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Thanh Thanh | Số 267 Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Phòng khám BS. Bắc | Số 80/5/8 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Phòng khám BS. Phạm Ngọc Lân | Số 205 Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Công ty TNHH MTV Nha khoa Sài Gòn - Quảng Ngãi | Số 706 Quang Trung, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Phòng khám Y khoa Tân Thanh | Số 177 Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Trí Đức | Số 277-279 Lê Lợi, TP. Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Trung tâm Giám định Y khoa Quảng Ngãi | Số 477 Quang Trung, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Công ty Cổ phần Dịch vụ Y tế Minh Quang | Số 398-400 Quang Trung, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Phúc Hưng | Số 06 Cao Bá Quát, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Bệnh viện Lao và Phổi tỉnh Quảng Ngãi | Số 426 Hoàng Văn Thụ, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Quảng Ngãi | Đường Lê Hữu Trác, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Bệnh viện Tâm thần tỉnh Quảng Ngãi | Số 521 Nguyễn Công Phương, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi | Số 184 Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi | 6.000.000đ |
|  |  | | Bệnh xá B21 - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh | Số 303 Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi | 6.000.000đ |
|  |  | | Bệnh viện Sản nhi Quảng Ngãi | Số 184 Hùng Vương, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa Đặng Thùy Trâm | Số 112 Phạm Văn Đồng, thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Phòng Chẩn đoán y khoa Mộ Đức | Xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Minh Long | Xã Long Hiệp, huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Bệnh viện Nghĩa Hành | Thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi | 6.000.000đ |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Sơn Tây | Xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi | 6.000.000đ |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Sơn Hà | Thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Hoàn Hảo | Thị trấn Châu Ổ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Tây Trà | Xã Trà Phong, huyện Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Ba Tơ | Thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi |  |
| **49** | **Quảng Ninh** | | | | |
|  | 1 | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh | Phường Bạch Đằng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 2 | | Bệnh viện Bãi cháy | Phường Giếng Đáy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 3 | | Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí | Phường Thanh Sơn, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 4 | | Bệnh viện Lao và Phổi tỉnh Quảng Ninh | Phường Cao Xanh, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 5 | | Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần | Phường Quang Hanh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 6 | | Trung tâm Y tế huyện Hoành Bồ | Thị trấn Trới, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 7 | | Bệnh xá Sư đoàn 395 | Phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 8 | | Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ninh | Phường Đại Yên, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 9 | | Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn | Thị trấn Cái Rồng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 10 | | Phòng khám Vietnam Life | Phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 11 | | Phòng khám Đa khoa Y Cao - Hà Nội (Móng Cái) | Phường Ka Long, TP. Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 12 | | Phòng khám Đa khoa Bắc Sơn | Phường Hòn Gai, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 13 | | Phòng khám Đa khoa Trường Phúc | Phường Cửa Ông, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 14 | | Phòng khám Đa khoa Trường Thọ | Phường Mông Dương, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 15 | | Phòng khám Đa khoa Đông Đô (Uông Bí) | Phường Yên Thanh, TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 16 | | Phòng khám Chuyên khoa Răng Hàm Mặt | Phường Bạch Đằng, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |  |
|  | 17 | | Phòng khám Bình Minh Hà Nội | Thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh | 3.000.000đ |
| **50** | **Quảng Trị** | | | | |
|  | 1 | | Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG | KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị |  |
|  | 2 | | Công ty Bia Hà Nội - Quảng Trị | KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị |  |
|  | 3 | | Bệnh xá Quân y Đoàn 337 | Thôn Xary, xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị |  |
|  | 4 | | Tung tâm Y tế huyện Cam Lộ | Số 83, khu phố 4, thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị |  |
|  | 5 | | Trung tâm Y tế huyện Đakrông | Khóm Khe Xông, thị trấn  Krông Klang, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị |  |
|  | 6 | | Phòng khám BS. Toàn | Số 77 Hùng Vương, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị |  |
|  | 7 | | Bệnh viện Y học Cổ truyền và phục hồi chức năng tỉnh Quảng Trị | Thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị |  |
|  | 8 | | Bệnh viện Đa khoa khu vực Triệu Hải | Số 67 Phan Đình Phùng, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị |  |
| **51** | **Sóc Trăng** | | | | |
|  | 1 | | Trung tâm Y tế huyện Châu Thành | Ấp Xây Đá, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng |  |
|  | 2 | | Trung tâm Y tế huyện Thạnh Trị | Ấp Trương Hiền, xã Thạnh Trị, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng |  |
|  | 3 | | Trung tâm Y tế huyện Long Phú | Ấp 02, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng |  |
|  | 4 | | Phòng khám Vạn Phúc | Số 17 Lê Lợi, Phường 6, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng |  |
| **52** | **Sơn La** | | | | |
|  | 1 | | Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Sơn La | Tổ 6, phường Chiềng Lề, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La |  |
|  | 2 | | Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Sơn La | Số 343, đường Lò Văn Giá, huyện Bản Cá, tỉnh Sơn La |  |
|  | 3 | | Bệnh viện Đa khoa Cuộc sống | Đường Hoàng Quốc Việt, phường Chiềng Cơi, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La |  |
|  | 4 | | Bệnh viện Quân y 6 | Tổ 01, phường Chiềng Sinh, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La |  |
|  | 5 | | Phòng khám Đa khoa Trường Vinh | Số 223, đường Lò Văn Giá, huyện Chiềng An, tỉnh Sơn La |  |
|  | 6 | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La | Tổ 4, phường Chiềng Lề, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La |  |
|  | 7 | | Phòng khám Đa khoa Bình Minh | Đường Lê Duẩn, tổ 3, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La |  |
|  | 8 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Yên | Phiêng Ban III, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 9 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Phù Yên | Khối II, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 10 | | Phòng khám Nội tổng hợp | Khối III, thị trấn Phù Yên, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 11 | | Phòng khám Đa khoa Hải Hùng | Khu đô thị mới, bản Phố, xã Huy Bắc, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 12 | | Phòng khám Đa khoa Hà Nội | Xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 13 | | Phòng khám Đa khoa Phúc Hưng | Bản Hua Mường, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 14 | | Phòng khám 103 Sốp Cộp | Bản Sốp Nặm, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 15 | | Phòng khám Đa khoa Bình An | Bản Quyết Thắng, xã Nà Nghịu, thị trấn Sông Mã, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 16 | | Phòng chụp X-quang Phạm Hậu | Bản Quyết Thắng, xã Nà Nghịu, thị trấn Sông Mã, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 17 | | Bệnh viện Đa khoa Sốp Cộp | Bản Sốp Nặm, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 18 | | Bệnh viện Đa khoa Sông Mã | Bản Quyết Thắng, xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 19 | | Phòng khám Đa khoa Thiện Tâm | Tổ 6, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La | \* |
|  | 20 | | Phòng khám Hữu nghị Việt Đức | Tổ 11, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La | \* |
| **53** | **Tây Ninh** | | | | |
|  |  | | Trung Tâm Y tế huyện Châu Thành | Khu phố 1, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Gò Dầu | Ấp Rạch Sơn, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Dương Minh Châu | Khu phố 4, thị trấn Dương Minh Châu, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh |  |
|  |  | | Doanh nghiệp Tư nhân Phúc - V10 | Số E5/3, ấp Long thới, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh | \* |
|  |  | | Công ty TNHH SaiLun Việt Nam | Lô 37-1, …, 42-6-1, KCN Phước Đông, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh | \* |
|  |  | | Cục Hải quan Tây Ninh:   * Chi cục Hải quan Cửa khẩu Xa Mát * Chi cục Hải quan Cửa khẩu Mộc Bài | * Huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh * Huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh | \* |
|  |  | | Doanh nghiệp Tư nhân Hồng Phát | Số 141/2 Báo Quốc Từ, khóm 2, thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh | \* |
|  |  | | Doang nghiệp Tư nhân Phúc -V10 | Số E5/3, ấp Long Thới, xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh | \* |
|  |  | | Trung tâm Y tế Quân dân y tỉnh Tây Ninh | Số 2 Nguyễn Hữu Thọ, khu phố 5, phường 3, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh | \* |
|  |  | | Phòng khám Quân dân y - Sư đoàn BB 5 tỉnh Tây Ninh | Xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh | \* |
|  |  | | Phòng khám BS. Trần Văn Lộc | Tổ 3, ấp Thành Trung, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh | \* |
| **54** | **Thái Bình** | | | | |
|  | 1 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư | Thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 2 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Thái Thụy | Khu 7, thị trấn Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 3 | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Thái Bình | Xã Vũ Chính, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 4 | | Bệnh viện Đa khoa Hoàng An | Số 786 Lý Bôn, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 5 | | Bệnh viên Đa khoa Đông Hưng | Thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. |  |
|  | 6 | | Bệnh viện Phong da liễu Văn Môn | Xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 7 | | Bệnh viện Phụ sản Thái Bình | Đường Lý Bôn, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 8 | | Bệnh viên Đa khoa Thái Ninh | Xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. |  |
|  | 9 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Hưng Hà | Xã Minh Khai, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. |  |
|  | 10 | | Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình | Đường Trần Thánh Tông, phường Lê Hồng Phong, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 11 | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh | Số 530, đường Lý Bôn, phường Quang Trung, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 12 | | Bệnh viện Tâm thần Thái Bình | Đường Trần Lãm, phường Trần Lãm, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 13 | | Trung tâm Y tế Dự phòng Thái Bình | Đường Hoàng Công Chất, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 14 | | Bệnh viện Đại học Y Thái Bình | Phố Lý Bôn, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 15 | | Bệnh viện Đa khoa Kiến Xương | Thị trấn Thanh Nê, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 16 | | Bệnh viện Đa khoa Phụ Dực | Thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 17 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Tiền Hải | Xã Tây Giang, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 18 | | Bệnh viện Nhi Thái Bình | Lô BV04, khu trung tâm Y tế, phường Trần Lãm, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 19 | | Trường cao đẳng Y tế Thái Bình | Phường Quang Trung, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 20 | | Bệnh viện Đa khoa Tư nhân Lâm Hoa | Tổ 47, phường Kỳ Bá, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 21 | | Phòng khám Đa khoa Thảo Doanh | Khu 3, Tây Giang, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 22 | | Phòng khám Đa khoa Phúc An | Xã Đông Á, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 23 | | Bệnh viện Phụ sản An Đức | Lô ĐT 01, khu Trung tâm Y tế, phường Trần Lãm, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 24 | | Phòng khám Đa khoa Đại Dương | Xã Nam Chính, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 25 | | Phòng khám Đa khoa Thái Hưng | Xóm 8, ngã tư Cầu Cau, xã Thái Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 26 | | Phòng khám Đa khoa Quỳnh Côi | Khu 3, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 27 | | Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh | Khu 4, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 28 | | Công ty Cổ phần Y tế Phúc Sơn | Xóm 3, xã Thụy Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 29 | | Bệnh viện Phục hồi chức năng | Đường Ngô Quyền, phường Trần Lãm, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 30 | | Phòng khám Đa khoa Tâm Đức | Chợ gạch, xã Thái Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 31 | | Phòng khám Đa khoa Sao Mai | Km 4, đường Hùng Vương, phường Phú Khánh, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 32 | | Công ty Cổ phần Bia Hương Sen | Số 18, đường Trần Thái Tông, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
|  | 33 | | Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình | Số 309 Lý Thường Kiệt, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình |  |
| **55** | **Thái Nguyên** | | | | |
|  |  | | Bệnh viện Lao và bệnh phổi Thái Nguyên | Phường Tân Thịnh, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 12.000.000đ |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện Định Hóa | Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên | 10.000.000đ |
|  |  | | Phòng khám Tư nhân 19A Định Hóa - Hộ kinh doanh Hoàng  Văn Đệ | Thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hóa*,* tỉnh Thái Nguyên | 750.000đ |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Đức Trung - Hộ kinh doanh Triệu Thành Công | Phố Sơn Tập 3, thị trấn Đại Từ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên | 3.500.000đ |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Khu vực Minh Tiến - Trung tâm Y tế huyện Đại Từ | Xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên | 7.000.000đ |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Huy Cúc - Hộ kinh doanh Nguyễn Quốc Huy | Tổ 12, phường Quan Triều, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 3.500.000đ |
|  |  | | Trung tâm Y tế thành phố  Sông Công | Phường Thắng Lợi, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | 6.000.000đ |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa huyện  Phú Bình | Thị trấn Hương Sơn, huyện Phú Bình*,* tỉnh Thái Nguyên | 24.000.000đ |
|  |  | | Bệnh viện Tâm thần | Phường Thịnh Đán, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | | Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên | Số 328, đường Lương Ngọc Quyến, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | | Bệnh xá Công an tỉnh Thái Nguyên | Ngõ 100, đường Minh Cầu, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | | Bệnh viện A | Phường Thịnh Đán, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế thị xã Phổ Yên | Thị trấn Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | | Công ty TNHH SamSung Electronics Việt Nam Thái Nguyên | KCN Yên Bình, Đồng Tiến, Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai | Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | | Bệnh viện C | Số 595, đường Trần Hưng Đạo, phường Phố Cò, TP. Sông Công, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | | Công ty TNHH Glonics Việt Nam | Số 903, đường 3-2, phường Phú Xá, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | | Doanh nghiệp Tư nhân Đại Anh Thái Nguyên | Tổ 12, thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | | Doanh nghiệp Tư nhân Vàng bạc Văn Phúc | Tổ dân phố Cầu Thành 1, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | | Công ty TNHH MTV Xi măng Quang Sơn | Xóm Đồng Thu, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên |  |
|  |  | | Công ty TNHH Sam Hwa Yang Heng Vina | Lô CN5, KCN Điềm Thụy, xã Hồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên |  |
| **56** | **Thanh Hóa** | | | | |
|  | 1 | | Bệnh viện Đa khoa Hợp lực | Số 595 Nguyễn Chí Thanh, phường Đông Thọ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 2 | | Bệnh viện Đa khoa Thanh Hà | Khu đô thị Bắc, đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 3 | | Phòng khám Đa khoa 353 Bà Triệu | Số 353 Bà Triệu, phường Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 4 | | Trung tâm Chăm sóc sức khỏe  sinh sản | Số 23B Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 5 | | Phòng khám Đa khoa Hải ngoại - Công ty TNHH Hải ngoại Medicine. | Đường Thanh Niên, thôn 8, xã Quảng Đức, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 6 | | Bệnh viện 71 Trung ương | Xã Quảng Tâm, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 7 | | Bệnh viện Điều dưỡng PHCN Trung ương | Đường Nguyễn Du, phường Trường Sơn, TP. Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 8 | | Phòng khám Đa khoa Hồng Phát | Số 27 Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 9 | | Phòng khám Đa khoa Hà Thành | Khu phố 5, phường Phú Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa | 3.000.000đ |
|  | 10 | | Phòng khám Đa khoa Thọ Xuân I | Số 356, đường Lê Lợi, khu 9, thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 11 | | Phòng khám Đa khoa An Bình | Số 374, đường Lê Lợi, thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 12 | | Phòng khám Đa khoa Minh Thọ | Thôn Thái Hòa, thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa | 4.000.000đ |
|  | 13 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Như Xuân | Khu 4, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 14 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Thiệu Hóa | Ngã Ba Chè, xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 15 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh | Khu phố 3, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 16 | | Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Thủy | Tổ 7, thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 17 | | Phòng khám Đa khoa Hồng Phúc | Phố Lê Thánh Tông, thị trấn  Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 18 | | Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tĩnh Gia | Thôn Xuân Hòa, xã Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa |  |
|  | 19 | | Phòng khám Đa khoa 108 Tâm Phúc - Công ty Cổ phần Bệnh viện và thiết bị y tế Môi trường | Thôn Trung Chính, xã Hải Hòa, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa | 2.000.000đ |
|  | 20 | | Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật PHATECO | Số 5A/613, đường Thiên Lôi, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng  Tiến hành công việc bức xạ tại Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa |  |
| **57** | **Thừa Thiên - Huế** | | | | |
|  | 1 | | Trung tâm Y tế Phong Điền | Trạch Thượng II, thị trấn Phong Thu, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
|  | 2 | | Trung tâm Y tế Phú Vang | Thôn Hòa Tây, xã Phú Đa, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
|  | 3 | | Trung tâm Y tế thị xã Hương Thủy | Số 02 Quang Trung, phường Thủy Lương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
|  | 4 | | Trung tâm Y tế Hương Trà | Số 01 Trần Đăng Khoa, phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
|  | 5 | | Công ty TNHH MTV Bệnh viện Đa khoa Hoàng Việt Thắng | Số 187 Điện Biên Phủ, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
|  | 6 | | Phòng khám Nguyễn Huệ | Số 82/1 Nguyễn Huệ, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
|  | 7 | | Phòng khám Châu Bá Hy | Số 128 Phan Đăng Lưu, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
|  | 8 | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên - Huế | Số 10-12 Nguyễn Văn Cừ, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
|  | 9 | | Bệnh viện Đa khoa Chân Mây | Thôn Phú Cường, xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
|  | 10 | | Nha khoa Việt Mỹ | Số 57 Lý Thường Kiệt, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
|  | 11 | | Phòng khám Đa khoa Y khoa  Pháp Việt | Số 43 Nguyễn Huệ, phường  Vĩnh Ninh, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
|  | 12 | | Hộ kinh doanh Nha khoa TCARE | Số 31, đường Hà Nội, phường Phú Nhuận, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
|  | 13 | | Bệnh viện Trung ương Huế cơ sở 2 | Thôn Thượng An, xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
|  | 14 | | Bệnh viện Trung ương Huế | Số 16 Lê Lợi, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
|  | 15 | | Công ty Hữu hạn Xi măng Luks | Số 30 Thống Nhất, Tứ Hạ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
|  | 16 | | Cục Hải quan Thừa Thiên - Huế | Số 36 Tố Hữu, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
|  | 17 | | Cảng Hàng không Quốc tế Phú Bài | Phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế |  |
| **58** | **Tiền Giang** | | | | |
|  | 1 | | Phòng khám Ba Dưỡng | Số 279 Vĩnh Thạnh, Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 2 | | Trung tâm Y tế Châu Thành | Ấp Rẫy, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 3 | | Phòng khám Đa khoa CLC Phước Thịnh SG | Số 176 - 178 Nguyễn Thị Thập, khu phố 5, Phường 10, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 4 | | Phòng khám Đa khoa BS. Cẩm Hằng | Số 14A1, ấp Bắc, Phường 4, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 5 | | Nha khoa Nhật Minh | Số 15 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 3, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 6 | | Phòng khám Quân dân y Tiền Giang | Số 21A, ấp Mới, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 7 | | Phòng khám Đa khoa Long Định | Ấp Mới, xã Long Định, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 8 | | Phòng khám Đa khoa Anh Thư | Ấp Bình Thuận, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 9 | | Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang | Số 4A Hùng Vương, Phường 1, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 10 | | Phòng khám Đa khoa Dân lập Hậu Mỹ | Hậu Phú 1, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 11 | | Bệnh viện Đa khoa Cái Bè | Ấp An Thiện, xã An Cư, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 12 | | Phòng X-quang BS. Thanh -  BS. Hân | Xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 13 | | Trung tâm Y tế Gò Công Tây | Số 9A Nguyễn Văn Côn, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 14 | | Trung tâm Y tế thị xã Gò Công | Nguyễn Văn Côn, khu phố 1, Phường 3, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 15 | | Bệnh viện Đa khoa khu vực  Gò Công | Khu phố 4, Phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 16 | | Trung tâm Y tế Chợ Gạo | Xã Long Bình Điền, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 17 | | Khu khám bệnh theo yêu cầu và KTC | Số 10 Thủ Khoa Huân, Phường 1, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 18 | | Nha khoa thẩm mỹ Nhật Mỹ 3 | Số 24 Trương Định, Phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 19 | | Phòng Chẩn đoán hình ảnh  Gò Công (Bs. Nhẹ) | Số 62, đường 862, khu phố 3, Phường 5, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang |  |
|  | 20 | | Trung tâm Y tế Gò Công Đông | Xã Hòa Thơm, thị trấn Tân Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang |  |
| **59** | **Trà Vinh** | | | | |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Sài Gòn Thành Vinh | Đường Sơn Thông, khóm 1, Phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Hà Anh | Số 28-30, đường 2/9, khóm 1, Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa BS. Trần Văn Hoàng | Số 180 Phan Đình Phùng, Phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh | \* |
|  |  | | Phòng Chụp X-quang CN. Tô Văn Trực | Số 79 ấp Thủy Hòa, xã Thuận Hòa, huyện cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh | \* |
|  |  | | Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh BS. Nguyễn Văn Hậu | Số 307 Điện Biên Phủ, Phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh | \* |
|  |  | | Phòng chụp X-quang CN. Nguyễn Văn Thanh Sơn | Ấp Chông Nô 1, xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh | \* |
|  |  | | Phòng chụp X-quang CN.  Võ Văn Lợi | Số 08C Điện Biên Phủ, Phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh | \* |
|  |  | | Phòng khám ngoài giờ BS. Nguyễn Thiên Lộc | Khóm 1, thị trấn Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Đặng Tuyền | Số 135A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 6, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa BS. Huỳnh Công Thắng | Ấp Trà Ốp, xã Tân An, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh | \* |
| **60** | **Tuyên Quang** | | | | |
|  | 1 | | Bệnh viện Đa khoa Tuyên Quang | Đường Lê Duẩn, phường Tân Hà, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 2 | | Bệnh viện Công an tỉnh Tuyên Quang | Tổ 8, Tân Hà, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 3 | | Bệnh viện Đa khoa khu vực Kim Xuyên | Thôn Kim Xuyên, xã Hồng lạc, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 4 | | Bệnh viện Phổi Tuyên Quang | Xã An Tường, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 5 | | Phòng khám Đa khoa Hoàng Việt | Số 45, đường Bình Thuận, tổ 12, phường tân Quang, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 6 | | Phòng khám Đa khoa Tuyết Mai | Số nhà 355, đường Quang Trung, tổ 29, phường Phan Thiết, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 7 | | Phòng khám Đa khoa 153 | Số 112, đường Tôn Thất Tùng, phường Tân Hà, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 8 | | Phòng khám Liên kết 108 | Thôn Quyết Thắng, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 9 | | Phòng khám Đa khoa Hùng Vương | Tổ 14, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 10 | | Trung tâm Y tế huyện Sơn Dương | Tổ dân phố Quyết Thắng, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 11 | | Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn | Xã An Tường, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 12 | | Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên | Tổ dân phố Tân Bình, thị trấn Hàm yên, huyện hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang |  |
|  | 13 | | Trung tâm Y tế huyện Chiêm Hoá | Tổ Vĩnh Lim, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang |  |
| **61** | **Vĩnh Long** | | | | |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Long Hồ | Khóm 1, thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long |  |
|  |  | | Hộ kinh doanh Phòng khám Nhân Tâm | Số 64/17, đường Trần Phú, Phường 4, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long |  |
|  |  | | Công ty TNHH MTV Y khoa Mekong | Số 75 Phạm Thái Bường, Phường 4, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long |  |
|  |  | | Công ty TNHH Loan Trâm | Số 71A, đường 2/9, Phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long |  |
|  |  | | Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Vĩnh Long | Số 24 Hùng Vương, Phường 1, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long |  |
| **62** | **Vĩnh Phúc** | | | | |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Thùy Linh. | Đường Tô Hiến Thành, phường Đồng Tâm, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Phòng khám Trung tâm 68. | Số 141 Trường Chinh, phường Xuân Hoà TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Bệnh viện Hữu nghị Lạc Việt | Đường Nguyễn Tất Thành, xã Định Trung, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế thành phố  Vĩnh Yên | Đường Phạm Văn Đồng, phường Tích Sơn, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Sinh Hậu | Số 118 Bà Triệu, phường Liên Bảo, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Bệnh viện Sản nhi Vĩnh Phúc | Số 394 Mê Linh, phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Bệnh viện Giao thông Vận tải Vĩnh Phúc. | Phường Tiền Châu, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Bệnh viện 74 Trung ương | Phường Hùng Vương, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Tùng Ân | Thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Thiên Phúc | Thôn Cổ Độ, thị Trấn Gia Khánh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Phúc Thắng | Số 46 Xuân Thượng 1, phường Phúc Thắng, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Yên Lạc | Thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Tâm Đức | Thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Tư nhân Thăng Long | Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Hữu Nghị Hà Nội | Tổ dân phố Me, thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Lập Thạch | Tổ dân phố Phú Lâm, thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Vĩnh Tường | Thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Tam Đảo | Thôn Núc Hạ, xã Hồ Sơn, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa khu vực Phúc Yên | Phường Hùng Vương, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Bình Xuyên | Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Bệnh viện Phục hồi chức năng Vĩnh Phúc | Đường Nguyễn Tất Thành, xã Định Trung, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Bệnh viện Quân Y 109 - Quân khu 2 | Đường Tô Hiến Thành, phường Đồng Tâm, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Tam Dương | Tổ dân phố Me, thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Trung tâm Kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng đất và vật tư nông nghiệp Vĩnh Phúc | Đường Nguyễn Tất Thành, phường Tích Sơn, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Công ty TNHH Công nghiệp chính xác Việt Nam 1. | KCN Khai Quang, phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Công ty Sản xuất Phanh Nissin Việt Nam. | Xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Bệnh viện Y dược Cổ truyền Vĩnh Phúc | Đường Nguyễn Tất Thành, xã Định Trung, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc | Đường Lam Sơn, phường Đồng Tâm, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Công ty TNHH Haesung Vina | Lô CN7, KCN Khai Quang, phường Khai Quang, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Sông Lô | Thôn Lũng Gì, xã Nhạo Sơn, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
|  |  | | Trung tâm Y tế thành phố Phúc Yên | Phường Trưng Trắc, TP. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |  |
| **63** | **Yên Bái** | | | | |
|  |  | | Bệnh viện Giao thông vận tải Yên Bái | Số 170, đường Thanh Niên, phường Hồng Hà, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Trung tâm Y tế TP. Yên Bái | Tổ 62, phường Nguyễn Thái Học, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Y cao Hồng Đức | Số nhà 531, đường Điện Biên, phường Minh Tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Trạm Tấu | Khu I, thị trấn Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Văn Chấn | Thị trấn nông trường Trần Phú, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Trấn Yên | Khu phố 9, thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Khu vực Hưng Khánh | Xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái. | \* |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Lục Yên | Tổ 13, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Công ty Cổ phần Phát triển y tế Việt Tràng An | Số 332 Đinh tiên Hoàng, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Công ty Cổ phần Y dược Yên Bái Phòng khám Đa khoa Hồng Hà | Đường Tuệ Tĩnh, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Bệnh viện Đa khoa khu vực Nghĩa Lộ | Tổ 1, phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Văn Yên | Thôn Hồng Phong, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Yên Bình | Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Bệnh viện Lao và Bệnh phổi | Thôn 1, xã Phúc Lộc, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Phú Thọ | Đường Yên Ninh, phường Minh Tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Hiệu Hoa | Số nhà 642A, đường Điện Biên, phường Minh Tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa 108 Hà Nội | Tổ 17, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Phòng khám Đa khoa Y khoa  Hà Nội | Tổ 3, thôn Hồng Phong, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Trung tâm Điều trị chất lượng cao - Bệnh viện Đa khoa Khu vực Nghĩa Lộ | Tổ 1, phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Bệnh xá Công an tỉnh | Tổ 11, phường Yên Ninh, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Trung tâm Y tế huyện Mù Cang Chải | Tổ 5, thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái | \* |
|  |  | | Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh - BS. Lại Đức Tiến | Số nhà 540, tổ 1, phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái | \* |

**Kết quả thanh, kiểm tra ATBX trong năm 2019:**

Số Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành thanh, kiểm tra ATBX năm 2019: 59 Sở.

Tổng số cơ sở được các Sở KH&CN thanh tra, kiểm tra trong năm 2019: 1.259 cơ sở.

Tổng số cơ sở bị các Sở KH&CN xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền): 45 cơ sở.

Tổng số tiền phạt: 261.750.000 đồng.

\_\_\_\_\_\_\_\_

Ghi chú: (\*) - Các cơ sở được Sở KH&CN tiến hành kiểm tra.

## PHỤ LỤC 6. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN CỦA LÒ PHẢN ỨNG NGHIÊN CỨU NĂM 2019

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA LÒ PHẢN ỨNG VÀ CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN HẠT NHÂN**

**1.1. Kết quả vận hành và khai thác LPƯHNĐL:**

Trong năm 2019, LPƯHNĐL đã vận hành được 18 đợt chạy lò dài ngày (mỗi đợt từ 150 giờ đến 180 giờ) ở công suất danh định 500 kW để phục vụ cho việc chiếu mẫu sản xuất các chất đồng vị phóng xạ, chiếu xạ kích hoạt mẫu để phân tích các nguyên tố và tiến hành các thí nghiệm nghiên cứu khoa học kết hợp khác. Ngoài các đợt vận hành lò dài ngày, thời gian còn lại được dành cho công tác kiểm tra bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc thiết bị thuộc các hệ thống công nghệ lò phản ứng (LPƯ) hoặc vận hành lò ở công suất thấp và thời gian ngắn phục vụ cho các thí nghiệm nghiên cứu và công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ cho Ngành. Tổng thời gian LPƯ hoạt động ở công suất trong năm 2019 đạt 2928 giờ với năng lượng giải phóng khoảng 74 MWd. Tổng cộng khoảng 520 Ci các loại đồng vị phóng xạ đã được sản xuất trên LPƯHNĐL và cung cấp cho 30 cơ sở, bệnh viện trong nước. Các mẫu sinh học, mẫu địa chất, mẫu trầm tích,… cũng được chiếu xạ trên LPƯ phục vụ cho việc nghiên cứu và triển khai.

Dựa trên kết quả tính toán và thực nghiệm đánh giá an toàn đối với việc bổ sung hai cốc chiếu mẫu vào quanh bẫy neutron của LPƯ và được sự cho phép của Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Viện NCHN đã tiến hành thay thế 2 thanh berili tại các ô 5-6 và 9-6 bằng 2 cốc chiếu mẫu bằng nhôm tự chế tạo. Kết quả vận hành thực tế cho thấy, với việc bổ sung 2 cốc chiếu mẫu quanh bẫy neutron, lượng đồng vị phóng xạ sản xuất trong một đợt chạy lò đã tăng lên đến 45%.

Trong quá trình vận hành LPƯ đã xảy ra 07 lần dập lò tự động: 05 lần dập lò do nháy điện lưới thành phố và 02 lần do treo CPU khối PNO-121R6 của Unit BPM-108R1 (khối xử lý các thông số công nghệ) nên dẫn đến các thông số công nghệ bơm vòng 1 và bơm vòng 2 trở về không trong khi các bơm và máy tự ghi vẫn hoạt động bình thường.

**1.2. Công tác đo đạc kiểm tra, hiệu chuẩn, bảo dưỡng, theo dõi định kỳ các hệ công nghệ LPƯHNĐL nhằm đảm bảo vận hành an toàn LPƯ:**

Để đảm bảo cho LPƯ hoạt động an toàn và theo đúng kế hoạch đề ra, công tác kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng định kỳ thiết bị của các hệ công nghệ LPƯHNĐL đã được quan tâm thực hiện thường xuyên. Thông qua nhiệm vụ Thường xuyên theo chức năng về *Vận hành, Duy tu và Nâng cấp các hệ Công nghệ LPƯHNĐL* năm 2019, một số thiết bị phục vụ cho công việc sửa chữa và bảo dưỡng đã được mua bổ sung, mua bổ sung vật tư cho các hoạt động thường xuyên, và một số thiết bị/hệ thống của hệ công nghệ LPƯ đã được duy tu nâng cấp hoặc thay mới, góp phần đảm bảo cho việc vận hành an toàn LPƯ.

Công việc đảm bảo chất lượng và kiểm tra định kỳ các thông số hóa học của nước trong bể lò và trong bể chứa nhiên liệu đã cháy được quan tâm thực hiện thường xuyên. Độ pH và độ dẫn điện nước lò luôn được duy trì trong giới hạn vận hành cho phép (độ pH khoảng 5,5 - 5,7 và độ dẫn điện từ 0,4 - 0,5 μS/cm); độ pH của nước trong bể chứa nhiên liệu đã cháy được duy trì trong khoảng từ 5,6 - 5,8 và độ dẫn điện được giữ không lớn hơn 1,0 μS/cm. Việc bổ sung nước cho bể lò và bể chứa nhiên liệu đã cháy luôn được thực hiện kịp thời. Năm 2019 đã xử lý và cung cấp khoảng 12 m3 nước khử khoáng để bổ sung cho bể lò và bể chứa nhiên liệu đã cháy.

Việc đo đạc và theo dõi các đồng vị phóng xạ 135Xe, 41Ar, 28Al và 56Mn trong nước lò trên hệ phổ kế gamma được thực hiện thường xuyên vào những đợt vận hành lò dài ngày để thu nhận thông tin liên quan đến sản phẩm phân hạch, công suất lò và sự ăn mòn trong bể lò nhằm đảm bảo cho lò hoạt động an toàn. Kết quả xác định các đồng vị phóng xạ trong nước lò trong năm 2019 cho thấy, không có những trường hợp thay đổi đặc biệt nào đáng quan tâm, điều đó chứng tỏ chất lượng nước trong bể lò luôn đảm bảo và không có bất thường nào liên quan đến tính toàn vẹn của vỏ bọc nhiên liệu.

Công việc quan sát, ghi hình bằng video camera và vệ sinh hút bẩn các cấu kiện bên trong bể lò được thực hiện định kỳ 2 lần trong năm 2019, đảm bảo giữ cho đáy thùng lò và những nơi có thể lắng đọng bụi luôn sạch, giảm thiểu sự ăn mòn cục bộ. Kết quả đánh giá từ những lần kiểm tra, khảo sát thùng lò bằng thiết bị video camera phân giải cao cho thấy, chưa có diễn biến đáng kể đối với tình trạng ăn mòn của thùng lò và các cấu kiện bên trong bể lò.

**1.3. Các sự kiện bất thường xảy ra trong quá trình vận hành LPƯ:**

Như đã nói ở trên, trong đợt chạy lò 150 giờ từ ngày 23/02/2019 - 01/03/2019 và đợt chạy lò 150 giờ từ ngày 11-17/05/2019 đã xảy ra hiện tượng treo CPU khối PNO-121R6 của Unit BPM-108R1 nên dẫn đến giá trị đo các thông số công nghệ bơm vòng 1 và bơm vòng 2 trở về không, trong khi đó các bơm vòng 1 và vòng 2 và máy tự ghi vẫn hoạt động bình thường. Trong các đợt chạy lò dài ngày từ tháng 6/2019 đến cuối năm không thấy xuất hiện trở lại hiện tượng này. Việc treo CPU khối PNO-121R6 của Unit BPM-108 dẫn đến dập lò cũng đã xảy ra trong năm 2018. Nguyên nhân của hiện tượng này theo phán đoán có thể là do nhiễu từ các thiết bị điện gây ra việc treo CPU của khối nói trên. Lãnh đạo Viện NCHN chỉ đạo Trung tâm lò phản ứng tiếp tục theo dõi để tìm ra nguyên nhân chính xác.

**II. CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN BỨC XẠ**

**2.1. Kiểm soát sự phát thải sinh ra từ hoạt động của LPƯ và hoạt động nghiên cứu - triển khai:**

Việc kiểm soát khí thải phóng xạ trong hệ thông gió V1, hút khí từ LPƯ và sau đó đi qua ống thải khí cao 40 m, được thực hiện bằng hệ kiểm soát khí thải AMS-4 đặt sau phin lọc của hệ thông gió. Hệ AMS-4 kiểm soát định kỳ hoạt độ khí trơ, Iốt phóng xạ và son khí trong dòng không khí thải ra từ hệ V1. Tổng hoạt độ khí trơ thải ra môi trường đo được trong các đợt vận hành Lò phản ứng năm 2019 là 7,09x1010 Bq, nhỏ hơn so với quy định theo Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN về quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng. Kết quả đo hoạt độ phóng xạ của Iốt và son khí qua hệ AMS-4 là rất thấp.

Việc tiếp nhận và xử lý nước thải phóng xạ sinh ra từ công việc vận hành LPƯ và sản xuất đồng vị phóng xạ được thực hiện thường xuyên. Nước sau khi qua hệ thống xử lý nước thải phóng xạ (đặt ở tầng hầm nhà số 2) được lấy mẫu kiểm tra và chỉ thải ra môi trường khi các thông số hóa lý thấp hơn giới hạn cho phép. Trong năm 2019 đã thu nhận và xử lý khoảng 20 m3 nước thải phóng xạ sinh ra từ hoạt động vận hành LPƯ và sản xuất đồng vị phóng xạ; cũng đã xử lý được 3 m3 nước thải phóng xạ thứ cấp (chủ yếu sinh ra trong quá trình tái sinh các phin nhựa trao đổi ion của Trạm xử lý nước thải phóng xạ, sản phẩm của quá trình keo tụ sử dụng hóa chất) bằng hệ hóa hơi hiện có ở Viện.

**2.2. Kiểm soát liều khu vực và nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt:**

Việc kiểm soát suất liều gamma và suất liều neutron ở khu vực LPƯ trong thời gian lò hoạt động ở công suất 500 kW đã được thực hiện đều đặn trong các đợt vận hành lò dài ngày. Việc kiểm soát liều bức xạ gamma trong khu vực nhà lò được thực hiện bằng Hệ kiểm soát suất liều bức xạ cố định DORA (tại 12 vị trí) và máy đo liều xách tay (tại 10 vị trí). Kết quả đo suất liều gamma ở các vị trí trong khu vực nhà lò không thay đổi nhiều so với năm 2018. Tại các khu vực có nhân viên làm việc thường xuyên, suất liều gamma trung bình đều nằm trong giới hạn cho phép (khoảng từ 0,22 ÷ 6,48 µSv/h). Việc kiểm soát suất liều nơtron được thực hiện tại 6 vị trí trong khu vực nhà lò, bao gồm các kênh ngang số 1 (tại cửa kênh), các kênh ngang số 2, 3 và 4 (tại vị trí có người thường xuyên làm việc), cột nhiệt và một vị trí trên mặt lò. Trong năm 2019, suất liều neutron trung bình đo được tại kênh ngang số 2 là 9,62 µSv/h, cao hơn so với trung bình của năm 2018 (2,57 µSv/h) mà nguyên nhân chính là do nhóm khai thác kênh nhiều lần mở kênh để tiến hành thí nghiệm; suất liều neutron trung bình tại vị trí cột nhiệt (1,30 µSv/h) cao hơn so với năm 2018 (1,21µSv/h) nhưng không đáng kể; các vị trí mặt lò là 0,71 µSv/h và kênh ngang số 4 là 0,94 µSv/h, thấp hơn so với năm 2018; các vị trí kênh ngang số 1 và số 3 thấp hơn ngưỡng phát hiện của thiết bị đo.

Việc kiểm soát liều khu vực tại các phòng thí nghiệm ở tòa nhà số 1, nhà số 2, nhà số 2A, nhà số 5A, nhà đặt nguồn Co-60 và Trung tâm Đào tạo được thực hiện mỗi tháng từ một đến hai lần tùy thuộc vào đợt chạy lò dài ngày. Suất liều gamma trung bình tại các phòng thí nghiệm sản xuất Iốt viên nang (đo tại các vị trí làm việc) ở thời điểm sản xuất trung bình vào khoảng 27,87 µSv/h, tuy nhiên do thời gian làm việc tổng cộng của một nhân viên trong phòng này cho cả đợt sản xuất không quá 02 giờ nên liều tích lũy cho một ngày nằm trong giới hạn cho phép. Suất liều gamma ở các khu vực còn lại tương tự như những năm trước và đều ở dưới mức giới hạn cho phép (dưới 10 µSv/h).

Việc kiểm soát nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt tại khu vực nhà lò và các phòng thí nghiệm được tiến hành sau khi LPƯ ngừng hoạt động và bắt đầu công việc sản xuất đồng vị phóng xạ. Việc phát hiện nhiễm bẩn phóng xạ và tiến hành công việc tẩy xạ ở những nơi có mức nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt vượt giới hạn cảnh báo (giới hạn này do Viện NCHN thiết lập để kiểm soát và bằng ½ mức cho phép) được thực hiện kịp thời. Năm 2019, mức nhiễm bẩn phóng xạ trung bình tại các vị trí kiểm soát ở khu vực nhà số 1 nằm trong giới hạn cho phép (8,70 Bq/cm2) và tăng không đáng kể so với năm 2018 ( 8,35 Bq/cm2).

Việc kiểm soát nồng độ 131I trong không khí ở Phòng Điều khiển LPƯ, một số phòng sản xuất đồng vị phóng xạ và hành lang nhà số 1 được thực hiện sau một ngày sản xuất chất đồng vị phóng xạ (ngày làm việc đầu tiên sau đợt sản xuất đồng vị phóng xạ). Tại khu vực sản xuất 131I (phòng Đồng vị 2), nồng độ Iốt phóng xạ trong không khí trung bình ở mức 712,16 Bq/m3 (theo ICRP PUBLICATION 78, nồng độ 131I cho phép cực đại là 760 Bq/m3 với điều kiện làm việc thường xuyên 8 giờ/ngày và 5 ngày/tuần). Ở các vị trí kiểm soát còn lại, mức Iốt phóng xạ trong không khí luôn thấp hơn nhiều so với mức giới hạn cho phép.

**2.3. Kiểm soát liều cá nhân:**

Việc theo dõi liều chiếu trong cho các nhân viên có nguy cơ bị chiếu trong cao (05 nhân viên thuộc Trung tâm An toàn bức xạ và 09 nhân viên thuộc Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ) bằng phương pháp lấy mẫu nước tiểu và đo trên hệ phổ kế gamma được thực hiện thường xuyên sau mỗi đợt sản xuất đồng vị phóng xạ. Kết quả theo dõi liều chiếu trong cả năm (chủ yếu gây ra bởi 131I) đối với các nhân viên của Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ cho người thấp nhất là 1,49 mSv và người cao nhất là 4,82 mSv (năm 2018 tổng liều chiếu trong cả năm cho người thấp nhất là 0,62 mSv và người cao nhất là 3,54 mSv).

Việc theo dõi liều chiếu ngoài cho cán bộ công nhân viên của Viện được thực hiện với chu kỳ 2 tháng/lần và cho các nhân viên làm việc ở Trung tâm Nghiên cứu và Điều chế đồng vị phóng xạ là 1 tháng/lần. Liều hiệu dụng đối với nhóm sản xuất đồng vị phóng xạ đo được từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2019 nằm trong khoảng 0,50 ÷ 18,19 mSv; những nhân viên còn lại của Viện có liều hiệu dụng năm 2019 nằm trong khoảng 0,12 ÷ 1,02 mSv.

Lý do những nhân viên trực tiếp sản xuất đồng vị phóng xạ chịu liều chiếu trong và chiếu ngoài trong năm 2019 cao hơn năm 2018 là do nhu cầu của khách hàng nên năm 2019 đã sản xuất nhiều hơn năm 2018 khoảng 40% (520 Ci năm 2019 và 370 Ci năm 2018), và số lượng đồng vị phóng xạ nhập khẩu cũng tăng gấp hơn 2 lần (trên 480 Ci năm 2019 và 200 Ci năm 2018).

**2.4. Quan trắc phóng xạ môi trường xung quanh khu vực Lò phản ứng:**

Đối tượng được quan trắc xung quanh LPƯ là son khí, suất liều gamma môi trường, nước bề mặt và sa lắng. Dưới đây là những kết quả quan trắc thu được trong quá trình quan trắc môi trường xung quanh LPƯHNĐL trong năm 2019:

*- Thành phần phóng xạ trong không khí:*

Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong son khí ở Đà Lạt năm 2019:

7Be : (0,86÷3,05)10-3 Bq/m3

40K : (0,06÷0,24)10-4 Bq/m3

232Th : (0,73÷1,49)10-6 Bq/m3

238U : (0,03÷0,09)10-5 Bq/m3

134Cs : 0,0710-6 Bq/m3

137Cs : 0,0710-6 Bq/m3

Mật độ rơi lắng các đồng vị phóng xạ ở Đà Lạt năm 2019:

7Be : 0,97 ÷ 131,50 Bq/m2/tháng

40K : 0,71 ÷ 8,25 Bq/m2/tháng

232Th : 0,04 ÷ 0,35 Bq/m2/tháng

238U : 0,03 ÷ 0,33 Bq/m2/tháng

134Cs :  0,02 Bq/m2/tháng

137Cs :  0,02 Bq/m2/tháng

∑β : 1,4 ÷ 34,7 Bq/m2/tháng

Hoạt độ của các đồng vị phóng xạ tự nhiên 7Be, 40K, 232Th, 238U không thay đổi nhiều so với những năm trước. Đồng vị 137Cs (được sinh ra do việc xả thông lệ hoặc sự cố từ LPƯ hạt nhân, hoặc sinh ra từ các vụ thử vũ khí hạt nhân) có hoạt độ rất thấp, dải hoạt độ thu được từ 10 100 lần thấp hơn ở các thành phố Châu Âu và Nhật Bản.

*- Suất liều chiếu ngoài gamma môi trường:*

Suất liều chiếu ngoài gamma môi trường tại Viện NCHN nằm trong dải từ 1,58 ÷ 1,79 mSv/năm. Các giá trị suất liều này gây ra bởi các nguyên tố U, Th, K có trong đất, đá, thực vật, v.v… và 7Be từ tia vũ trụ.

*- Thành phần phóng xạ trong nước thải sinh hoạt và nước hồ Xuân Hương:*

Dải tổng hoạt độ phóng xạ bêta trong nước thải sinh hoạt được thu góp tại cửa xả hồ lắng của Viện NCHN năm 2019:

: (123  264) mBq/L

Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong nước hồ Xuân Hương năm 2019:

238U : (1,8  4,0) mBq/L

226Ra : (2,3  6,5) mBq/L

232Th : (2,5  11,8) mBq/L

40K : (155  372) mBq/L

137Cs : (< 0,20  0,40) mBq/L

 : (163  356) mBq/L

Các nguyên tố phóng xạ nhân tạo phát gamma chỉ có 137Cs ở mức rất thấp, hoạt độ không có thay đổi gì so với mức phông trước khi LPƯ hoạt động. Các nguyên tố phóng xạ tự nhiên chủ yếu là 238U, 226Ra, 232Th, 40K, trong đó thông số phóng xạ đáng quan ngại nhất trong nước là 226Ra, tuy nhiên, ở đây vẫn còn thấp xa (khoảng 100 lần) so với nồng độ cho phép của 226Ra trong nước sinh hoạt theo TCVN-4397-87 (0,370 Bq/L). Tổng hoạt độ phóng xạ  trong mẫu nước quan trắc, đều thấp hơn so với giới hạn cho phép của nước tự nhiên nêu trong QCVN 08-MT:2015/BTNMT (1 Bq/L). So với các năm trước, hoạt độ của các đồng vị phóng xạ trong nước hồ Xuân Hương không có biến động gì đáng kể.

*- Thành phần phóng xạ trong đất:*

Dải hoạt độ các đồng vị phóng xạ trong đất xung quanh LPƯ năm 2019:

238U : (64,1  72,2) Bq/kg

232Th : (70,2  91,7) Bq/kg

40K : (47  56) Bq/kg

137Cs : (0,87  1,22) Bq/kg

134Cs : < LOD (LOD=0,08 Bq/kg)

 : (462  511) Bq/kg

Kết quả về hoạt độ các đồng vị phóng xạ tự nhiên (40K, 232Th, và 238U) và nhân tạo (137Cs, 134Cs) trong đất xung quanh LPƯ nằm ở mức phông bình thường và không có biến động gì đáng kể.

## PHỤ LỤC 7. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ XẠ TRỊ VÀ Y HỌC HẠT NHÂN

### 1. Cơ sở xạ trị sử dụng nguồn phóng xạ

| **STT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** | **Số lượng** | **Loại máy** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Bệnh viện Chợ Rẫy | 201B Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, TP Hồ Chí Minh | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện K | Số 43 Quán Sứ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | 02 | 01 máy xạ trị từ xa sử dụng nguồn Co-60 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện ung bướu TP. Hồ Chí Minh | 03 Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | 02 | 02 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện Bạch Mai | 78 Giải Phóng, TP. Hà Nội | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện 103 | Km số 2, Đường Hà Đông – Văn Điển, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội | 01 | 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội | Số 42 Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội | 01 | 01 thiết bị xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện Đa khoa Khánh Hoà | 14 Lý Tự Trọng, TP. Nha Trang, Khánh Hoà | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên | Lương Ngọc Quyến, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Thái | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện Đại học Y khoa Huế | 41 Nguyễn Huệ, p. Vĩnh Ninh, Tp. Huế | 02 | 02 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện TW Huế | 16 Lê Lợi, TP. Huế | 02 | 01 Co-60 Gamma Knife 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện Hy Vọng mới | Km 10, đường Cao tốc 5, KCN Phú Thị, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện Ung bướu TP. Cần Thơ | Số 4 đường Châu Văn Liêm, TP. Cần Thơ | 02 | 01 máy xạ trị từ xa sử dụng nguồn Co-60 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện C Thái Nguyên | Phường Phố Cò, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên | 01 | 01 máy xạ trị từ xa sử dụng nguồn Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện Nhân dân 115 | Số 527 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh | 01 | 01 Co-60 Gamma Knife |
|  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh | Bồ Sơn – Võ Cường – Tp. Bắc Ninh – tỉnh Bắc Ninh | 01 | 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir-192 |
|  | Bệnh viện Quân Y 175 | Số 786 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp | 01 | 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir -192 |
|  | Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng | Số 04 Phạm Ngọc Thạch, phường 6, TP. Đà Lạt. tỉnh Lâm Đồng | 01 | 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir -192 |
|  | BV ĐK tỉnh Kiên Giang | 46 Lê Lợi, Phường Vĩnh Thanh Vân, TP Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang | 01 | 01 máy xạ trị áp sát sử dụng nguồn Ir -192 |

### 2. Cơ sở xạ trị sử dụng máy gia tốc

| **STT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** | **Số lượng** | **Số Model, Sêri, Hãng/Nước sản xuất/cung cấp** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Công ty TNHH Y tế Viễn đông Việt Nam (BV. Pháp Việt) | 06 Nguyễn Lương Bằng, P. Tân Phú, Q. 6, TP. Hồ Chí Minh | 1 | Precise Digital Accelerator ELECTRA, 105847, Electra Oncology System Ldt., EEC |
| 2 | Bệnh viện Chợ Rẫy | 201B Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, TP Hồ Chí Minh | 3 | PRIMUS M6/6ST, 3544, Siemens, Mỹ, Đức |
| PRIMUS MD2, 3525, Siemens, Mỹ, Đức |
| Model: Elekta Synergy Platform, Sêri: 153137 |
| 3 | Bệnh viện K | Số 43 Quán Sứ, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | 8 | Primus 2D 6/15E, M4302, Siemens Medical Solutions USA |
|  |
| Primus, 3289, Siemens Medical Solutions USA |
| CLINAC 600C, 1253, VARIAN, Mỹ |
| Model: Mevatron M Class, Sêri: 3289; Siemens, Đức |
| Model: 04504200, Sêri: 70-4302, Siemens, Đức |
| Model: Compact, Sêri: 201157, ELEKTA, Trung Quốc |
| Model: UNIQUE Sêri: 2239 |
| Model: CX Clinac; Sêri : 4019 ; Varian, Mỹ |
| 4 | Bệnh viện ung bướu TP. Hồ Chí Minh | 03 Nơ Trang Long, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | 5 | Clinac 2300C/D, 526, Varian Medical Systems, Inc., Mỹ |
| Clinac 2300C/D, 527, Varian Medical Systems, Inc., Mỹ |
| Clinac 600C/D, 1228, Varian Medical Systems Inc., Mỹ (gia hạn T6/2017) |
| Clinac 600CD,1230; 6MV; Varian Medical Systems Inc., Mỹ |
| Model: Precise Treatment System, Sêri: 154278; Elekta, Anh Quốc; 6MV ; 18MeV |
| 5 | Bệnh viện TW 108 | Số 1 Trần Hưng Đạo, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | 3 | G3, C087, Acuray, Mỹ |
| CX, 5625, Varian, Mỹ |
| Model: Trubeam, Varian Medical Systems Inc., Mỹ Sêri: 2702; 15MV; 22MeV (GP, T7/2017) |
| 6 | Bệnh viện Bạch Mai | 78 Giải Phóng, TP. Hà Nội | 1 | Primus, M5052, Siemens, Đức |
| 7 | Bệnh viện 103 | Phùng hưng, Hà Đông – Văn Điển, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội | 2 | Precise Digital Accelerator,152377, ELEKTA, Vương Quốc Anh |
|  |  |  |  | Precise Digital Accelerator,152378, ELEKTA, Vương Quốc Anh |
| 8 | Bệnh viện đa khoa Phú Thọ | Số 298 Độc Lập, phường Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh | 1 | Precise Digital Accelerator, 152278, Elekta, Anh |
| 9 | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội | Số 42 Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội | 2 | Siemens Primus 2D, M5381, Siemens, Mỹ |
| Varian, Mỹ (Model: UNIQUE, Sêri: 2258); 6MV |
| 10 | Bệnh viện TW Huế | 16 Lê Lợi, TP. Huế | 2 | Siemens Primus 2D, M5381, Siemens, Mỹ |
| Model: AXESSE, Sêri: 152838; Elekta, Anh,2013; 18MV ; 15MeV |
| 11 | Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai | Số 4 đường 30/4, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai | 1 | 01940035, 5497, Siemens, Đức |
| 12 | Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang | Số 46 Lê Lợi, TP.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang | 1 | Model: PRIMUS; sêri: 5599; SIEMENS, Đức |
| 13 | Bệnh viện đa khoa Thanh Hóa | Số 181 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa | 1 | Compact, Au 034, Elekta, Anh |
| 14 | Bệnh viện Nhân dân 115 | Số 527 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh | 2 | 01940035, 5711, Siemens, Đức |
| 01940035, 5712, Siemens, Đức |
| 15 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định | Số 106 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định | 1 | PRIMUS, 5613, Siemens, Đức |
| 16 | Viện Y học phóng xạ và U bướu quân đội | Số 18 Định Công Thượng, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội | 1 | PRECISE, 2198, Elekta, Anh |
| 17 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ | Phường Tân Dân, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | 1 | Precise Digital Accelerator, 152278, Elekta, Anh |
| 18 | Bệnh viện Đà Nẵng | 124 đường Hải Phòng, TP. Đà Nẵng | 1 | Sêri: 153206; Elekta Limited, Anh |
| 19 | Bệnh viện 175 | 786 Nguyễn Kiệm, phường 3, Q. Gũ Vấp, TP. Hồ Chí Minh | 2 | Precise, 135280, ELEKTA, Anh; gia hạn tháng 11/2017 |
| Precise, 135281, ELEKTA, Anh |
| 20 | Bệnh viện phổi Trung ương | 463 Hoàng Hoa Thám, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội | 1 | 01940035, 5878, Siemens, Đức |
| 21 | Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec | Số 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội | 1 | Model: Clinac IX, Sêri: 5933, VARIAN Mỹ |
| 22 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh | Bồ Sơn – Võ Cường – Tp. Bắc Ninh – tỉnh Bắc Ninh | 1 | Model: Precise, Sêri: 153193 |
| 23 | Bệnh viện Bãi Cháy | Phường Giếng Đáy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh | 1 | Model: ELEKTA Synergy Platform, Sêri: 153636 Elekta, Anh, 2014; 15MV, 14MeV |
| 24 | Công ty TNHH MTV Bệnh viện Ung thư Đà Nẵng | Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng | 1 | Model: Unique Sêri : 2246 ; VARIAN Medical System Inc., Mỹ |
| 25 | Bệnh Viện Việt Nam- Thụy Điển Uông bí | Đường Tuệ Tĩnh, phường Thanh Sơn, Tp Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh | 1 | Model: Precise Treatment System; Sêri : 153582  Elekta, Anh, 2014 |
| 26 | Bệnh viện Hữu nghị Việt tiệp | Số 1, đường Nhà Thương, quận Lê Chân, Tp. Hải Phòng | 1 | Model: Elekta Synergy Platform; Sêri : 154037 Elekta Limited, Anh, 2015 |
| 27 | Bệnh viện C Đà Nẵng | Số 122 Hải Phòng, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng | 1 | Model: 4186 Precise Treatment System, Sêri: 154186, Elekta, Anh |
|  | **Tổng cộng** | | **47** |  |

**- Thiết bị xạ trị nông**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thiết bị** | **Mã hiệu, số sêri** | **Hãng, nước sản xuất, năm sản xuất** | **Umax (kV)** | **Imax (mA)** | **Mục đích sử dụng** | **Địa điểm đặt máy/ Cơ sở sử dụng** |
| 1 | Thiết bị xạ trị nông | Intrabeam PRS 500, 6630467523 | Zeiss Meditec, Đức 2012 | 50 | 40 | Xạ đích trong mổ | Địa chỉ: Số 16 Lê Lợi, Bệnh viện Trung ương Huế, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế |

**- Chiếu xạ mẫu bệnh phẩm:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** | **Số lượng nguồn** | **Thông tin nguồn** |
| 1 | Bệnh viện truyền máu huyết học | Số 118 Hồng Bàng, P. 12, Q. 5, TP.HCM | 02 | Nguồn Cs-137 38/GP hết hạn 24/10/2023;  Nguồn Co-60 05/GP hết hạn 31/1/2020 |

### 3. Thống kê số cơ sở sử dụng y học hạt nhân

Hiện có 42 cơ sở sử dụng y học hạt nhân:

| **STT** | **Tên cơ sở** | **Địa chỉ** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Bệnh viện 103 | Km số 2, Đường Phùng Hưng, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội |
| 2 | Bệnh viện 175 | Số 786 Nguyễn Kiệm, phường 3, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh |
| 3 | Bệnh viện Đa khoa Khánh Hòa | 19 Yersin, Tp. Nha Trang |
| 4 | Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên | Đường Lương Ngọc Quyến, Tp. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên |
| 5 | Bệnh viện Chợ Rẫy | 201B Nguyễn Chí Thanh phường 12 quận 5 Tp. HCM |
| 6 | Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp | 01 đường Nhà Thương, Tp. Hải Phòng |
| 7 | Bệnh viện Ung bướu Tp HCM | 03 Nơ Trang Long, P.7, Quận Bình Thanh, TP. Hồ Chí Minh |
| 8 | Công ty TNHH Y tế Viễn Đông Việt Nam | Số 6 Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Phú, quận 7 |
| 9 | Trung tâm y học hạt nhân và ung bướu - Bệnh viện Bạch Mai | 78 đường Giải Phóng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội |
| 10 | Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội | N1, X8 Định Công, Thanh Trì, Hà Nội |
| 11 | Đại học Y dược TP. Hồ Chí Minh | 217 An Dương Vương, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh |
| 12 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng | 04 Phạm Ngọc Thạch - phường VI - Thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng |
| 13 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Lắk | Số 2 Mai Hắc Đế, TP. Buôn Ma Thuột |
| 14 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi | 184 Đại Lộ Hùng Vương - TP Quảng Ngãi |
| 15 | Bệnh viện Đa khoa Thanh Hóa | Số 181 Hải Thượng Lãn Ông, phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa |
| 16 | Bệnh viện Đà Nẵng | Số 124 Hải Phòng, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng |
| 17 | Bệnh viện đa khoa Trung tâm An Giang | 2 Lê Lợi - Thành phố Long Xuyên - tỉnh An Giang |
| 18 | Bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An | 138 Nguyễn Phong Sắc, Tp. Vinh |
| 19 | Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức | 40 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội |
| 20 | Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới | Đường Hữu Nghị, P.Nam Lý, TP. Đồng Hới , tỉnh Quảng Bình |
| 21 | Bệnh viện Nội Tiết | Khu B, Yên Lãng, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội |
| 22 | Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu | Số 109 Đoàn Hoàng Minh, phường 5, Thị xã Bến Tre, tỉnh Bến Tre |
| 23 | Bệnh viện Nhân dân 115 | 527 Sư Vạn Hạnh, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh |
| 24 | Bệnh viện Trung Ương Quân đội 108 | Số 1 Trần Hưng Đạo |
| 25 | Trung tâm Y tế Thành phố Quy Nhơn | Số 114 Trần Hưng Đạo, TP Quy Nhơn. tỉnh Bình Định |
| 26 | Bệnh viện Ung bướu Hà Nội | 42A Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |
| 27 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Ninh | Bồ Sơn, Võ Cường, Tp. Bắc Ninh |
| 28 | Công ty CP Y học Rạng Đông | Số 83B Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |
| 29 | Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh | Số 215 Hồng Bàng, phường 11, quận 5, TP. Hồ Chí Minh |
| 30 | Bệnh viện Ung Bướu TP. Hồ Chí Minh | Số 03 đường Nơ Trang Long, P. 7, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh |
| 31 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Tĩnh | Số 75 Hải Thượng Lãn Ông, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh |
| 32 | Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên | Số 15 Nguyễn Hữu Thọ, P. 9, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên |
| 33 | Bệnh viện Ung bướu Thành phố Cần Thơ | Số 4 Châu Văn Liêm, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ |
| 34 | Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng | Tổ 78 Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng |
| 35 | Bệnh viện K | Bệnh viện K – Cơ sở 3 Điạ chỉ: Số 30 đường Cầu Bươu, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội |
| 36 | Bệnh viện Tim Hà Nội | Số 92 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội |
| 37 | Bệnh viện Ung Bướu Nghệ An | 60 đường Tôn Thất Tùng, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An |
| 38 | Bệnh viện Bãi Cháy | Phường Giếng Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |
| 39 | Chi nhánh Công ty cổ phần Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec – Bệnh viện đa khoa quốc tế Vinmec Time City | Số 458 phố Minh Khai, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |
| 40 | Bệnh viện Nhi Trung ương | Số 18, ngõ 879 đường La Thành, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội |
| 41 | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc | Đường Lam Sơn, Phường Đồng Tâm, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc |
| 42 | Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa chất lượng cao tỉnh Thái Bình | Số 530 đường Lý Bôn, P.Quang Trung |

## PHỤ LỤC 8. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ CHỤP ẢNH PHÓNG XẠ CÔNG NGHIỆP NĂM 2019

1. **Tình hình hoạt động chụp ảnh phóng xạ công nghiệp**

Theo thống kê về số lượng cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ không phải là X-quang y tế năm 2019, trên cả nước có khoảng 1588 cơ sở tiến hành công việc bức xạ và được phân bố trong nhiều lĩnh vực khác nhau như sau:

Như vậy, các cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong lĩnh vực công nghiệp chiếm 61% trên tổng số các cơ sở tiến hành công việc bức xạ trên toàn quốc. Trong đó, có 76 cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong lĩnh vực chụp ảnh phóng xạ công nghiệp (NDT) có sử dụng nguồn phóng xạ và thiết bị phát tia X. Các cơ sở tiến hành công việc bức xạ trong NDT được Cục An toàn bức xạ và hạt nhân cấp giấy phép.

- Năm 2019, trên cả nước có khoảng 3500 nguồn phóng xạ kín đang sử dụng được phân bố trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó lĩnh vực công nghiệp có khoảng 2000 nguồn phóng xạ chiếm 60% tổng số nguồn phóng xạ trên toàn quốc.

- Số lượng nguồn phóng xạ đang sử dụng trong NDT: khoảng 200 nguồn phóng xạ đang sử dụng trong NDT chiếm khoảng 10% tổng số nguồn đang sử dụng trong công nghiệp và chiếm 5,71% tổng số nguồn đang sử dụng trên toàn quốc.

1. **Đánh giá tình hình hoạt động và đảm bảo an toàn bức xạ**

| **Tình hình thực hiện hoạt động đảm bảo an toàn bức xạ** | | **Đánh giá** |
| --- | --- | --- |
| 1 | **Thực hiện quy định về Khai báo và Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ** | Các cơ sở thực hiện việc khai báo, đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ- sử dụng nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ.  Việc thực hiện khai báo khi nạp nguồn phóng xạ trong quá trình sử dụng thiết bị chụp ảnh phóng xạ dùng nguồn phóng xạ của hầu hết các cơ sở tốt.  Qua thanh tra còn phát hiện một số cơ sở có sử dụng thiết bị phát tia X để phân tích thành phần kim loại nhưng chưa khai báo, xin cấp giấy phép. Sau khi bị xử lý vi phạm hành chính và yêu cầu thực hiện các thủ tục khai báo, xin cấp giấy phép, các cơ sở đã thực hiện |
| 2 | **Những thay đổi so với hồ sơ cấp phép** | 100% cơ sở khi có thay đổi thông tin so với hồ sơ cấp phép (như địa chỉ, người phụ trách an toàn....) đều có văn bản khai báo với Cục ATBXHN theo quy định. |
| 3 | **Đào tạo và huấn luyện cho nhân viên bức xạ** | Người phụ trách và nhân viên chụp ảnh phóng xạ công nghiệp được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ. Các nhân viên bức xạ được đào tạo về an toàn bức xạ Hồ sơ đào tạo được lưu giữ đầy đủ tại cơ sở. Một số cơ sở còn để xảy ra trường hợp nhân viên đã được đào tạo về an toàn bức xạ nhưng chưa được đào tạo lại sau 03 năm, được cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ nhưng đã hết hạn chưa được cấp chứng chỉ mới. |
| 4 | **Kiểm soát liều chiếu xạ cá nhân** | - 100% cơ sở đã có hợp đồng với các đơn vị hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử cung cấp liều kế cá nhân và tổ chức đọc liều định kỳ 3 tháng/1 lần cho các nhân viên bức xạ khi đề nghị cấp phép, tuy nhiên thực tế thanh tra cho thấy còn có trường hợp thời gian đọc liều quá 03 tháng, có trường hợp nhân viên nhận liều chiếu xạ cao, thu thiếu liều kế cá nhân.  - Các cơ sở đã tổ chức lưu giữ hồ sơ đọc liều của nhân viên bức xạ. Hầu hết các cơ sở đã lập sổ theo dõi liều cá nhân cho từng nhân viên theo quy định tại Thông tư 19/2012/TT-BKHCN về kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng. |
| 5 | **Hồ sơ theo dõi sức khoẻ của nhân viên bức xạ** | - Nhân viên bức xạ được khám sức khỏe định kỳ hàng năm và khi mới tuyển dụng.  - Chưa có nhân viên nào qua theo dõi sức khỏe phát hiện có dấu hiệu ảnh hưởng do bức xạ gây ra. |
| 6 | **Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ** | Các cơ sở đã xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố tại cơ sở và lập hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố gửi Cục ATBXHN phê duyệt theo quy định tại Thông tư 25/2014/TT-BKHCN quy định về chuẩn bị và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân. |
| 7 | **Kiểm xạ khu vực làm việc** | 100% các cơ sở thường xuyên thực hiện giám sát và đánh giá an toàn bức xạ tại khu vực tiến hành công việc bức xạ tại hiện trường, tại kho lưu giữ khi không sử dụng; Các cơ sở đã trang bị thiết bị đo suất liều bức xạ xách tay và thiết bị đo bức xạ được hiệu chuẩn định kỳ theo quy định. Tuy nhiên, còn một số cơ sở để thiết bị đo liều bức xạ hết hạn giấy chứng nhận kiểm định. |
| 8 | **Đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ** | Các cơ sở đã xây dựng kế hoạch bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ trong lưu giữ và sử dụng, còn có trường hợp cơ sở chưa hoặc đang xây dựng kế hoạch bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ trong quá trình vận chuyển theo quy định của Thông tư số 01/2019/TT-BKHCN quy định về bảo đảm an ninh nguồn phóng xạ.  100% các cơ sở đã thực hiện việc kiểm đếm nguồn phóng xạ hàng tuần theo quy định.  Một số cơ sở đã lắp camera giám sát tại các kho lưu giữ nguồn phóng xạ. |
| 9 | **Biển cảnh báo bức xạ và tín hiệu cảnh báo bức xạ, các thiết bị bảo đảm an toàn** | - 100% các cơ sở đã trang bị đầy đủ hệ thống cảnh báo bức xạ (biển cảnh báo, còi cảnh báo, đèn cảnh báo) và thiết bị đảm bảo an toàn bức xạ cũng như các trang thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố.  - Các thiết bị ghi đo bức xạ đều được kiểm chuẩn định kỳ hàng năm. |
| 10 | **Quy trình vận hành, nhật ký vận hành và hồ sơ thiết bị chiếu xạ, nội quy an toàn bức xạ** | - 100% các cơ sở đã xây dựng và áp dụng nội quy an toàn, quy trình vận hành, nhật ký vận hành đến toàn bộ các nhân viên bức xạ;  - Các cơ sở đã tổ chức ghi chép đầy đủ hoạt động vận hành và bảo dưỡng trong hồ sơ lưu;  - Hoạt động bảo dưỡng thiết bị sử dụng nguồn phóng xạ chủ yếu do cơ sở tự thực hiện. Tuy nhiên một số đơn vị thực hiện hoạt động bảo dưỡng chưa tốt dẫn đến tình trạng kẹt nguồn trong quá trình hoạt động. Còn có tình trạng cơ sở không ghi chép đầy đủ việc sửa chữa máy phát tia X vào sổ theo dõi bảo dưỡng, sửa chữa.  - Ngoài ra, do nhận thức về văn hóa an toàn, an ninh còn chưa được nâng cao nên tại một số đơn vị còn xuất hiện việc nhân viên chụp ảnh phóng xạ không tuân thủ các quy trình làm việc, nội quy an toàn dẫn đến các sự cố như bị chiếu xạ vượt quá giới hạn. |

1. **Danh sách cơ sở tiến hành công việc bức xạ - chụp ảnh phóng xạ công nghiệp**

Thống kế số lượng các cơ sở đang hoạt động chụp ảnh phóng xạ công nghiệp trên toàn quốc (tính đến hết năm 2019): 76 cơ sở

| STT | Tên cơ sở | Địa chỉ | Ghi chú |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. | Công ty cổ phần chế tạo máy VINACOMIN | 486 đường Trần Phú, Thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh |  |
| 2. | Công ty TNHH Một thành viên ứng dụng và phát triển công nghệ NEAD | 59 Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội |  |
| 3. | Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam | Khu Kinh tế Dung Quất - Bình Thuận - Bình Sơn, Quảng Ngãi |  |
| 4. | Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp đóng Tàu thuỷ Dung Quất | Thôn Tân Hy, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi |  |
| 5. | Công ty TNHH KOBE EN&M Việt Nam | Số 6, đường 2A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa II, tỉnh Đồng Nai |  |
| 6. | Công ty TNHH FURUKAWA AUTOMOTIVE PARTS (Việt Nam) | Đường 14-16 Khu chế xuất Tân Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 7. | Công ty TNHH Nhà nước một thành viên công nghiệp tàu thủy Sài Gòn | Số 1027 Phạm Thế Hiển, phường 5, quận 8, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 8. | Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ - Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên - Tổng công ty phát điện 3 | KCN Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
| 9. | Chi nhánh Công ty Cổ phần Gas Sài Gòn - Nhà máy sản xuất bình áp lực Mỹ Phước | Lô D-3B-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước II, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương |  |
| 10. | Công ty Năng lượng Bình An | 57 Bến Bính, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng |  |
| 11. | Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Trung Tín Á Châu | Số 25 đường D12, khu phố 6, phường Phước Long B, quận 9, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 12. | Tổng Công ty công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng | Số 3 Phan Đình Phùng, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng | Từ 2014 đến nay không có hoạt động. |
| 13. | Công ty TNHH Một thành viên Ba Son | Số 2 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 15. | Công ty TNHH UACJ Foundry & Forging Việt Nam | Đường 16, Khu chế xuất Tân Thuận, Q.7, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 16. | Công ty TNHH Sản xuất phụ tùng Yamaha Motor Việt Nam | G1 Khu công nghiệp Thăng Long, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội |  |
| 17. | Chi nhánh Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam | Đường 2B, khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |  |
| 18. | Công ty cổ phần bình khí dầu khí Việt Nam | Xã Hố Nại 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai |  |
| 19. | Công ty Liên doanh Bình khí đốt Hong Leong Sài Gòn | 295/71 An Dương Vương, quận 6, TP.Hồ Chí Minh |  |
| 21. | Công ty cổ phần Linh Gas Việt Nam | Thị trấn Phú Minh, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội |  |
| 22. | Công ty TNHH Trọng Hiên | 410 Cư xá A9, Bắc Đinh Bộ Lĩnh, phường 26,quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | Từ 2017 đến nay không có hoạt động. |
| 23. | Công ty Cổ phần LILAMA 7 | Số 332 Đường 2/9, quận hải Châu, TP. Đà Nẵng |  |
| 24. | Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật C.A.N.D.T | Đường số 7, Khu công nghiệp Đông Xuyên, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
| 25. | Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ kiểm tra kỹ thuật Alpha | Số 37, đường số A4, Phường 12, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 26. | Công ty TNHH Giám định các kết cấu hàn kim loại Yeong Jaan | Khu công nghiệp Nhơn Trạch III, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |  |
| 27. | Công ty Cổ phần LILAMA - Thí nghiệm cơ điện | 434-436 Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội |  |
| 28. | Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Việt Nam | Số 60A Cầu Bè, phường Vĩnh Thạnh, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa |  |
| 29. | Trung tâm Hạt Nhân TP Hồ Chí Minh | 217 Nguyễn Trãi, quận 1, TP Hồ Chí Minh |  |
| 30 | Công ty TNHH Một thành viên Thép không gỉ Long An | Lô ME7, KCN Đức Hòa 1, Ấp 5, xã Đức Hòa Đông, Đức Hòa, tỉnh Long An |  |
| 31. | Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật PHATECO | Số 308 Văn Cao, phường Đằng Lâm, quận Hải An, TP. Hải Phòng |  |
| 32. | Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Dịch vụ Sản xuất Hồng Mộc | Số 52/20 Ấp Nam Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 33. | Công ty cổ phần Thương mại Dầu khí Việt | 79/54 Khu 6, phường Định Hòa, thị xã thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương |  |
| 34 | Công ty Cổ phần Dầu khí và Khoáng sản VITECH | Xóm 2, xã Cổ Nhuế, huyện Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
| 35. | Xí nghiệp xây lắp, khảo sát và Sửa chữa các công trình khai thác dầu khí | 105 Lê Lợi, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu |  |
| 36. | Trung tâm Kiểm định an toàn công nghiệp khu vực II | 35 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 37. | Công ty TNHH Một thành viên Tháp UBI | Thôn Quỳnh Khê, xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương | Từ 2017 đến nay không có hoạt động. |
| 38 | Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ kiểm tra không phá hủy Dầu khí Việt Nam | Toà nhà Petro Vietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 39. | Công ty Cổ phần Khảo sát Kiểm định Công trình Dầu khí Việt Nam | Tầng 5A, toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, ngõ 173 Phố Trung Kính, phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
| 40. | Công ty Cổ phần sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam | Khu CN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang |  |
| 41. | Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vi Na | Số 826 An Dương Vương, phường 13, quận 6, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 42. | Chi nhánh Apave Việt Nam & Đông Nam Á tại TP. Hồ Chí Minh | 197 Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 43. | Công ty TNHH APAVE Châu Á – Thái Bình Dương | Tầng 9, tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội |  |
| 44. | Chi nhánh APAVE Việt Nam & Đông Nam á tại Đà Nẵng, | Số 11 Nguyễn Tri Phương, phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. |  |
| 45. | Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật và công nghệ THT | Số 4, ngõ 1/13 Tạ Quang Bửu, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội |  |
| 46. | Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí 17 | xã Đông Xuân, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội. |  |
| 47. | Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn Hà Nội | Số 144, Trần Phú, quận Hà Đông, TP. Hà Nội |  |
| 48. | Công ty TNHH Argus Việt Nam | Phòng 1, tầng 6, tòa nhà Housing II, căn nhà C6, Dự án khu nhà ở Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
| 49. | Công ty TNHH Thương mại dịch vụ kỹ thuật Việt | 231/12B, Tôn Thất Thuyết, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 50. | Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật Hoa An Việt Nam | Số 138 tập thể Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, tổ 19, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
| 51. | Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật GTC | Phòng 1901, toàn nhà Saigon Trade Center, số 37 Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 52. | Nhà máy bình khí dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam | Ấp Thanh Hóa, Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai |  |
| 53. | Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 | 49 Pasteur, quận 1, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 54. | Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 2 | Số 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng |  |
| 55. | Công ty TNHH dịch vụ kiểm soát chất lượng SQC | Số 14/389, đường 5/1, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng |  |
| 56. | Công ty Cổ phần thương mại dầu khí An Dương | LK6C-19, KĐT Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP. Hà Nội |  |
| 57. | Công ty cổ phần công nghiệp OT-TO | Số 19, lô N03, đường ĐX3, khu đô thị Đặng Xá, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội |  |
| 58. | Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty phát điện 3 – Công ty dịch vụ sửa chữa các nhà máy điện | 332 đường Độc lập, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
| 59. | Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị nông nghiệp | Số 54/102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội |  |
| 60. | Công ty TNHH Một thành viên Đồng vị phóng xạ | P4, nhà 7, ngõ 1B Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, TP. Hà Nội |  |
| 61. | Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ - tỉnh Đồng Nai | Số 1597 Phạm Văn Thuận, phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai |  |
| 62. | Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty phát điện 3 – Công ty Nhiệt điện Mông Dương | Khu 8, phường Mông Dương, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh |  |
| 63. | Công ty TNHH Vilam Engineering Việt Nam | Phòng R1-11.07, The Ever Rich, số 968 đường 3/2, phường 15, Q. 11, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 64. | Trung tâm Đánh giá không phá hủy | 140 Nguyễn Tuân, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội |  |
| 65. | Công ty TNHH khí đốt Thăng Long | Cụm Công nghiệp Gas Lưu Xá, Quất Động, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội |  |
| 66. | Công ty TNHH kết cấu thép Mitsui Thăng Long | Xâm Dương, Ninh Sở, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội |  |
| 67. | Viện Nghiên cứu cơ khí | 04 Phạm Văn Đồng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
| 68. | Công ty Cổ phần tư vấn khảo sát dầu khí PVE | Lầu 6, tòa nhà PV Gas, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 69. | Công ty TNHH Kumga Engineering Technology Service | Lô B13/D21 + B15/D21 ngõ 72 đường Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội |  |
| 70. | Công ty TNHH Dịch vụ kiểm định cơ khí miền Nam | Tổ 29, ấp Trầu, xã Phước Thiền, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |  |
| 71. | Công ty cổ phần Aitech | Số 24 Huỳnh Văn Nghệ, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh |  |
| 72. | Công ty TNHH ABB, Chi nhánh Bắc Ninh | Số 01 đường TS23, khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh |  |
| 73. | Công ty TNHH Liên doanh dịch vụ BJ-PV Drilling | 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Cảng hạ lưu PTSC, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu |  |
| 74. | Công ty cổ phần xây dựng 47 | Số 08 Biên Cương, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định |  |
| 75. | Công ty TNHH Tập đoàn Sơn Hải | Số 117 Hữu Nghị, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình |  |
| 76. | Công ty TNHH thương mại Minh Tâm | Thôn Khúc Lộng, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên |  |

## PHỤ LỤC 9: THỐNG KÊ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN CỦA CÁC CƠ SỞ QUẢN LÝ CHẤT THẢI PHÓNG XẠ, NGUỒN PHÓNG XẠ VÀ NHIÊN LIỆU HẠT NHÂN ĐÃ QUA SỬ DỤNG TRONG NĂM 2019

**Tình hình hoạt động và bảo đảm an toàn bức xạ của các cơ sở quản lý chất thải phóng xạ**

Hiện tại Việt Nam có 02 đơn vị quản lý chất thải phóng xạ là Viện Nghiên cứu hạt nhân, Viện Công nghệ xạ hiếm.

Trong đó, chất thải sinh ra từ Lò phản ứng nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt) do Viện Nghiên cứu hạt nhân quản lý bao gồm:

- Tổng lượng thải phóng xạ lỏng/năm khoảng 50 m3;

- Tổng lượng thải phóng xạ rắn/năm khoảng 5 m3.

- Tổng số thùng thải lỏng và rắn đã điều kiện hóa và đóng gói được lưu giữ tại nhà số 5: 255 thùng (thể tích thùng phuy hình trụ 200 lít). Trong đó thải rắn điều kiện hóa thu nhỏ bằng nén ép khoảng 120 thùng; thải lỏng điều kiện hóa bằng xi măng là 130 thùng.

Thống kê lượng chất thải phóng xạ dạng rắn đang lưu giữ hiện nay như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cơ sở quản lý** | **Địa chỉ nơi lưu giữ** | **Số lượng chất thải đang lưu giữ** | **Ghi chú** |
| 1. | Viện Nghiên cứu hạt nhân (Đà Lạt) | Số 1 Nguyên tử lực, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng | 255 thùng  (thể tích thùng phuy hình trụ 200 lít) | Thùng thải rắn và lỏng đã điều kiện hóa và đóng gói được lưu giữ tại nhà số 5 |
| 2. | Viện Công nghệ Xạ hiếm | Thị trấn Phùng, xã Đan Phượng, huyện Hoài Đức, Tp. Hà Nội | 767 thùng  (thể tích thùng phuy hình trụ 200 lít) | Chứa các chất thải phóng xạ là các đuôi quặng phát sinh do quá trình nghiên cứu quặng Uranium của Viện |

**Thống kê các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng đang lưu giữ hiện nay**

Hiện nay, phần lớn các nguồn phóng xạ đã qua sử dụng đang được tập trung lưu giữ chủ yếu tại các kho lưu giữ của: Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân, Viện Nghiên cứu hạt nhân, Liên đoàn Vật lý địa chất, Trung tâm đánh giá không phá hủy và Trung tâm hạt nhân Tp. Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều nguồn phóng xạ đã qua sử dụng đang được lưu giữ tại cơ sở.

Tổng số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng đang lưu giữ trên toàn quốc là 3.262 nguồn tại 66 cơ sở trên địa bàn 28 tỉnh/thành phố trên toàn quốc, cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên cơ sở** | **Số lượng nguồn** | **Ghi chú** |
| **1** | **Bà Rịa - Vũng Tàu** | **20** |  |
|  | Công ty Dịch vụ Schlumberger Việt Nam | 8 |  |
|  | Công ty TNHH Baw Heng Steel Việt Nam | 4 |  |
|  | Công ty cổ phần thép Pomina 2 | 3 |  |
|  | Công ty TNHH Haosheng Vina | 5 |  |
| **2** | **Bắc Ninh** | **4** |  |
|  | Công ty cổ phần giấy Việt Đức Anh | 1 |  |
|  | Ban Quản lý Dự án xây dựng giao thông Bắc Ninh | 2 |  |
|  | Công ty giấy và bao bì Phú Cường (TNHH) | 1 |  |
| **3** | **Bắc Giang** | **1** |  |
|  | Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Bắc Giang | 1 |  |
| **4** | **Bình Dương** | **8** |  |
|  | Công ty Cổ phần nhựa Youl Chon Vina | 2 |  |
|  | Công ty TNHH Huhtamaki (Việt Nam) | 2 |  |
|  | Công ty TNHH Thương mai - Dịch vụ Tân Hiệp Phát | 2 |  |
|  | Công ty cổ phần thép Tuệ Minh | 1 |  |
|  | Công ty TNHH Guyomarc’h Việt Nam | 1 |  |
| **5** | **Bến Tre** | **3** |  |
|  | Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre | 3 |  |
| **6** | **Đà Nẵng** | **9** |  |
|  | Xí nghiệp Địa kỹ thuật và Kiểm định công trình – Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình giao thông 5 | 4 |  |
|  | Trung tâm Kỹ thuật đường bộ 3 | 4 |  |
|  | Công ty TNHH MTV Giấy Thành Bắc | 1 |  |
| **7** | **Hà Nội** | **2086** |  |
|  | Trung tâm đánh giá không phá hủy | 1043 |  |
|  | Viện khoa học và kỹ thuật hạt nhân | 269 |  |
|  | Viện Công nghệ Xạ hiếm | 9 |  |
|  | Trường Đại học Khoa học Tự nhiên | 65 |  |
|  | Viện Vật lý kỹ thuật – Đại học Bách khoa Hà Nội | 9 |  |
|  | Liên đoàn vật lý địa chất | 686 |  |
|  | Công ty cổ phần xi măng Sài Sơn | 2 |  |
|  | Công ty cổ phần Xi măng Tiên Sơn Hà Tây | 3 |  |
| **8** | **Hải Dương** | **2** |  |
|  | Công ty cổ phần xi măng Trung Hải- Hải Dương | 2 |  |
| **9** | **Hải Phòng** | **12** |  |
|  | Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng | 4 |  |
|  | Công ty cổ phần Thép Cửu Long Vinashin | 6 |  |
|  | Công ty cổ phần luyện thép cao cấp Việt Nhật | 2 |  |
| **10** | **Hồ Chí Minh** | **42** |  |
|  | Trung tâm Hạt Nhân TP Hồ Chí Minh | 23 |  |
|  | Công ty TNHH Vilam Engineering Việt Nam | 4 |  |
|  | Bệnh viện truyền máu huyết học | 1 |  |
|  | Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh | 4 |  |
|  | Viện Khoa học thủy lợi Miền Nam | 2 |  |
|  | Trung tâm Dịch vụ Phân tích Thí nghiệm Thành phố Hồ Chí Minh | 5 |  |
|  | Công ty TNHH Một thành viên Vàng bạc đá quý Thành phố Hồ Chí Minh – Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam | 2 |  |
|  | Công ty cổ phần tư vấn khảo sát dầu khí PVE | 1 |  |
| **11** | **Hưng Yên** | **6** |  |
|  | Công ty TNHH PIC Việt Nam | 3 |  |
|  | Công ty TNHH Gia Anh Hưng Yên | 3 |  |
| **12** | **Kiên Giang** | **3** |  |
|  | Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang | 3 |  |
| **13** | **Lâm Đồng** | **860** |  |
|  | Viện Nghiên cứu Hạt nhân | 858 |  |
|  | Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng | 2 |  |
| **14** | **Phú Thọ** | **36** |  |
|  | Nhà máy giấy Bãi Bằng – Tổng Công ty giấy Việt Nam | 10 |  |
|  | Công ty Supe phốt phát và Hoá chất Lâm Thao | 25 |  |
|  | Công ty cổ phần giấy Việt Trì | 1 |  |
| **15** | **Quảng Ninh** | **18** |  |
|  | Công ty Tuyển than Cửa Ông - TKV | 13 |  |
|  | Công ty Cổ phần xi măng Thăng Long | 5 |  |
| **16** | **Thanh Hoá** | **106** |  |
|  | Công ty cổ phần Xi măng Bỉm Sơn | 88 |  |
|  | Công ty cổ phần Mía đường Nông Cống | 2 |  |
|  | Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn | 16 |  |
| **17** | **Thừa Thiên Huế** | **6** |  |
|  | Công ty hữu hạn Xi măng Lucks (Việt Nam) | 5 |  |
|  | Công ty cổ phần cấp nước Thừa Thiên Huế | 1 |  |
| **18** | **Đồng Nai** | **16** |  |
|  | Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Mai | 16 |  |
| **19** | **Cần Thơ** | **3** |  |
|  | Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất nhập khẩu Phong Dinh | 1 |  |
|  | Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ | 2 |  |
| **20** | **Hà Nam** | **1** |  |
|  | Công ty cổ phần xi măng Hoàng Long | 1 |  |
| **21** | **Lào Cai** | **7** |  |
|  | Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng tỉnh Lào Cai | 2 |  |
|  | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lào Cai | 1 |  |
|  | Công ty TNHH Khoáng sản và luyện kim Việt Trung | 4 |  |
| **22** | **Tiền Giang** | **1** |  |
|  | Công ty TNHH Nhà máy Bia Heineken Việt Nam - Tiền Giang | 1 |  |
| **23** | **Hậu Giang** | **2** |  |
|  | Công ty Cổ phần Mía đường Cần Thơ | 2 |  |
| **24** | **Quảng Nam** | **1** |  |
|  | Công ty cổ phần giấy Sài Gòn miền Trung | 1 |  |
| **25** | **Quảng Bình** | **2** |  |
|  | Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Thử nghiệm – Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Quảng Bình | 2 |  |
| **26** | **Thái Nguyên** | **4** |  |
|  | Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI | 4 |  |
| **27** | **Hòa Bình** | **2** |  |
|  | Công ty Cổ phần xi măng Vinaconex Lương Sơn Hòa Bình | 2 |  |
| **28** | **Khánh Hòa** | **1** |  |
|  | Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa | 1 |  |
| **Tổng cộng** | | **3.262** |  |